

Tên sách: Theo vết xích xe tăng-Tập 2

Nhà xuất bản: Hội Nhà văn

Năm xuất bản: 2004

Tặng đồng đội thân yêu,
những người đã góp phần tạo nên truyền thống “ĐÃ RA QUÂN LÀ ĐÁNH
THẮNG”

Thư của Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh các lực lượng
vũ trang nhân dân Việt Nam Võ Nguyên Giáp gửi Ban Biên tập “Theo vết
xích xe tăng”:

LỜI CẢM ƠN

Sau khi tập hồi ức chiến đấu “Theo vết xích xe tăng” tập một ra mắt bạn đọc
10-2002, nhiều bạn đọc ở trong Binh chủng, ngoài Binh chủng và ngoài quân
đội đã gặp trực tiếp, gọi điện thoại hoặc biên thư đến Ban biên tập để góp ý
kiến và hoan nghênh việc cho ra mắt cuốn sách mà các bạn đánh giá là cuốn
sử Binh chủng sinh động và hấp dẫn v.v...

Hầu hết các bạn đều nói lên nguyện vọng mong muốn có tập hồi ức thứ 2 của
những người lính xe tăng, một đơn vị “tuổi trẻ mà nhiều chiến công” ra mắt.

Đặc biệt người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam - Đại tướng Bộ
trưởng Quốc phòng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp tuy đã ở tuổi 92, cũng đã

dành thời giờ đọc và biên thư nhận xét, cổ vũ Ban biên tập và cán bộ, chiến sĩ bộ đội xe tăng...

Ban biên tập xin chân thành cảm ơn anh Văn, người Anh Cả kính mến, cảm ơn tất cả các bạn đọc đã đóng góp ý kiến và đã gửi bài cho tập 2. Chúng tôi còì đây là sự cổ vũ vô giá, thúc đẩy chúng tôi đem hết sức mình để hoàn thành sớm tập hồi ức thứ 2 .

Tập hai vẫn mang tên: “Theo vết xích xe tăng” có nhiều bài gắn liền với sự ra đời, trưởng thành và chiến công vẻ vang của Binh chủng Tăng - Thiết giáp trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc mà tập một chưa có dịp nói đến.

Cuối cùng Ban biên tập xin chân thành cảm ơn Những tấm lòng vàng đã tài trợ để cuốn “Theo vết xích xe tăng” tập 2 ra đời.

Hà Nội, ngày 2-9-2004

BAN BIÊN TẬP

Ban biên tập

Theo vết xích xe tăng - Tập hai

- Trưởng ban, Đại tá Đào Văn Xuân, nguyên Chính ủy Trung đoàn xe tăng đầu tiên (1964 - 1965), nguyên Phó chính ủy Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

- Phó ban, Thiếu tướng Lê Xuân Kiện, nguyên Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp (1980 - 1989).

- Ủy viên, Đại tá Phùng Văn Minh, nguyên phó Tham mưu trưởng Binh chủng.

- Ủy viên, Nhà thơ Hữu Thịnh, Tổng thư ký Hội Nhà văn, nguyên trợ lý Tuyên huấn Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

- Ủy viên, Nhà báo Hoàng Dự, Tổng biên tập báo Thể thao Việt Nam, nguyên cán bộ Trường Hạ sĩ quan Kỹ thuật Tăng - Thiết giáp (207).

- Ủy viên, ông Đặng Vũ Thảo, Giám đốc Hãng phim Hoạt hình Việt Nam, nguyên chiến sĩ Tiểu đoàn xe tăng 66 - đơn vị Anh hùng LLVT.

- Ủy viên, Họa sĩ Lê Trí Dũng, giảng viên trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, nguyên cán bộ cơ quan chính trị Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

- Ủy viên thư ký Lê Đức Tuấn, nguyên trợ lý Bản tin Thiết giáp 1972.

HAI LẦN TÔI ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

Đại tá Đào Văn Xuân

Nguyên Phó Chính ủy

Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp

Nhân kỷ niệm 113 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch, tôi xin được nói lên vài cảm nghĩ của mình về Bác; nhân nhớ lại: Hai lần tôi được gặp Bác Hồ.

Ước mơ về ông sao Bắc Đẩu.

Tôi sinh ra trong một ngõ hẻm, nghèo ở Hà Nội - ngõ Phất Lộc (nay thuộc quận Hoàn Kiếm). Ra khỏi ngõ đã thấy ngay một cái cột to bằng thép, trên đỉnh cột là chiếc đồng hồ tròn to tướng, ngày xưa nhân dân quen gọi khu vực đó là “Cột Đồng Hồ” (nay là khu vực vượt chân cầu Chương Dương).

Lúc còn nhỏ, mỗi lần ra khỏi nhà, ai gặp tôi cũng trêu, gọi tôi là “Rồng Đất”, vì tôi tuổi Thìn còn Đất là do ông, bà, bố mẹ tôi đều là những người nghèo trong cái ngõ nghèo khó ấy.

Mẹ tôi chết sớm, tôi ở với bà nội. Thương tôi mồ côi nên bà rất yêu tôi. Tôi suốt ngày quanh quẩn bên bà nội hỏi đủ thứ... Có lần tôi hỏi: Bà ơi! Tại sao nghèo lại thành “Rồng đất”?

- Cháu ơi! đó là tại số cả.

- Thế số là cái gì?

- Bà không biết, nhưng ông bà nghèo, bố mẹ cháu cũng nghèo, nên cháu cũng sẽ nghèo, thế gọi là cái số. Tôi chẳng hiểu ra sao chỉ ôm bà nội khóc, bà cũng khóc.

Vào những đêm có trăng sao, bà nội dẫn ra bờ đê sông Hồng để hóng mát. Nhìn lên bầu trời đầy sao lấp lánh tôi thấy có một ông sao sáng nhất. Lần nào bà nội dắt tôi ra bờ đê tôi vẫn nhìn thấy ông sao ấy.

Tôi hỏi bà nội:

- Bà ơi, cái ông sao sáng nhất kia là ông gì thế?

- Người ta nói đấy là ông sao tên là Bắc Đẩu, ông ở một chỗ để chỉ đường cho những người đi đêm khỏi lạc lối. Rồi bà tôi kể biết bao nhiêu chuyện cổ tích về sao Bắc Đẩu. Tôi thấy ông tiên Bắc Đẩu tốt thế, nên nói:

- Bà ơi, lớn lên cháu sẽ đi tìm ông Bắc Đẩu.

Tuổi thơ của tôi, với bao nhiêu mơ ước về ông sao Bắc Đẩu, âm thầm, lặng lẽ trôi đi bên bờ sông Nhị Hà như thế...

Năm 1943, tôi đã ở tuổi 15, đang học dở dang bậc thành chung (trung học cơ sở ngày nay) thì phải bỏ học, vì nhà quá nghèo. Tôi đi làm thợ điện và bước vào cuộc đời tự kiếm sống. Thế là bao ước mơ đẹp để tan vỡ. Đêm đêm, tôi nằm ôm mặt khóc thầm, thương mình vì cái số phận của người nghèo nhưng

quyết không phải là người hèn.

Tuy mới 15 tuổi đầu, nhưng tôi đã nếm trải biết bao cay đắng của cuộc đời người thợ và thấy bao điều tủ nhục, đau khổ của kiếp người nô lệ. Vào một ngày năm 1944, tôi gặp bạn học cũ, anh Lê Thảo, anh còn có bí danh là Lê Chiêu (hiện nay anh Lê Chiêu là Thiếu tướng Quân đội nhân dân đang nghỉ hưu ở số nhà 16A phố Lý Nam Đế - Hà Nội. Anh hoạt động cách mạng từ năm 1940). Từ đấy tôi đứng trong hàng ngũ những người cách mạng ở Hà Nội. Tôi chợt nhận ra, mình đã đứng trong vòng cung ánh sáng rực rỡ của sao Bắc Đẩu, mà tôi hằng mơ ước tìm gặp từ thuở ấu thơ.

Tôi trở thành đội trưởng một đội tự vệ chiến đấu. Đó là một tổ chức bán vũ trang bí mật dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội, từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tổ chức được hình thành ở nhiều nơi, cả ngoại thành và trong nội thành.

Sau khi Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội (19-8-1945) thắng lợi, những thanh niên công nhân, học sinh Hà Nội yêu nước, đứng trong tổ chức tự vệ chiến đấu, được tổ chức lại thành các đơn vị Giải phóng quân Hà Nội dưới sự chỉ huy chung của ông Vương Thừa Vũ, còn chỉ huy trực tiếp Chi đội chúng tôi là anh Lê Chiêu (lúc đó gọi là Chi đội Lê Chiêu).

Sáng ngày 1-9-1945, anh Lê Chiêu, chi đội trưởng nói với tôi: “Này Xuân, ngày mai cậu chỉ huy tiểu đội ra gác dưới chân Kỳ đài, nơi Chính phủ Lâm thời ra mắt Quốc dân, còn tiểu đội của Tường Kính, bố trí phía sau Kỳ đài, gần nơi còn quân Nhật đóng quân”.

Ngày 2-9-1945 tôi không thể nhớ nổi là chúng tôi ra gác rồi nhân dân mới

kéo đến, hay nhân dân đã đến đông cùng lúc chúng tôi ra gác quanh Kỳ đài... Tôi chỉ còn hình dung như đang nhìn thấy nhân dân Hà Nội, mặc những bộ quần áo đẹp đứng đông nghìn nghịt cùng rừng cờ to, nhỏ đủ loại đỏ rực cả quảng trường. Tôi hiểu để bảo vệ an ninh cho ngày Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945 có biết bao lực lượng vũ trang, an ninh đã tham gia.

Song ngày nay nhìn vào tấm ảnh lịch sử ấy, thấy rất rõ ở chân Kỳ đài sát phong vải có một người mặc dân sự cầm súng ngắn, đứng trước người thanh niên ấy là tôi và các đồng đội của tôi quanh Kỳ đài, chúng tôi mặc áo sơ mi cột tay, quần sóc, đội mũ cát, cầm súng trường đứng gác - Đó là tiểu đội Giải phóng quân Hà Nội thuộc Chi đội Lê Chiêu. Khi chiếc xe Ô tô con màu đen đến, Chính phủ Lâm thời đã lên Kỳ đài, cả quảng trường vang rền tiếng:

- Hoan hô... Hoan hô...

Tôi cầm chặt khẩu súng trường trong tay, ngửa cổ lên nhìn xem “ông Chủ tịch” là ai, tôi tưởng tượng chắc phải là một người đáng to lớn, quắc thước... Nhưng lạ quá, Chủ tịch của cả một nước sao lại thấy giản dị, bình thường như mọi ông già bình thường tôi vẫn gặp. Bộ râu đen, lại giống các cụ già nông thôn quê tôi, mặc áo rất bình thường so với nhiều người khá giả Hà Nội hồi đó. Cụ Chủ tịch lại đội chiếc mũ “cát” chảnh đẹp gì hơn mũ chúng tôi đội, đang đứng gác. Cụ có đôi mắt sáng kỳ lạ, giọng nói hiền từ ấm áp thu hút tâm trí tôi...

Tôi đọc sách có nói “Cái thần của con người toát ra ở đôi mắt”, phải chăng đôi mắt kia toát ra cái thần của một vĩ nhân. Tất cả cái đó tạo cho tôi một cảm giác quen thuộc, quý mến và yêu thương... Khi giọng nói miền Trung ấm áp của Bác cất lên: “Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được...”. Tôi thấy người bừng

bừng khó tả, có những cái gì đó ở trong lồng ngực muốn tung ra.

Cuộc mít tinh của hơn 50 vạn nhân dân Thủ đô kết thúc, gặp anh Lê Chiêu tôi hỏi: “Cụ Chủ tịch Hồ Chí Minh là ai thế?”. Anh Chiêu cười ôm vai tôi nói: “Cậu chưa hiểu à, cụ Nguyễn ái Quốc đấy”. Tôi buột miệng nói: “Thế mà tôi không biết”, trong óc tôi lóe lên ý nghĩ: Ôi, tôi đã tìm thấy ông sao Bắc Đẩu rồi! Từ ngày ấy câu nói kết thúc của Bác Hồ trong lần tôi vinh dự thấy lần đầu tiên ấy vang lên mãi trong tôi:

“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập” đã đi cùng tôi suốt cả cuộc đời, từ những trận chiến đấu đầu tiên ở Hà Nội, ngày Toàn quốc kháng chiến, đến trận đánh cuối cùng đêm ngày 6-5 ở Điện Biên Phủ, tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975.

Một kỷ vật quý giá nhất đời tôi.

Mỗi người trong đời mình có biết bao kỷ niệm và biết bao kỷ vật, song đối với tôi cái rất quý lại chính là huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ” nhỏ bé, xinh xinh... Ngày ấy cách đây đã tròn 50 năm, đơn vị tôi Tiểu đoàn 439 thuộc Trung đoàn 98, Đại đoàn 316, chiến đấu liên tục 55 ngày đêm ở Điện Biên Phủ, những địa danh: đồi Tà Lặng, Đồi Xanh, đồi C1, đồi Châu Ủn (C2) gắn liền với những trận đánh ác liệt, đẫm máu của tiểu đoàn ở khu đông Điện Biên Phủ.

Sau chiến thắng, tôi cùng nhiều cán bộ, chiến sĩ được đại diện cho Trung đoàn lên Mường Phăng dự lễ mừng chiến thắng.

Trong buổi lễ Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, kiêm Tư lệnh chiến dịch tuyên bố. “Bác Hồ tặng mỗi cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch một huy hiệu, mang tên chiến sĩ Điện Biên Phủ”. . Tất cả hoan hô vang dậy, còn tôi thì vô cùng sung sướng được có một kỷ vật quý giá của Bác cho. Trải qua 50 năm, tôi vẫn cất giữ chiếc huy hiệu, như một báu vật của đời mình bên cạnh huy hiệu “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Chấp hành mệnh lệnh của Bác, lính xe tăng lên đường.

Sau khi học trường chỉ huy, kỹ thuật xe tăng ở Liên Xô về nước, năm 1964, tôi nhận nhiệm vụ chính ủy ở Trung đoàn 202, đơn vị xe tăng đầu tiên của quân đội ta. Thời gian này tình hình trên đất nước ta có những diễn biến mới phức tạp.

Đế quốc Mỹ âm mưu mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam tháng 7-1964, tàu chiến Mỹ thuộc Hạm đội 7, nhiều lần xâm phạm vào vùng biển nước ta, chúng bắn phá các đảo Hòn Ngư (Nghệ Tĩnh), Hòn Mê (Thanh Hóa). Chúng dựng nên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” rồi ngày 5-8-1964 dùng không quân ném bom, bắn phá vào nhiều khu vực trên miền Bắc: Sông Gianh (Quảng Bình), Cửa Hội (Thành phố Vinh), Lạch Trường (Thanh Hóa), Bãi Cháy (Quảng Ninh), mở đầu cho kế hoạch sử dụng không quân, hải quân đánh phá trên toàn miền Bắc Tổ quốc ta. Nhân dân ta đánh trả quyết liệt, bắn rơi 8 máy bay Mỹ. Tên tù binh Mỹ đầu tiên, trung úy An-va-rát-đô bị bắt sống ở Hòn Gai.

Trên chiến trường miền Nam Việt Nam, Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược. Từ tháng 7-1965 quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu ồ ạt đổ vào, đến tháng 9-1965 lực lượng quân đội Mỹ và chư hầu ở miền Nam đã lên tới 20 vạn tên, chúng trực tiếp tiến hành chiến tranh cục bộ ở miền Nam.

Đất nước ta từ tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã chuyển sang cục diện mới, rất nghiêm trọng: “Cả nước có chiến tranh”. . Tháng 4-1965, tại kỳ họp Quốc hội khóa III, Bác Hồ đã kêu gọi cả nước: ‘Lúc này chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người Việt Nam yêu nước. Tất cả chúng ta hãy đoàn kết triệu người như một quyết tâm thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Đó là lời của Non sông kêu gọi con cháu dòng giống Lạc - Hồng đứng lên cứu nước. Toàn dân Việt Nam đã đứng lên, cả nước cuộn cuộn cao trào đánh Mỹ cứu nước.

Thời gian cả nước sục sôi khí thế đánh Mỹ, lực lượng xe tăng chưa có điều kiện lên đường, toàn Trung đoàn hùng hực khí thế đánh giặc và làm đơn tình nguyện xin đi đánh Mỹ. Nhiều cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên đã được chọn lọc và cử lên đường vào Nam, đánh Mỹ cướp xe tăng của giặc để tổ chức thành các đơn vị xe tăng ở miền Nam.

Nhiều cán bộ học tập xe tăng ở Liên Xô, Trung Quốc tiếp tục được bổ sung về Trung đoàn 202 liên tục trong hai năm 1964 - 1965, đó chính là sự chuẩn bị điều kiện xây dựng và phát triển Bộ đội xe tăng, nhằm đáp ứng đòi hỏi của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Kế hoạch ấy đã được Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chuẩn bị từ trước. Cũng trong năm 1965 ấy, trung đoàn nhận chiến sĩ mới, thế là một trung đoàn xe tăng thứ hai (sau này có quyết định chính thức là Trung đoàn 203), với đầy đủ cán bộ, chiến sĩ để bước vào huấn luyện.

Vào năm 1965 sôi động ấy, tôi được triệu tập đi dự Hội nghị tổng kết Cuộc vận động xây dựng Chi bộ 4 tốt và đảng viên 4 tốt toàn miền Bắc do Ban Bí thư Trung ương triệu tập. Hội nghị họp ở Hội trường Ba Đình. Một hôm đồng chí Lê Đức Thọ, ủy viên Bộ Chính trị, người chủ trì Hội nghị tuyên bố “Bác

đến thăm Hội nghị”. Cả hội trường đứng dậy hoan hô. Không biết có phải tôi chủ quan hay không, lúc đấy tôi cảm thấy đại biểu các Đảng bộ trong quân đội hoan hô to nhất.

Tất cả yên lặng, lắng nghe như nuốt lấy từng lời của Bác. Bác mặc bộ quần áo lụa màu nâu, miền Bắc gọi là quần áo cánh, còn trong Nam gọi là quần áo bà ba. Ngắm nhìn Bác thấy sao Bác giản dị thế, gần gũi thế. Trông Bác tôi có cảm giác như một cụ già Việt Nam hiền từ, nhân hậu đến với con cháu trong gia đình. Tôi chưa bao giờ được nghe nói có một nguyên thủ quốc gia đến một cuộc họp long trọng mà lại mặc rất đồ bình dân nhưng lại rất đặc biệt, rất Việt Nam như vậy. Tôi tự lý giải bởi vì Bác là Cha Già của dân tộc, người Cha kính yêu của lực lượng vũ trang nhân dân. Bởi vì Bác là Hồ Chí Minh.

Điều bất ngờ nhất ngoài mong muốn của tôi, khi đồng chí Lê Đức Thọ tuyên bố. các đại biểu quân đội ra chụp ảnh với Bác. Viết đến dòng này, tôi nhìn lên tấm ảnh chụp với Bác Hồ trước Hội trường Ba Đình năm ấy, tôi chợt phát hiện ra một sự ngẫu nhiên, trùng hợp lịch sử Tôi nhớ lại: Ngày 1-9-1945 anh Lê Chiêu vừa là bạn, vừa là người chỉ huy bảo tôi:’ “Xuân ơi! Ngày mai tiểu đội của cậu ra gác trước chân Kỳ đài” và lần chụp ảnh này, anh Lê Chiêu đã là đại tá, Cục trưởng Cục Tổ chức, Tổng cục Chính trị, cũng tham dự Hội nghị. Hôm đó anh lại nói với tôi: “Xuân ơi! Mau lên, ta ra đứng gần Bác để chụp ảnh”. Nhưng tôi nghĩ rằng công lao, thành tích của mình còn quá ít, nên tôi đứng lui về phía sau Bác...

Nhân kỷ niệm ngày sinh của Bác, ngồi viết những dòng này, tôi băng khuâng nhớ Bác. Tôi nhớ đến cái ngày Bác đi xa cái ngày mà ...Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa “ (Thơ Tố Hữu) Thời gian ấy tôi đang giữ trách nhiệm Chủ nhiệm Chính trị Bình chủng Tăng - Thiết giáp. Lúc Bác bệnh đã rất nặng, khó qua khỏi. Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị ra chỉ thị: Các cơ quan Chính trị toàn quân, phải tổ chức thường trực 24/24 để đón chỉ thị. Nếu thông báo “Ai đã đi xa” là Bác đã mất phải thông báo kịp thời cho các Đảng ủy trong Đảng bộ mình.

Hôm đó vào sẩm tối, tôi đang làm việc ở nơi sơ tán (thôn Lan Đình, xã Kim Long, huyện Tam Dương, Vĩnh Phúc), đồng chí thượng úy trực ban đến báo cáo:

“Thông báo của trên “Ai đã đi xa”. Vừa nghe xong, tôi không thể kìm nổi mình, ôm lấy mặt, gục đầu xuống bàn khóc nức nở...

Tôi không thể nhớ là mình khóc đã bao lâu, nhưng khi ngẩng đầu lên vẫn thấy đồng chí trực ban đứng đó ngơ ngác... Tôi nói qua tiếng nấc: “Báo tin ngay đi các nơi: Bác Hồ của chúng ta đã mất”.

Lúc đó đồng chí trực ban cũng òa khóc, vừa chạy vừa gọi to: Bác... ời, Bác... ời! .

Hôm nay viết những kỷ niệm về Bác Hồ, suy ngẫm suốt cả cuộc đời mình đi theo con đường của Bác và tình hình đất nước tôi xin kết thúc bằng 8 câu thơ:

Đường Kách mệnh, Bác chỉ ra ngày ấy,

Con theo đi chập chững thuở ban đầu

Bước tiếp bước, đập bằng gai, sỏi, đá,

Đêm mênh mông đã ló ánh mây hồng.

Trời đã sáng, nhưng đích còn chưa tới,
Đường còn xa khúc khuỷu lắm chông gai,
Hãy bền gan, sát cánh vai kề vai,
Cùng vững bước theo hướng tay Bác vẫy.

Hà Nội, nhân kỷ niệm 113 năm ngày sinh Bác Hồ

Ngày 19 tháng 5 năm 2003

Đ V X

(ĐT. 04.8371510)

CÔNG TRƯỜNG 92 NGÀY ẤY

Đại tá Dương Đăng Giang

Nguyên phó trung đoàn trưởng đầu tiên

Trung đoàn tăng 202 (1959 - 1963)

Lớp cán bộ và chiến sĩ xe tăng đầu tiên gồm 202 đồng chí từ Trung đoàn trưởng đến các kíp xe và thợ sửa chữa do anh Đào Huy Vũ làm trưởng đoàn, tôi là phó đoàn học tại Trung Quốc, thời gian khoảng 3 năm (1956 - 1959).

Vào năm học cuối, các công việc cần thiết cho việc thành lập Trung đoàn đã được chuẩn bị từng bước. Đó là cuộc bàn về tổ chức Trung đoàn được tiến hành tại Bắc Kinh giữa các đồng chí phụ trách đoàn với các phái viên đặc trách của các Cục có liên quan (Cục Tác chiến, Cục Quân lực, Cục Cán bộ, ở “bên nhà” cử sang).

Để có “cái vốn thực tế”, được sự chuẩn y của Bộ Tư lệnh Tăng Thiết giáp bạn, tôi và các anh Nguyễn Nhân - phó ban kỹ thuật, anh Nguyễn Mạnh Hùng - cán bộ tham mưu đi thăm quan một Trung đoàn xe tăng bạn tại Bắc Kinh; tiếp theo là Đoàn cán bộ xe tăng trường số 1 - Hệ chỉ huy đi thực tập ngắn ngày theo chức trách tại 2 đơn vị xe tăng bạn ở Quảng Châu (nam Trung Quốc).

Tại đây, Đoàn đã đi viếng mộ liệt sĩ Việt Nam Phạm Hồng Thái tại Hoàng Hoa Cương. Để chuẩn bị cho việc xây dựng doanh trại chính quy cho Trung đoàn, tôi được cử về nước để báo cáo tình hình của Đoàn với Bộ (qua Cục Tác chiến và Cục Cán bộ) .

Sau khi làm việc với Thiếu tướng Thái Dũng, Thủ trưởng Cục Tác chiến, tôi và anh Phan Văn Cẩn - cán bộ Cục Tác chiến lên tỉnh Vĩnh Yên - nay là Vĩnh Phúc để tìm địa điểm, theo dự kiến của Cục. Qua mấy ngày công tác, xem xét tại thực địa, khu vực núi Đanh đã được Bộ phê duyệt.

Khu vực núi Đanh thuộc xã Kim Long, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Yên - nay là huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, nằm ở kilômét số 6, trên trục đường từ thị xã Vĩnh Yên lên khu nghỉ mát Tam Đảo. Hồi đó, khu vực này, dân cư thưa thớt, vắng vẻ, cây cối to, rậm rạp như rừng xen kẽ đồi tranh, đồi trồng dứa của Nông trường Tam Đảo và của dân. Sáng sớm và chiều tà, đứng trên quả đồi dưới chân núi Đanh nhìn lên Tam Đảo tôi chỉ thấy mây mù che phủ, lúc ẩn lúc hiện, thật là:

Đẹp sao cảnh sắc ở đây,

Bên kia Tam Đảo, bên này núi Đanh.

Về những yêu cầu để xây dựng doanh trại chính quy cho Trung đoàn tăng và cơ sở huấn luyện lớn cho bộ đội xe tăng thì “siêu” lý tưởng. Xa khu dân cư đông đúc (thị trấn, thị xã); tiện cả ba đường giao thông vận chuyển: Đường bộ, đường sắt, đường sông.

Trong doanh trại, ngoài các khu sinh hoạt, khu kỹ thuật, kho xe, xưởng sửa chữa, khu giảng đường (khoảng 20 lớp học), còn xây dựng được bãi bắn nhỏ có sườn núi Đanh làm khối chắn, sân vận động... Các bãi tập lớn ngang dọc từ 5 - 7km như bãi bắn lớn có triền núi Tam Đảo làm khối chắn (khi thi công chính thức cũng phải di dời mấy xóm dân); bãi tập lái và bãi chiến thuật phân đội thì “thoải mái”. Các bãi tập chỉ cách doanh trại từ 3 - 5km (ở trường tăng số 1, khi đi bắn, chúng tôi vận chuyển bằng xe hơi), sau khi gặp lại đồng chí Thái Dũng, tôi trở lại Bắc Kinh.

Tháng 8 năm 1959, Bộ Quốc phòng chính thức ra quyết định thành lập Công trường 92, điều động lực lượng xây dựng doanh trại của Bộ lên Vĩnh Yên, khu vực núi Đanh.

Cũng tháng năm này, tôi cùng một số cán bộ được lệnh về nước trước trong đó có anh Nguyễn Nhân - phó ban kỹ thuật, coi như là “tiền trạm” của Trung đoàn với một số nhiệm vụ sau:

- Tiếp nhận số cán bộ, chiến sĩ ở các đơn vị được điều về bổ sung cho Trung đoàn để dần dần hình thành Trung đoàn bộ, các đại đội trực thuộc trung đoàn như: Thông tin, công binh, cảnh vệ...

- Biên soạn tài liệu huấn luyện theo sát thực tế trong nước.

- Tham gia góp ý kiến với Ban chỉ huy Công trường 92 những điều cần thiết trong xây dựng, trọng tâm là khu kỹ thuật.

Cuối năm 1959, sau khi lễ thành lập Trung đoàn, cuộc diễn tập binh chủng hợp thành đầu tiên, có bắn đạn thật với lực lượng của Sư đoàn bộ binh La Thịnh Giáo của bạn, toàn bộ xe của Trung đoàn được niêm cất. Trung đoàn để lại một bộ phận cán bộ, chiến sĩ do anh Nguyễn Chí Tam - Trưởng ban kỹ thuật phụ trách, còn từ Trung đoàn trưởng, Chính ủy lần lượt về nước để tham gia xây dựng doanh trại và các cơ sở vật chất cho huấn luyện.

Như vậy vào thời điểm này, Công trường 92, hình thành 2 lực lượng: Cán bộ, chiến sĩ đích thực của công trường chuyên trách về xây dựng các khu kỹ thuật, sinh hoạt... còn “công nhân công trường 92” trên danh nghĩa là lực lượng bộ đội tăng thì “nhận lại” công việc của công trường phù hợp với khả năng của mình, còn chủ yếu là đảm nhận xây dựng cơ sở vật chất cho huấn luyện trong và ngoài doanh trại. Lúc này các đại đội trực thuộc như thông tin, cảnh vệ, nhất là công binh đã đầy đủ nên cũng tạo điều kiện thuận lợi xây dựng các công trình mà bộ đội xe tăng đảm nhận.

Để hoàn thành trước thời gian quy định, nhất là khu nhà để xe nhằm sớm đưa xe về, nên công việc rất khẩn trương, chia nhiều ca, kíp làm việc đến tận đêm, loa đài nói, hát ra rả suốt, đêm đèn điện sáng trưng khuấy động cả một khu vực xưa vốn lắng lặng yên tĩnh. Thật tình mà nói, bà con thôn xóm tại chỗ và phụ cận đã “hơi biết” - vì quân ta đang ở nhờ nhà dân; “Đại bản doanh” của Trung đoàn ở tại thôn Hữu Thủ. Tại đây, đã sớm cho xây dựng nhà khách mà theo cách gọi cũ là “chiêu đãi sở” vì bà con thân thuộc của cán bộ, chiến sĩ liên tục lên thăm “người của mình”.

Quá trình xây dựng, có một việc đáng ghi công đầu cho Đoàn trưởng Đào

Huy Vũ là đồng chí đề xuất trồng cây xanh lấy bóng mát thì trồng ngay cùng với đào móng xây nhà, tuy có khó khăn trong chăm sóc giữ gìn. Sau đó, một “chiến dịch” trồng cây được phát động toàn công trường, động viên cả hai lực lượng công nhân xây dựng và bộ đội cùng nhau chăm sóc.

Để bảo vệ cây, anh em phải đan sọt, đóng cọc xung quanh, hàng ngày phải gánh nước tưới cho cây. Trung đoàn còn liên hệ với lâm nghiệp tỉnh để trồng cây hai ven đường tính từ cổng doanh trại kéo dài ra vài cây số trên hai hướng ra thị xã và lên Tam Đảo và một số đồi trọc phụ cận doanh trại. Do phân công cụ thể, theo dõi sát sao nên gần như 100% cây sống. Chỉ vài năm sau, cây nhanh lớn, đã vượt qua nóc nhà ở, trên các đường đi nom thật bắt mắt.

17 giờ 30 ngày 13 tháng 7 năm 1960, chuyển tàu hỏa chở những chiếc xe tăng T34 và pháo tự hành CAY-76 và một số xe chuyên dụng của Trung đoàn đã từ Trung Quốc về tới ga Vĩnh Yên. 18 giờ 33 phút cùng ngày, chiếc xe tăng mang số hiệu 114 do trung sĩ Đào Văn Bàn lái xuống tàu và dẫn đầu đoàn xe rời sân ga Vĩnh Yên về khu xe của Trung đoàn.

Trung đoàn đã tiến hành kiểm tra và niêm cất theo đúng yêu cầu kỹ thuật sau khi đã để lại một số xe huấn luyện thường xuyên. Trung đoàn chuyển sang nhiệm vụ trung tâm là huấn luyện, nghiên cứu cách sử dụng xe tăng ở Việt Nam. Theo chỉ đạo của Bộ, Trung đoàn tiến hành diễn tập tác chiến hiệp đồng Binh chủng với các Sư đoàn chủ lực 308, 312 và diễn tập bắn đạn thật với Sư đoàn 305, từ cuối 1960 đến 1961, đồng thời vẫn cùng Công trường 92 làm tiếp nhiệm vụ xây dựng doanh trại và cơ sở vật chất cho huấn luyện.

Vào lúc Trung đoàn đang khẩn trương triển khai đồng thời nhiệm vụ huấn luyện và xây dựng thì một tin vui đến với Trung đoàn: Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Thượng tướng Văn Tiến Dũng - Tổng

Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam đến thăm đơn vị.

Theo kế hoạch đã thống nhất với cơ quan cấp trên, sáng sớm ngày 26 tháng 9 năm 1960, tôi đã có mặt tại Hà Nội để đón và đưa hai thủ trưởng về Trung đoàn. Theo ý Đại tướng, tôi ngồi cùng xe để báo cáo ngắn gọn về Trung đoàn trên đường đi.

Do chưa có hội trường, sân vận động nên Đại tướng đồng ý cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ có cả cán bộ Công trường 92, tập trung ngồi trong một nhà xe để nghe Đại tướng nói chuyện. Trước khi nói chuyện, Đại tướng nắm cổ tay đồng chí Trung đoàn trưởng giơ cao lên và hỏi: “Các đồng chí có biết ai đây không?”.

Toàn thể trả lời to: “Báo cáo Đại tướng, đó là Trung đoàn trưởng ạ”. Đại tướng cười vui: “Thế là tốt, chứng tỏ cấp trên sâu sát chiến sĩ”. Thật là một cách kiểm tra cán bộ cấp dưới thân mật, giản dị đồng thời xóa đi sự ngăn cách giữa đồng chí lãnh đạo, chỉ huy cao nhất của quân đội với chiến sĩ bình nhĩ.

Tiếp theo, Đại tướng căn dặn: “Trung đoàn tăng 202 phải trở thành một Trung đoàn xe tăng vững mạnh toàn diện, làm nòng cốt cho sự phát triển của Binh chủng Thiết giáp sau này”.

Sự có mặt của Bộ trưởng và Tổng Tham mưu trưởng là một sự quan tâm sâu sắc của Quân ủy và Bộ Quốc phòng đối với đơn vị xe tăng đầu tiên của quân đội ta. Vào giữa năm 1962, nhiều công trình lớn đã được xây dựng xong trong đó có khu giảng đường - các lớp học, hội trường lớn và một số bãi tập.

Vào thời điểm này, Trung đoàn lại được cấp trên thông báo “Sáng 20 tháng 7 năm 1962, thủ trưởng Trung đoàn lên Tam Đảo đến khu nhà X nhận nhiệm vụ. Khi đồng chí Chính ủy Đặng Quang Long và tôi lên Tam Đảo vào chỗ hẹn thì được gặp đồng chí Thượng tướng Tổng tham mưu trưởng. Thượng tướng cho biết đồng chí Phạm Văn Đồng - ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ sẽ đến thăm Trung đoàn. Sau đó, hai chúng tôi theo Thượng tướng lên gặp Thủ tướng. Sau khi thăm hỏi chúng tôi về tình hình đơn vị và trước khi chúng tôi ra về Thủ tướng dặn: Khi tiếp đón không cần theo nghi lễ như điều lệnh quy định. Hai chúng tôi nhìn nhau và mừng thầm, hiểu ý Thủ tướng muốn có một cuộc gặp gỡ thân mật không bị gò bó, ngăn cách.

Sáng sớm ngày 21-7-1962, tôi lại được phân công lên Tam Đảo đón Thủ tướng - cấp phó là “chân chạy” mà - theo kế hoạch đã thống nhất, tôi dẫn đoàn xe Thủ tướng và Thượng tướng ra thẳng bãi bắn lớn ở Cam Lâm. Tại đây, đồng chí Trung đoàn trưởng, Chính ủy đã tập hợp anh em nghinh đón. Các kíp xe đảm nhiệm bắn trình diễn thì tập hợp trước đầu xe của mình, Thủ tướng ra tận xe xem xét, nắm chặt tay các chiến sĩ xe tăng thăm hỏi ân cần.

Sau khi xem bắn pháo, đoàn xe khách và chủ ra bãi tập lái xem các xe vượt qua các vật cản, nhất là khi xe tăng vượt qua “ụ sống trâu”. Thủ tướng lắc đầu, cười vui nói: “Cánh này phải cho ăn nhiều vào” - lúc này lính xe tăng - chỉ người ngồi trên xe cũng chỉ ăn “nhỉnh” hơn lính bộ binh chút xíu. Sau đó đoàn xe quay về nhà khách nghỉ ngơi và Thủ tướng nói chuyện với toàn thể cán bộ Trung đoàn tại hội trường lớn, anh em chiến sĩ tập trung nghe ở sân vận động.

Thủ tướng nói: “Phút đầu tiên được nhìn thấy các chiến sĩ xe tăng Việt Nam lái những chiếc xe tăng đầu tiên. Tôi không nén nổi xúc động. Từ lâu, Đảng ta, nhân dân ta mong ước trong tay có loại vũ khí lợi hại này - lợi là lợi cho ta, hại là hại cho địch. Sớm muộn gì cũng phải có. Thế hệ trước chưa có, thì thế hệ sau nhất định phải có, nhất định phải làm...”.

Qua lời phát biểu của Thủ tướng, toàn thể cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn cảm thấy thấm thía sâu sắc và tự hào được là cán bộ, chiến sĩ xe tăng đầu tiên của quân đội ta, nhân dân ta, đồng thời càng thấy rõ trách nhiệm của mình trước mắt và lâu dài sau này: Đối với Binh chủng, quân đội và nhân dân, với Đảng và Đất nước. ..

Ngoài đoàn các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước và quân đội đến Trung đoàn tăng, còn có nhiều đoàn khách của các cơ quan Tổng cục, các Binh chủng bạn đến tham quan nên ít nhiều cũng tác động đến tâm lý chiến sĩ, cán bộ của Trung đoàn, và đã dẫn đến một chuyện tức cười xảy ra.

Đó là trường hợp đối với đồng chí Nguyễn Thế Hùng, ban tham mưu, không rõ đồng chí đi đâu về song ăn mặc thường phục rất tề chỉnh, bệ vệ (đồng chí vốn người to béo): đầu đội mũ lông cừu, ngoài áo da bóng loáng, chân dận đôi ủng (ủng xe tăng do bạn phát) đi vào doanh trại, anh em cảnh vệ chặn lại và xem giấy. Khi thấy trong giấy có tên Trung tướng Song Hào - Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị lúc đó nên vội vàng “Alô” thẳng cho Đoàn trưởng: “Có Trung tướng Song Hào đến thăm đơn vị”.

Quá bất ngờ, vì không giống như thường lệ, nên đồng chí và một số anh em vội chạy ra cổng, lúc đó mọi người mới cười ồ lên vì: Bé cái lắm, đó là Giấy chứng nhận thay Chứng minh thư quân đội do Tổng cục Chính trị tạm thời cấp có chữ ký của Trung tướng Song Hào.

Qua năm tháng khẩn trương lao động xây dựng, đến năm 1964, khu doanh trại chính quy đã hoàn thành bao gồm: Khu kỹ thuật - kho xe, xưởng sửa chữa, khu rửa xe ... ; khu sinh hoạt: nhà ở, nhà ăn, nhà khách...

Khu học tập, hội trường lớn và 20 lớp học - cũ gọi là các giảng đường... với diện tích là 22.500m², cây xanh bao phủ xung quanh các nhà ở và lối đi - đã rải nhựa và bãi bẩn nhỏ, sân vận động... Đó là thành quả của cán bộ, chiến sĩ Công trường 92, có sự phối hợp và đóng góp sức lao động của toàn thể Trung đoàn.

Cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn xe tăng đầu tiên và thế hệ tiếp theo mãi mãi ghi nhớ công lao của cán bộ, chiến sĩ Công trường 92.

Cụm từ “Công trường 92”, có thời gian dài đồng thời là mật danh của Trung đoàn xe tăng đầu tiên, và cụm từ “Công trường 92” đã đi vào lịch sử Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

Hà Nội 4-2003

D.Đ.G

(ĐT: 7841994

NGƯỜI ANH CẢ CỦA QUÂN ĐỘI CHÚNG TA

(Nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ 7-5-1954 - 7-5-2004)

Đại tá Đào Văn Xuân

Nguyên Phó Chính ủy

Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp

Kể từ ngày dân tộc Việt Nam giành được độc lập từ tay Pháp - Nhật (19-8-1945) tới ngày hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30-4-1975), nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã trải qua một chặng đường dài đầy gian khổ, hy sinh nhưng cực kỳ vẻ vang - 30 năm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian 30 năm ấy có biết bao nhiêu cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho Tổ quốc, trong thắng lợi chung đó có những người đảm đương trách nhiệm chỉ huy lãnh đạo Quân đội ở cương vị chiến dịch, chiến lược, tài năng, trí tuệ của các đồng chí ấy có ý nghĩa rất quan trọng, gắn liền với những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử như: các Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Văn Tiến Dũng, Lê Trọng Tấn, Hoàng Văn Thái; các Thượng tướng: Hoàng Minh Thảo, Trần Văn Trà, Trung tướng Vương Thừa Vũ v.v... Song duy nhất có một người được Bác Hồ lần đầu tiên trực tiếp phong quân hàm cấp Đại tướng, Bộ trưởng Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh đó là Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Tên của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gắn liền với lịch sử Quân đội ta từ những ngày đầu thành lập đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ngày 22 tháng 12 năm 1944 cho tới chiến dịch Hồ Chí Minh trong mùa xuân toàn thắng 1975.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng là người duy nhất được các thế hệ “Anh bộ đội Cụ Hồ” kính trọng và tin yêu đặt cho cái tên rất thân thương: Anh Văn - Người Anh Cả của quân đội. Một lão thành cách mạng và là một cán bộ tài năng và đáng kính.

Thượng tướng giáo sư, Nhà giáo Nhân dân Hoàng Minh Thảo từng phát biểu: “Nói về Võ Nguyên Giáp càng khó, vì đồng chí Tổng tư lệnh để lại dấu ấn của mình trên nhiều lĩnh vực trước hết là quân sự, rồi đến chính trị, văn hóa,

đạo đức v v. Tuy nhiên, tôi vẫn nói được rằng: Võ Nguyên Giáp là một trong những nhân vật lớn “của lịch sử Việt Nam thế kỷ thứ XX” và “trên lĩnh vực quân sự Võ Nguyên Giáp là nhân vật nổi bật ở hàng đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta và trên toàn thế giới”.

Thượng tướng nói về tình cảm của mình đối với Đại tướng Tổng tư lệnh “Những kỷ niệm của tôi với người Anh Cả của toàn quân Võ Nguyên Giáp, suốt dọc cuộc đời trường chinh gian nan và oanh liệt của dân tộc rất nhiều không sao kể xiết...”.

Còn với “chiến sĩ và cán bộ chỉ huy các cấp ngày càng hiểu và yêu thương đồng chí Tổng tư lệnh chính vì sự thực hiện triệt để trước sau như một của một Tổng tư lệnh đối với nguyên tắc: “Phải giành bằng được chiến thắng ở mức cao nhất đi đôi với việc giảm xuống thấp nhất thương vong của tướng sĩ” và tôi được biết đồng chí Tổng tư lệnh nhiều đêm thao thức, nước mắt ướm đầm vì được tin một chiến dịch nào đó, máu chiến sĩ đổ quá nhiều mà chiến thắng thì chưa tương xứng”. (Trả lời phỏng vấn, đăng trên báo Xưa và nay số 97 tháng 8-2001)

Những ý kiến của Thượng tướng, giáo sư Nhà giáo Nhân dân Hoàng Minh Thảo, có lẽ cũng là suy nghĩ chung của lớp “Anh bộ đội Cụ Hồ” chúng tôi, những người lính đã trải qua hai cuộc chiến tranh: Chống thực dân Pháp và chống quân xâm lược Mỹ. Đối với riêng tôi, trong thời gian làm việc ở Bình chủng Tăng - Thiết giáp, nhiều lần tôi trực tiếp làm việc với các đồng chí chỉ huy, lãnh đạo ở cấp cao trong quân đội - cấp chiến lược, song Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp là người để lại cho tôi nhiều ấn tượng tốt đẹp khó phai mờ.

Từ những lần đầu tiếp xúc, làm việc của mình tôi thấy ở Người Anh cả ấy tuy rất nghiêm nhưng trong cái nghiêm ấy lại toát lên một tấm lòng bao dung và

thân tình, gần gũi chăm sóc các em của mình. Tôi còn nhớ vào quãng những năm 1966 - 1967 cái thời gian mà xe tăng chưa có “đất dụng võ”, các trung đoàn xe tăng phải niêm xe và giấu xuống hầm để chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ đang điên cuồng đánh phá miền Bắc. Đồng thời rút cán bộ, chiến sĩ xe tăng ra, tổ chức thành các đơn vị trang bị cao xạ 37 ly, đi tham gia bắn máy bay Mỹ. Người chiến sĩ xe tăng trở thành lính cao xạ.

Cơ quan Bộ tư lệnh ngày đó sơ tán ở thôn Lan Đình, xã Kim Long, huyện Tam Dương (chân núi Tam Đảo). Một hôm được báo Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm. Lần ấy chúng tôi họp Thường vụ Đảng ủy Binh chủng với danh nghĩa báo cáo tình hình với đồng chí Bí thư Quân ủy Trung ương. Sau khi nghe báo cáo, anh Văn ôn tồn nói: “Các đồng chí hãy kiên trì lãnh đạo anh em, yên tâm xây dựng Binh chủng, giữ gìn xe tăng cho tốt. Nhất định sẽ có ngày xe tăng lên đường. Đánh lớn là phải có xe tăng”.

Trong cuộc họp ấy (lúc đó tôi là Chủ nhiệm chính trị, Phó Bí thư Đảng ủy Binh chủng) tôi như được anh Văn chỉ ra cho một tầm nhìn chiến lược, từ sự kiện cụ thể: Phải cất xe tăng đi bắn máy bay ấy. Quả nhiên giữa năm 1967, các đơn vị đi bắn máy bay đã trở về Binh chủng và Mùa Xuân 1968, xe tăng đã lên đường ra trận.

Lần ấy không phải là lần đầu, và cũng không phải là lần duy nhất anh Văn chủ động xuống thăm đơn vị. Tôi muốn nhấn mạnh đến cụm từ “Chủ động xuống thăm”. Tôi không muốn đưa tên một số cán bộ cấp chiến lược khác ra đây để so sánh, song ở cương vị một Tổng tư lệnh, Bí thư Quân ủy luôn chủ động đi các đơn vị để hiểu tình hình, đó là một nét nổi bật của anh Văn, khác với một số, từ khi tôi ở đơn vị xe tăng đến ngày nghỉ hưu, chưa hề thấy Thủ trưởng ấy xuống mặc dầu đồng chí ấy nắm những việc hệ trọng trong công tác nhận xét, đánh giá cán bộ và tổ chức Đảng các cấp v.v...

Anh Văn rất tôn trọng cán bộ cấp dưới, một lần được tin anh đến chỗ Bộ tư lệnh chúng tôi sơ tán. Ô tô của Anh phải đỗ ở chân đồi, vì xe du lịch loại một cầu không leo đồi được, tôi và anh Dương Đăng Giang, Tham mưu trưởng Binh chủng ra chân đồi đón. Thời tiết mùa thu, nhưng leo đồi người nóng lên, anh Văn cởi áo khoác ngoài, vì quý Thủ trưởng cấp trên, tôi đỡ áo khoác và cầm lấy để anh đi thuận lợi. Đi được mười bước anh Văn quay lại nhắc đồng chí cận vệ của anh và nói: Cậu cầm lấy cái áo thay anh Xuân.

Tuy là cử chỉ nhỏ, song tôi thật cảm động vì tấm lòng người Anh Cả của mình, chú ý đến em từng chi tiết, trong cách cư xử. Anh Văn rất thích gần gũi hòa hợp với cấp dưới trong sinh hoạt, nghỉ ngơi, mỗi khi có dịp đi công tác cùng cấp dưới, tôi nghĩ có lẽ đó cũng là một phương pháp để anh hiểu kỹ cán bộ hơn và cũng là để bồi dưỡng cán bộ khi có điều kiện.

Khoảng giữa năm 1971, sau chiến dịch đường 9 Nam Lào, anh Văn sang Liên Xô để bàn bạc với Bộ Quốc phòng bạn một số việc liên quan đến quân đội ta. Đi theo tháp tùng anh có một số cán bộ đơn vị và cơ quan. Trên Bộ Tổng tham mưu có anh Tổng Thái cục trưởng Cục Quân lực, anh Thanh ở Cục 2, anh Trần Văn Đông, Chánh văn phòng Quân ủy, anh Trần Sâm, Phó Tổng tham mưu trưởng, anh Minh Vân cục trưởng Cục Tác chiến. Ở đơn vị có anh Hoàng Văn Khánh, Phó Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân và tôi, Phó Chính ủy Bộ tư lệnh Tăng - Thiết giáp. Trừ các buổi làm việc theo thể thức ngoại giao thì chỉ có ai liên quan mới được tham dự, còn các buổi chiêu đãi hay ăn cơm hàng ngày, anh Văn cùng tất cả chúng tôi, kể cả đồng chí cận vệ của anh đều ngồi chung một bàn ăn, cùng nói chuyện.

Tôi nhớ trên đường bay từ Hà Nội đi Mátxcơva, chặng đầu tiên nghỉ ở Tát-xơ-ken, Thủ đô nước Cộng hòa U-dơ-be-kit-stăng. Tiếp khách phía bạn có hai ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị: Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an nước Cộng hòa. Tất cả chúng tôi, anh Văn đều cho phép cùng dự, nhưng chúng tôi giữ nguyên tắc nếu anh Văn hoặc bạn hỏi ai thì người đó được nói, còn không thì chỉ anh Văn nói chuyện.

Trong khi ăn, đang vui chuyện thì bạn bỗng nhiên nói: Đồng chí Đại tướng xem Trung Quốc gây căng thẳng với chúng tôi ở biên giới (ngày đó Liên Xô và Trung Quốc có xung đột vũ trang ở biên giới). Khi chúng tôi viện trợ cho các đồng chí Việt Nam qua đường sắt thì Trung Quốc ngăn cản. Các đồng chí nên nói với Trung Quốc. Anh Văn nói: Vấn đề giữa Liên Xô và Trung Quốc

nó như đám mây đen nhỏ, rồi sẽ tan đi, còn con đường Liên Xô viện trợ cho Việt Nam có khó gì đâu. Các bạn có cả đường biển mênh mông, nếu ở cảng Hải Phòng mà có tàu treo cờ Liên Xô thì cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam thêm ý nghĩa biết bao.

Nghe xong tôi thấy lòng mình nhẹ nhõm, còn bạn thì cười vui vẻ, đề nghị chạm cốc. Có lẽ đây là một bài học vỡ lòng cho tôi sau này khi đi làm Tùy viên Quân sự Việt Nam tại Tiệp Khắc (1980 - 1984). Ngày nay viết tới đoạn này tôi đọc lại bản di chúc của Hồ Chủ tịch thấy Người đánh giá các sự kiện Liên Xô, Trung Quốc:

“.. Sự bất hòa của các Đảng anh em”. Người dùng chữ bất hòa cơ mà, mặc dầu có sự xung đột vũ trang ở biên giới cũng chỉ là sự bất hòa trong anh em thôi, sớm muộn sẽ được khắc phục...

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết thật là rộng lớn, bao dung. Nhớ lại câu chuyện anh Văn trả lời vào thời điểm ấy sao mà tài tình thế và thể hiện đúng tư tưởng đại đoàn kết của Bác Hồ.

Từ lúc đó trong bữa tiệc chiêu đãi chuyển sang chuyện vui. Bữa tiệc kéo dài, sau chuyến bay dài chúng tôi đã thấm mệt và cũng đã ăn khá no, bỗng anh Văn nói vui: Các bạn Liên Xô có món Xát-sơ-lức (thịt cừu xâu vào xiên sắt nướng trên lò than) rất ngon.

Đó chỉ là câu nói vui, mang tính xã giao, vì tiệc đã gần tàn. Nào ngờ đồng chí Thủ tướng nước Cộng hòa U dơ-be-kít-xtăng nói luôn: “Xin mời Đại tướng thưởng thức món Xát-sơ-lức của Tát-xơ-ken chúng tôi. Nguy quá, các nhân viên phục vụ đã bê ra một đĩa to Xát-sơ-lức. Anh Văn nhìn chúng tôi,

mỉm cười nói khể: Thôi các cậu mỗi người cố ăn một xâu.

Tôi đã từng học ở Liên Xô nên đã từng ăn Xát-sơ-lức. Tuy rất ngon song lúc đó bụng đã quá no, cũng đành cầm ăn. Không hiểu sao, lúc đó tôi lại buột ra câu tiếng Nga “chút-đét-snờ” (Tuyệt vời) Anh Văn nhìn tôi cười có vẻ tán thưởng câu nói đó, nhưng anh lại bảo: Đúng là tuyệt, cậu Xuân ăn thêm sâu nữa!

Tôi sợ hết hồn, nhưng đã chót khen, đành phải ăn, và thế là cả đêm hôm ấy bụng tôi cứ óc ách và khó ngủ. Tôi lại được một bài học ngoại giao: Mỗi câu nói phải cân nhắc cho kỹ và đúng chỗ. Việc khen của tôi lúc đó là đúng, nhưng lại không đúng thời cơ nên tôi nhận hậu quả “nặng bụng”.

Thời gian làm việc ở Mátxcơva, anh Văn được Bộ Quốc phòng và Đảng bạn tiếp đón trọng thể. Anh được bố trí ở một biệt thự đẹp có vườn rộng. Chúng tôi được bố trí ở một khách sạn của Bộ Quốc phòng, nhưng hàng ngày tất cả chúng tôi đều đến nơi anh ở và cùng ngồi ăn cơm với anh quanh một cái bàn, vừa ăn vừa trò chuyện thân mật.

Một hôm anh Thanh (Cục 2) nói với tôi: Mai là chủ nhật, anh Văn có ý định làm món ăn Việt Nam đấy. Tớ và cậu làm sao tránh phải vào bếp để có thời gian ra chơi phố. Cậu quen Mátxcơva hãy dẫn mình ra Quảng trường Lênin và vào “Gum” nhé (Gum là Bách hóa tổng hợp ở Mátxcơva).

Thế là trong bữa cơm chiều ngày thứ bảy, anh Văn hỏi: Cậu nào biết làm món ăn Việt Nam thì mai ta làm một bữa. Anh Thanh nhìn tôi nháy mắt, tôi hiểu ý nên nói: Thưa anh, tôi biết luộc rau muống. Luộc cho xanh, vớt ra không nhừ, ăn giòn và chín rất khó. Tôi biết rõ ở cái đất Mátxcơva đang có

tuyệt thì lấy đâu ra rau muống chứ? Anh Văn nhìn tôi tùm tùm cười, tôi toán chắc anh nghĩ: Cậu Xuân thật là láu cá. Rồi hỏi anh Tổng Thái. Anh Tổng Thái nhận là biết làm phở. Thế là hôm sau anh Tổng Thái ở nhà làm phở còn tôi và anh Thanh thì đi ngắm Quảng trường Lenin thật thoải mái.

Sau chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 toàn thắng, cuối năm đó Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp mở Hội nghị tổng kết toàn Binh chủng. Tôi Phó Chính ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, cùng anh Đào Huy Vũ, Tư lệnh, ủy viên Thường vụ Đảng ủy, chúng tôi chủ trì và điều khiển Hội nghị. Đồng chí Tổng Tư lệnh xuống dự tổng kết. Đại tướng rời Chủ tịch Đoàn, đi xuống các hàng ghế cán bộ dự tổng kết. Đại tướng đi đến đâu anh em đứng dậy, Tổng Tư lệnh bắt tay anh em, còn chúng tôi thì giới thiệu tên từng đơn vị và chiến công của đơn vị ấy trong mùa xuân toàn thắng.

Tôi thấy Đại tướng tỏ vẻ hài lòng và rất vui vẻ khi trở lại vị trí Chủ tịch Đoàn, trước khi nói chuyện với Hội nghị, Đại tướng nói: Vừa rồi không phải chỉ là giới thiệu đoàn đại biểu của các đơn vị mà là giới thiệu từng trang lịch sử hào hùng của Binh chủng. Tôi cảm thấy như Tổng Tư lệnh khen mình, tôi rất vui và câu nói “giới thiệu trang lịch sử hào hùng của Binh chủng” cứ ám ảnh tôi, nên suốt những ngày nghỉ hưu tôi luôn ôm ấp một ước vọng: làm sao ghi lại được những nét sống động, chân thật lịch sử hào hùng của Binh chủng trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Cái ước vọng đó đã thôi thúc tôi bàn với anh em viết hồi ức chiến đấu của xe tăng và được anh em hưởng ứng. Cuốn hồi ký tập 1 - mang tên “Theo vết xích xe tăng” đã ra mắt vào tháng 10-2002.

Sau khi sách được xuất bản, tôi mang đến biếu anh Văn một cuốn, với tấm lòng kính yêu Anh của những người lính xe tăng.

Năm 2002, anh Văn đã ở tuổi 92, thế mà anh Văn vẫn dành thời giờ đọc và viết nhận xét về cuốn sách, tôi đã đến nhận bản viết tay của anh và in ở trang

đầu cuốn hồi ký “Theo vết xích xe tăng” tập 2 này.

Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp không những toàn quân kính yêu, mà nhân dân cũng rất quý mến Đại tướng. Còn ở các nước phương Tây nhiều sử gia, nhà báo cũng đánh giá rất cao về Đại tướng. Nhà sử học quân sự người Mỹ Xê-xin Ca-ri, trong công trình nghiên cứu “Chiến thắng bằng mọi giá ‘ Võ Nguyên Giáp thiên tài của Việt Nam” xuất bản năm 1977 đã viết:

“(…) Ông đã trở thành một trong những vị tướng tài năng nhất của thế kỷ XX và chuyên gia vĩ đại nhất về chiến tranh nhân dân hiện đang còn sống (...) ông không chỉ trở thành một huyền thoại mà có lẽ còn trở thành một thiên tài quân sự lớn nhất, duy nhất của thế kỷ XX và một trong những thiên tài lớn nhất của tất cả các thời đại . (Báo QĐND số Tết Quý Mùi - bài Thế giới với Võ Nguyên Giáp - tác giả Nhật Hoa Khanh).

Nhân kỷ niệm lần thứ 50 Chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954/7-5-2004), là một chiến sĩ Điện Biên Phủ năm xưa, tôi xin kính chúc Tư lệnh chiến dịch Điện Biên Phủ - anh Văn - Người Anh Cả kính yêu của QĐND Việt Nam trường thọ.

Hà Nội 7-5-2004

Đ V X

BA LẦN GẶP TỔNG TƯ LỆNH

Lê Trí Dũng - Họa sĩ

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam (tấn phong Đại tướng ngày 28-5-1948 thời Bác Hồ và Chủ tịch Quốc hội Bùi Bằng Đoàn ở Việt Bắc), vị chỉ huy đánh thắng hai đội quân xâm lược

là Pháp và Mỹ.

Với những người làm công tác văn hóa, ông là Anh Văn thân thiết. Còn với những người lính chúng tôi, dù đang còn mặc áo lính hay đã giải ngũ, ông là vị chỉ huy suốt đời, là “ông Tướng huyền thoại” của chúng tôi. Riêng với tôi, còn có kỷ niệm không bao giờ quên được với ba lần gặp ông.

Lần thứ nhất. Đó là những ngày giáp Tết Nhâm Tý đầu 1972, Sư đoàn Bộ binh 338 quân tăng cường Bộ Tư lệnh Thủ đô đang cấp tập “rèn” quân ở Thạch Thành (Thanh Hóa). Ngày nào cũng đeo 10kg đá đựng trong sọt te tự đàn chạy 5km, sau đó là lăn lê, xạ kích, võ thuật và đào giao thông hào.

Đại đội đóng quân trong một bản người Mán (nay là dân tộc Dao), vùng bán sơn địa. Sung sức, tôi được giao khẩu B41, nặng, và là hỏa lực chính của đại đội. Mùa đông năm ấy rất lạnh. Đêm nằm, chúng tôi mặc tất quần áo, quần cả màn và áo mưa mà ngủ, chờ lệnh xuất quân vào B dài.

Thế rồi, một đêm khoảng 12 giờ đột nhiên còi báo động rúc lên. Lệnh xuất quân? Toàn bộ quân trang quân dụng phải mang đi hết. Lính tráng lau bầu: Đêm hôm giá buốt, lại còn vài ngày nữa là Tết... Nhưng kỷ luật chiến trường, quân lệnh như sơn. Tôi nai nịt chặt chẽ xong, hất khẩu B41 lên vai là đi luôn.

Trời đêm đen như mực, hết đèo lại suối, người sau theo người trước mà đi. Hầu hết lính nhập ngũ năm ấy là sinh viên các trường đại học, có cả những thầy giáo và khá đông nghiên cứu sinh ở nước ngoài mới về... Đến lúc ấy các “công tử” mới thấy giá trị của những buổi đeo sọt rèn quân.

Lính Hà Nội chúng tôi còn khó vượt đời những mối tình kiểu như “biển một bên và em một bên”. Và có lúc cái nhà kho chứa rơm của hợp tác xã bị biến thành “chiêu đãi sở” của lính, và nước mắt chia ly nhiều bao nhiêu thì càng làm tăng sự đột ngột của lệnh hành quân đêm ấy. Nhưng đến tảng sáng thì chúng tôi ngã ngửa người ra khi nhìn thấy lò mờ dãy núi đá vôi Ninh Bình. Tức là chúng tôi đã lộn ngược ra Bắc hơn 40km.

Đến gần nơi Quang Trung hội quân để đại phá quân Thanh năm 1789. Và một tin còn bất ngờ hơn: Chuẩn bị nghe Đại tướng Tổng Tư lệnh úy lạo và chúc Tết trước khi vào nơi ta cho quân Mỹ ngủ trọ! Hôm ấy, Sư đoàn bộ đã dựng một khán đài cao, Đại tướng đứng trên đó nói chuyện, toàn Sư hàng ngũ chỉnh tề trải dài xuống ven đồi. Nhiều đơn vị ở quá xa chỉ cử đại diện. Đại tướng lên nói chừng 15 phút, chúc Tết và động viên binh sĩ, tiếng “u ra” vang rền.

Kết thúc, đơn vị chỗ nào lại về chỗ nấy. Chúng tôi còn nán lại để “xem mặt” ông. Ra đến ngoài cánh rừng bạch đàn, thấy rất nhiều binh sĩ đứng dọc hai bên đường, từ trên xe, ông nhảy xuống đi bộ giữa hai hàng quân, tay vẫy vẫy... Đột nhiên, ông dừng lại trước một người lính trẻ, rất trẻ, chỉ chừng 17 tuổi và rất “hạt tiêu”, lưng thùng trong bộ quân phục số 2.

Đối diện với người binh nhì, ông ôn tồn hỏi: “Đồng chí đi bộ đội bao lâu rồi?” “Báo cáo Đại tướng - gần một tháng ạ” “Đã học chào chưa?” Người lính trẻ lúng túng, vì cảm động hơn là vì câu hỏi, và bất ngờ, Đại tướng dập gót, đứng nghiêm, giơ tay chào. Người lính cũng đứng thẳng người, chào đáp lại, hai mắt anh rực sáng, suốt đời tôi không bao giờ quên ánh mắt của người binh nhì hôm ấy.

Trong ánh mắt ấy nửa như có sự hàm ơn, nửa như mang một lời hứa. Trong

giây lát, không gian như nén lại, rồi vỡ tung ra trong tiếng “u ra” vang dội. Lần đầu tiên, tôi chứng kiến một cảnh tượng cảm động và lạ lùng: Một Đại tướng đứng nghiêm chào một binh nhì trước giờ xuất trận.

Giờ đây, đã hơn 30 năm, lũ trẻ sinh thành đêm hôm ấy phần lớn đã có vợ con. Còn chúng tôi không quên được cuộc hội ngộ đêm ấy. Trong tình thế âm ỉ vào trận, mạng sống quả rất mong manh. Nhưng với đạo quân “Phụ tử chi binh” ấy, người ta cũng có thể chết vì một tấm lòng, một nghĩa cử lắm chứ! Sự thực trong đoàn quân năm ấy rất nhiều người đã không trở về, họ vĩnh viễn nằm lại Thành cổ Quảng Trị, đáy dòng Thạch Hãn, một cánh rừng nào đó ở B2, B3, chiến trường C... Nhưng tôi biết sức mạnh của những người lính chúng tôi được tăng lên rất nhiều kể từ buổi gặp chủ tướng của mình ngày ấy.

Lần thứ hai: Vào cuối 1994. Cuộc triển lãm hội họa mang tên “Cái nhìn từ hai phía” hội tụ 40 họa sĩ Cựu chiến binh hai nước Việt Nam và Mỹ sau khi chu du vòng quanh nước Mỹ, gặt hái nhiều tiếng vang thì Lễ bế mạc được tổ chức ở Bảo tàng Mỹ Thuật - Hà Nội.

Vài hôm sau buổi lễ, tôi được Ban tổ chức mời đến để cùng tiếp một vị khách mời đặc biệt: Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Hơn một giờ đồng hồ, ông xem kỹ từng bức một, thỉnh thoảng trao đổi đôi lời với bọn tôi. Ông dừng lâu trước bức Chân dung Bác Hồ gắn bằng những con tem thư của họa sĩ Cựu chiến binh Mỹ Đa Vít Tô Mát và bức Cánh rừng Đi ô xin của tôi. Tôi biết, ngày nay ở Hà Nội, mỗi tuần một triển lãm, việc ông đến thăm triển lãm hội họa của những người lính cũ hai bên của cuộc chiến mà “hơi bom còn nóng hổi” là không phải điều đơn giản. Ông thích hội họa, am hiểu văn, sử, khoa học và còn là một tay chơi Pianô cũng cấp tướng, thật võ văn song toàn.

Lần thứ ba: Thời gian cứ như ngựa Ký ngựa Kỳ chạy qua cửa sổ. Nhiều lúc

phóng xe trên đường tôi cứ nghĩ: “ông” tướng đã 93 tuổi rồi, đại thượng thọ rồi, không biết có còn tập Thiền nữa không?....

Thế rồi, một dịp bất ngờ, tôi được vẽ và chụp ảnh Đại tướng. Một chiều tháng 9, tôi đến tư dinh ông, vườn rất rộng, um tùm và thiếu bàn tay chăm sóc. Tôi chờ trong phòng khách, phòng rộng, để nhiều quà tặng của các Quân khu gửi lên, phần lớn đậm chất lính và tình người. Rồi ông xuất hiện trong bộ lễ phục Đại tướng. Cử động chậm đi nhiều tuy rất minh mẫn.

Sau phút chào hỏi, ông bảo: Làm việc ngay, vì lát nữa là đến giờ tập Thái cực quyền rồi. Tôi bắt đầu vẽ, căn phòng lặng tờ, chỉ nghe tiếng sột soạt trên giấy. Đột nhiên, ông bảo: “Rất nhiều người nói tôi có hai đặc điểm: cái mắt và cái trán, anh lưu ý nhé”. Tôi biết ông đang mệt, dạo này thời tiết rất độc, mưa luôn.

Vừa vẽ, tôi vừa quan sát ông, đằng sau vầng trán kia ông đang nghĩ gì? Hơn 30 năm trước hằng đêm ông thức trắng nghe tin chiến sự niềm Nam từ điện thoại trực tuyến, nước mắt Tướng quân có rơi không khi nghe tin đồng chí đồng bào của mình hy sinh dưới bom đạn địch? Và ông phải chống chọi thế nào với bão giông sau cuộc chiến?

Bất thần, ông hỏi: “Nhà đồng chí ở đâu?” Tôi vừa trả lời ông vừa lựa thế đưa câu chuyện chuyển sang hướng “tâm tình”. Nhưng không, chỉ thế thôi? Ác liệt của chiến tranh và cuộc sống quân ngũ, sự cọ xát thường tình với hiểm nguy và yêu cầu quân sự đã tôi luyện vị Tổng chỉ huy thành bản lĩnh “Buồn giận không lộ ra nét mặt”.

Rồi 30 phút qua đi. Bức họa bằng bút sắt đã xong, nhìn vẽ chưa hài lòng của

tôi ông đột nhiên hỏi tùy tùng, “Mai thứ mấy?” “Thưa, thứ 7 ạ?” “Vậy mai anh lại đến nhé! “Lại bất ngờ, tôi hỏi hộp: “Dạ, mấy giờ ạ?” vài tích tắc trôi mau “Ba giờ!” đến bây giờ và mãi mãi về sau, tôi không thể quên được âm thanh, ngữ điệu và hồn khí của hai từ ấy “Ba giờ”. Đại tướng nói nhanh, mạnh và sắc với thổ ngữ của người Lệ Thủy - Quảng Bình.

Không, không hẳn là vì thổ ngữ xứ đó, xứ quen trận mạc và đau thương, xứ nhân kiệt... Mà trong âm điệu ấy, cái ý toát lên một lời hẹn thì ít, mà nghe như một tiếng lệnh thì đúng hơn, đời ông, ông đã ra bao nhiêu cái lệnh như thế. Cái âm hưởng nó toát ra cái thần hồn, thần khí có tác dụng gieo vào lòng người thừa hành một lòng tin đặc biệt, chắc chắn, không do dự.

Tôi tặng ông cuốn Theo vệt xích xe tăng tập 1 và giới thiệu đây là cuốn hồi ký của bộ đội xe tăng trong chiến tranh... ông cầm cuốn sách, im lặng nhìn chiếc xe tăng vượt cổng trời nơi bìa... Chuyển cho tùy tùng cất đi và nói: “Tôi sẽ đọc”. Rồi thay đồ để đi tập Thái cực quyền.

Ba giờ đúng ngày hôm sau, công việc tiếp tục. Ông tươi tỉnh hơn. Thấy tôi gỡ máy ảnh, ông bảo: “Tôi rất ít khi được chụp một mình, bởi các đoàn thăm cứ búi vai búi cổ đòi chụp chung...”

Lúc tôi vẽ ông, ông ngồi rất im, để phá tan cái im lặng ấy, tôi hỏi ông: “Chiều nay ông có còn tập quyền nữa không?” ông bảo: “Không!” rồi tiếp: “Tôi tập lại, trước tập rồi, bây giờ tập lại” rồi đột ngột, ông bảo “Sao Minh Đình “đi” nhanh thế nhỉ? Đang khỏe, giới họa cũng đánh giá nó nặn Bác Hồ giống nhất đấy!”... Tôi đưa cho ông xem bức họa vừa xong bằng phấn màu, ông ưng ý lắm: “Được đấy.” và gọi vợ “Hà ơi, xem này”.

Tôi đưa cây bút dạ để ông ký vào góc dưới tranh, ông cầm bút hơi rung, dưới ngón trở một nốt ruồi đỏ cực lớn, ông hỏi: “Ký là Văn nhé?” Tôi trả lời: “Không ạ, Đại tướng cứ ký Võ Nguyên Giáp là hơn! “Im lặng, rồi dường như lấy đà, ông phóng bút ký, đường bút đi như kiếm bay, rồi chấm một cái vào một chỗ không ngờ. Thế là bức họa hoàn thành. Ông bắt tay tôi và nói: “Cho tôi gửi lời chào toàn thể gia đình anh nhé!”. Ông là vị tướng quân của người Việt Nam, của dân tộc cây lúa nước, là chỉ huy trưởng đoàn quân chân đất năm xưa, ông giản dị vô cùng!.

Chị Hà (Đặng Bích Hà) tiễn tôi, tôi bảo: “Ông là tài sản của nhân dân Việt Nam” chị Hà sững sốt: “Thế à”! Chị Hà ơi, sao chị lại sững sốt? Ông đã lấy lại lòng tin cho chúng tôi trong bao phút ngã lòng. Đời người ta, ai không có những phút ngã lòng? Khi cái ác đè lên cái thiện, khi sự thật bị vùi lấp... Thì chúng tôi cần ông biết bao. Vì ông mãi mãi là vị Tổng Tư lệnh của những người lính chúng tôi.

14-9-2003

NHỚ NGÀY ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP
VỀ DỰ TỔNG KẾT MÙA XUÂN ĐẠI THẮNG Ở BINH CHỪNG

Đại tá Ngô Quang Chiến

Nguyên trưởng phòng tác chiến

Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

Hội nghị tổng kết hoạt động của bộ đội thiết giáp trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, ngày 19-10-1975 Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến dự và phát biểu, là một sĩ quan tác chiến tôi ghi lại ý kiến của Đại tướng.

Nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày truyền thống của Binh chủng Tăng - Thiết giáp (5-10-1959/5-10-2004) tôi xin ghi lại một số ý chính Đại tướng đã nói trong Hội nghị...

Chủ tịch đoàn Tư lệnh Đào Huy Vũ trân trọng giới thiệu: Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ủy viên Bộ Chính trị Bí thư Quân ủy TW; Phó thủ tướng - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh các lực lượng Vũ trang nhân dân đến dự.

Đại tướng đứng dậy vẫy chào, tươi cười đáp lại những tràng pháo tay kéo dài của các đại biểu...

Tư lệnh Đào Huy Vũ mời Đại tướng đi đến từng đoàn đại biểu đang ngồi ở Hội trường: Thưa đây là Đoàn 26 Thiết giáp Nam Bộ. Tất cả cán bộ đoàn Thiết giáp Nam Bộ đều đứng dậy, Đại tướng bắt tay mọi người. Khi bắt tay đến đồng chí Hồ Hùng Thái, Đại tướng hỏi:

- Đồng chí làm cương vị gì trong Đoàn?

- Thưa Đại tướng: Tôi Hồ Hùng Thái là Phó Tư lệnh Đoàn thiết giáp Miền ạ.

Đại tướng cười vui vẻ: Chúc đồng chí làm to hơn... Khi bắt tay đồng chí Đỗ Bế, Tiểu đoàn 6 xe tăng thuộc Sư đoàn 968 Đại tướng hỏi:

- Đánh Lào Ngam bằng xe lội nước phải không?

- Thưa vâng, đây là xe PT76B khá hiện đại.

Nghe đồng chí Đỗ Bế trả lời Đại tướng như vậy làm tôi nhớ lại hồi tháng 5 năm 1972 ta tiếp nhận 10 xe tăng PT76B, theo lệnh Binh chủng tổ chức một đại đội do đồng chí Thái làm đại đội trưởng đưa vào bổ sung cho B1, trước khi hành quân tôi cùng bộ phận của cơ quan tham mưu theo dõi việc hướng dẫn cho trưởng xe dùng thiết bị ổn định tầm, hướng và bắn đêm bằng hồng ngoại. Đơn vị đến Nậm Bạc thì có lệnh trên chuyển thuộc cho Tiểu đoàn Tăng 6 thuộc Sư đoàn 968 để đánh địch...

Đại tướng lần lượt bắt tay các Đoàn xe Tăng 195 Bắc Lào, Trung đoàn Thiết giáp 273 Quân đoàn 3, Trung đoàn 574 Liên khu 5, Lữ đoàn 203 Quân đoàn 2, Lữ đoàn 202 Quân đoàn 1... và Đại đội xe tăng 3 thuộc Đoàn 559 sử dụng xe T34 đã tiêu diệt địch ở đồi 500 trong chiến dịch Đường 9 Nam Lào năm 1971. Sau đó Đại tướng trở về vị trí Chủ tịch đoàn và nói chuyện với Hội nghị:

“... Tôi nhiệt liệt biểu dương và khen ngợi thành tích xuất sắc của Binh chủng xe tăng lập được trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, và chuyển lời thăm hỏi của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị của đồng chí Bí thư Thứ nhất, của Tổng Quân ủy, của bộ Tổng Tư lệnh đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong Binh chủng.

Thắng lợi to lớn của cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là thắng lợi hoàn toàn, trọn vẹn kết thúc cuộc Cách mạng dân tộc, chấm dứt ách thống trị thực dân đế quốc hơn 100 năm trên đất nước ta. Mười lăm năm đầu từ khi Đảng ta ra đời là thời kỳ vận động, giác ngộ, tổ chức lực lượng để dùng bạo lực chính trị kết hợp với bạo lực vũ trang tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng 8.

Chín năm kháng chiến chống Pháp là thời kỳ vừa đấu tranh vũ trang vừa từng bước tổ chức xây dựng, phát triển lực lượng để có nhiều đơn vị bộ binh tập trung và bước đầu xây dựng các binh chủng chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong lực lượng quân tuy nhiên chưa có điều kiện xây dựng Binh chủng xe tăng - tuy vậy ta đã đánh thắng Pháp, điều đó nói lên vai trò của bộ binh và các binh chủng khác rất quan trọng.

Hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ chúng ta tiếp tục từng bước xây dựng và phát triển lực lượng đáp ứng với quy mô tác chiến hợp đồng binh, quân

chúng ngày càng lớn hơn. Với đường lối quân sự đứng đắn, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhờ tinh thần anh dũng chiến đấu của quân ta, có sự chỉ huy tài tình của Bộ Chính trị, Tổng Quân ủy, Bộ Tổng Tư lệnh nên từ kế hoạch 2 năm chúng ta chỉ thực hiện chưa đầy 2 tháng quét sạch trên 1 triệu quân ngụy, làm sụp đổ hệ thống chính quyền Sài Gòn, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên Chủ nghĩa xã hội.

Ba mươi năm qua cả nước là trận địa, mỗi người là một chiến sĩ trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là nòng cốt, từ chỗ không có một tấc đất tự do đến có chiến khu, có vùng giải phóng, đến nay cả nước được giải phóng. Quân đội ta từ tự vệ đỏ, đội du kích, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, nay có hàng triệu quân với các quân chủng, Binh chủng - trang bị từ súng kíp tự tạo các loại vũ khí tốt được của quân Nhật, Pháp và quân Tưởng rất thô sơ, không đồng nhất, đến nay ta đã có các trang bị khá hiện đại cho Lục quân, Không quân, Hải quân. Binh chủng Thiết giáp cũng trưởng thành nhanh chóng cùng với các lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Năm 1959 Trung đoàn xe tăng đầu tiên thành lập, Thiết giáp là một Binh chủng trẻ tuổi nhưng đã trưởng thành nhanh chóng và trở thành lực lượng đột kích quan trọng của Lục quân... Một lần nữa tôi nhiệt liệt khen ngợi chiến công vẻ vang của bộ đội Thiết giáp anh hùng...”.

Cả hội trường vỗ tay như sấm dậy, kéo dài... Đại tướng vẫy tay ra hiệu mọi người dừng vỗ tay và hỏi:

- Các đồng chí Bùi Tùng, Nguyễn Tất Tài, Bùi Quang Thận Lữ đoàn xe tăng 203 đâu?

Ba đồng chí được Đại tướng gọi tên đều đứng dậy, Hội trường lại sôi động những tràng pháo tay...

Đại tướng nói tiếp: Năm mươi lăm ngày đêm Tổng tấn công và nổi dậy là một chương truyện đẹp để kết thúc cuộc trường chinh của dân tộc ta suốt 30 năm dòng đã thực hiện trọng vẹn di chúc của Bác Hồ: “Đánh cho Mỹ cút, làm ngụy suy yếu và bị lật nhào”.

Mười bảy năm xây dựng và phát triển Binh chủng Thiết giáp là thời kỳ huy hoàng vì có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhờ sự nỗ lực của cán bộ, chiến sĩ, toàn Binh chủng, có sự đoàn kết hợp đồng chặt chẽ của các binh, quân chủng bạn, nhờ sự đùm bọc giúp đỡ của nhân dân. Năm 1975 sử dụng Thiết giáp có nhiều sáng tạo và hiệu quả là nhờ biết nắm thời cơ chiến lược, có quyết tâm cao, táo bạo bất ngờ nên cho ta nhiều bài học quý.

Các đồng chí đang tổng kết, nhưng cũng nên coi trọng kinh nghiệm sử dụng xe tăng trong những năm 1971 - 1972. Vừa qua không quân ngụy không mạnh, không quân Mỹ không có khả năng quay lại nên khả năng phòng ngự, ngăn chặn của quân ngụy bị hạn chế, nên khi tổng kết các đồng chí cần chú ý yếu tố này. Rồi đây nếu phải chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Với kẻ thù có trang bị hiện đại hơn, tinh xảo hơn thì chúng ta không thể tác chiến như với điều kiện vừa rồi...”.

... “Một lần nữa tôi mong các đồng chí tổng kết cho được những kinh nghiệm quý báu về sử dụng xe tăng thiết giáp trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 và cả trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước...”.

... “Về nhiệm vụ tới: Tổng quát chung là toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là đưa cả nước tiến lên Chủ nghĩa xã hội, xây dựng Việt Nam độc lập, thống nhất, Xã hội chủ nghĩa, có công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng hiện đại văn hóa, khoa học tiên tiến. Nhiệm vụ quân đội trong thời gian tới: Phải xây dựng nền quốc phòng toàn dân thật vững mạnh; xây dựng lực lượng vũ trang tinh gọn thiện chiến, chính qui, từng bước hiện đại”...

... “Vừa qua Thiết giáp là lực lượng đột kích quan trọng của Lục quân, đã thực hiện những cuộc hành quân thần tốc trong chiến đấu, không những hiệp đồng chi viện bộ binh chiến đấu mà có lúc trở thành lực lượng thọc sâu chiến dịch rất xuất sắc trong điều kiện không quân địch yếu, nó nói lên khả năng đột kích mạnh, khả năng cơ động tốt của Binh chủng trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 vừa qua.

Sắp tới các đồng chí cần tiếp tục rèn luyện xây dựng lập trường tư tưởng kiên định vững vàng, rèn luyện tinh thông kỹ thuật, chiến thuật sáng tạo nhiều cách đánh hay để luôn luôn là lực lượng đột kích quan trọng của lục quân và đến lúc nào đó trở thành lực lượng đột kích chủ yếu của quân đội ta ...

Cuối cùng chúc sức khỏe các đồng chí, chúc mừng chiến công của Binh chủng trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975 các đồng chí đã làm tròn nhiệm vụ Trung ương giao cho, xứng đáng với lời khen của Bác Tôn “Binh chủng Thiết giáp tuổi trẻ mà nhiều chiến công”.

Cả hội trường đứng dậy vỗ tay kéo dài như hứa với Đại tướng nghiêm chỉnh thực hiện chỉ thị của Đại tướng. Gần ba mươi năm trôi qua hình ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm Binh chủng vẫn còn in đậm mãi trong tôi..

Tháng 5-2004.

N.Q.C

(ĐT. 04. 5360171)

TỪ NÚI ĐANH ĐẾN THÀNH PHỐ SÀI GÒN

Thiếu tướng: Lê Xuân Kiện

Nguyên Tư lệnh Binh chủng Tăng – Thiết giáp (1980-1989)

Tháng 9 năm 1974, tôi đang dự Hội nghị tại Cục Khoa học Quân sự Bộ Tổng Tham mưu thảo luận phương pháp mở chiến dịch tiến công và cách đánh hiệp đồng binh chủng tiêu diệt các Chi Khu, quận lỵ của ngụy và chuẩn bị giải phóng miền Nam trong thời gian hai năm.

Chiều ngày 20 tháng 9, hết giờ làm việc tôi về nghỉ tại trạm 66 thuộc Bộ Quốc phòng thì gặp anh Phạm Viễn, cán bộ Tuyên huấn phòng Chính trị Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Phạm Viễn vui vẻ nói: “Theo lệnh của Bộ, anh thu xếp công việc ở Hà Nội về ngay Binh chủng để chuẩn bị đi công tác miền Nam”. Tối hôm đó, Chánh văn phòng Bộ Tổng tham mưu gọi điện thoại cho tôi: Đúng 8 giờ ngày mai, vào cơ quan 3ộ gặp Thủ trưởng Bộ nhận nhiệm vụ. Cả đêm tôi thao thức, ngủ không ngon giấc.

Đúng 8 giờ ngày 21 tháng 9 năm 1974, tôi vào cơ quan Bộ Tổng tham mưu được anh Văn Tiến Dũng tiếp rất thân tình và giao nhiệm vụ cho tôi: “Cậu chỉ huy ruột đoàn cán bộ và thợ sửa chữa các loại về xe tăng - thiết giáp vào miền Nam để giúp các đơn vị khôi phục, sửa chữa xe tăng - thiết giáp và tập huấn cán bộ tăng thiết giáp về cách đánh hiệp đồng binh chủng có xe tăng tham gia từ Quảng Trị đến miền Đông Nam Bộ (B2) và chuẩn bị cho hoạt

động Đông Xuân 1974-1975.

Sau khi nhận nhiệm vụ thủ trưởng Bộ Tổng tham mưu giao, tôi về ngay Bình chủng và khẩn trương chuẩn bị các mặt, ngày 1 tháng 10 năm 1974, đoàn cán bộ và thợ sửa chữa tăng - thiết giáp đã tập hợp về doanh trại Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp ở chân đồi phía bắc Núi Đanh để quán triệt nhiệm vụ và làm công tác chuẩn bị xe, vật chất khí tài kỹ thuật.

Đoàn cán bộ, thợ sửa chữa gồm có 32 người, cán bộ tham mưu có anh Lê Lâm, Ngô Huệ, cán bộ chính trị có anh Nguyễn Tăng, Nguyễn Tuấn, nhà thơ Hữu Thịnh, cán bộ kỹ thuật có anh Tống Xuân Hồ, Hồ Ban và một số cán bộ kỹ thuật Tăng - Thiết giáp, cán bộ hậu cần có anh Nguyễn Quất, và các loại thợ sửa chữa Tăng - Thiết giáp, thông tin vô tuyến điện trên xe.

Ngày 5 tháng 10 năm 1974, đúng ngày truyền thống lần thứ 15 của Binh chủng Tăng - Thiết giáp, chúng tôi xuất phát từ Núi Đanh, hành quân bằng hai xe con chở cán bộ và hai xe Ô tô đại xa chở thợ sửa chữa kỹ thuật các loại và các khí tài thiết bị kỹ thuật. Tối ngày 5 tháng 10, cả đoàn nghỉ lại trạm giao liên Bến Thủy. Tối ngày 6 nghỉ lại trạm giao liên Quảng Bình.

9 giờ 30 phút ngày 7 tháng 10 năm 1974. chúng tôi đến thị xã Đông Hà và tới khu vực trú quân của Trung đoàn Tăng 203. Buổi chiều, chúng tôi làm việc với Thủ trưởng Trung đoàn, các cơ quan tham mưu, kỹ thuật Trung đoàn 203. Sau khi nghe anh Bùi Tùng chính ủy trung đoàn báo cáo tình hình biên chế, trang bị và việc khôi phục sửa chữa xe của Trung đoàn, tôi thấy chỉ cần điều tổ sửa chữa thông tin vô tuyến điện đi kiểm tra sửa chữa một số đài vô tuyến điện của các tiểu đoàn chưa thông suốt là được và dặn anh Tùng nếu sau này tình hình kỹ thuật xe Tăng - Thiết giáp của trung đoàn có yêu cầu sửa chữa thì trung đoàn điện ra Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp cử người vào giúp đỡ.

Ngày 9 tháng 10, đoàn chúng tôi hành quân vào tiểu đoàn tăng lợi nước (PT.76) phối thuộc cho Sư Bộ binh 968 ở Saravan Nam Lào. Sau mười ngày khôi phục sửa chữa xe pháo và tập huấn cho cán bộ trung, đại đội tiểu đoàn tăng lợi nước, đoàn chúng tôi tiếp tục hành quân vào chiến trường Tây Nguyên (B3).

Ngày 22 tháng 10 năm 1974, chúng tôi đến khu rừng trú quân của Trung đoàn Tăng 273 thuộc Mặt trận Tây Nguyên ở phía bắc tỉnh Kon Tum, cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 273 đón chúng tôi rất thân tình, niềm nở. Sau một ngày, anh em trong đoàn chúng tôi nghỉ ngơi tắm giặt. Ngày 24 tháng 10 tôi và một số cán bộ của đoàn làm việc với anh Phùng, Trung đoàn Phó Tham mưu trưởng và Chủ nhiệm kỹ thuật, hậu cần trung đoàn và anh Lê Ngọc, Trung đoàn trưởng, anh Tư, Chính ủy đi tập huấn ở cơ quan Bộ Tư lệnh B3 từ ngày 21 tháng 10 năm 1974.

Làm việc với thủ trưởng và cơ quan Trung đoàn 273, tôi nói rõ nhiệm vụ của đoàn là vào các chiến trường nắm tình hình các đơn vị Tăng - Thiết giáp, tập huấn cách đánh hiệp đồng binh chủng có xe tăng tham gia cho cán bộ Tăng - Thiết giáp, cùng đơn vị khôi phục sửa chữa xe, pháo, đài vô tuyến điện, trên xe, bảo đảm đầu xe sẵn sàng chiến đấu cao.

Hai tháng công tác tại Trung đoàn Tăng thuộc Mặt trận Tây Nguyên đã giúp cho đoàn công tác của Binh chủng hiểu sâu hơn tình hình tư tưởng bộ đội, tình hình trang bị, vật tư, khí tài, kỹ thuật tăng - thiết giáp bảo đảm cho chiến dịch Đông Xuân 1974-1975 và trình độ khả năng chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ.

Cuối tháng 12 năm 1974, đoàn chúng tôi hành quân vào miền Đông Nam

Bộ (B2) để làm nhiệm vụ như đã làm ở Tây Nguyên. Trên đường hành quân đến gần cơ quan Bộ Tư lệnh B3, dọc đường đi, anh em quan sát thấy có biển đề: “Bộ Tư lệnh B3 cần gặp anh Kiện tại cơ quan Mặt trận theo mũi tên chỉ”. Anh em ngồi cùng xe hỏi tôi: Chúng ta vào cơ quan B3 cả đoàn 4 xe, hay chỉ đi một xe của anh, 3 xe chúng tôi dừng lại chờ?”. Suy nghĩ một chút, tôi trả lời: Cả đoàn 4 xe cùng đi theo xe tôi. Nhưng khi vào đến cổng gác của cơ quan Bộ Tư lệnh B3 thì 3 xe dừng lại tạt vào bìa rừng, chỉ xe của tôi và một đồng chí trợ lý tham mưu tác chiến vào cơ quan tham mưu Tây Nguyên.

Đến gần cổng gác, xe tôi dừng lại báo cho trực ban biết là tôi đã có mặt và sau đó, trực ban dẫn tôi vào bản doanh của Tư lệnh B3. Gặp thiếu tướng Vũ Lăng, Tư lệnh B3, tôi nói: Rất lâu kể từ chiến dịch Đường 9 Nam Lào tháng 2 năm 1971, tôi mới có dịp gặp anh. Có lẽ các anh cần gặp tôi, nên mới có biển đề dọc đường giao liên? Trước hết, tôi xin thay mặt đoàn cán bộ, thợ kỹ thuật tăng thiết giáp kính chúc Bộ Tư lệnh B3 khỏe mạnh, chúc chiến trường Tây Nguyên chúng ta trong chiến dịch Đông Xuân 1974-1975 giành thắng lợi to lớn, tạo thuận lợi cho chiến cuộc Đông Xuân toàn miền Nam, phát triển thuận lợi chiến thắng giòn giã.

Anh Vũ Lăng cười, bắt tay tôi nắm chặt khá lâu rồi nói: Bộ Tư lệnh B3 đã được Trung đoàn tăng 273 báo cáo đoàn của anh vào giúp tập huấn cán bộ, về cách đánh hiệp đồng binh chủng có xe tăng tham gia và đã liên tục khôi phục sửa chữa xe, pháo, đài vô tuyến điện trên xe cho các tiểu đoàn tăng, tạo thuận lợi cho trung đoàn tăng đầu xe sẵn sàng chiến đấu cao. Bộ Tư lệnh B3 và Trung đoàn tăng 273 chân thành cảm ơn Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp, và cảm ơn đoàn cán bộ, thợ sửa chữa tăng thiết giáp vào giúp đỡ chiến trường 2 tháng nay.

Anh Vũ Lăng nói tiếp: Tối nay, mời anh, đồng chí trợ lý tham mưu ăn cơm với tôi và đề nghị đoàn cán bộ và thợ sửa chữa kỹ thuật xe pháo của Binh chủng ở lại B3 để tiếp tục giúp bộ đội Tăng - Thiết giáp B3. Sau bữa cơm thân mật với thiếu tướng Vũ Lăng, tôi trình bày nhiệm vụ của đoàn chúng tôi

do Bộ Tổng Tham mưu giao là vào các chiến trường Quảng Trị, Nam Lào, Tây Nguyên, Nam Bộ để tập huấn cho cán bộ cách đánh hiệp đồng binh chủng có xe tăng - thiết giáp tham gia và khôi phục sửa chữa xe pháo, đài vô tuyến điện trên xe... để chuẩn bị cho Chiến dịch Đông Xuân 1974-1975 và tiếp tục chuẩn bị để giải phóng miền Nam trong 2 năm.

Anh Vũ Lăng nghe xong nói: B3 đã và đang chuẩn bị mở chiến dịch tiến công đông xuân 1974-1975, đề nghị anh ở lại vì sáng mai, cơ quan tham mưu mặt trận Tây Nguyên họp để thảo luận kế hoạch tác chiến trong Chiến dịch Đông Xuân 1974-1975, mời anh tham dự.

Tôi cảm ơn, nhận lời và thông báo cho anh em trong đoàn. Sau hai tuần đoàn chúng tôi dừng lại khu trú quân của Bộ Tham mưu B3. Tôi được dự cuộc họp đã nói trên. Qua ý kiến của cán bộ tham mưu thì B3 đã điều tra chuẩn bị mở chiến dịch tiến công thị xã Gia Nghĩa thuộc tỉnh Quảng Đức và Chi khu Đức Lập, nhưng điện của Bộ Tổng tham mưu là mục tiêu chủ yếu phải tấn công tiêu diệt là thị xã Buôn Ma Thuột.

Qua mấy ngày thảo luận sôi nổi kế hoạch tác chiến Chiến dịch Đông Xuân 1974-1975 của Mặt trận Tây Nguyên, hội nghị có hai phương án khác nhau: Phương án I là tập trung lực lượng toàn chiến trường Tây Nguyên tấn công tiêu diệt thị xã Buôn Ma Thuột và Chi khu Đức Lập. phương án II là đề nghị Bộ mở chiến dịch tấn công thị xã Gia Nghĩa và chi khu Đức Lập, sau đó phát triển tiến công các mục tiêu khác.

Gần hai tuần tôi ngồi lắng nghe ý kiến phát biểu của hội nghị và chưa phát biểu ý kiến. Anh Hồ Đệ, phó tham mưu trưởng phụ trách tác chiến của Mặt trận B3 nêu 2 phương án có lập luận của mỗi phương án và đề nghị hội nghị tiếp tục thảo luận, phân tích thuận lợi khó khăn của mỗi phương án. Anh Hồ Đệ nói: Mấy hôm nay chưa nghe ý kiến Phó Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết

giáp phát biểu ý kiến đồng ý phương án nào?

Hồ Đệ nói xong, tôi giơ tay xin nói: Mấy ngày nay, tôi nghe các anh phát biểu rất sôi nổi về kế hoạch tác chiến Chiến dịch Đông Xuân 1974-1975 của Mặt trận Tây Nguyên. Tôi cho rằng, hai phương án mà hội nghị thảo luận đều có lý luận và thực tiễn của nó, phương án II đề nghị Bộ tập trung lực lượng mở chiến dịch tiến công thị xã Gia Nghĩa tỉnh Quảng Đức và Chi khu Đức Lập vì Gia Nghĩa và Đức Lập vừa với sức của B3, cán bộ từ cấp trung, sơ đoàn đã trình sát điều tra nghiên cứu chuẩn bị chiến trường, đã nắm được địch, địa hình của hai mục tiêu này, ta tấn công thì tiêu diệt địch nhanh, thắng lợi sẽ giòn giã.

Nếu mở chiến dịch tiến công Đông xuân 1974-1975 đánh vào thị xã Buôn Ma Thuộc thì ta gặp lực lượng địch lớn, việc phòng thủ của địch tương đối chặt chẽ, hệ thống phòng ngự ở thị xã Buôn Ma Thuộc kiên cố, vững chắc. Mặt khác thực tiễn chiến tranh đánh Mỹ, bộ đội ta chưa tiến công tiêu diệt được một thị xã lớn nào như Buôn Ma Thuộc. Để bảo đảm đánh thắng trận đầu của chiến dịch tiến công đông xuân 1974-1975, chọn mục tiêu thị xã Gia Nghĩa và Chi khu Đức Lập là vừa với sức của bộ đội B3.

Phương án I, đề nghị Bộ tập trung lực lượng, bộ binh, xe tăng - thiết giáp, pháo binh, pháo cao xạ tấn công tiêu diệt Chi khu Đức Lập và thị xã Buôn Ma Thuộc, bởi vì, Chiến dịch Đông Xuân 1974-1975, Mặt trận Tây Nguyên được Bộ tăng cường ba sư bộ binh, một trung đoàn pháo binh, một trung đoàn cao xạ và bộ đội công binh. Do đó, khi mở màn chiến dịch, B3 có thể tập trung lực lượng tiến công tiêu diệt chi khu Đức Lập và thị xã Buôn Ma Thuộc bằng cách tiến công tiêu diệt Đức Lập trước, sau đó, tiến công tiêu diệt thị xã Buôn Ma Thuộc.

Mấy ngày nay, nghe các anh thảo luận, tôi suy nghĩ nhiều và thấy rằng, cả hai

phương án đều có lý luận và thực tiễn của nó. Nhưng tôi cho rằng phương án tiến công tiêu diệt thị xã Buôn Ma Thuộc là phương án tốt hơn. Vì Đông Xuân này, ngoài lực lượng của Mặt trận Tây Nguyên, Bộ còn tăng cường cho Tây Nguyên lực lượng bộ binh, pháo binh, cao xạ, công binh, thông tin, hóa học tương đối lớn.

Với lực lượng này, B3 có thể dùng một sư bộ binh, tăng cường tiến công bằng hiệp đồng binh chủng tiêu diệt chi khu Đức Lập và dùng một - hai sư đoàn bộ binh được tăng cường xe tăng - thiết giáp dưới sự chi viện của pháo binh, pháo cao xạ và đảm bảo của lực lượng công binh tiến công tiêu diệt thị xã Buôn Ma Thuộc trong thời gian 2-3 ngày hoặc 4-5 ngày.

Theo tôi, chúng ta mạnh dạn đề nghị Bộ để bảo đảm đánh thắng trận đầu trong Chiến dịch Đông Xuân 1974-1975, mở màn Chiến dịch ở Chiến trường Tây Nguyên, ngày đầu nên dùng một sư bộ binh được tăng cường lực lượng các binh chủng tiến công tiêu diệt Chi khu Đức Lập, tiếp sau đó, tập trung lực lượng tiến công thị xã Buôn Ma Thuộc bằng hiệp đồng binh chủng có xe tăng trực tiếp tham gia từ đầu.

Tiến công thị xã Buôn Ma Thuộc nên làm hai bước:

Bước 1, tiến công đánh chiếm một số mục tiêu quan trọng như: Sở chỉ huy Sư đoàn 23 quân ngự, khu trung tâm thông tin, bản doanh tỉnh trưởng ngự trong thời gian 2-3 ngày.

Bước 2, tiếp tục đánh chiếm các mục tiêu còn lại, như: Sân bay dã chiến, khu kho vũ khí đạn dược Mai Hắc Đế.

Trong thực tế một số chiến dịch tôi được tham gia khi Bộ và Quân ủy Trung ương đã quyết định không đánh thị xã Gia Nghĩa và Đức Lập mà tập trung lực lượng tiến công thị xã Buôn Ma Thuộc bởi vì Buôn Ma Thuộc là thủ phủ (hậu phương) của Quân đoàn II (Quân khu II) nguy, nếu ta tiến công tiêu diệt Buôn Ma Thuộc thì thủ phủ Quân khu II nguy ở Tây Nguyên đã bị mất, địch không còn chỗ dựa, tinh thần dễ hoang mang giao động - Còn Chi khu Đức Lập, một Chi khu quan trọng của địch ở phía tây thị xã Buôn Ma Thuộc trên biên giới Việt Nam - Campuchia, cách Buôn Ma Thuộc 14 km, nó làm mục tiêu ứng cứu tiếp viện nhanh cho Buôn Ma Thuộc, vì vậy tôi kiến nghị với Bộ Tư lệnh B3 là đề nghị Bộ dùng một lực lượng bộ binh được tăng cường binh khí kỹ thuật tiến công tiêu diệt Đức Lập, sau đó, dùng lực lượng đã tiếp cận xung quanh Buôn Ma Thuộc tiến công tiêu diệt Buôn Ma Thuộc bằng hiệp đồng binh chủng có xe tăng tham gia trên các hướng, các mũi.

Sau đó, anh Hồ Độ tóm tắt ý kiến thảo luận của hội nghị với 2 phương án để báo cáo Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên và Bộ Tổng tham mưu. Những ngày sau đó, các cơ quan B3 và các đơn vị tiếp tục chuẩn bị các mặt cho chiến dịch.

Ngày 20 tháng 1 năm 1975, tôi họp đoàn công tác của Binh chủng thảo luận có nên tiếp tục hành quân vào B2 nữa không? Tất cả anh em trong đoàn đều đề nghị nhiệm vụ của đoàn là phải đến lực lượng thiết giáp Nam Bộ để giúp Đoàn thiết giáp 26 khôi phục, sửa chữa xe pháo và tập huấn cho cán bộ Tăng - Thiết giáp B2. Do đó, đoàn chúng ta phải tiếp tục hành quân vào B2.

Ngày 22 tháng 1 năm 1975, tôi gặp anh Vũ Lăng, Tư lệnh B3 báo cáo ý kiến anh em trong đoàn và đề nghị đoàn chúng tôi sẽ hành quân vào B2 để giúp lực lượng tăng thiết giáp B2 như đã làm ở B3. Anh Vũ Lăng cười và dặn tôi, anh nên lưu lại B2 một thời gian ngắn để khẩn trương ra Mặt trận Tây Nguyên.

Tôi cười bắt tay tạm biệt anh Vũ Lăng và hứa sẽ khẩn trương ra B3. Sau hai ngày đêm hành quân, đoàn chúng tôi đã đến Bù Đốp khu tập kết Đoàn thiết giáp 26-B2. Gặp các anh Mai Văn Phúc, chỉ huy trưởng kiêm chính ủy, anh Hà Hải phó chỉ huy và anh em cán bộ, chiến sĩ Đoàn thiết giáp 26, chúng tôi vui mừng xúc động và ôm hôn nhau.

Ngày 25 tháng 1 tôi và một số cán bộ làm việc với thủ trưởng Đoàn 26 để thông báo nhiệm vụ của đoàn và đề nghị chỉ huy Đoàn 26 cho biết tình hình các mặt và nội dung cần giúp về khôi phục sửa chữa xe, pháo, thông tin vô tuyến điện. Đoàn 26 cho chúng tôi biết là xe, pháo và đang khôi phục sửa chữa về kỹ thuật để chuẩn bị cho Đông Xuân 1974-1975. Khó khăn của Đoàn 26 là hệ thống thông tin vô tuyến điện trên xe tăng thiết giáp chưa bảo đảm thông suốt, một số xe chảy dầu đang khắc phục, thời gian nổ súng cũng rất khẩn trương, đề nghị đoàn kỹ thuật Binh chủng khẩn trương giúp sửa chữa thông tin vô tuyến điện trên xe, và khắc phục một số xe bị chảy dầu.

Sau đó, anh Hà Hải nói riêng với tôi, là Đoàn 26 đang khẩn trương chuẩn bị hiệp đồng với bộ binh tiến công tiêu diệt thị xã Phước Long. Chiều 25 tháng 1, tôi họp đoàn và cử 1 số cán bộ kỹ thuật, thợ sửa chữa thông tin vô tuyến điện và máy nổ xe tăng, thiết giáp xuống ngay các tiểu đoàn tăng - thiết giáp để sửa chữa.

Đêm 31 tháng 1 năm 1975, lực lượng bộ binh và tăng thiết giáp B2 nổ súng tiến công thị xã Phước Long bằng tác chiến hiệp đồng binh chủng có xe tăng - thiết giáp tham gia. Do ta chuẩn bị chu đáo, bí mật bất ngờ cho đến khi nổ súng tiến công nên trận tiến công thị xã Phước Long diễn ra đúng kế hoạch, hiệp đồng chiến đấu trên các hướng, các mũi giữa xe tăng với bộ binh tương đối chặt chẽ, đánh mạnh và liên tục, tiêu diệt các lô cốt, ụ súng của địch đánh chiếm khu trung tâm và sở chỉ huy địch, làm chủ các mục tiêu. Đây là trận tiến công thị xã đầu tiên của Quân giải phóng miền Nam giành thắng lợi giòn

giã, mở ra nhiều triển vọng và kinh nghiệm tiến công tiêu diệt các chi khu, quận ly, thị xã ở chiến trường miền Nam.

Sáng ngày 2 tháng 1 năm 1975, từ Bù Đốp, tôi và hai trợ lý tham mưu tác chiến ngồi Ô tô đi vào thị xã Phước Long xem hệ thống lô cốt và cách phòng thủ của địch và các mũi, các hướng tiến công của bộ binh, tăng thiết giáp của ta. Gặp cán bộ bộ binh, tăng - thiết giáp tôi hỏi thủ đoạn đối phó của địch khi bộ đội ta tiến công để rút kinh nghiệm cho bộ đội tăng - thiết giáp ở Tây Nguyên.

Chiều ngày 2 tháng 1, tôi đến cơ quan Bộ Tham mưu B2 báo cáo nhiệm vụ của đoàn công tác Bình chủng. Gặp anh Hai Nhã (Nho) phó tham mưu trưởng Quân giải phóng miền Nam, vì trước khi vào Nam chiến đấu, năm 1963, tôi có dịp gặp anh Hai Nhã và giới thiệu tính năng chiến, kỹ thuật tăng - thiết giáp cho anh Hai Nhã tại khu xe của Trung đoàn tăng 202.

Trông thấy tôi từ xa, anh Hai Nhã đi nhanh đến niềm nở bắt tay và ôm hôn tôi. Hai chúng tôi đều phấn khởi xúc động, tôi nói: Anh Hai ơi, đúng là quả đất tròn, nên chúng ta lại có dịp gặp nhau! Anh Hai Nhã cười rất vui và dẫn tôi vào Bộ Tham mưu Miền (B2). Sau một chén bia lon thân mật, tôi đề nghị làm việc. Tôi báo cáo tình hình nhiệm vụ của Đoàn chúng tôi và đề nghị Bộ Tham mưu Miền cho đoàn cán bộ, thợ sửa của Bình chủng Tăng - Thiết giáp ở lại Đoàn 26-B2, còn tôi và hai trợ lý tham mưu binh chủng phải khẩn trương ra đường 9 nhận nhiệm vụ (vì phải bí mật cho Buôn Ma Thuột, tôi không nói là ra Tây Nguyên).

Tối hôm đó anh Hai Nhã, Ba Trần mời tôi ăn cơm với thủ trưởng Bộ Tham mưu Miền. Sau bữa tối, tôi cảm ơn và tạm biệt các anh Hai Nhã, Ba Trần trở về Đoàn thiết giáp 26.

Chiều ngày 4 tháng 1, tôi họp đoàn công tác của Binh chủng nói nhiệm vụ của đoàn ở lại B2, giúp Đoàn thiết giáp 26 khôi phục sửa chữa xe, pháo, đài vô tuyến điện trên xe, còn tôi, và anh Lê Lâm, Ngô Huệ phải khẩn trương ra đường 9 gặp thủ trưởng Bộ nhận nhiệm vụ mới.

17 giờ ngày 6 tháng 1 năm 1975, chúng tôi tạm biệt anh em Đoàn 26 và đoàn công tác của Binh chủng, hành quân từ B2 ra Tây Nguyên. Do yêu cầu, tôi phải khẩn trương đến khu tập kết của Bộ Tư lệnh B3. Tôi cho ngụy trang xe kín đáo và động viên lái xe liên tục lái cả ban ngày và ban đêm để vượt qua thảo nguyên trống trải trên đất Campuchia 70 km đến khu tập kết chiến dịch của Bộ Tư lệnh B3 gần suối Đắc Đam tỉnh Đắc Lắc.

Đúng 3 giờ 45 phút ngày 8 tháng 1, xe chúng tôi tới khu tập kết chiến dịch. 6 giờ ngày 8 tháng 1, tôi tìm đường vào Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Tây Nguyên - gặp anh Yên thư ký của Tư lệnh, tôi đề nghị cho gặp Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên. Anh Yên nói: Bộ Quốc phòng vừa điều Trung tướng Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh Khu 5 lên làm Tư lệnh Tây Nguyên. Tôi hỏi: Thế anh Vũ Lăng làm gì? Anh Yên trả lời: Anh Vũ Lăng vẫn ở lại Tây Nguyên làm phó Tư lệnh Tham mưu trưởng.

Tôi lại hỏi: Chiến dịch Đông Xuân 1974-1975, Bộ Tư lệnh chiến dịch gồm những ai? Anh Yên trả lời tôi mới lên Tây Nguyên, biết có 3 anh: Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh, Đặng Vũ Hiệp, Chính ủy, Vũ Lăng Phó Tư lệnh tham mưu trưởng. Nghe nói có 2 anh nữa: Nguyễn Năng, Phan Hàm, phó tư lệnh chiến dịch, nhưng tôi chưa gặp. Sau đó anh Yên dẫn tôi đến gặp Trung tướng Hoàng Minh Thảo.

Trông thấy tôi, anh Thảo từ trong lán đi ra, tôi đứng nghiêm, chào và đề nghị gặp Tư lệnh chiến dịch. Anh Thảo cười, niềm nở bắt tay và dẫn tôi vào lán

mới dựng xong, chỉ ghế cho tôi ngồi và rót cho tôi một chén trà, bảo tôi uống. Cầm chén trà, tôi mời anh Thảo, uống một ngụm rồi nói: Báo cáo Trung tướng Tư lệnh, đoàn cán bộ và thợ sửa chữa của Binh chủng Tăng - Thiết giáp vào chiến trường từ đầu tháng 10 năm 1974, đã sửa chữa xe pháo và tập huấn cho cán bộ cách đánh hiệp đồng binh chủng cho các đơn vị tăng - thiết giáp từ Quảng Trị, Nam Lào, Tây Nguyên và Miền Đông Nam Bộ, hiện nay Đoàn đang ở B2. Tôi và 2 trợ lý tham mưu tác chiến đi từ Nam Bộ suốt 2 ngày đêm bằng xe con Bắc Kinh ra Tây Nguyên để kịp tham gia chiến dịch theo ý kiến anh Vũ Lăng trước khi tôi dẫn đoàn đi B2.

Anh Thảo hỏi tôi: Kiện và anh em đã ăn sáng chưa? Tôi trả lời: Suốt hai đêm ngày hành quân, cơm nắm, lương khô chúng tôi đã xài hết, sáng nay cả xe chưa ăn gì. Anh Thảo bảo anh Yên thư ký là giao cho công vụ bắt gà thịt làm cho mỗi người một bát phở.

Anh Thảo nói tiếp: Kiện hành quân liên tục hai ngày đêm cũng mệt đấy, sáng nay Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên tổ chức hội nghị phổ biến quán triệt quyết tâm chiến dịch, chiến đấu cho cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên. Kiện cố gắng dự hội nghị lúc 8 giờ 30 phút hôm nay. Tôi thật sự vui mừng và nghĩ thầm thật là một vị tướng xông pha chiến trận trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, kinh nghiệm dày dặn, lại rất quan tâm thương yêu đến cán bộ cấp dưới.

Tôi nói: Thừa Tư lệnh, rất may là tôi ra Tây Nguyên kịp dự hội nghị hôm nay, đề nghị Tư lệnh cho tôi ba giờ báo cáo với hội nghị về cách đánh hiệp đồng binh chủng có xe tăng tham gia và kinh nghiệm thực tế nóng hổi của Đoàn thiết giáp 26 Đông Nam Bộ tiến công thị xã Phước Long.

Anh Thảo nói: Thời gian hội nghị chỉ có một ngày, Kiện nói ba giờ nhiều quá, một giờ có được không? Tôi lại nói: Báo cáo anh, các đơn vị bộ binh mà

Bộ mới điều từ miền Bắc vào có nhiều chiến sĩ chưa biết xe tăng ta, xe tăng địch, chưa đánh hiệp đồng binh chủng có tăng - thiết giáp tham gia, nên rất cần nói những kinh nghiệm cụ thể cho cán bộ trung, sư đoàn bộ binh. Thời gian một giờ quá ít đề nghị anh cho tôi nói hai giờ trước hội nghị. Anh Thảo cười đồng ý.

Sau hội nghị phổ biến quyết tâm chiến dịch và kế hoạch tác chiến của Mặt trận Tây Nguyên, các trung đoàn bộ binh thuộc Sư 316 đã lần lượt đến khu huấn luyện xe tăng, nghe cán bộ tăng - thiết giáp giới thiệu tính năng chiến, kỹ thuật của ta; cách phân biệt sự giống nhau, khác nhau của xe tăng - thiết giáp của ta và xe tăng - thiết giáp của địch; động tác bộ binh nhảy lên xe tăng ngồi bám ở ngoài xe khi cơ động và động tác bộ binh nhảy xuống xe khi xe tăng dừng lại.

Cán bộ, chiến sĩ các trung đoàn bộ binh nghe giới thiệu tính năng tác dụng, sức đột kích mạnh của xe tăng ta, anh em rất phấn khởi. Một số cán bộ và chiến sĩ bộ binh trong giờ nghỉ giải lao đã sờ thân xe, xích, và bánh đỡ nặng xe tăng và nói với nhau: “Xe tăng Việt Nam bây giờ chúng mình mới có dịp được học, mới được sờ vào, được trèo lên, nó oai hùng và mạnh mẽ làm sao. Chiến dịch Đông Xuân 1974-1975 này, bộ binh ta có xe tăng tham gia chiến đấu hiệp đồng binh chủng chắc chắn Mặt trận Tây Nguyên sẽ thắng to”.

Hướng dẫn cho các trung đoàn bộ binh học về xe tăng xong, tôi, anh Lê Lâm, anh Ngô Huệ đến Trung đoàn tăng 273 để giúp anh em về công tác chuẩn bị chiến đấu. Trung tuần tháng 2 năm 1975, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên tổ chức cuộc họp báo cáo với Thượng tướng Tổng tham mưu trưởng kế hoạch chiến dịch và quyết tâm chiến đấu trận tiến công tiêu diệt Chi khu Đức Lập và thị xã Buôn Ma Thuột.

Tôi may mắn được dự cuộc họp thông qua kế hoạch chiến dịch của Bộ. Tham

mười phó mặt trận B3 báo cáo xong, Thượng tướng Văn Tiến Dũng hỏi: Các anh trong Bộ Tư lệnh B3 có phát biểu bổ sung thêm không? Anh Hoàng Minh Thảo nói: Kế hoạch chiến dịch và quyết tâm chiến đấu tiến công Chi khu Đức Lập và thị xã Buôn Ma Thuộc, chúng tôi đã thông qua thống nhất như đã báo cáo với Thủ trưởng Bộ.

Anh Văn Tiến Dũng hỏi: Các binh chủng ai có ý kiến cần bổ sung thì mời phát biểu. Hội nghị một phút im lặng, anh Dũng chỉ vào tôi và nói: Kiện đại diện cho xe tăng phát biểu đi. Tôi giơ tay xin nói: Thưa Thượng tướng Tổng tham mưu trưởng và các anh trong Bộ Tư lệnh Tây Nguyên. Ngay từ đầu được tham gia thảo luận kế hoạch chiến dịch và quyết tâm chiến đấu, tôi đã đề nghị tiến công Chi khu Đức Lập và thị xã Buôn Ma Thuộc. Nhưng nếu mở màn chiến dịch ta tập trung lực lượng tiến công thị xã thì khó khăn sẽ nhiều hơn.

Vì vậy, mở màn chiến dịch ta tiến công Chi khu Đức Lập, sau đó tiến công thị xã Buôn Ma Thuộc thì diễn biến chiến dịch và chiến đấu có thể thuận lợi hơn. Để đảm bảo đánh thắng trận đầu, một trong sáu nguyên tắc tác chiến của quân đội ta, tôi đề nghị Thủ trưởng Bộ phê duyệt kế hoạch chiến dịch và quyết tâm chiến đấu của Mặt trận Tây Nguyên là đêm đầu tiến công tiêu diệt Chi khu Đức Lập sau đó, tập trung lực lượng tiến công tiêu diệt thị xã Buôn Ma Thuộc.

Về sử dụng lực lượng trong chiến dịch, tôi đồng ý như kế hoạch của B3 đã chuẩn bị, Sư đoàn bộ binh 10 được tăng cường một đại đội tăng T54 làm lực lượng dự bị để tiến công tiêu diệt Chi khu Đức Lập, nhưng phải lưu ý thật cần thiết mới điều đại đội tăng vào chiến đấu ở Đức Lập vì phải bảo đảm bí mật bất ngờ khi ta sử dụng xe tăng hiệp đồng với bộ binh tiến công Buôn Ma Thuộc.

Lực lượng xe tăng - thiết giáp của B3 sẽ sử dụng tất cả để tiến công Buôn Ma Thuộc, mỗi trung đoàn bộ binh đánh vào Buôn Ma Thuộc được tăng cường một đại đội tăng T54 và tổ chức một mũi thọc sâu do một tiểu đoàn tăng và đại đội thiết giáp chở bộ binh ngồi trên xe thọc sâu đánh chiếm sở chỉ huy Sư đoàn 23 của địch. Sau khi Đức Lập bị tiêu diệt, đại đội tăng dự bị của Đức Lập chuyển sang làm dự bị cho Buôn Ma Thuộc.

Đêm 8 tháng 3 năm 1975, Sư đoàn bộ binh 10 Tây Nguyên tiến công Đức Lập, tôi được phân công tham dự trận đánh tại sở chỉ huy tiền phương do Thiếu tướng Vũ Lăng, Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng chỉ huy. Quá trình tiến công Đức Lập, Sư bộ binh 10 đã đánh chiếm được một số mục tiêu quan trọng, nhưng còn một số mục tiêu chưa giải quyết xong, sư trưởng Sư 10 điện cho anh Vũ Lăng đề nghị cho sử dụng đại đội tăng dự bị vào chiến đấu. Anh Vũ Lăng hỏi tôi, có nên sử dụng xe tăng vào dứt điểm Đức Lập không? Tôi trả lời: Đề nghị anh gọi điện cho sư trưởng là để bảo đảm bí mật cho xe tăng khi đánh Buôn Ma Thuộc, đại đội tăng dự bị chưa sử dụng, sư đoàn kiểm tra xem tiểu đoàn bộ binh dự bị và DKZ đã sử dụng hết chưa? Nếu còn thì sử dụng bộ binh và DKZ dự bị vào đánh chiếm các mục tiêu còn lại. Nếu lực lượng dự bị vào không dứt điểm được Đức Lập, mới cho sử dụng xe tăng.

Rất phấn khởi là sau khi nhận lệnh của anh Vũ Lăng, Sư 10 điều lực lượng dự bị còn lại vào chiến đấu, đánh chiếm các mục tiêu còn lại. Ngày 9 tháng 3 năm 1975, Sư 10 Mặt trận Tây Nguyên đã đánh chiếm hoàn toàn Đức Lập. Trận đầu mở màn chiến dịch tiến công đông xuân 1974-1975 đã thắng lợi giòn giã. Anh Vũ Lăng bảo tôi đi cùng anh chuyển về sở chỉ huy cơ bản để tham gia tiến công thị xã Buôn Ma Thuộc.

Đêm 10 tháng 3 năm 1975, bộ đội Tây Nguyên tiến công thị xã Buôn Ma Thuộc, khi pháo binh chiến dịch bắn chuẩn bị, xe tăng dùng tốc độ cao tiếp cận mục tiêu, khi pháo binh bắn chuyển làn chi viện xung phong, các đại đội tăng tăng cường cho các trung đoàn bộ binh nhanh chóng tiến lên hiệp đồng với bộ binh xung phong đánh chiếm từng mục tiêu trong thị xã. Tiểu đoàn

tăng - thiết giáp chở bộ binh nhanh chóng thọc sâu vào khu trung tâm thông tin để phát triển đánh chiếm sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy.

Địch chống cự quyết liệt mũi thọc sâu phải dừng lại củng cố, giải quyết chuyển một số thương binh về phía sau. Các trung đoàn bộ binh và đại đội tăng chiếm các mục tiêu trong thị xã cũng dừng lại. Ngày 11 tháng 3, lực lượng bộ binh, xe tăng, đặc công tiếp tục tiến công đợt II đánh chiếm sở chỉ huy Sư đoàn 23, khu kho vũ khí, quân trang, quân dụng Mai Hắc Đế, dinh tỉnh trưởng ngụy quyền và các mục tiêu còn lại. 11 giờ ngày 11 tháng 3 toàn bộ địch trong thị xã Buôn Ma Thuộc đã bị tiêu diệt, bộ đội ta làm chủ chiến trường, bắt tù binh thu vũ khí.

Ngày 13 và 15 tháng 3, để cứu vãn sự thất bại ở Buôn Ma Thuộc, Tư lệnh Quân khu II ngụy, mỗi ngày điều một lữ dù đặc nhiệm đổ quân xuống phía bắc thị xã Buôn Ma Thuộc bằng trực thăng để đánh chiếm lại thị xã Buôn Ma Thuộc, nhưng do Bộ Tư lệnh chiến dịch của ta phán đoán đúng, chuẩn bị trước, đã điều Sư đoàn 10 từ Đức Lập hành quân bằng cơ giới bố trí sẵn ở phía bắc thị xã làm lực lượng dự bị cho Buôn Ma Thuộc, nên hai ngày 13 và 15 tháng 3, mỗi ngày một lữ dù đặc nhiệm ngụy đổ quân xuống thị xã đều bị Sư 10 tiến công tiêu diệt.

Trước thất bại lớn ở Tây Nguyên, để có kế hoạch đối phó với sự tiến công của ta, Mỹ ngụy đã họp ở Cam Ranh có Tư lệnh Quân khu II Nguyễn Văn Phú tham dự. Cuối cùng chúng thống nhất quyết định rút bỏ Tây Nguyên.

Để chuẩn bị cho Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên hạ quyết tâm tiêu diệt địch rút quân từ Pleiku về Nha Trang và Sài Gòn, anh Vũ Lăng họp một số cán bộ cơ quan tham mưu chiến dịch và đại diện các binh chủng thảo luận xem địch sẽ rút bằng đường nào? Qua thảo luận sôi nổi, cuộc họp có hai ý kiến khác nhau. Một ý kiến cho rằng Đường 19 có Sư đoàn 3 Khu 5 đã chặn

từ đèo Măng Giang, địch chỉ còn đường rút từ Pleiku theo đường 14 xuống đường 21 về Ninh Hòa - Nha Trang bằng đường bộ, Bộ Tư lệnh Quân khu II của địch sẽ rút bằng đường không.

Tôi suy nghĩ là địch có thể rút từ Pleiku theo đường 14 xuống đường 7, nên hỏi: Tại sao con đường 7 từ ngã ba đường 14 đi Cheo Reo (Hậu Bốn) xuống Củng Sơn, Phong Niên đi Nha Trang không ai đề cập tới? Một đồng chí trong cơ quan tham mưu Mặt trận Tây Nguyên trả lời, con đường số 7 theo quân báo, trinh sát Khu 5, địch đã bỏ từ lâu rồi vì mặt đường hẹp, nhiều cầu cống, nhiều đoạn hồng nặng, xe cơ giới không đi được.

Tôi nói: Đầu năm 1946, tôi đã đi trên con đường này, mặt đường rộng 4 đến 6 mét, rải nhựa. Khi tướng Lơ Cơ Lec chỉ huy quân đội Pháp đánh từ Nam Bộ ra Đắk Lắk và Tây Nguyên bằng xe tăng, xe bọc thép, bộ đội Nam tiến chúng tôi đã rút từ Buôn Ma Thuột theo đường 14 xuống đường 7 đi Cheo Reo về Củng Sơn. Theo tôi, một con đường thực dân Pháp đã xây dựng từ lâu thì có thể quân ngụy bây giờ sẽ tận dụng, có thể mở rộng mặt đường 8 đến 10 mét để sử dụng thì đúng hơn là không dùng, bởi vì cự ly từ Pleiku đến ngã ba đường đi Cheo Reo xuống Củng Sơn, Phong Niên rất gần và an toàn hơn đường 21, bộ đội ta không có lực lượng chặn địch trên đường 7.

Anh Vũ Lăng chỉ vào tôi và nói: Trinh sát, quân báo Khu 5 báo cáo là địch đã bỏ con đường 7 từ lâu rồi. Anh nói như là thổ công ở đấy? Tôi xin nói tiếp: Hợp thảo luận thì tất nhiên có ý kiến khác nhau, không nên khẳng định một phương án. Nếu địch không rút từ Pleiku theo đường 14 xuống ngã ba đường 21 đi Nha Trang mà rút xuống ngã ba đường 7 đi Cheo Reo, Củng Sơn, Phong Niên theo đường quốc lộ 1 vào Nha Trang thì sao? Vì vậy, tôi đề nghị Bộ Tư lệnh B3 lưu ý địch có thể rút theo đường 7 đi Cheo Reo, Củng Sơn.

Ngày 20 tháng 3 năm 1975, toàn bộ lực lượng địch ở Pleiku hơn ba vạn hai

ngành tên và vợ con ngụ quân, ngụ quyền rút theo đường 14 xuống ngã ba đường 7 đi Cheo Reo, Củng Sơn. Do Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên dự kiến đúng từ trước đã điều một bộ phận bộ binh Sư 320 ra chặn địch phía đông sông Ba, Cheo Reo;

Khi biết tin địch rút theo đường 7 đi Cheo Reo, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên điều Sư đoàn 320 được tăng cường một tiểu đoàn tăng - thiết giáp nhanh chóng đến thị xã Cheo Reo tiến công tiêu diệt địch. Toàn bộ hơn ba vạn tên địch thuộc Quân khu II ngụ bị bộ đội Tây Nguyên đánh cho tan tác. Đại bộ phận quân địch bị tiêu diệt, bị bắt làm tù binh, một số vứt xe pháo súng bỏ chạy, còn vợ con ngụ quân, ngụ quyền ta cho tạm ở Cheo Reo một vài ngày, sau đó động viên họ trở về quê cũ.

14 giờ hôm đó. Tôi và anh Ngô Huệ ngồi Ô tô đến thị xã Cheo Reo để quan sát tình hình và hỏi số lính ngụ đã bị bắt về người chỉ huy và lực lượng địch rút từ Pleiku về Cheo Reo, đi xem số xe tăng M-41 xe thiết giáp M113 của địch bỏ lại. Lính thiết giáp ngụ chết nhiều, có tên chết trên xe, có tên chết và bị thương dưới gầm xe. Tôi bảo đồng chí lái xe: mùa khô thượng nguồn sông Ba nước rất cạn, cho xe sang phía đông sông Ba để xem con đường số 7.

Xe tôi vừa tới bờ sông Ba thì thấy xe anh Vũ Lăng cũng vừa đến. Tôi nói: Anh Lăng ơi, hữu tình ta lại gặp ta... mời anh cùng sang bên kia xem đường sá ra sao? Anh Vũ Lăng cười và nói: Tôi cũng có ý định xem con đường số 7 địch bỏ không sử dụng hay chúng mở rộng để sử dụng. Hai xe tôi chở chúng tôi lội qua sông Ba. Xe vừa lên khỏi bến lội, anh Lăng và tôi cùng xuống xe xem đường. Quan sát thấy đường địch đã san ủi rộng 10-12 mét, có đoạn đã rải nhựa. Tôi nói, anh Lăng ơi, ai nói lâu nay địch bỏ đường 7 không sử dụng là bốc phét.

Sau đó, khoảng 17 giờ, tôi bảo lái xe đưa tôi lên thành phố Pleiku để xem hệ

thống công sự và tổ chức phòng thủ của địch. Vừa đến Pleiku hỏi thăm trụ sở cơ quan quân sự của ta để nhờ người dẫn đi xem căn cứ Quân khu II địch. Tôi nói với anh Ngô Huệ:

- Cậu vẽ kỹ hệ thống phòng thủ và công sự của địch, nếu không vẽ xong, sang ngày mai đến đây vẽ tiếp. Đêm hôm đó, chúng tôi nghỉ lại cơ quan quân sự tỉnh Gia Lai nấu cơm ăn.

Sáng ngày 21 tháng 3 năm 1975, chúng tôi đi Ô tô đến sở chỉ huy Quân khu II ngay xem vẽ tiếp công sự và địa hình, địa vật xung quanh. 10 giờ, chúng tôi rời Pleiku trở về sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Tây Nguyên ở Đắk Lắk.

14 giờ, anh Vũ Lăng gọi điện cho tôi nói: Chiều nay và ngày 22 tháng 3, Bộ Tham mưu B3 tổ chức một đoàn cán bộ đi lên Pleiku để xem xét cách phòng thủ và hệ thống công sự của địch mời anh cùng đi với đoàn. Tôi trả lời: Cảm ơn anh, chiều 21 tháng 3 tôi và trợ lý tham mưu của Binh chủng tăng đã đi Pleiku làm việc ấy rồi, tôi vừa ở Pleiku về Đắk Lắk trưa nay. Theo kế hoạch chiều nay tôi phải làm việc với anh Văn Tiến Dũng và anh Lê Ngọc Hiền.

14 giờ 30 phút Văn phòng Bộ gọi điện cho tôi sang làm việc với anh Dũng. Nhận điện, tôi đến Sở Chỉ huy của anh Văn Tiến Dũng. Trông thấy tôi, anh Dũng gọi vào phòng làm việc cho hút thuốc lá ba số 5 và uống cà phê Buôn Ma Thuật, loại cà phê ngon nhất của Việt Nam.

Anh Dũng nói: Anh Sáu Thọ (Lê Đức Thọ) ở Hà Nội sẽ vào Tây Nguyên, chúng ta phải khẩn trương chuẩn bị giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa. Xe tăng của B3 khả năng chiến đấu tiếp có khó khăn gì?

Tôi nói: Thừa Tổng tham mưu trưởng, lực lượng xe tăng B3 sau chiến thắng Buôn Ma Thuộc, Cheo Reo, anh em rất phấn khởi và đang chuẩn bị xe pháo cho những trận chiến đấu tiếp theo. Toàn bộ xe tăng - thiết giáp của B3 qua hai trận chiến đấu tiêu diệt Buôn Ma Thuộc và Cheo Reo đều tốt, có thể cơ động tiến công Sài Gòn. Chỉ có hai xe tăng bị địch bắn hỏng, tôi đã cho kéo xuống suối dùng thuốc nổ phá hủy. Khí tài kỹ thuật, dầu ma dút, dầu nhớt, khí tài kỹ thuật còn đủ. Khó khăn lớn của lực lượng xe tăng là thiếu đạn pháo 100 ly, không đủ một xe hai cơ số đạn. Đánh Sài Gòn, mỗi xe cần có 2 - 2,5 cơ số đạn.

Anh Dũng vui vẻ nhìn tôi và nói: Cậu đã đi các kho vũ khí của B3 kiểm tra chưa?

Tôi trả lời: Trước khi mở chiến dịch, tôi đã đi các kho của B3 xem đạn pháo, đạn 12,7 ly, đạn súng máy trên xe tăng thì đạn pháo 100 ly đã hết, còn các loại 12,7 ly, đạn súng máy có nhiều.

Anh Dũng hỏi tiếp: Bây giờ làm thế nào để có đạn pháo xe tăng để đánh Sài Gòn?

Tôi nói: Đề nghị Thủ trưởng điện cho Tổng cục Hậu cần chở đạn pháo 100 ly từ miền Bắc vào Tây Nguyên. Anh Dũng nói: Thời gian gấp lắm rồi, chúng ta phải giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa năm nay. Tôi nói: Nếu đạn pháo chở bằng ô tô từ miền Bắc vào Tây Nguyên thì không kịp. Mùa mưa ở miền Nam bắt đầu từ tháng 5, từ nay đến tháng 5, ta còn hơn một tháng, tôi đề nghị Tổng Tham mưu trưởng điện cho Tổng cục Hậu cần, lấy đạn pháo 100 ly ở Kho Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp đưa về Gia Lâm dùng máy bay IL-18 chở khoảng 2000 viên thì trong thời gian một tuần sẽ bảo đảm cho mỗi xe tăng 2-2,5 cơ số đạn 100 ly.

Thưa anh, tôi đã dùng Ô tô đi trinh sát sân bay của địch, trong số hai sân bay ở Đắc Lắc thì sân bay Hòa Bình có thể cất hạ cánh cho IL-18, bởi vì sân bay Hòa Bình qua tìm hiểu người quản lý sân bay thì hàng ngày, khi ta chưa tiến công Buôn Ma Thuộc, địch vẫn dùng để cất hạ cánh máy bay F105 và Dakota.

Anh Dũng cười bảo: Cậu cũng hiểu về không quân à? Tôi nói: Báo cáo anh, năm 1973-1974 tôi đi học ở Học viện Liên Xô, bạn cho học về không quân đi tham quan sân bay và một số loại máy bay của bạn.

Sau đó, anh Dũng bảo: Kiện sang cơ quan tham mưu làm việc với anh Lê Ngọc Hiền và bảo anh Hiền điện cho Tổng cục Hậu cần dùng máy bay vận tải IL-18 chở đạn pháo cho Tây Nguyên hạ cánh xuống sân bay Hòa Bình ở phía nam Buôn Ma Thuộc khoảng 8 km.

Tôi đi ngay sang phòng làm việc của anh Hiền. Bước vào phòng, anh Hiền hỏi: Cậu đã làm việc với anh Dũng chưa? Tôi báo cáo đã làm việc với anh Dũng rồi, anh Dũng bảo sang làm việc với anh. Anh Lê Ngọc Hiền nói ngay: Tớ đang chờ cậu để thảo luận việc tập trung lực lượng xe tăng cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Kiện xem, ta tiến công Sài Gòn cố gắng tập trung một nghìn tăng - thiết giáp có được không?

Tôi báo cáo, hiện nay lực lượng xe tăng của ta ở miền Nam có khoảng trên 400 xe. Nếu điều động lực lượng tăng thiết giáp ở miền Bắc vào để bổ sung cho các Quân đoàn thì thời gian không cho phép vì chiến dịch Hồ Chí Minh sắp bắt đầu. Lực lượng xe tăng của ta có thể tập trung được 400 xe trên các hướng đánh vào Sài Gòn - Gia Định, so với lực lượng tăng thiết giáp của ngụy quân thì số lượng của ta ít hơn nhiều, (quân ngụy có khoảng 20 thiết giáp, khoảng gần 1700-1800 xe tăng M41, M48 và M113).

Tuy số lượng xe tăng của ta trên chiến trường miền Nam ít hơn địch, nhưng chất lượng chiến đấu của xe tăng ta tốt hơn, với số lượng gần 400 xe trên các hướng chiến dịch, xe tăng ta bảo đảm chi viện cho các sư đoàn bộ binh tiến công tiêu diệt địch. Hiện nay, Quân đoàn I đã tập kết ở Đồng Xoài, nhưng mới có một tiểu đoàn tăng lội nước (PT-76) còn ba tiểu đoàn tăng chưa đến kịp, đề nghị thủ trưởng Bộ điều 1-2 tiểu đoàn tăng T-54 của Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp tăng cường cho B2 bổ sung cho Quân đoàn I, bảo đảm sức đột kích cho quân đoàn.

Anh Hiền nói: Mặt trận Tây Nguyên thành lập Quân đoàn 3, chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn mang tên Hồ Chí Minh, cậu thu xếp công việc, không ở B3 nữa mà bổ sung cho cơ quan chiến dịch Hồ Chí Minh giúp Bộ Tư lệnh chiến dịch về sự lực lượng Tăng - Thiết giáp.

Thượng tuần tháng 4 năm 1975, tôi và anh Lê Lâm, Ngô Huệ trợ lý tác chiến của Binh chủng tạm biệt B3 đi theo xe anh Văn Tiến Dũng và anh Lê Ngọc Hiền đến Sở chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh. Trung tuần tháng 4, Bộ Tư lệnh chiến dịch thông qua kế hoạch chiến dịch và quyết tâm chiến đấu của các quân đoàn trên 5 hướng tiến công vào Thành phố Sài Gòn - Gia Định. Sau đó, phổ biến quán triệt cho các đơn vị để khẩn trương chuẩn bị chiến đấu, hành quân tiếp cận các mục tiêu địch trên các hướng phòng thủ bảo vệ Sài Gòn.

Từ ngày 25-28 tháng 4, trên các hướng tiến công của các quân đoàn đã nổ súng tiến công địch tạo điều kiện nhanh chóng đánh thẳng vào các mục tiêu chủ yếu là Dinh Độc Lập, trụ sở Bộ Tổng tham mưu quân ngụy, và các mục tiêu quan trọng là sân bay Tân Sơn Nhất, Quân Cảng Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Cảnh sát ngụy...

Địch ở các hướng Lái Thiêu, Bầu Bàng, ngã tư Bảy Hiền, Xuân Lộc, khu thiết giáp Nước Trong và địch trên quốc lộ 4 đi Sài Gòn chống cự quyết liệt. Nhưng lực lượng tiến công của ta trên các hướng, dưới sự chi viện của pháo binh đã hiệp đồng chặt chẽ lần lượt tiêu diệt các mục tiêu địch bảo vệ vòng ngoài thành phố Sài Gòn.

Đêm 29 tháng 4, pháo binh chiến dịch bắn mạnh vào sân bay Tân Sơn Nhất, quân cảng Sài Gòn... để chi viện cho các binh đoàn tiến công trên các hướng đánh thẳng vào các mục tiêu chủ yếu và quan trọng. Trên các hướng bắc, tây bắc, và nam Sài Gòn, các binh đoàn đã nhanh chóng tiêu diệt các mục tiêu địch phòng thủ ngăn chặn, nhanh chóng đánh thẳng vào Sài Gòn chiếm dinh Độc Lập, trụ sở Bộ Tổng tham mưu, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tư lệnh Cảnh sát nguy...

Đặc biệt hướng đông nam Sài Gòn, Quân đoàn II đã nhanh chóng tổ chức lực lượng thọc sâu. Lữ đoàn tăng 203 được tăng cường một trung đoàn bộ binh, tiểu đoàn pháo binh, tiểu đoàn pháo cao xạ đã nhanh chóng cơ động tiến công địch trong hành tiến, tiêu diệt địch ngăn chặn ở hai đầu cầu sông Sài Gòn, nhanh chóng thọc sâu vào dinh Độc Lập, buộc Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975 và lá cờ Cách mạng nửa đỏ, nửa xanh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam được kéo lên tung bay trên nóc dinh Độc Lập, báo hiệu chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã toàn thắng. Miền Nam nước ta đã được giải phóng?

Vui mừng trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc, tổ thiết giáp chúng tôi, có anh Lê Lâm, Ngô Huệ, Nguyễn Văn Phước lái xe đã ôm hôn nhau, xúc động không nói lên lời. Sau đó, tôi báo cáo với Thượng tướng Văn Tiến Dũng cho phép tổ thiết giáp chúng tôi tiến vào Sài Gòn để nắm bắt tình hình các đơn vị Tăng - Thiết giáp.

14 giờ 15 phút, chúng tôi đã có mặt tại bàn doanh Bộ Tổng tham mưu nguy,

gặp đơn vị tăng 202 và 273. Sau đó, chúng tôi đến Dinh Độc Lập liên lạc được với Lữ tăng 203.

Ngày 2 tháng 5, chúng tôi đến căn cứ Lam Sơn, trụ sở Bộ Tư lệnh Thiết giáp ngụy để liên lạc với Đoàn thiết giáp 26 Nam Bộ, gặp các anh Mai Văn Phúc, Võ Ngọc Hải, Hà Hải và Lê Như Hòa trong niềm vui chung trước thắng lợi to lớn của đất nước và niềm vui riêng là bạn bè lâu ngày được gặp nhau ở Sài Gòn kể từ năm 1964 các anh lên đường nhận nhiệm vụ vào miền Nam chiến đấu.

Làm việc với các anh lãnh đạo, chỉ huy Đoàn thiết giáp Nam Bộ chúng tôi hiểu thêm được tình hình của đơn vị và tôi hôm đó, ăn cơm thân mật tại căn cứ Lam Sơn. Ngày 3 tháng 5 năm 1975, tôi, anh Lê Lâm và anh Ngô Huệ đến bản doanh báo cáo tình hình lực lượng Tăng - Thiết giáp của ta và tăng thiết giáp của địch đã thu được với Trung tướng phó Tổng tham mưu trưởng xin ý kiến chỉ đạo của Bộ.

Anh Lê Trọng Tấn hỏi tôi: Số lượng tăng - thiết giáp của địch toàn miền Nam có bao nhiêu? Tôi báo cáo: Theo tin tình báo, trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975, quân đội ngụy có 20 thiết đoàn, riêng tại thành phố Sài Gòn và các tỉnh lân cận, địch có 5-6 thiết đoàn. Tổng số xe tăng - thiết giáp của địch ta chưa thống kê được. Đề nghị Thủ trưởng Bộ cho chúng tôi đi các kho của Nam Bộ, Trung Bộ để kiểm tra nắm chắc tình hình tăng - thiết giáp của địch.

Được anh Lê Trọng Tấn đồng ý, ngày 4 tháng 5, tôi dẫn một tổ năm người lên đường đi Cần Thơ và các tỉnh nam Sài Gòn. Chúng tôi vào kho Đồng Tâm ở Cần Thơ thấy có nhiều tăng M41, thiết giáp M113 còn mới, địch chưa sử dụng.

Ngày 8 tháng 5, chúng tôi hành quân ra các tỉnh miền Trung kiểm tra từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào đến Khánh Hòa. Đến đâu cũng thấy số lượng tăng - thiết giáp của địch ở trong kho, trong doanh trại và dọc đường phố, do bị ta tiến công, địch hoảng loạn bỏ xe để tháo chạy thoát thân.

Để thu gom số xe này, tôi đã gặp ban quân quản các tỉnh đề nghị cho thu gom số tăng, thiết giáp của địch còn nằm rải rác nhiều nơi trong tỉnh đưa về khu kho kỹ thuật quân sự. Khó khăn của Ban quân quản là không có người lái xe tăng - thiết giáp địch, tôi đề nghị cho kiểm tra tìm trong số tù binh và số lính ngụy bỏ chạy về nhà, gọi họ đến, cấp gạo, thực phẩm và tiền cho họ, chỉ huy họ lần lượt lái xe tăng - thiết giáp tập trung về kho vũ khí, kỹ thuật.

Ngày 12 tháng 5 năm 1975, chúng tôi hành quân về thành phố Sài Gòn. Ngày 13 tháng 5, trong buổi giao ban của Bộ Tổng tham mưu, tôi báo cáo với anh Lê Trọng Tấn và nhận chỉ thị của anh Tấn dự lễ duyệt binh ngày 15 tháng 5, mừng chiến thắng, mừng cuộc tổng tiến công mùa xuân lịch sử năm 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, chấm dứt ách thống trị hơn 100 năm của chủ nghĩa thực dân đế quốc.

Đoàn cán bộ, thợ sửa chữa kỹ thuật tăng - thiết giáp nhận nhiệm vụ của Bộ vào Nam chuẩn bị giải phóng miền Nam trong thời gian hai năm, nhưng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 chỉ diễn ra 52 ngày đêm, kết thúc bằng “Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử” tiến công thành phố Sài Gòn - Gia Định - sào huyệt cuối cùng của Mỹ - ngụy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Mùa xuân đại thắng đã qua 28 năm, viết lại những dòng hồi ức này, trong tôi lại bùng lên những kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời binh nghiệp, nhất là những

kỷ niệm trong cuộc Tổng tiến công, nổi dậy mùa xuân năm 1975. Tôi hình dung rất rõ những gương mặt bạn chiến đấu, những đồng đội thân thương đã dũng cảm chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và đã lưu lại trong tôi những tình cảm mạnh mẽ, những ấn tượng sâu sắc, tốt đẹp của những năm tháng không thể nào quên.

L.X.K

(ĐT. 04. 8370438)

BỘ ĐỘI TĂNG – THIẾT GIÁP

TRÊN CHIẾN TRƯỜNG NAM BỘ VÀ CỤC NAM TRUNG BỘ

(B2 - 1965 - 1975)

Thiếu tướng Mai Văn Phúc

Phó tư lệnh Quân khu 7.

Nguyên Tư lệnh Tăng - Thiết giáp Miền - B2 .

Từ những năm 1963 - 1965, Bộ Tổng Tham mưu đã trực tiếp chỉ đạo Trung đoàn Tăng - Thiết giáp 202 tổ chức huấn luyện hai đại đội đặc công cơ giới sử dụng thành thạo xe tăng thiết giáp để vào miền Nam chuẩn bị chiến trường cho tác chiến hợp đồng binh chủng sau này.

Đầu năm 1963, đại đội đặc công cơ giới 46B được cử vào chiến trường B2 (Nam Bộ và cục Nam Trung Bộ). Tới chiến trường miền Đông Nam Bộ, đại đội 46B được biên chế phân tán về một số đơn vị bộ binh để trực tiếp tham gia chiến đấu tiếp cận dần với phương tiện kỹ thuật hiện đại của địch.

Tháng 2 năm 1964, tôi đang làm nhiệm vụ tiểu đoàn trưởng xe tăng ở Trung đoàn 202 và anh Lâm Kim Chung trong đoàn cán bộ 613 của Bộ tăng cường cho B2 vào tới căn cứ của Bộ chỉ huy Miền, được biên chế ngay về Phòng Tác chiến, rồi Phòng Quân báo. Ít lâu sau, Bộ chỉ huy Miền giao nhiệm vụ cho tôi và anh Lâm Kim Chung tập hợp quân số của đại đội đặc công cơ giới 46B lại để thành lập Ban cơ giới Miền. Trực thuộc ban cơ giới có một trung đội đặc công cơ giới, Ban cơ giới Miền chúng tôi được giao nhiệm vụ:

- Nghiên cứu khả năng sử dụng thiết giáp ở chiến trường B2; vừa nghiên cứu các phương thức đảm bảo kỹ thuật cho công tác huấn luyện và chiến đấu của bộ đội Tăng - Thiết giáp, trước tiên ở chiến trường trọng điểm miền Đông Nam Bộ.

- Đồng thời xúc tiến nghiên cứu huấn luyện cách thức để đoạt xe địch đánh địch.

Ban cơ giới và trung đội cơ giới Miền đầu tiên ấy trở thành đơn vị tiền thân của bộ đội Tăng - Thiết giáp Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Tháng 4 năm 1964, Đoàn cán bộ tăng thiết giáp gồm 40 cán bộ, trưởng xe, lái xe, pháo thủ được huấn luyện đặc biệt để tăng cường cho B2, đoàn đã được sáp nhập với trung đội cơ giới của Miền thành đại đội cơ giới, lấy phiên hiệu là C40.

Tháng 3 năm 1965, đoàn 711 gồm 228 cán bộ, chiến sĩ từ Trung đoàn 202 tiếp tục vào miền Đông Nam Bộ, sáp nhập với đại đội cơ giới C40 thành đoàn cơ giới Miền, lấy phiên hiệu J16. Tôi được giao trách nhiệm trưởng Đoàn J16, anh Bùi Tân - Chính ủy, anh Phạm Hà Hải làm Đoàn phó. Khi Đoàn cơ giới J16 chưa có phương tiện kỹ thuật, vũ khí, khí tài, xe pháo nên được biên chế gọn thành bốn đại đội: hai đại đội một và năm sáp nhập thành Đại đội 15, Đại đội hai và ba thành Đại đội 23; Đại đội bốn và sáu thành Đại đội 46, Đại đội 40 giữ nguyên. Một số cán bộ được Bộ chỉ huy Miền cử đi

tăng cường cho các đơn vị bộ binh, công binh, đặc công, pháo binh...

Sau khi thành lập Đoàn J16, Bộ chỉ huy Miền giao cho nhiệm vụ tổ chức một số trận đánh để đoạt xe địch, trước mắt làm phương tiện huấn luyện bộ đội. Một trong những trận đánh tiêu biểu, diễn ra ngày 23 tháng 3 năm 1966, Đại đội tăng thiết giáp 40 do đồng chí Lê Như Hòa trực tiếp chỉ huy kết hợp với nội ứng, tập kích bất ngờ vào trung đoàn tăng thiết giáp số một của quân đội Sài Gòn tại căn cứ Gò Đậu (Phú Cường, Bình Dương) với sự phối hợp của ba nội ứng trong hàng ngũ quân ngụy: thiếu úy Phùng Văn Mười, thượng sĩ Nguyễn Văn Thắng, trung sĩ Ngô Văn Nhất.

Các chiến sĩ Đại đội 40 đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, làm chủ trận địa trong một thời gian dài, thu 10 xe (bốn xe M41 và sáu xe 113). Nhưng do sử dụng xe địch chưa thành thạo triển khai đội hình chiến đấu chậm, bị máy bay, xe tăng địch phát hiện, bắn phá vào đội hình, khống chế đường ta đưa xe về căn cứ, nghĩa binh Ngô Văn Nhất hy sinh, chỉ còn một chiếc M41-AL do thiếu úy nghĩa binh Phùng Văn Mười điều khiển chạy về hướng Phú Giáo, được đồng chí Vũ Đức Hùng (cán bộ kỹ thuật J16) kịp thời đón ở Bông Trang - Nhà Đỏ, lái thẳng về chiến khu Long Nghĩa.

Chiếc M41-AL trở thành phương tiện đầu tiên, duy nhất đổi bằng máu của chiến sĩ cơ giới Miền, dùng để huấn luyện kỹ thuật binh chủng cho bộ đội B2 lúc đó.

Tháng 4 năm 1967, Quân ủy Miền quyết định sáp nhập Đoàn cơ giới Miền với đơn vị B18 đặc công thành Đoàn Đặc công cơ giới Miền (vẫn lấy phiên hiệu là J16), biên chế tinh gọn thành hai tiểu đoàn đặc công cơ giới mỗi tiểu đoàn có hai đại đội đặc công, một đại đội cơ giới).

Thời gian này, anh Nghiêm Xuân Đấu làm đoàn trưởng J16, tôi (Mai Văn

Phúc) làm Chính ủy, anh Phạm Hà Hải làm tham mưu trưởng, anh Mười Tân làm Chủ nhiệm chính trị. Ngoài lực lượng binh chủng J16, Bộ chỉ huy Miền còn tổ chức nhiều phân đội đặc công cơ giới, biệt phái xuống các đơn vị thuộc Đặc khu Sài Gòn - Gia Định, chiến khu Rừng Sác để nghiên cứu địa hình, tiếp cận dần với phương tiện chiến tranh hiện đại của địch, chờ thời cơ đoạt xe địch. Đồng thời cung cấp thông tin, giúp chỉ huy binh chủng am hiểu chiến trường, điều kiện tác chiến, chiến kỹ thuật của địch. Trên cơ sở đó, chi viện thiết thực sức người sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Ngoài việc huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ binh chủng, J16 còn tập huấn cho nhiều đoàn cán bộ, chiến sĩ các binh chủng bạn như đặc công, công binh, pháo binh, bộ binh... về tính năng kỹ thuật chiến thuật xe tăng M41, để khi tác chiến có thể vận dụng những kiến thức cơ bản về tăng để hạn chế tối đa điểm mạnh và khai thác hết các yếu điểm của xe tăng địch.

Điều đó có ý nghĩa quan trọng trên hai phương diện: một là giúp cấp trên am hiểu về kỹ thuật, chiến thuật xe tăng địch và yêu cầu của chiến trường đặt ra, trên cơ sở đó đề ra được phương châm, phương hướng tổ chức lực lượng, huấn luyện bộ đội tăng thiết giáp, chi viện cho chiến trường miền Nam có hiệu quả. Hai là những hiểu biết về chiến kỹ thuật cùng những thông tin mới về xe tăng.. địch sẽ gây được niềm tin cho bộ đội, nhất là bộ binh, góp phần không nhỏ vào việc củng cố quyết tâm đánh bại chiến thuật “thiết xa vận” của địch.

Một minh họa rõ nét nhất là chiến dịch chống cuộc hành quân càn quét Gian-sơn Xi-ty, lực lượng vũ trang ba thứ quân của ta, đặc biệt là dân quân du kích đã diệt nhiều xe tăng địch bằng vũ khí tự tạo dùng cho bộ binh. Việc nghiên cứu, tìm hiểu xe tăng địch, biên soạn giáo án huấn luyện cho bộ đội khó khăn bao nhiêu thì việc bảo vệ, đảm bảo kỹ thuật cho chiếc xe M41-AL dùng làm phương tiện học tập càng khó khăn gấp bội. Chiếc M41-AL này được cất giấu dưới một căn hầm sâu 4m, rộng 4m, dài 8m, do một tiểu đội cảm tử cơ giới Miền bảo vệ.

Suốt ba năm ròng (1966 - 1968), trong điều kiện ngặt nghèo của chiến tranh trên chiến khu Long Nguyên, bộ đội đặc công cơ giới Miền đã giữ được tình trạng xe tốt trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao. Từ 292 cán bộ, chiến sĩ tăng thiết giáp tập hợp của bốn đoàn chi viện cho chiến trường B2 cùng chiến M41-AL lấy được trong trận Gò Đậu (Bình Dương), Đoàn Đặc công cơ giới Miền J16 đã tham gia năm trận tập kích, tám trận chống càn, bắn rơi hai máy bay trực thăng, phá hủy 30 xe tăng thiết giáp địch.

Tháng 9 năm 1968, Bộ chỉ huy Miền ra lệnh rút tiểu đội cảm tử và tháo các trang thiết bị, súng đạn, dụng cụ quang học, thông tin trên chiếc xe máu thịt M41-AL về cứ, còn xe phải chôn giấu và gài mìn bảo vệ dưới lòng đất Long Nguyên. Bộ đội tăng thiết giáp Miền lần nữa phải chia tay, phân tán về các đơn vị trực tiếp chiến đấu, nung nấu ý chí, chờ thời cơ đoạt xe địch đánh địch.

Năm 1970, cách mạng miền Nam phát triển sang giai đoạn tiến công chiến lược. Hậu phương lớn miền Bắc khẩn trương chi viện cao nhất sức người, sức của và phương tiện, trang bị vũ khí hiện đại cho các chiến trường. Trong bối cảnh ấy, ngày 3 tháng 3 năm 1971, Bộ chỉ huy Miền quyết định thành lập Sở chỉ huy tiền phương cơ giới để chuẩn bị đón các đơn vị xe tăng từ Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp chi viện vào. Đồng chí Phạm Hà Hải được giao nhiệm vụ tập hợp số cán bộ kỹ thuật đang biệt phái ở các đơn vị về Sở chỉ huy tiền phương cơ giới Miền, làm nhiệm vụ:

- Nghiên cứu xác định vị trí ém trú quân cho các đơn vị tăng thiết giáp của Bộ sẽ vào chiến trường. Chuẩn bị hầm lán cho xe trú quân.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo kỹ thuật cho xe tiếp tục chiến

đầu.

- Chuẩn bị phương án tác chiến mới.

Theo tinh thần đó, các cán bộ, chiến sĩ tăng thiết giáp Miền phân tán xuống các đơn vị trước đây nay lần lượt trở về Sở chỉ huy tiền phương cơ giới... Ngày 25 tháng 5 năm 1971, Sở chỉ huy Tiền phương cơ giới quyết định rút một số cán bộ kỹ thuật ở Sở chỉ huy ra để thành lập đội thu gom tăng thiết giáp địch, lấy phiên hiệu là bộ đội 33, làm nhiệm vụ thu gom tăng thiết giáp địch, vừa huấn luyện cho bộ đội sử dụng các loại xe này trong thời gian ngắn nhất.

Đến tháng 6 năm 1971, số cán bộ kỹ thuật của đoàn đặc công cơ giới Miền Ji6 biệt phái về các đơn vị trực thuộc Đặc khu Sài Gòn - Gia Định và chiến khu Rừng Sác lần lượt trở về đội 33. Quân số của đội từ chín người đã lên tới 64 người và đội 33 trở thành đơn vị tiền thân của Bộ đội Tăng - Thiết giáp miền Đông Nam Bộ, được xây dựng, duy trì và phát triển bằng con đường “từ không đến có”...

Tháng 8 năm 1971, Bộ chỉ huy Miền quyết định thành lập Đoàn thiết giáp Miền, lấy phiên hiệu là M26, nhiệm vụ đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng tại chỗ, chuẩn bị đón các đơn vị tăng thiết giáp từ hậu phương lớn miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam.

Tháng 11 năm 1971, bộ đội tăng thiết giáp Miền chính thức tách khỏi đoàn pháo binh Biên Hòa để kiện toàn một bước về tổ chức. Sự kiện thành lập Đoàn M26 đánh dấu một bước trưởng thành của bộ đội tăng thiết giáp Miền theo phương châm từng bước xây dựng lực lượng và tự đào tạo cán bộ, chiến

sĩ binh chũng ngay trên trường, họ thực tế là chiến trường. Sau chiến dịch đường 6, Đầm Be, với sự trợ giúp của Công binh Miền, Đội 33 đã thu gom được năm xe thuộc bốn chủng loại: 2 xe M41, một xe M42, một xe M51, một xe AM6). Vốn liếng tài sản của Đội 33 lúc này có bảy xe (thuộc năm chủng lơ T51, M41, M24, M51 AM6). ‘ Ngày 15 tháng 1 năm 1972, Đoàn M26 quyết định thành lập Đại đội 35 tăng thiết giáp chuyên làm nhiệm vụ thu gom xe địch và huấn luyện chiến kỹ thuật cho bộ đội tăng thiết giáp toàn Miền. Sau khi thành lập Đại đội 35, Đội 33 trở thành bộ đội tăng thiết giáp chiến đấu Từ mốc thành lập Đội 33 (ngày 3 tháng 3 năm 1971) cho đến chiến dịch Hồ Chí Minh, riêng bộ đội tăng thiết giáp miền Đông Nam Bộ đã đào tạo tại chỗ 202 chiến sĩ tăng thiết giáp, tập huấn kỹ thuật 74 cán bộ đoàn M26, huấn luyện giúp một tổ (bảy chiến sĩ) biệt động của Quân đội cách mạng Campuchia về cách đánh và thu gom xe địch. Đến đầu năm 1972, Đội 35 cử tiếp một tổ 15 đồng chí thành thạo kỹ thuật tăng thiết giáp do trung úy Nguyễn Thắng chỉ huy, phối thuộc với bộ đội đặc công Campuchia, tấn công sân bay Pô-chen’ông, giúp bạn thu gom, sửa chữa, bảo dưỡng và sử dụng tăng thiết giáp địch trên chiến trường Campuchia. Ngày 1 tháng 4 năm 1972, Đại đội 33 tăng thiết giáp miền Đông Nam Bộ được lệnh trực tiếp tham gia chiến đấu hợp đồng binh chủng tại mặt trận Ma Sát - Thiện Ngôn, trên hướng thứ yếu (đường 22) trong chiến dịch Nguyễn Huệ, đây là lần xuất trận đầu tiên của bộ đội tăng thiết giáp miền Đông Nam Bộ, và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Ngày 2 tháng 4 năm 1972, Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp tăng cường cho một tiểu đoàn xe tăng (phiên hiệu là T20) có 32 xe tăng T54b, ba xe cao xạ 57 ly ba xe công trình. Tiểu đoàn vừa tới vị trí tập kết, chưa kịp làm bảo dưỡng, khôi phục kỹ thuật xe thì đêm 6 rạng ngày 7 tháng 4 năm 1972, tiểu đoàn đã tham gia trận đánh hợp đồng binh chủng vào chi khu quân sự Lộc Ninh, chính thức mở màn chiến dịch Nguyễn Huệ.

Yếu tố bí mật bất ngờ trong sử dụng tăng thiết giáp lần nữa tạo điều kiện cho bộ đội Sư 5 bộ binh thực hiện thắng lợi trận đánh then chốt Lộc Ninh, tiêu diệt Chiến đoàn 9 và Thiết đoàn 52 nguy, bắt sống đại tá chiến đoàn trưởng, mở ra vùng giải phóng Lộc Ninh. Lộc Ninh đã trở thành một địa điểm lịch sử - Thủ đô kháng chiến của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền

Nam Việt Nam.

Trong chiến dịch này, Đội 35 sau 12 ngày đêm (từ ngày 2 tháng 4 đến 12 tháng 4 năm 1972) đã thu gom được tại Lộc Ninh 27 xe các loại cùng sáu tấn phụ tùng. Mơ ước đoạt xe địch để đánh địch của bộ đội tăng thiết giáp miền Đông Nam Bộ bấy lâu nay đã trở thành hiện thực.

Giữa những ngày chiến sự Bình Long ác liệt, từ miền Bắc lại tăng cường cho B2 Tiểu đoàn tăng thiết giáp T21: 14 xe tăng, 6 xe bọc thép, bốn xe cao xạ, hai xe công trình.

Tháng 4 năm 1972, lại được bổ sung từ miền Bắc vào miền Đông Nam Bộ Tiểu đoàn 25A, trang bị 20 xe tăng T54, T59.

Đến tháng 7 năm 1972, tiếp nhận thêm Tiểu đoàn tăng 25B, có 20 xe tăng T54, 10 xe K63. Sau 120 ngày đêm hành quân gian khổ tới vị trí tập kết ở Bù Đốp, hai Tiểu đoàn 25A và 25B còn có 36 xe có 26 xe T54, 10 xe 63 và một xe công trình), hai đoàn này được bổ sung cho các tiểu đoàn có trước.

Tháng 8 năm 1972, lại được Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp tăng cường thêm một đại đội xe bọc thép bánh hơi, gồm 20 xe BTR-60PB hành quân vào chiến trường. Nhưng chỉ tới vị trí tập kết ở Bù Đốp có 8 xe, sau thu thêm được 2 xe. Như vậy đại đội xe bánh hơi nước trước khi bước vào cuộc chiến có 10 xe.

Để tiếp tục chi viện cho chiến trường, ngày 19 tháng 12 năm 1972, Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp tăng cường tiếp Trung đoàn 201B gồm hai tiểu đoàn

chiến đấu (di và d5) được trang bị 48 xe (T54, T59, K63). Sau 70 ngày đêm hành quân, Trung đoàn 201B đã tới Bù Đốp nhưng 15 xe phải sửa chữa dọc đường phải đến tháng 11 năm 1972 mới tới chiến trường).

Sau khi tới vị trí tập kết, Tiểu đoàn 1 đổi phiên hiệu thành Tiểu đoàn 22. Tiểu đoàn 5 bổ sung cho hai Tiểu đoàn 20 và 21. Đại đội 1 nhập với Đại đội 35 thành Tiểu đoàn 24 huấn luyện. Đại đội thiết giáp của Trung đoàn 201 sáp nhập với đại đội thiết giáp miền Đông hồi tháng 8 năm 1972 thành Tiểu đoàn 23.

Như vậy đến tháng 4 năm 1973, bộ đội tăng thiết giáp Miền có năm tiểu đoàn (d20, d21, d23, d25a, d25b) và hai Đại đội 33 và 52 là những đơn vị chiến đấu Ngoài ra còn có Tiểu đoàn 24 là đơn vị huấn luyện. Song song với việc tiếp nhận Đoàn 201B, Đoàn M26 đã tổ chức bộ phận tiếp nhận phụ tùng, vật tư do Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp chuyển theo đường vận chuyển của Bộ Quốc phòng vào B2 kết hợp. Tính đến cuối năm 1974, bộ đội tăng thiết giáp Miền có tổng cộng 635 tấn, chuẩn bị cho chiến cuộc năm 1975.

Vào tháng 2 năm 1975, Bộ Tổng tham mưu điều Tiểu đoàn 3 T54 của Quân đoàn 4 tăng cường cho Đoàn M26. Vào tháng 3 năm 1975, và thêm hai tiểu đoàn tăng thiết giáp của Lữ đoàn 215 gồm 63 xe Tăng T54, T59 và K63-85 (xe tăng pháo 85 ly bởi nước). Tất cả đến chiến trường an toàn.

Sau hai ngày giao nhận tại Bù Đốp, cả ba đơn vị hành quân tham gia đội hình chiến đấu ngay. - Tiểu đoàn 1 theo hướng Tiểu đoàn 21 về Lâm Đồng Túc Trưng - Tráng Bom - Xuân Lộc - Hồ Nai. “ - Tiểu đoàn 2 theo hướng Tiểu đoàn 23, Đại đội 33 về Hậu Nghĩa - miền Tây - Tiểu đoàn 3 theo hướng Tiểu đoàn 20 tăng cường cho Quân đoàn 4 từ hướng Xuân Lộc vào.

Trước khi vào chiến dịch Hồ Chí Minh, toàn bộ xe đều được bảo dưỡng kỹ thuật. Nhờ vậy, suốt chiến dịch ta chỉ có 13 xe phải hủy. Sau chiến dịch ta đã thu gom được của địch 478 xe tăng thiết giáp, 429 Ô tô các loại cùng nhiều vũ khí và phương tiện bảo đảm kỹ thuật.

Suốt chiều dài cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bộ đội tăng thiết giáp trên chiến trường B2 luôn phát huy tinh thần tiến công, quyết tâm làm chủ vũ khí kỹ thuật, đêm ngày lăn lộn với xe pháo, khí tài, kiên trì học tập, rèn luyện chiến đấu từ tay không đoạt xe địch đánh địch. Lấy việc tự đào tạo tại thực tế chiến trường, kết hợp với đội ngũ cán bộ, chiến sĩ binh chủng được đào tạo chính quy, tổ chức lực lượng binh chủng kỹ thuật hiện đại tại chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ bằng nguồn tại chỗ cộng nguồn hậu phương chi viện.

Bộ đội tăng thiết giáp B2 với tinh thần chủ động, sáng tạo đã biến sự hiểu biết sâu về khoa học kỹ thuật của binh chủng thành bản lĩnh của mình để khi bước vào chiến đấu phát huy được thế mạnh vũ khí trang bị của một binh chủng kỹ thuật hiện đại. Từ những phong trào thi đua “dạy hay, học giỏi”, “tiến quân vào khoa học kỹ thuật”, đến phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật “mỗi ngày một sáng kiến, mỗi ngày một chiến công” hay “óc nghĩ những điều hay, tay làm những việc tốt”... bộ đội tăng thiết giáp B2 đã không ngừng nâng cao chất lượng huấn luyện và hiệu suất chiến đấu cao, có những gương điển hình như chính trị viên Đại đội 1 (Tiểu đoàn 21 Anh hùng) Nguyễn Xuân Liêm, trong trận Phước Long, anh chỉ huy ba xe, khi hai xe bạn gặp khó khăn, anh mưu trí tăng tốc độ dùng xích sắt đè bẹp các lớp rào kẽm gai, thọc sâu vào căn cứ địch, tạo điều kiện cho bộ đội tấn công giành thắng lợi.

Đại đội 33 anh hùng, đơn vị tiền thân của bộ đội tăng thiết giáp miền Đông Nam Bộ, từ một đơn vị thu gom xe địch trở thành đơn vị chiến đấu. Trong trận đầu ra quân tại mặt trận Sa Mát - Thiện Ngôn (Tây Ninh), đại đội đã sử dụng ba loại xe mới đoạt được của địch là M24, M41. M51 bất ngờ bí mật

đánh địch, giành thắng lợi giòn giã theo phương châm ‘lấy gậy ông đập lưng ông’... Với những thành tích ấy, bộ đội tăng thiết giáp đã góp phần làm nên truyền thống vẻ vang của Binh chủng “Đã ra quân là đánh thắng”, xứng đáng với lời khen của Chủ tịch Tôn Đức Thắng: “Bộ đội tăng thiết giáp của chúng ta tuổi trẻ mà nhiều chiến công”.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Binh chủng Tăng - Thiết giáp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định tuyên dương Anh hùng các lực lượng vũ trang. Vinh dự đó có phần đóng góp không nhỏ của bộ đội Tăng - Thiết giáp B2 và miền Đông Nam Bộ. Riêng lực lượng Tăng - Thiết giáp ở B2 cũng có 2 đơn vị được tuyên dương anh hùng: Tiểu đoàn 21, Đại đội 33 và hai cá nhân là Nguyễn Xuân Liêm và Phạm Văn Cán.

Thành phố Hồ Chí Minh 19-5-2003

M. V. P

165C Đường Sư Vạn Hạnh, P13, Q.10, Thành phố Hồ Chí Minh

NGƯỜI ANH HÙNG VÀ NHỮNG BÀI CA (1972).

Nhạc Thượng Tá: Minh Chiến

(Nguyên Chính trị viên đội Tuyên văn Binh chủng 1970 - 1974)

Thơ: Trần Ba

(Nguyên trợ lý Tuyên Huấn Binh chủng)

XE TĂNG BÍ MẬT TIẾN VÀO TUYẾN LỬA VĨNH LINH

Đại tá Bùi Văn Tùng

nguyên Chính ủy Lữ đoàn 203

Tháng 5-1965 Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp được thành lập, ngày đó mới có 2 trung đoàn xe tăng: Trung đoàn 202 và Trung đoàn 203. Đế quốc Mỹ ngày đó đã mở rộng chiến tranh đánh phá miền Bắc bằng không quân vì vậy để bảo đảm an toàn lực lượng, hai trung đoàn được bố trí phân tán trên hai tỉnh Hoà Bình và Vĩnh Phú; xe tăng được đặt dưới hầm, trên nóc hầm có mái tranh che phủ như các lán của nhân dân sơ tán, tránh bom Mỹ.

Đầu năm 1966 tôi và anh Phạm Bân nhận lệnh của Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp chỉ huy khung gồm đầy đủ cán bộ chiến sĩ của một tiểu đoàn tăng hành quân vào chiến trường Tây Nguyên (B3). Trước khi vào chiến trường chúng tôi phải luyện tập hành quân mang vác nặng, leo dốc và học tập các kỹ thuật đặc công. Nhiệm vụ được giao là vào chiến trường nhằm vào các căn cứ thiết giáp nguy hiểm mà đánh và cướp xe tăng địch để đánh địch, từng bước thành lập lực lượng xe tăng Quân giải phóng miền Nam.

Đến ngày lên đường: được lệnh tạm hoãn. Giữa năm 1966, tôi và anh Lê Ngọc được giao nhiệm vụ chỉ huy tiểu đoàn xe tăng 4 thuộc Trung đoàn 202, trang bị xe tăng lội nước (PT 76) hành quân vào bắc vĩ tuyến 17. Tôi là Chính trị viên tiểu đoàn, anh Lê Ngọc là tiểu đoàn trưởng. Hành quân và trú quân phải giữ tuyệt đối bí mật. Đây là công việc hết sức khó khăn; Mấy chục chiếc xe tăng hành quân vào Vĩnh Linh, chứ đâu phải là vài chục cái xe đạp...

Nhiệm vụ của Tiểu đoàn là sẵn sàng cùng các đơn vị bạn đánh tiêu diệt quân Mỹ - nguy nếu chúng đưa quân ra bắc vĩ tuyến 17, song đồng thời sẵn sàng cơ động vào chiến trường miền Nam (B), cùng quân dân miền Nam đánh Mỹ xâm lược.

Xe tăng phải cơ động trên đoạn đường dài từ huyện Bình Xuyên (Vĩnh phú) vào Vĩnh Linh trong điều kiện Không quân Mỹ ngày đêm đánh phá rất ác liệt, đây lại là đơn vị xe tăng đầu tiên tiến vào hướng chiến trường B; Vì vậy Bộ Tư lệnh Bình chủng đã tổ chức một bộ phận đi trực tiếp chỉ đạo Tiểu đoàn và rút kinh nghiệm.

Đoàn cán bộ do anh Đào Huy Vũ là người chỉ huy cao nhất đi cùng Tiểu đoàn chúng tôi nên cán bộ, chiến sĩ rất phấn khởi. Đi cùng Phó Tư lệnh có các anh Dương Đăng Giang. Tham mưu phó Bình chủng (chưa có Tham mưu trưởng), anh Lê Đức Ôn phó Chính uỷ Trung đoàn 202 cùng một số cán bộ các cơ quan.

Ngày 22 tháng 8 năm 1966, Tiểu đoàn lên đường. Để luôn nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ quyết tâm đánh Mỹ, Bộ Tư lệnh lấy ngày 17-7- 1966, ngày Bác Hồ kêu gọi cả nước quyết tâm đánh Mỹ, đặt tên cho Tiểu đoàn là 177. Thế là Tiểu đoàn 4 xe tăng lội nước bí mật hành quân vào tuyến lửa Vĩnh Linh với cái tên mới: Tiểu đoàn 177.

Đơn vị lên tàu hoả từ ga Vĩnh Yên, sau khi xuống tàu hoả, xe tăng phải hành quân bộ từ ga Cát Đằng (Nam Hà) đi theo quốc lộ 1 rồi vào đường 15 theo đường quân sự làm gấp, thật là gian truân. Đường thì hẹp, nhiều “cua” gấp, có đoạn dốc cao, ngầm sâu. Kẻ thù đánh phá bằng đủ loại: Bom phá, bom bi, rốc két, nhất là bất thành linh mới nghe thấy tiếng máy bay thì bom đã nổ chúng phóng bom, bắn rốc két từ xa.

Ngày nay viết những dòng này, không chỉ tôi mà những ai đã từng hành quân vào chiến trường “B” ngày đó không thể quên được các trọng điểm mà không quân Mỹ bắn phá rất ác liệt như: Dốc Bò Lăn, Ngã ba Đồng Lộc, Bến phà Long Đại v.v. Cuộc hành quân của Tiểu đoàn 177 ngày đó thực sự là những cuộc thử thách rèn luyện lòng dũng cảm, gan dạ, mưu trí của người chiến sĩ xe tăng mà còn là sự “đấu trí” với kẻ thù...

Sau 10 ngày hành quân, Tiểu đoàn đã vào tới vị trí giấu quân an toàn 100% người và trang bị kỹ thuật. Tạm giấu quân ở nam tỉnh Quảng Bình, khu vực này có đường vào Quảng Trị, ngày đêm địch soi mói bắn phá, tôi và anh Lê Ngọc đi tìm nơi giấu quân an toàn hơn, vừa bảo đảm được việc triển khai đội hình chiến đấu, lại vừa đảm bảo được sinh hoạt, học tập bình thường cho đơn vị.

Sau một thời gian nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy vùng đồng bằng nam Quảng Bình và tây Vĩnh Linh, nơi đó đồi trọc xen lẫn ruộng vườn và nhà của nhân dân thưa thớt, về mặt địa hình là nơi trống trải, theo mắt các nhà quân sự, chính cái trống trải về địa hình ấy máy bay địch lại ít nhóm ngó tới. Chúng tôi quyết định đưa xe tăng xuống giấu quân ở vùng đồng bằng trống trải ấy, cái nơi bất ngờ ấy lại là nơi an toàn nhất.

Kinh nghiệm giấu quân trong thời gian ở Vĩnh Yên đã cho chúng tôi những bài học tốt. Xe tăng bố trí phân tán rộng. Mỗi xe đào hầm sâu xuống mặt đất, trên nóc hầm lợp mái tranh lợp xúp như nhà dân, trong hầm, dưới bụng xe tăng là căn hầm nhỏ để cả “kíp” xe làm nơi ở. Còn cán bộ, chiến sĩ xe tăng thì mặc quần áo như nông dân địa phương...

Khó khăn nhất phải xoá vết xích của xe tăng, cả số đất mới đào hầm cho xe tăng phải làm sao khỏi lộ, để máy bay địch không phát hiện ra. Sau khi đào xong công sự mới cho xe tăng, lần lượt vài chiếc xuống hầm trong một đêm. Xe tăng đi kéo theo cành cây lớn để xoá nốt các vết xích dù còn rất mờ và nguy trang xe cẩn thận. Để việc tăng “số chuồng bò” (câu gọi vui về số nhà hầm xe tăng) ở vùng dân cư không thành đột xuất, chúng tôi phải mất ba bốn tháng mới hoàn tất việc bố trí đội hình xe tăng mai phục ở đồng bằng.

Bộ đội ở phân tán trong công sự đào dưới gầm xe. Ba bốn anh em một công sự rộng rãi, mát mẻ, đủ tiện nghi, không khác gì sống trong doanh trại. Trung đội, đại đội có nhà hầm sinh hoạt ở trung tâm đội hình. Đại đội có bãi tập bắn, Tiểu đoàn có bãi tập lái ở chân núi An Mã. Lái xe vào chiến trường toàn đạt cấp cao. Thịnh thoả mới tổ chức một đêm lái ôn tập và cũng là một đêm lao động khá vất vả của lính tăng để xoá sạch vết xích ở bãi lái.

Về mặt tăng gia sản xuất, chăn nuôi, rau xanh, hoa quả đủ dùng quanh năm, xe có đàn gà vịt, trung đội có đàn lợn, đại đội có đàn bò. Sức khoẻ của đại đội luôn luôn bảo đảm 100% quân số. Là một địa bàn máy bay địch bắn phá quanh năm nhưng bộ đội và dân chúng vẫn đảm bảo cuộc sống bình thường. Ngoài thời gian luyện tập quân sự, hàng tháng vào các ngày lễ lớn đơn vị cùng với thanh niên các xã tổ chức sinh hoạt văn nghệ, thể thao.

Cái khó của chúng tôi là lãnh đạo bộ đội yên tâm kiên trì mai phục. Địa bàn đóng quân cũng là nơi dừng chân của các đơn vị từ Bắc vào Nam chiến đấu

nên lính tăng thường gặp đồng hương ở Bắc vào. Sẵn có gia cầm chăn nuôi, anh em thường tiếp đãi nhau những bữa chén rôm rả. Những đơn vị chiến đấu tại Quảng Trị thì căn cứ của chúng tôi cũng là hậu phương của những đơn vị ấy. Bộ đội ta ra vào chiến đấu liên tục. Qua chiến đấu nhiều đồng chí binh nhì vào chiến trường, khi ra ngoài gặp lại nhau, có người là trung sĩ, thượng sĩ có anh đã lũng lằng súng ngắn bên hông. Lính tăng năm này qua năm nọ cao nhất cũng chỉ là trung sĩ, thượng sĩ. Một số lên rừng đốn củi gặp đồng hương lũng lằng súng ngắn bên hông đã lảng tránh chào hỏi.

Qua chiến đấu trưởng thành được đề bạt: thay thế là lẽ đương nhiên, nhưng đối với chiến sĩ xe tăng có lúc suy nghĩ day dứt, nhưng lính xe tăng chất lượng rất cao nên anh em đều tự giải quyết tốt. Một dạo anh Đàm Quang Trung (thủ trưởng cũ của tôi trong kháng chiến chống pháp và đương nhiệm Tư lệnh B5) cùng với anh Doãn Tuế, Tư lệnh Pháo binh vào Vĩnh linh chuẩn bị cho trận tập kích pháo vào các cứ điểm của địch nằm ở bờ nam vĩ tuyến. Trên tuyến đường vào có một vài trọng điểm địch bắn phá mà xe con khó có thể vượt qua, anh điện cho tôi đưa xe tăng ra đón. Tôi cử một đại đội phó kỹ thuật chỉ huy xe ra đón và vào tạm nghỉ ở sở chỉ huy của chúng tôi. Gặp tôi anh nói ngay: “Bộ đội của các cậu kỷ luật khá đấy, lính này đánh nhau là ăn chắc”.

Chưa rõ lý do gì mà mới gặp tôi anh đã vội khen. Tôi đáp: “ Bộ binh ra vào đánh nhau như cơm bữa, lính chúng tôi năm chờ ngày đêm lệnh xuất kích của thủ trưởng để có việc làm, anh em sốt ruột lắm”. Suy nghĩ một lát anh nói tiếp: “ Được, tớ sẽ tìm cách để các cậu có việc làm”.

Xe tăng lội nước có cửa nắp xe rộng, đồng chí đại đội phó (người ra đón) kê một tấm ván dài để hai thủ trưởng ngồi ló đầu ra ngoài. Trời vừa tối, địch đã rải pháo sáng để kiểm tra mặt đường nhất là những trọng điểm khó vượt. Mặt đường trong chiến tranh lồi lõm nhưng xe chạy bằng xích êm ả. Trời đầy sao, gió trời mát rượi. hai thủ trưởng cảm thấy dễ chịu, chuyện trò rôm rả. Khi xe sắp vào trọng điểm, đồng chí đại đội phó mời hai thủ trưởng vào trong và

đóng nắp cửa xe lại.

Trong xe dù đã mở quạt nhưng vẫn nóng bức và ngột ngạt. Anh Quang Trung bị huyết áp cao nên đã mấy lần đề nghị mở nắp xe, nhưng đồng chí đại đội phó không mở, cuối cùng anh Quang Trung quát lớn “Tớ chịu hết nổi rồi”. Đồng chí đại đội phó nói: “Thủ trưởng chịu thêm vài phút nữa xe ra khỏi trọng điểm bắn phá, em sẽ sắp xếp các thủ trưởng ngồi lại như cũ, thủ trưởng Tùng dặn em là phải bảo đảm an toàn cho các thủ trưởng.

Sau khi nghe lại mẫu chuyện đi đường thì vỡ lẽ ra anh khen kỷ luật lính tăng là như vậy. Vào sở chỉ huy B5 anh điện cho chúng tôi vào nhận vị trí đào công sự cho đại đội xe tăng vào tham gia trận pháo kích. Đêm hành quân chiếm lĩnh trận địa, hành quân được nửa đường tôi nhận được điện của anh Nguyễn Chí Tam, phó Tham mưu trưởng Binh chủng Tăng:

“Dừng hành quân quay về vị trí giấu quân như cũ”. Sau đợt tập kích mấy ngày anh Quang Trung điện cho tôi lên sở chỉ huy và cho biết: “Tớ báo cáo ra Bắc, tớ và anh Doãn Tuế cho các cậu tham gia, Anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) không cho và nói là phải bảo đảm an toàn bí mật cho các cậu. Thôi thì dịp khác vậy, năm chờ cũng là một nhiệm vụ”- Anh an ủi tôi.

Sau đó anh trao đổi với anh Tổng Sĩ Ngụy, trung đoàn trưởng bộ binh cho bộ đội chúng tôi ghép cùng bộ binh chiến đấu bằng vũ khí bộ binh, vừa rèn luyện trận mạc và có thời cơ lấy xe tăng địch. Số anh em chúng tôi đi tham gia đã có 2 chiến sĩ hy sinh. Tất cả đều được trung đoàn đề nghị và được trên tặng huân chương.

Khu vực chúng tôi đóng quân địch ngày càng đánh phá ác liệt, một đại đội

pháo cao xạ 100 ly và một giàn tên lửa bị địch bắn trúng. Sở chỉ huy trung đoàn cũng bị đánh bom. Tôi đã nhường công sự của đại đội công binh để sở chỉ huy trung đoàn tạm trú chờ lập sở chỉ huy mới. Địch cũng đánh trúng vị trí giấu quân của chúng tôi, nhưng đội hình phân tán rộng nên chỉ hỏng một xe công trình.

Có thời kỳ được thông báo máy bay địch có thể dùng kỹ thuật phát hiện những khối thép lớn, anh em lại phải đan hàng trăm sọt tre đựng đầy đất đắp đầy trên xe tăng. Cuộc tấn công và nổi dậy năm Mậu Thân, chúng tôi được lệnh chuẩn bị có thể hành quân vào chi viện cho Huế, nhưng rồi Mậu Thân qua đi, chúng tôi vẫn ở tư thế sẵn sàng.

Bước sang năm 1968, chúng tôi nhận được lệnh chuẩn bị cho đại đội xe tăng do anh Võ Bá Linh là đại đội trưởng và anh Phan Ánh chính trị viên vào. Tôi và anh Lê Ngọc tới Bộ Tư lệnh B5 nhận lệnh hành quân. Tư lệnh Đàm Quang Trung cho biết: “Đây là lệnh của Bộ, tăng cường xe cho chiến trường Tây Nguyên (B3)”. Đảng uỷ chúng tôi đề nghị tôi và anh Phạm Xuân Cát tham mưu trưởng Tiểu đoàn chỉ huy hành quân, tôi không được chuẩn y cho đi cùng đơn vị, chỉ có các anh Lê Ngọc, Nguyễn Cận chính trị viên phó tiểu đoàn và Nguyễn Lương tiểu đoàn phó kỹ thuật chỉ huy đơn vị vào Tây Nguyên. Tôi ở lại tiếp tục xây dựng đơn vị nhận nhiệm vụ mới.

Đại đội xe tăng của Võ Bá Linh là đại đội đầu tiên có mặt tại chiến trường Tây Nguyên, hợp đồng với bộ binh đánh một số trận và là đơn vị tiên nhân của Trung đoàn xe tăng 273 do anh Lê Ngọc làm trung đoàn trưởng và cũng là lữ đoàn xe tăng sau này.

Cuối năm 1969 theo lệnh của Bộ Tư lệnh Bình chủng Tăng anh Võ Ngọc Hải (Chính uỷ Trung đoàn 202) và anh Lê Quang Xỳ (Trung đoàn phó) chuẩn bị cho đơn vị chúng tôi ra Nghệ An theo trục đường 7 hành quân lên Mường

Xén được bổ sung thêm một đại đội súng máy cao xạ tự hành quân qua Thượng Lào tham gia chiến dịch giải phóng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Anh Võ Ngọc Hải ở sở chỉ huy Mặt trận, tôi và anh Lê Quang Xỳ chỉ huy đơn vị tham gia tiêu diệt địch ở sân bay, giải phóng Cánh Đồng Chum. Sau trận này tôi được điều về Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp và được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm chính trị Trung đoàn 203, sau đó thay anh Lê Quang Phước làm Chính uỷ Trung đoàn tham gia chiến dịch giải phóng tỉnh Quảng Trị năm 1972.

Đoàn 177 trụ lại chiến đấu ở chiến trường Thượng Lào, là đơn vị đầu tiên tham gia thành lập Trung đoàn 206 thuộc Quân khu 4. Sau này trung đoàn xe tăng được tuyên dương đơn vị Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi có dịp ra Bắc đã ghé vào thăm bà con nơi đóng quân cũ ngày nào. Xe của chúng tôi vừa đến đầu làng bà con đã túa ra tay bắt mặt mừng. Định chỉ lưu lại vài giờ để thăm các cụ già và viếng mộ đồng chí Thoàn đại đội trưởng công binh hy sinh do địch cắt bom trúng đơn vị, nhưng bà con nhất định giữ chúng tôi lại.

Đêm đó bà con yêu cầu kể lại trận đánh giải phóng Sài Gòn và các trận đánh của đoàn 177 năm xưa ai còn ai mất. Tôi không ngờ thời gian đã gần chục năm qua mà vẫn còn mới mẻ như ngày nào, bà con nhắc đến tính nết của từng lái xe, pháo thủ, số hiệu của từng xe và giấu ở góc vườn nào. Tình cảm quân dân mà chúng tôi sống ở đất Quảng Bình sâu đậm là như vậy. Tình cảm ấy quyện chặt chúng tôi trên mọi miền đất nước trong Nam ngoài Bắc đã giúp chúng tôi giữ vững phẩm chất “Anh bộ đội Cụ Hồ” và có đủ sức mạnh để chiến thắng kẻ thù.

Thành phố Hồ Chí Minh

30-4-2003

B.V.T

ĐT: 08. 9303282

XÂY DỰNG Ý CHÍ QUYẾT ĐÁNH THẮNG TRẬN ĐẦU

Đào Văn Xuân

Đại tá nguyên Phó Chính ủy

Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp

Sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi năm 1954. Tôi cùng một số cán bộ được điều về Tổng cục Chính trị tham gia biên soạn tài liệu tổng kết công tác chính trị. Nay hầu hết những người tham gia biên soạn ngày ấy không còn nữa. Đọc lại cuốn sách tôi nhớ mãi câu “Công tác chính trị muốn thực sự là mạch sống, là linh hồn của Quân đội không thể chỉ nắm những nguyên tắc chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà phải đi sâu vào các hoạt động của Quân đội ta, thoát ly đời sống thực tế đó của Quân đội, công tác chính trị sẽ trở thành chung chung, thiếu sức sống, kém tác dụng...”. Đó là sự khái quát tổng kết các mặt hoạt động công tác chính trị của Quân đội ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nó cũng được kiểm chứng qua các hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị của Quân đội ta trong sự nghiệp chống đế quốc Mỹ cứu nước.

Công tác chính trị là mạch sống vì nó bám sát thực tế cuộc sống của Quân đội, từ đó cho ta một hệ quả là: Muốn hiểu đầy đủ sức sống của công tác chính trị cũng phải xem xét cụ thể thực tế cuộc sống của đơn vị trong thời gian đó. Vì lẽ đó nếu tìm hiểu việc xây dựng ý chí quyết tâm của bộ đội xe tăng trong chiến thắng làng Vây cách đây trên 30 năm mà chỉ dừng lại ở chỗ xem xét việc quán triệt mục đích, yêu cầu của chiến dịch của trận đánh sẽ là

chưa đầy đủ, tuy việc đó là cần, song mới chỉ là tán lá, cái ngọn vì thế không thể thấy toàn bộ cái đẹp đẽ của một cây cổ thụ.

Từ 1965 về trước, Quân đội ta mới có một Trung đoàn xe tăng (E202). Tới 2 năm 1964, 1965, trên đưa về 2 khung trung đoàn cán bộ hoàn chỉnh, từ cán bộ trung đội đại đội trở lên, đủ cả cán bộ chỉ huy, kỹ thuật, chính trị được đào tạo chính quy ở Liên Xô và Trung Quốc về Trung đoàn. Điều đó nói lên:

Quyết tâm chiến lược của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, xây dựng lực lượng xe tăng để đáp ứng yêu cầu cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thời gian tới.

Đến tháng 5-1965, Thượng tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng đã thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh xuống họp với Đảng ủy và Thủ' trưởng Trung đoàn 202 chúng tôi và công bố quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Thiết giáp, một binh chủng mới của quân đội ta ra đời và có trong biên chế, 2 trung đoàn (Trung đoàn 202 và Trung đoàn 203). Thời gian đó tình hình đất nước có những diễn biến mới phức tạp:

- Tháng 7-1964, Mỹ dùng Hải quân đánh phá các đảo Hòn Ngư (Nghệ Tĩnh), Hòn Mê (Thanh Hóa). Tiếp theo chúng dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ, rồi 5-8-1964 dùng không quân đánh phá nhiều nơi trên miền Bắc Tổ quốc ta: sông Gianh (Quảng Bình), Cửa Hội (thành phố Vinh), Lạch Trường (Thanh Hóa), Bãi Cháy (Quảng Ninh).

- Ở miền Nam trong 2 tháng (7-1965/9-1965) Mỹ ồ ạt đổ quân vào, số lượng lên tới 200.000 quân (hiện nay Mỹ chuẩn bị đánh Irắc, tính đến 20-3-2003, quân đội Mỹ - Anh tấn công Irắc tổng số quân Mỹ - Anh đã huy động là

250.000).

Tình hình đất nước ta ngày đó rất nghiêm trọng: Từ hoàn cảnh một nửa nước có hòa bình, một nửa nước có chiến tranh sang tình thế cả nước có chiến tranh. Tháng 4 - 1965, tại kỳ họp Quốc hội khóa 3, Bác Hồ đã ra lời kêu gọi “Lúc này chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người Việt Nam yêu nước. Tất cả chúng ta hãy đoàn kết triệu người như một quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Toàn dân Việt Nam đã đứng lên, cả nước cuộn cuộn dâng lên cao trào “Xe đạp Trường Sơn đi cứu nước”. Tình hình đó tác động không nhỏ đến tâm tư tình cảm và nguyện vọng cháy bỏng của mọi người chiến sĩ xe tăng: Xin đi đánh Mỹ. Xe tăng chưa có điều kiện và thời cơ lên đường, thế là nguyện vọng chân chính đó đã được chấp thuận, với tinh thần vào chiến trường B đánh địch, lấy xe tăng địch để tổ chức các đơn vị xe tăng tại chiến trường, đón thời cơ cùng cả nước xung trận.

Trong 2 năm 1964-1965 đã có ba đoàn lên đường:

- Tháng 2-1964 - đoàn đầu tiên do hai anh Mai Văn Phúc và Lâm Kim Chung chỉ huy gồm 49 đồng chí.

- Tháng 4-1964 - đoàn thứ hai tổ chức thành khung một đại đội xe tăng hoàn chỉnh, do hai anh Nguyễn Đình Doãn làm đại đội trưởng và Phan Quế làm chính trị viên. Đoàn gồm 40 đồng chí.

- Tháng 3-1965 - Đoàn thứ ba đông nhất, gồm 228 đồng chí - đầy đủ khung

cho một trung đoàn xe tăng lên đường vào B2. Đoàn do hai anh: Thế Hùng làm đoàn trưởng và Bùi Tân làm chính trị viên.

Một sự kiện khác nữa cũng tác động không nhỏ đến tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ xe tăng, đó là vào tháng 10 1966, theo lệnh trên, xe tăng niêm cất, chỉ để lại một số để bảo quản xe, rút quân số ra tổ chức thành 11 đại đội trang bị cao xạ 37 mm, đi tham gia bắn máy bay Mỹ bảo vệ bầu trời miền Bắc (gọi chung là 510)...

- Trung đoàn 202 tổ chức ra 6 đại đội. ngoài các đại đội ra, còn rút cán bộ trung đoàn lập Ban chỉ huy nhẹ đi phụ trách: Ban chỉ huy Trung đoàn 202 gồm hai anh Lê Quang Xỳ, trung đoàn phó và Lê Đức Ôn, phó chính ủy.

- Trung đoàn 203 tổ chức ra 5 đại đội, Ban chỉ huy Trung đoàn 203 do hai anh Nguyễn Văn Lăng, Trung đoàn phó và Lê Minh Tân chủ nhiệm chính trị trung đoàn phụ trách.

Sự kiện này là một nhiệm vụ cấp thiết ngày đó, xong tác động rất mạnh đến tinh thần yên tâm xây dựng Binh chủng.

Từ tình hình trên mặt lãnh đạo của Đảng ủy Binh chủng đã đặt ra yêu cầu: Xây dựng lòng thiết tha yêu mến Binh chủng, người đi bắn máy bay thì chiến đấu tốt đợi ngày trở về Binh chủng, những người ở lại Binh chủng kiên trì huấn luyện, làm tốt công tác kỹ thuật, chăm sóc, bảo đảm tốt xe. Tất cả đợi ngày cùng xe tăng lên đường đánh Mỹ. Chính đặt tên cho bộ phận đi bắn máy bay là 510, xuất phát từ mục tiêu giáo dục chính trị ấy, vì ngày truyền thống của Binh chủng là 5-10-1959.

Khẩu hiệu được cuộc chạy ngang lưng chừng núi Đanh: “Quyết đánh, quyết thắng Đế quốc Mỹ” sau sự kiện ngày 5-8-1964 là việc mở đầu cho giai đoạn bền bỉ, liên tục xây dựng một quyết tâm, một ý chí kiên trì đợi ngày cùng xe tăng lên đường đánh Mỹ. Cái day dứt trong tâm tư còn ở chỗ cán bộ, chiến sĩ xe tăng đều là lớp có chất lượng cao, được chọn lọc và huấn luyện kỹ. Nhưng vì không có nhu cầu phát triển, nên không thể đề bạt quân hàm. Mặt khác, về chính sách ngày đó quá chặt chẽ tới mức hẹp hòi, ở một binh chủng kỹ thuật hạ sĩ quan được đào tạo kỹ về kỹ thuật cũng không được đề bạt thành sĩ quan. Đây là quy định của Tổng cục Chính trị: Để quản lý chặt chẽ đầu vào đội ngũ sĩ quan phải do Tổng cục Chính trị quyết định. Ngày đó, tỷ lệ hạ sĩ quan giữ chức sĩ quan khá cao: Năm 1965 là 22,5% trong tổng số cán bộ ở Binh chủng. Năm 1966 là 15,9% trong tổng số cán bộ ở Binh chủng. Cho nên mới có câu ca dao của quần chúng từ những năm tháng ấy:

Bao giờ một đực xe tăng

Thì lính thiết giáp được thăng quân hàm.

Nhưng ý chí quyết tâm chờ đợi ngày lên đường để “chia lửa” với miền Nam đau thương đã tạo nên sức mạnh để mọi người chịu đựng và vượt qua những thiệt thòi của riêng mình.

Trong những ngày tháng trầm ấy, các thủ trưởng trên Bộ Tổng tư lệnh thường xuyên đến Binh chủng. Tôi nhớ mãi lời Đại tướng - Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp nói trong Thường vụ Đảng ủy Binh chủng “Hãy kiên trì xây dựng đơn vị cho tốt, nhất định sẽ có ngày xe tăng lên đường”. Và Thượng tướng Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng nói với tôi và anh Đào Huy Vũ phó Tư lệnh:

- Hãy làm mọi việc cho tốt, làm sao như chiếc lò xo bằng thép, càng nén chặt bao nhiêu thì sức bung ra càng mạnh bấy nhiêu.

Các thủ trưởng cấp trên đã dạy chúng tôi một tầm nhìn chiến lược, công tác chính trị phát huy được sức mạnh cũng từ tầm nhìn ấy, và trận đánh đầu tiên thắng lợi, chính là sức mạnh bung ra của cái lò xo bằng thép, được tăng dần lực lên tới mức cao từ những năm trước.

Có thể nói rằng xây dựng quyết tâm chiến đấu, và chiến thắng cho trận ra quân mùa xuân 1968 là một quá trình liên tục bền bỉ, thấp sáng lên và giữ mãi ngọn lửa rực cháy trong tim mỗi chiến sĩ, cán bộ xe tăng: “Kiên trì chờ đợi ngày cùng xe tăng lên đường xung trận”.

Công tác chính trị, không chỉ dừng lại ở việc phổ biến nghị quyết, ở những khẩu hiệu “Xây dựng lòng thiết tha yêu mến Bình chủng” mà những hoạt động cụ thể đã gắn chặt. nhuần nhuyễn với các mặt công tác huấn luyện, kỹ thuật, hậu cần, công tác xây dựng Đảng... Nhằm tạo thành một sức mạnh tổng hợp, đạt phục tiêu chính trị, tư tưởng ấy. Có thể nói rằng, các mặt hoạt động của công tác chính trị thật là phong phú. Cái phong phú đặc sắc nhất là sự gắn kết các mặt thành một khối thống nhất, nhằm mục tiêu xây dựng Bình chủng vùng nạnh toàn diện.

Như phong trào xây dựng “Đơn vị quyết thắng”, nội dung quyết thắng đã được gắn chặt các nội dung một cách toàn diện: đạt quyết thắng phải là đơn vị huấn luyện quân sự tốt, công tác kỹ thuật tốt, hoạt động văn hóa văn nghệ quần chúng tốt nuôi quân phòng bệnh giỏi, điều này có ý nghĩa rất thiết thực, nói đến sức khỏe của cán bộ chiến sĩ xe tăng ngày đó.

Qua tài liệu nghiên cứu của cơ quan quân y từ 1964 đến 1969, đối với 100 chiến sĩ xe tăng và pháo thủ (61 đồng chí lái xe, 39 đồng chí pháo thủ) cho thấy:

- Cả 100 đồng chí lái xe và pháo thủ: Tăng cân: 9,1%. Giữ cân: 45%. Sụt cân: 45,9%.

- 61 đồng chí lái xe tăng: Tăng cân: 31,1%. Giữ cân: 12,2%. Sụt cân: 57,7%.

- Riêng về mắt: Tăng thị lực: 14,94%. Giữ thị lực: 32,60%. Giảm thị lực: 52,46%.

Hoạt động trong xe tăng trong huấn luyện chịu nhiệt độ cao hơn bên ngoài rất nhiều.

- Về mùa hè: Từ 11 giờ đến 14 giờ chênh lệch từ 4oC - 7oC . Từ 14 giờ đến 21 giờ chênh lệch từ 10oC – 12oC.

Chính các cán bộ lãnh đạo chủ trì về công tác Đảng và công tác chính trị đã quan tâm tìm hiểu kỹ tình lãnh và số liệu trên, nên phong trào thi đua nuôi quân phòng bệnh tốt có ý nghĩa thiết thực. Mặt khác cũng có sức cổ vũ về trách nhiệm công tác ngay đôi với người cán bộ làm công tác hậu cần, quân y.

Trong công tác xây dựng Đảng: “Xây dựng Chi bộ 4 tốt và Đảng viên 4 tốt” -

Nội dung để bình bầu 4 tốt cũng gắn chặt các nội dung trên, như muốn đạt danh hiệu Chi bộ 4 tốt, phải xem công tác kỹ thuật có tốt không, công tác nuôi quân có tốt không v.v... Mỗi nội dung có những yêu cầu cụ thể. Ví dụ khẩu hiệu “văn hóa văn nghệ tốt” là: Mỗi đại đội là một vườn hoa, mỗi hầm xe tăng là một căn nhà ấm cúng, sinh hoạt ca hát đều, bích báo đẹp, nội dung phản ánh sinh hoạt phong phú, nhằm tạo cho cán bộ, chiến sĩ một không khí vui tươi, lành mạnh.

Để thúc đẩy phong trào có nền nếp, từng phong trào có tiến hành bình bầu, sau đó được Binh chủng công nhận, thường là 6 tháng và 1 năm. Cán bộ cơ quan chính trị Binh chủng do chủ nhiệm chính trị dẫn đầu có đại diện các bộ phận: Tổ chức, tuyên huấn, cán bộ, kiểm tra, bảo vệ... Thường xuyên đi các đại đội kiểm tra tình hình...

Phát huy sức mạnh công tác kiểm tra của Đảng ủy cũng định kỳ tiến hành kiểm tra một số chi bộ, chủ yếu xung quanh nội dung Đảng viên 4 tốt và Chi bộ 4 tốt nhằm thúc đẩy hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng trong phong trào xây dựng đơn vị. Việc bình Đảng viên 4 tốt gắn chặt trách nhiệm của từng đảng viên giữ cương vị chính quyền, như tiêu chuẩn quyết thắng mà đơn vị không đạt thì đảng viên là đại đội trưởng hay chính trị viên đại đội không thể đạt tiêu chuẩn Đảng viên 4 tốt...

Công tác phát triển Đảng cũng chú trọng, qua phong trào để bồi dưỡng đảng viên và phát triển thêm chiến sĩ ưu tú kết nạp vào Đảng. Ngày đó chất lượng tổ chức Đảng ở cơ sở đã cao, vì vậy: mục tiêu của Chi bộ 4 tốt có nội dung phần đầu là: Các trung đội có tổ chức Đảng, từng xe có đảng viên. Mục tiêu trên là nhằm vào yêu cầu chiến đấu sau này có thể chỉ vài xe tham gia một trận đánh và có thể có hoàn cảnh nào đó, chỉ còn một xe chiến đấu v.v... chỉ tiêu đó không phải là khẩu hiệu chung, mà xuất phát từ dự kiến tình hình có thể xảy ra để xây dựng một tổ chức Đảng cho phù hợp với nhiệm vụ lãnh đạo trong chiến đấu.

Tôi nhớ một lần cùng cán bộ cơ quan xuống một đại đội ở Trung đoàn 203, ngồi nói chuyện với chiến sĩ sau giờ bảo dưỡng kỹ thuật, có một chiến sĩ hỏi: Tại sao chúng em bị hắc lò nhiều lắm. Tôi vạch áo chiến sĩ đó xem, thấy một vùng hắc lò to gần khắp bụng, rồi buột miệng nói: Tại bắn chứ sao. Người chiến sĩ nói: Thủ trưởng xem, làm sao sạch được, quần áo thường ngày chỉ có 2 bộ, còn quần áo công tác chỉ một bộ duy nhất. Xà phòng mỗi tháng chỉ có một bánh to bằng nửa bàn tay. Suốt ngày lăn lộn với xe, với dầu mỡ, nếu trời nắng to một tuần mới giặt quần áo một lần còn mưa thì cả tháng không dám giặt.

Tôi quay sang hỏi quân y sĩ của tiểu đoàn đang ngồi cạnh thì được biết ngay “A.S.A” là thuốc trị hắc lò ngày đó cũng không có đủ để phát... Thế là sau lần trao đổi ấy tôi về bàn với cơ quan hậu cần và quân y bổ sung vào nội dung thi đua nuôi quân phòng bệnh tốt khẩu hiệu: “Mỗi đại đội có một vườn thuốc Nam, đặc biệt phải có nhiều cây “ba gạc” để trị nấm cho chiến sĩ.

Năm 1967 khi cán bộ, chiến sĩ đi bắn máy bay trở về Bình chủng và có lệnh chuẩn bị xe tăng đi chiến đấu thì công tác chính trị đã chuyển sang mục tiêu mới, đó là yêu cầu được quán triệt trong toàn Binh chủng: “Đảm bảo 100% người và xe an toàn tới nơi, sẵn sàng chiến đấu được ngay”.

Tất cả các mặt hoạt động đều tập trung xoay quanh yêu cầu chính trị trên, vì yêu cầu đó phù hợp với nguyện vọng của tất cả, để đảm bảo đánh thắng trận đầu Điểm qua vài số liệu để thấy hết sự nỗ lực của toàn Binh chủng cho chiến thắng đầu tiên ấy. Về tổ chức, chỉ huy, theo nghị quyết của Thường vụ Đảng ủy, gần như tập trung số lượng lớn cán bộ có năng lực, kinh nghiệm để đảm bảo cho cuộc hành quân lịch sử đầu tiên ấy: Từ Lương Sơn (Hòa Bình) vào đường số 9.

Trên Bộ Tư lệnh có cả một tổ chức gồm các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật. Ở trung đoàn có ban chỉ huy và cán bộ các cơ quan... Nhìn vào mặt kỹ thuật sau khi Tiểu đoàn 198 đến địa điểm tập kết chiến dịch và chỉ tính một đại đội: Bánh chịu nặng hỏng 111, tỷ lệ 84%. Xích hỏng 920 miếng, tỷ lệ 44%. Dầu diesel tiêu thụ hết 18.968 lít. Dầu nhờn hết 994 lít.

Qua đó ta thấy một khối lượng khổng lồ công việc đảm bảo cho Tiểu đoàn 198 (phiên hiệu tiểu đoàn xe tăng PT76) tiến vào chiến dịch như thế nào. Người cán bộ chính trị phải bám sát hoạt động của đơn vị, phải biết từng con số đó, không phải để làm công tác kỹ thuật, mà để hiểu con người ở binh chủng kỹ thuật, bởi vì công tác chính trị là công tác đối với con người đang làm các công việc như thế.

Công tác chính trị đi sâu vào các mặt hoạt động của Binh chủng, nhất là công tác kỹ thuật. Sức mạnh của công tác chính trị cũng là ở chỗ đó. Ngày ấy, đưa được Tiểu đoàn 198 đã vào tới điểm tập kết chiến dịch, là đã đưa “lò xo được nén căng tôi đã đến nơi chuẩn bị cho thời điểm bật chết”, còn hướng sức bật của lò xo ra sao để phát huy sức mạnh tối đa là các công việc làm tiếp ở chiến dịch.

Nhìn lại những điều đã trải nghiệm, gần 40 năm về trước, tôi nghĩ rằng các hoạt động phong phú, nhịp nhàng ngày ấy, yếu tố quyết định nhất là mọi vấn đề đều được bàn bạc, nhất trí cao trong ban Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Binh chủng. Ban Thường vụ Đảng ủy chúng tôi ngày ấy có ba người: Đồng chí Lê Ngọc Quang chính ủy - bí thư (chưa có phó chính ủy); Tôi, chủ nhiệm chính trị, phó bí thư; Đồng chí Đào Huy Vũ, phó tư lệnh (chưa có tư lệnh), ủy viên Thường vụ.

Mặt khác, một yếu tố cũng rất quan trọng đó là đội ngũ cán bộ chính trị từ trên Bộ Tư lệnh tới đại đội đều được đào tạo chính quy về khoa học quân sự

và kỹ thuật binh chủng, đội ngũ đó hiểu biết kỹ về kỹ thuật lại toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp xây dựng và chiến đấu, nên đã tạo ra được sự chủ động ăn ý cao trong cán bộ các cấp giữa quân sự, chính trị, kỹ thuật, qua đó tạo ra sức mạnh tổng hợp các mặt.

Tôi muốn kể lại một mẩu chuyện về sự chưa am hiểu về kỹ thuật binh chủng của một cán bộ lãnh đạo. Đại đội xe tăng 9, đơn vị đạt ba năm liền danh hiệu quyết thắng, lá cờ đầu về công tác kỹ thuật của Binh chủng, năm 1969 được điều động sang tham gia chiến đấu trên chiến trường Lào. Đơn vị nằm trong đội hình 195 của Trung đoàn 202. Trong một trận đánh, phải vượt dốc cao 1800m ở địa hình rừng núi. Xe tăng T34 nặng 32 tấn khả năng leo dốc hạn chế. Khả năng leo dốc lớn nhất là 30° (đường tốt), đi độ nghiêng lớn nhất 25°, vì vậy Cán bộ đơn vị xe tăng đã phải yêu cầu Binh chủng hợp thành cho công binh hạ thấp độ dốc đoạn đường đó để đạt yêu cầu cho xe tăng vượt dốc.

Sau chiến dịch tôi đã được cán bộ báo cáo tỷ mỉ về chuyện này. Do hiểu kỹ thuật, tôi cho yêu cầu phải bạt bớt độ dốc và độ nghiêng đó là hợp lý đảm bảo cho chiến thắng. Vài năm sau, đồng chí chính ủy sư đoàn bộ binh ngày đó lại có dịp công tác cùng tôi ở Binh chủng Tăng. Anh và tôi đã công tác chiến đấu cùng nhau trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Anh rất tin ở tôi và tôi cũng quý mến anh. Một hôm trong câu chuyện xây dựng ý chí chiến đấu cho xe tăng, anh đưa câu chuyện xe tăng yêu cầu bạt độ dốc ở chiến trường Lào năm xưa (ngày đó anh là Chính ủy Sư đoàn 312) và hạ kết luận: “Ngày đó Binh chủng đã đưa đơn vị xe tăng sang, ý chí chiến đấu không cao...”.

Tôi không ngạc nhiên, vì đã nghe báo cáo rồi, nên nói lại cho anh rõ: Đại đội 9 ngày đó là đơn vị mạnh nhất, anh em ấp ủ nguyện vọng cùng xe tăng đi chiến đấu đấy. Sau đó tôi đem công thức tính toán khả năng vượt dốc của xe tăng để nói cho anh rõ và khẳng định yêu cầu của anh em ngày đó là đúng, vì mục tiêu: chiến thắng. Anh đã hiểu ra, và nói mình không hiểu biết nên đã đánh giá anh em không đúng.

Tổng quát một kinh nghiệm nữa cũng chẳng mới mẻ gì xưa như Trái Đất, nhưng nó vẫn còn ý nghĩa cho ngày hôm nay, là những người làm công tác Đảng, công tác chính trị phải sáng suốt, công tâm, “đánh giá cán bộ cho đúng, xếp người đúng chỗ, thường xuyên bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho cán bộ phát huy hết tài năng, sức lực của mình”. Đây là bài học rất cơ bản, lại rất cụ thể bởi vì những người làm công tác Đảng, công tác chính trị thường giữ chức vụ chủ chốt trong cấp ủy Đảng, và có trách nhiệm lớn trong công tác cán bộ.

Chúng tôi ngày đó luôn ghi nhớ lời dạy của Hồ Chủ tịch để tránh sai lầm trong công tác cán bộ là: “Ham dùng người bà con, anh em quen biết, cho là họ chắc chắn hơn người ngoài, ham dùng những người khéo nịnh mình mà chán ghét những người chính trực; ham dùng những người tính tình thích hợp với mình mà tránh những người không thích hợp với mình, kết quả là họ làm bậy mà mình vẫn cố bao dung, che chở, bảo hộ, khiến họ ngày càng hư hỏng, còn đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù” . (Hồ Chí Minh: Tác phẩm Sửa đổi lề lối làm việc).

Hà Nội

7-2-2003

XE TĂNG TRÊN ĐẤT NƯỚC TRIỆU VOI

Đại tá Võ Ngọc Hải

nguyên Chính uỷ Trung đoàn xe tăng 202

Mùa thu năm 1969 Mỹ huy động lực lượng lớn, có không quân trực tiếp ủng hộ, lần đầu tiên dùng B52 mở cuộc hành quân “cù kiết” (rửa hận) lần chiếm cao nguyên Cánh Đồng Chum. Quân đội nhân dân Việt Nam đã sát cánh cùng quân đội Lào anh em phản công.

Về Binh chủng Tăng - Thiết giáp, Bộ Tư lệnh Binh chủng đã tổ chức đoàn 195A do tôi (Chính uỷ) và đồng chí Lê Quang Xỳ (trung đoàn phó) phụ trách. Đoàn 195 gồm: Đại đội 18, trang bị 11 xe tăng PT76 (xe tăng lội nước), 1 trung đội phá bom từ trường, 1 đại đội công binh, 1 đại đội thiết giáp bánh hơi có gắn trọng liên 14,5 mm, 1 bộ phận chỉ huy nhẹ.

Đoàn cán bộ chúng tôi từ Vĩnh Phú vào huyện Lệ Thủy - tỉnh Quảng Bình; từ Quảng Bình đến bản Ban, Xiêng Khoảng. Trước đó vào khoảng tháng 8-1966 Tiểu đoàn 177 của trung đoàn đã hành quân 896 km, vượt qua nhiều đoạn đường địch đánh phá ác liệt như dốc Bò Lăn, ngã ba Đồng Lộc, phà Long Đại, Lèn Bạc (ngầm Thác Cóc).

Xe phải tự bơi qua sông Mã, sông Gianh, đưa toàn bộ quân số, trang bị vào tập kết ở huyện Lệ Thủy - Quảng Bình, do đó chúng tôi đã có ít nhiều kinh

nghiệm, tổ chức chỉ huy hành quân trong điều kiện chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đoàn cán bộ chúng tôi đi đến Mường Xén - Nghệ An, vượt qua sông Nậm Mộ sang đất Lào, dự kiến từ đó tiến lên nghiên cứu Cánh đồng Chum.

Đoàn gồm trinh sát, điện đài, cán bộ kỹ thuật xe tăng. Có một chiều trú quân tại một cánh rừng thưa. ở đây có nhiều chum vại, bên trong toàn tro, có lộn những mảnh xương. Có lẽ đây là những ngôi mộ trong chum của một dòng họ nào đó. Đằng sau chúng tôi là một đồi Thông. Đại đội Đặc công Sư đoàn 312 đóng ở đấy. Tôi đến đoàn cử một số cán bộ, chiến sĩ quay lại đồi thông, đến kho Sư đoàn 312 lãnh gạo để tiếp tục hành quân.

Vừa đến chân đồi thì bị phi cơ địch oanh tạc, đại đội Đặc công bị thương vong nặng. Đơn vị chúng tôi có một đồng chí hy sinh và vài người bị thương. Thế là kế hoạch hành quân trinh sát bị lộ, không thể tiếp tục theo hướng nam Xiêng Khoảng nữa; phải quay lại ngay trong đêm đó để đưa tử sĩ và thương binh về biên giới và tìm đi hướng khác.

Tôi và một chiến sĩ liên lạc cùng vừa đi vừa hỏi thăm thương binh. Đồng chí liên lạc nhập đoàn đi trước. Trời sụp tối rất nhanh. Tôi lăm lụi đi đáng lẽ phải đi về phía đông, nhưng tôi lại theo đường mòn đi lên phía bắc. Đi một quãng thấy lá phủ đầy đường. Tôi biết bị lạc giữa rừng một mình. Không thể tiếp tục đi, tôi dừng lại với tư thế sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc. Tôi nghĩ nếu gặp bọn phi Vàng Pao thì với khẩu súng ngắn sẽ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Nếu gặp tình thế hiểm nghèo tôi lao xuống vực phía Đông, không để cho địch bắt.

Một đêm hết sức căng thẳng trôi qua. Trời vừa hừng sáng tôi quay lại đường mòn cũ. Đang đi, trời êm gió sao lại thấy bụi cây bên đường lay động. Bỗng thấy có một người tay cầm súng chĩa về phía mình. Tôi chột hỏi: “Các anh có

phải lính của anh Nguyên không). Thấy người đó hạ súng xuống, tôi nói tiếp “tôi là cán bộ đoàn Thiết giáp, sau trận bom hôm qua bị lạc, anh chỉ dùm đường trở lại”. Bấy giờ mới nhìn rõ người chiến sĩ. Họ nhìn tôi từ đầu đến chân, với trang phục bộ đội Việt Nam, khẩu súng k59 bên hông, họ biết ngay là cán bộ bộ đội Việt Nam và phải từ cấp tá trở lên (vì thời bấy giờ cấp tá mới được trang bị k59). Họ đưa tôi trở lại đường cũ.

Sở dĩ tôi trấn an họ ngay ở phút đầu tiên vì gọi đúng tên chủ nhiệm hậu cần 312, thủ trưởng họ. Tuy là một câu chuyện nhỏ nhưng lại là một kinh nghiệm xử trí khi gặp tình huống bất trắc: bình tĩnh, chủ động, nhanh trí.

Quay về biên giới Việt Lào, lại vượt sông Nậm Mộ lần 2. Cột chặt ba lô vào túi ni lông làm phao và cứ thế bơi sang sông. Thời gian đó tôi đã ghi vào nhật ký của mình vài cảm xúc:

Sông sâu nước xiết cuộn xuôi dòng,
Pháo giặc cầm canh người vắng không,
Súng, gạo gói vào trong bọc chặt,
Lao qua dòng nước lạnh ngấm ngấm.
Bụng đói cồn cào buổi nhức xương
V O nghiêng ngó cũng khinh thường,
sáu bận đi về trên nước xiết,
Nghe súng tiền phương quên đói mệt,
Lên bờ rũ nước ngoảnh nhìn sang,
Nậm Mộ hung hăng đã cúi hàng,
Cá kình cười trên đầu sóng dữ,
Sá gì nguy hiểm, chấp gian nan.

Miền tây, ngày 13-11-1969

Phải hành quân theo đường 7 để đưa xe tăng vào Xiêng Khoảng, đi đêm, đường dốc, leo lên “cổng trời” sang Lào, đường quanh co. Chỉ một thao tác sai sót trong khi lái xe, có thể rơi xuống vực. Đường 7 trên đất Lào ít có chỗ trú quân tốt vì bị bom Mỹ phát quang sạch. Một chiếc xe tăng bị cháy khi trú quân.

Cánh đồng bản Ban rất đẹp. Mùa xuân hoa Ban nở rộ. Rất nhiều cây Me như ở Nam Bộ. Thật là tiếc cảnh đẹp nhưng không có thời giờ ngắm, vì phải hành quân khẩn trương để kịp đợt 2 của chiến dịch 139. Các phân đội theo các hướng cùng tiến vào Cánh Đồng Chum. Tôi vào làm đại diện Binh chủng tại Bộ chỉ huy Mặt trận thay anh Đào Huy Vũ. Anh Lê Quang Xì trung đoàn phó, Bùi Văn Tùng chính trị viên Tiểu đoàn đi cùng với phân đội.

Khi tôi cùng với đơn vị hành quân từ Lệ Thủy đến Mường Xén - Nghệ An; Tôi đã gặp anh Đào Huy Vũ tại bệnh viện dã chiến của Mặt trận. Anh bị bom ở chỉ buy sờ bong một mắt, Mặt trận đưa anh về hậu phương bằng máy bay trực thăng để cứu chữa. Anh là cán bộ tham gia chiến đấu từ những ngày đầu kháng chiến, là phó Tư lệnh Binh chủng Thiết giáp. Thay anh làm tham mưu thiết giáp cho Bộ chỉ huy Mặt trận. Tôi đã giúp một phần cho Bộ chỉ huy Mặt trận trong việc sử dụng xe tăng thiết giáp. Sau đó tôi xin phép xuống đơn vị để cùng ban chỉ huy 195 chỉ đạo chiến đấu và rút kinh nghiệm công tác Đảng - công tác chính trị phân đội nhỏ trong tác chiến.

Trên đường từ Bộ chỉ huy Mặt trận đến Cánh Đồng Chum, thành lình gặp anh Bùi Văn Tùng từ bên nước sang. Anh đưa cho tôi một món quà hậu phương vô giá: Bức thư của vợ và hình đứa con trai mới 3 tháng. Khi đi chiến trường ghé qua nhà ở Hà Nội thì vợ tôi vào bệnh viện sinh cháu được 2 ngày. Thằng bé sinh thiếu tháng. Vợ tôi bồng con về nhà cho cha con gặp nhau. Đứa con đỏ hỏn, nhăn nheo, thế mà sau 3 tháng đã lớn đùng. Bức thư và ảnh của con là nguồn tiếp sức cho đôi chân vạn dặm của một tình nguyện quân trên đất Lào.

Người lính ra mặt trận đầy gian khổ nhưng yên tâm vì đằng sau có người vợ đảm đang, một nách 3 con, vừa công tác, vừa nuôi con, nuôi mẹ già. Ôi, vĩ đại thay người phụ nữ Việt Nam!

Sống trên Cánh Đồng Chum mới cảm nhận được hết vẻ đẹp hùng vĩ của nó. Một cao nguyên lớn rộng 1.600 km², cao hơn mặt biển trên 1000 mét, nằm lọt giữa vùng rừng rậm núi cao, là nơi tập trung đông dân cư ở Bắc Lào. Đất đồi nhưng cây lên trồng bắp rất tốt, giống như đất đỏ quê tôi. Trâu bò thả rong hàng đàn.

Trên vùng đất bằng phẳng đó, ta thường gặp những thung lũng, khe suối nhỏ, hai bên bờ là những rặng thông cao. Sáng sớm cánh đồng trắng xoá một màn sương. Ngày nóng, đêm lạnh, nhân dân hiền hoà, đôn hậu. Hết mùa cày cấy thả rong trâu bò, đến mùa lại đi tìm con vật của mình về cày. Xóm này cách xa xóm kia. Nhà cất bằng gỗ thông, nhiều cái còn lợp bằng “ngói thông” rất đẹp.

Người ta gọi là Cánh Đồng Chum, có lẽ nơi đây tập trung nhiều lu, chum bằng đá, đó là di tích của nền văn hoá lớn (Megalith) tập trung ở cao nguyên Hủa Phan - tỉnh Sầm Nưa và cao nguyên Trấn Ninh - tỉnh Xiêng Khoảng. Chum tập trung nhiều nhất ở Bản Ang, bản Lạc Sen và bản Sòi.

Tôi đã đi qua bản Ang, một cánh đồng bằng phẳng có nhiều đồi trọc bao quanh. Một trái núi lớn được thiên nhiên dựng lên trên cánh đồng, dưới chân núi có động. Có lẽ là địa điểm nơi người tiền sử dùng làm nơi hoả táng người chết. Nhiều hũ gốm đựng tro xương người đặt trong núi bản Ang trong các chum đặt trên cánh đồng.

Chum rất nhiều, hình trụ to nhỏ khác nhau được đục đẽo sơ sài, đặt thẳng trên mặt đất hoặc chôn một phần dưới đất thành từng cụm. Hàng quân đến đây dừng chân lại, ngồi bên chum đá gợi cho ta suy nghĩ về những chặng đường văn minh của các bộ tộc Lào anh em. Có lẽ chủ nhân của những chum đá đã sống trong một hình thái xã hội phát triển cao thời bấy giờ. Một quốc gia cổ đại đã tồn tại ở đây.

Cư dân khu vực Cánh Đồng Chum đa số là người dân tộc Lào Lum và Lào Thương. Trên vùng núi cao có người Lào Xung (còn gọi là Mẹo). Họ không phải là dân bản địa cũ mà từ phía Bắc di cư đến Lào khoảng 200 đến 300 năm nay và chỉ có ở Bắc Lào đến vùng tiếp giáp Trung Lào. Họ thường du canh, trồng lúa, ngô và thuốc phiện.

Một người Mẹo ra khỏi nhà thường mang theo con dao rất bén do họ rèn trụ. Họ tự làm súng một nòng, làm đạn, bắn giỏi, đi núi khoẻ, giàu tinh thần thượng võ. Họ có loại men ngâm rượu bằng lá cây rất tốt. Hút thuốc phiện hầu như phổ biến. Mỹ đã khai thác đặc điểm của dân tộc này, cố đưa Vàng Pao về làm lãnh tụ, chống phá cách mạng Lào và chia rẽ các dân tộc.

Trong đợt chiến đấu này, Đoàn 195 có nhiều gương chiến đấu tốt. Tôi muốn nói đến anh Nguyễn Huy Cận, chính trị viên Đại đội xe tăng 18. Anh Cận đã được học xe tăng ở Liên Xô. Trận đánh sân bay diễn ra vào hồi 2 giờ 35 phút ngày 18-2-1970. Do hiệp đồng không chặt, xe tăng xuất kích một mình. Một xe xông thẳng vào khu trung tâm vấp mìn, bị bắn cháy. Cả xe đều hy sinh. Xe của đại đội trưởng còn nằm ngoài hàng rào. Xe của chính trị viên Cận lao vào khu A dùng hoả lực, xích sắt chà sát quân địch. Các chiến sĩ ngồi trên xe tăng dùng súng 12,7 ly và AK diệt địch. Một xe đã làm chủ một khu, tả xung hữu đột. Trường hợp đó người chính trị viên đại đội đồng thời là chỉ huy một xe tăng, một chiến sỹ chiến đấu dũng cảm, linh hoạt, bằng hành động của mình đã cứu vãn tình thế và động viên bộ đội tiếp tục chiến đấu.

Trận này Đại đội 18 đi 4 xe, bị mìn nằm ngoài 2 xe, chỉ có 2 xe vào được đồn. Một xe bị bắn cháy ngay từ đầu, còn lại xe 514 của chính trị viên đại đội Nguyễn Huy Cận tiếp tục chiến đấu. Bộ binh (E148) không kịp tham gia.

Sau trận này địch núng thối, thấy không trụ nổi ở Cánh Đồng Chum nên cho máy bay bốc tàn quân địch về Long Chúng. Kết quả của đợt tham gia chiến dịch 139 và các đợt hoạt động trước đã tạo nên một khí thế mới trong toàn Trung đoàn xe tăng 202.

Cán bộ, chiến sĩ nô nức chuẩn bị về tư tưởng, trình độ chiến - kỹ thuật, sức khoẻ, hậu phương gia đình để thực hiện tốt quyết tâm: đi chiến đấu bất kỳ nơi nào Tổ quốc cần. Phong trào này đã góp vào lịch sử Binh chủng thiết giáp như một điểm sáng.

Sau chiến dịch, đơn vị trụ lại trên cao nguyên Cánh Đồng Chum, được bổ sung thêm lực lượng, tiếp tục tham gia chiến dịch 74B đường 7 và 4, góp phần giải phóng Mường Xú, phát triển về hướng Salafukhum, tiếp theo là chiến dịch Cánh Đồng Chum - Sầm Thông.

Như vậy từ cuối năm 1969-2/1970, một bộ phận của Trung đoàn 202 tham gia chiến dịch: 139 và 74B. Lần này tham gia chiến dịch với quy mô sử dụng xe tăng lớn hơn. Tôi còn nhớ năm 1970 khi gặp anh Phùng Thế Tài Phó Tổng tham mưu trưởng tại binh trạm đường 7, anh hỏi tôi “Sắp đến trên chiến trường Bắc Lào có sử dụng xe tăng T34 được không?”. Tôi quả quyết trả lời nếu đảm bảo đường sá tốt thì sử dụng được.

Kinh nghiệm của Hồng quân Liên Xô năm 1945 đã đưa được tập đoàn quân cận vệ xe tăng số 6 vượt qua dãy núi Đại Hưng An diệt đạo quân Quan Đông của Nhật Bản tại Mãn Châu. Các chiến dịch lần trước ta đã đưa xe hạng nhẹ loại nước PT 76 đi được. Lần này ta quyết tâm sử dụng xe tăng hạng trung T34 (trọng lượng chiến đấu là 32 tấn).

Với kinh nghiệm đã có, cùng với sự hiệp đồng chặt chẽ với công binh, 18 xe tăng T34 nằm trong đội hình của đoàn 195 Trung đoàn 202, sau 16 ngày đêm hành quân, vượt quãng đường 750 km đã vào vị trí tập kết đúng thời gian quy định và kịp nổ súng vào ngày 18-12-1971.

Trong cuộc hành quân này, công tác bảo đảm kỹ thuật có tính chất quyết định. Các cán bộ kỹ thuật giỏi rất xông xáo, không bỏ sót một hư hỏng nhỏ, kịp thời sửa chữa, khắc phục khó khăn để hành quân. Đại đội 9 ba năm liền là lá cờ đầu về quản lý kỹ thuật của Binh chủng .

Công tác Đảng-công tác chính trị thành công lớn trong việc xây dựng quyết tâm chiến đấu trong hành quân và suốt quá trình chiến đấu, người chính trị viên của các đơn vị xe tăng đã thực hiện được lời dạy của Bác: “Chính trị viên phải thân thiết như một người chị, công bình như một người anh, hiểu biết như một người bạn”.

Qua chiến dịch này, lực lượng thiết giáp của ta đã trưởng thành vượt bậc so với chiến dịch Mường Xúi tháng 6-1969 và Cánh Đồng Chum tháng 2-1970. Sử dụng xe tăng tập trung hơn, phát huy được khả năng cơ động, sức đột kích mạnh, hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh .

Trên chiến trường đường 9 Nam Lào, Trung đoàn 202 đã đưa Tiểu đoàn 397 tham gia trong đội hình chiến đấu của Binh chủng. Tháng 9-1970, tiểu đoàn đã hành quân vào Quảng Bình cùng với 2 tiểu đoàn bạn hành quân vào tuyến đường 559.

Nằm trong thế đội 2 của chiến dịch nên đến ngày 17-2-1971 vẫn còn nấp ở Lâm Trạch - Quảng Bình. Ngày 10-3 đã đưa tiểu đoàn vào vị trí tập kết gần

bản Tà Lao (bắc Sê Pôn). Nhưng đáng tiếc là Đại đội 6, Đại đội 15 không kịp tham gia chiến đấu. Chỉ có Đại đội 3 phối thuộc cho Sư đoàn 324 tiến công địch trên cao điểm 550, tham gia diệt Lữ 147 thủy quân lục chiến bắt tên đại tá lữ trưởng vào ngày 23-3.

Tham gia trận phản công đường 9 Nam Lào trung đoàn tiến thêm một bước mới, có thêm nhiều bài học về hành quân, tiếp cận địch, tác chiến phản công. Đại đội 3 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng 2 và nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ngày 23-9-1973.

Các chiến dịch Trung đoàn 202 được tham gia trên đất Lào anh em cho chúng tôi nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Về công tác chỉ huy, muốn đưa xe tăng vào chiến đấu trước hết cần phải nghiên cứu nắm vững địa hình. Yếu tố địa hình hết sức quan trọng đảm bảo cho ta có phương án hành quân chu đáo, đưa được xe tăng đến đích an toàn, sẵn sàng chiến đấu.

Có một nhà quân sự nói đại ý rằng “Nơi nào có một con hươu đi được thì một người lính đi được, một sư đoàn có thể qua được”. Đó là câu chuyện về bộ binh với khẩu súng trường, bao gạo trên vai. Còn đưa một chiếc xe tăng với sức nặng 32 tấn, công kênh thì không phải đường nào cũng đi được. Cán bộ chiến sĩ xe tăng thường nói: Công binh và Thiết giáp là bạn đồng hành.

Về chiến thuật cần hết sức chủ động, linh hoạt. Về nguyên tắc, thông thường xe tăng phải chiến đấu hợp đồng và quy mô sử dụng từng trung đội trở lên (3 chiếc) nhưng khi cần thiết và tình hình bắt buộc phải biết chiến đấu độc lập, thậm chí 1 xe. Người chỉ huy xe tăng từ người trưởng xe trở lên phải biết chỉ huy giỏi đồng thời sử dụng tốt chính chiếc xe của mình khi cần thiết chiến đấu như một người lính xuất sắc.

Về công tác kỹ thuật hành quân đường dài bằng xích từ hậu phương ra chiến trường là điều khó tránh nhưng tốn giờ máy nổ, hại tuổi thọ xe. Một xe tăng dùng 400 giờ máy nổ phải trung tu, vì thế công tác bảo đảm kỹ thuật tốt là bảo đảm 50% thắng lợi. Khẩu hiệu trung tâm là xe đến đủ, đúng thời gian, chiến đấu được ngay. Chiến công bao giờ cũng có phần đóng góp xứng đáng của công tác kỹ thuật.

Về công tác chính trị, xây dựng quyết tâm chiến đấu không phải là khẩu hiệu trừu tượng mà cần thể hiện trên tất cả các khâu của người chỉ huy trên các lĩnh vực chỉ huy, công tác bảo đảm kỹ thuật, hậu cần, công tác Đảng, công tác chính trị trong thời bình tạo nên sức mạnh dự trữ cho thời chiến. Làm sao tạo được cho người chiến binh có bản lĩnh chiến đấu vững vàng, một cái vốn dồi dào đủ để đối phó với mọi tình huống không thể lường trước được.

Người cán bộ chính trị công tác ở Binh chủng là người chỉ đạo tốt về công tác Đảng, công tác chính trị, đồng thời khi cần cũng có thể đảm đương trách nhiệm một người chỉ huy giỏi và là một trưởng xe tốt, thành thạo kỹ thuật, phương tiện thông tin trên xe, nhờ đó theo dõi, động viên chiến đấu Phong cách chiến đấu tốt cổ vũ rất lớn cho đồng đội, Sự kiện chính trị viên Nguyễn Huy Cận là một tấm gương tốt cho những cán bộ chính trị trong Binh chủng Xe tăng.

TP Hồ Chí Minh

Nhân kỷ niệm lần thứ 44

ngày thành lập Trung đoàn 202

V.N.H

(C 1 Trường Sơn, Cư xá Bắc Hải,

P15, Q10 Thành phố Hồ Chí Minh)

BẬT ĐÈN PHA, TIẾN CÔNG!

Đại tá Nguyễn Tăng

nguyên Phó chính ủy Trung đoàn xe tăng 202

trong Chiến dịch giải phóng Cánh Đồng Chum năm 1971 - 1972

Tôi thật may mắn, là một trong số 202 cán bộ 1 trong toàn quân, được điều về tham gia xây dựng Trung đoàn xe tăng đầu tiên của Quân đội ta. Trung đoàn được thành lập ngày 5 tháng 10 năm 1959 - Phiên hiệu là Trung đoàn 202. Tuy không được đào tạo chính quy về “bản lĩnh” xe tăng ở nhà trường như một số đồng chí khác, song cùng được học tập chuyển binh chủng và đã thực hành bắn đại bác, lái xe tăng v.v...

Là một binh chủng kỹ thuật mới, cán bộ chúng tôi tuy được học tập, song cái “lỗ hổng” lớn nhất là chưa có tí kinh nghiệm gì về sử dụng xe tăng trong chiến đấu, vì vậy tôi đâm ra say mê đọc và tìm hiểu qua các sách về chiến đấu của Quân đội Xô viết. Tôi thích nhất các cuốn: - Quân đội Xô viết” (NXB Chính trị Quốc gia Mat-xcơ-va 1969) hoặc cuốn “Binh chủng xe tăng Xô viết” (NXB Quân sự Bộ Quốc phòng Liên Xô - Mat-xcơ-va 1973).

Đọc thấy rất hứng thú, song kinh nghiệm lại quá lớn, vì đối tượng cả hai bên tham gia chiến đấu đều là những nước có nền công nghiệp hùng mạnh. Do vậy đi đôi với sự “đối chọi” của hai nền khoa học quân sự trong chiến đấu lại là sự đối chọi của số lượng và chất lượng trang bị kỹ thuật, nên khi đọc tôi luôn luôn phân vân, liệu sẽ học tập và ứng dụng được điều gì, nhất là Quân đội ta trang bị kỹ thuật còn thua xa với quân đội xâm lược Mỹ, ta lại phải

chiến đấu trên một địa hình đặc biệt: Rừng, núi, sông ngòi chia cắt v.v...

Ví dụ trận phản công ở Sta-lin-grát năm 1942, ở mũi đột kích chủ yếu là Tập đoàn quân Xô viết 65 hơn quân phát xít - về người gấp hai lần, về pháo binh gấp 4 lần, về xe tăng gấp 1,2 lần. Mật độ tập trung trên 1 km chiều rộng tấn công có 10 xe tăng, pháo và cối có 202 khẩu...

Còn trong trận “Cuốc-xơ” năm 1943. Quân phát xít có 50 sư đoàn chiến đấu trong đó có 16 sư đoàn xe tăng và bộ binh cơ giới (BBCG) - về vũ khí kỹ thuật chúng tập trung: 10 ngàn đại bác, 2.700 xe tăng, 2.000 máy bay chiến đấu. Còn phía Quân đội Xô viết cũng tập trung trang bị kỹ thuật khá lớn: 20 ngàn đại bác, 3.600 xe tăng và pháo tự hành, 3.130 máy bay.

Trong trận -Quân đội Xô viết công phá Béclin năm 1945 sào huyệt cuối cùng của phát xít Hít-le, có đoạn tôi đọc rất hứng thú, vì không những Quân đội Xô viết tập trung binh lực rất mạnh: Tới 42 ngàn đại bác, 6.2 ngàn xe tăng, 8,3 ngàn máy bay chiến đấu đặc biệt nhất là đêm 16-4-1945 vào 5 giờ sáng, trời còn tối mờ mịt, bên Quân đội Xô viết đã tập trung 143 đèn pha cực mạnh, chiếu sáng trận địa phát xít, đồng thời dưới mưa bom, bão đạn mở màn cho xe tăng Xô viết tiến công...”- Tôi hình dung, trước cảnh đó, quân phát xít hoảng loạn, tháo lui...

Sau này vào Tết Mậu thân 1968, trong chiến dịch Khe Sanh, tôi được tham gia và đã nhận ra một học thuyết Quân sự Việt Nam, rất Việt Nam: Tuy trang bị kỹ thuật ta yếu hơn kẻ thù, song ta biết lấy yếu tố bí mật bất ngờ, tấn công địch, chính là ta đã tăng sức mạnh lên bội phần. Chính bí mật chuẩn bị tấn công ta đã tạo ra thế mạnh áp đảo địch trong từng trận đánh. Nhưng còn màn công phá Béclin dưới 143 ngọn đèn pha cực mạnh, nếu hoàn cảnh ta chắc là khó... ấy thế mà ta đã bật đèn pha để tiến công địch, tôi xin kể lại chuyện này:

Sáng 18-12-1971 tôi ở Sở chỉ huy cơ bản của Trung đoàn bộ binh 141, Sư đoàn 312 tại điểm cao 1318 để theo dõi diễn biến chiến đấu của Đại đội 9 ở hướng Bắc Cánh Đồng Chum. Chúng tôi liên tiếp nhận được tin thắng lợi của Tiểu đoàn tăng 195 ở hướng Bắc báo về:

4 giờ 30 phút ngày 18-12-1971, pháo binh ta đồng loạt bắn để xe tăng ta chiếm tuyến triển khai. 5 giờ ngày 18-12 các mũi tiến công của bộ binh do xe tăng dẫn đầu nhất loạt tiến công vào GM-20, GM-21 quân Phỉ Vàng Pao và quân đánh thuê Thái Lan ở các khu vực Na Hin, Na Mon, Phai Khanh, sân bay Mường Phần, 5 Mỏm Song Le v.v...

15 giờ ngày 18-12 anh Đào Huy Vũ - Phó Tư lệnh Binh chủng từ Sở Chỉ huy Quỳnh Anh (ký hiệu của tư đoàn bộ binh 312) gọi điện cho tôi thông báo: Đại đội Tăng 9 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu ở hướng Bắc, đồng thời hỏi tôi: Đại đội Tăng 18 đã tập kết ở Phu Hê chưa? Trung đoàn Tăng dự bị có đến kịp không? ½ cơ số đạn đã lót xong chưa?

Tôi thông báo: Đại đội Tăng 18 đã tập kết đầy đủ ở Phu Hê, Trung đoàn Tăng dự bị đã đến kịp đang khẩn trương khôi phục kỹ thuật để chiến đấu, ½ cơ số đạn đã lót xong để bổ sung khi cần”.

23 giờ ngày 18-12- 1971, tôi và đồng chí Thuyết - Trợ lý tham mưu từ Sở Chỉ huy Trung đoàn bộ binh 141 ở điểm cao 1318 xuống thăm và mang quà của đồng chí Huỳnh Đắc Hương - Chính ủy Mặt trận tặng Đại đội Tăng 18 trước giờ nổ súng.

Sau khi trao quà và chuyển lời thăm hỏi động viên của Bộ Chỉ huy mặt trận

và của đồng chí Phó Tư lệnh Binh chủng Đào Huy Vũ tới đơn vị tôi thông báo tóm tắt diễn biến chiến đấu của Đại đội Tăng 9 ở hướng Bắc Cánh Đồng Chum để kịp thời động viên đơn vị, đồng thời nhắc cán bộ đại đội, trung đội phải chú trọng việc điều chỉnh chỉ huy từng xe vượt ngầm Na Nu và ngầm Bản Thưởng, qua được 2 ngầm này cũng có nghĩa là đã bảo đảm được một phần lớn thắng lợi cho trận đánh.

15 giờ ngày 19-12, chúng tôi rời Sở Chỉ huy cơ bản ở điểm cao 1318 để vào Sở Chỉ huy phía trước của Trung đoàn 141. Vừa đi khỏi địa điểm khoảng 500m thì máy bay B52 đến rải thảm vào đúng khu vực của Sở Chỉ huy cơ bản. Nghe tiếng bom nổ rầm rầm và khói bụi bốc cao phía sau, chúng tôi vừa nhìn nhau vừa trầm nghĩ; đi sớm một chút cũng hơi mạo hiểm, nhưng nếu xuất phát chẵn khoảng 30 phút có lẽ đã phải nếm mùi B52 ở ngay dưới chân điểm cao 1318.

Gần tối, chúng tôi vào đến Sở Chỉ huy tiền phương của Trung đoàn 141. Các Trung đoàn trưởng và Chính ủy Trung đoàn cho chúng tôi biết: Đồng chí Hà Tiến Tuân - Trung đoàn Phó xe tăng đi kiểm tra ngầm Nanu chưa về và yêu cầu tôi ở lại hầm Chỉ huy để cùng hợp đồng trong quá trình chỉ huy chiến đấu.

22 giờ, anh Thái Hòa - Sư trưởng Sư đoàn 312 gọi điện cho biết: Địch ở Bản Đôn, trận địa pháo Thái Lan, Mỏm 1324, 1210 v.v... đang hoang mang dao động, lệnh cho Trung đoàn 141 và xe tăng xuất kích. Cùng lúc đó anh Đào Huy Vũ - Phó Tư lệnh Binh chủng cũng gọi điện thoại hỏi tôi: Xe tăng đến đâu rồi, đã sẵn sàng xung phong chưa?

Tôi báo cáo: Xe tăng đã đến đầy đủ phía Đông ngầm Nanu hiện nay đang vượt ngầm sẵn sàng xung phong, đồng chí Hà Tiến Tuân đi kiểm tra đường vẫn chưa về, tôi đang ở cạnh anh Tài - Trung đoàn trưởng bộ binh để trực

tiếp chỉ huy xe tăng chiến đấu.

22 giờ 30 phút, sau đợt pháo dồn dập vào cả 5 cụm cứ điểm của địch, qua đài 2 oát tôi lệnh cho Đại đội Tăng 18 xung phong. Sau khi vượt qua ngầm Nanu, vì trời quá tối không nhận rõ đường và dấu chuẩn của công binh, nên xe tăng lúng túng, cơ động rất chậm. Qua đài vô tuyến điện của xe tăng, tôi nghe rõ báo cáo của Đại đội trưởng đề nghị cho bật đèn pha để xung phong, tôi trả lời đồng ý và lệnh cho Đại đội trưởng (Định): “Xe tăng! Bật đèn pha! Tiến công”.

Chỉ thị cho đơn vị xong tôi trao máy cho đồng chí Cường theo dõi và ra khỏi hầm chỉ huy, nhìn xuống đường quan sát đội hình tiến công của xe tăng. Dưới bầu trời mênh mông đen kịt của Cánh Đồng Chum, xen lẫn những tiếng nổ và chớp sáng của pháo binh ta đang dồn dập bắn vào các mục tiêu địch, từ phía ngầm Nanu, hàng chục ánh đèn pha sáng chói của xe tăng xuyên thủng màn đêm lao nhanh vào đồn địch, những ánh chớp của ĐKZ, cối 106,7mm trong đồn địch nổ điên loạn phía trước hòng ngăn chặn các mũi xung phong của ta nhưng vô hiệu, các mũi tiến công, những ánh đèn pha đột kích vẫn lớp lớp Xông lên!

Nhìn cảnh tượng hào hùng này, tôi bỗng chợt nhớ lại chuyện 143 đèn pha cực mạnh của Quân đội Xô viết trong đêm công phá Béclin. Hóa ra kinh nghiệm đó đã được áp dụng rất sáng tạo của bộ đội xe tăng Việt Nam, còn bản thân tôi cũng không hề nghĩ ra trước điều đó.

Khi tôi quay về hầm chỉ huy, anh Tài - Trung đoàn trưởng 141 đã vui vẻ nói: “Xe tăng cùng bộ binh đã giải quyết xong móm 1” ngay lúc đó đồng chí Cường trao tai nghe cho tôi, tiếng đồng chí Phan Văn Trân báo cáo rành rọt “Trung đội tăng 1 đã cùng bộ binh diệt xong trận địa pháo và Sở Chỉ huy Thái Lan, tên quan 5 Thái Lan chỉ huy pháo binh bị ta bắt sống, xe tăng đang

tiến công địch ở mỏm 3”, lúc này là 23 giờ ngày 19-12-1971.

2 giờ ngày 20-12-1971, chúng tôi nhận được lệnh anh Vũ - phó Tư lệnh Binh chủng qua máy điện thoại từ Sở Chỉ huy Sư đoàn 312: Tổ chức ngay một trung đội xe tăng để cùng với Tiểu đoàn Bộ binh 7 Trung đoàn 209 giải quyết tiếp bọn địch đóng ở Bản Quay.

Tôi nhanh chóng trao đổi với anh Tài, anh Vĩ - Trung đoàn trưởng và Chính ủy Trung đoàn 141 về nhiệm vụ mới của xe tăng, sau đó qua đài 2w lệnh cho Trung đội tăng dự bị phối hợp với Trung đoàn 209 thanh toán Bản Quay.

5 giờ 30 phút xe tăng xung phong lên điểm cao và chỉ sau 30 phút chiến đấu, xe tăng và bộ binh đã diệt gọn Bản Quay, bắt sống 80 tên địch, thu toàn bộ vũ khí.

7 giờ ngày 20-12-1971, toàn bộ hướng nam Cánh Đồng Chum đã im tiếng súng, chúng tôi rời Sở Chỉ huy tiền phương của Bộ binh để ra phía trước thăm đơn vị. Đến ngang đường gặp anh Tuân - Trung đoàn phó, anh ôm lấy tôi nói: “Cậu chỉ huy khá lắm, đêm qua tớ đi kiểm tra ngầm không về Sở Chỉ huy kịp, nhìn thấy xe tăng bật đèn pha xung phong tớ rất khoái”.

Như thế là cả cánh Bắc và cánh Nam Cánh Đồng Chum, xe tăng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đứng trên nóc hầm Sở Chỉ huy hành quân của tên quan 5 Thái Lan ở đỉnh Phu Tôn, tôi có dịp nhớ lại những kỷ niệm cũ chính ở chiến trường này, cách đây 18 năm - ngày 16-4-1953 Trung đoàn 66, Đại đoàn 304 chúng tôi đã cùng một đơn vị Pa-thét Lào do đồng chí Thao Tu chỉ huy tiến vào giải phóng bản Ban Khang Khay, thị xã Xiêng Khoảng, quét sạch bọn thực dân Pháp và bọn tay sai ngụy Lào, giữ vững vùng căn cứ địa

cách mạng của bạn.

Hôm nay, cũng ở chiến trường này chúng tôi những người chiến sĩ xe tăng Việt Nam trong đội hình chiến đấu của quân tình nguyện Việt Nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của đợt I chiến dịch, giải phóng hoàn toàn khu vực Cánh Đồng Chum. Không còn lâu nữa, đợt II của chiến dịch sẽ lại bắt đầu. Mục tiêu của chúng tôi là Xăm Thông - Long Chúng, xào huyết cuối cùng của bọn phỉ Vàng Pao và quân phản động Thái Lan. Có thể lúc đó, những ánh đèn pha cực mạnh của xe tăng chúng tôi, của tình đoàn kết liên minh chiến đấu Việt Lào sẽ quét sạch chúng nó trên mảnh đất cực Bắc này của bạn.

Nhân họp mặt cán bộ Trung đoàn xe tăng 202, ngày 17-8-2003, tôi viết những dòng này coi như là một bó hoa thơm kính tặng các bạn tôi, những con người đã góp phần làm nên chiến thắng của Binh chủng, và truyền thống: “Đã ra quân là đánh thắng”

Tiền Hải - Thái Bình,

tháng 8-2003

(ĐT: 036. 781716)

TÔI CƯỚI VỢ

Hoàng Liên

nguyên chiến sĩ xe tăng Trung đoàn 202 đầu tiên (1959 - 1965)

Từ xưa đến nay theo phong tục của dân tộc Việt Nam, phàm là làm việc lớn như làm nhà, dựng vợ gả chồng đều phải chọn ngày lành tháng tốt. Tập quán này bây giờ người ta lại càng coi trọng hơn. Còn về việc cưới hỏi ở quê tôi

miền núi (Định Hóa, Thái Nguyên) ngày xưa còn phải xem số hai người nam nữ có hợp nhau mới được lấy. Vì thế sau khi dặm hỏi hai bên nhà trai và nhà gái phải cung cấp ngày sinh tháng đẻ của con mình cho bên kia. Sau đó hai bên nhờ thầy xem số. Đã có những đôi nam nữ rất yêu nhau nhưng chỉ vì số không hợp nên bố mẹ hai bên không cho lấy nhau, dẫn đến chuyện đau lòng. Còn từ ngày dặm ngõ đến ngày cưới phải qua nhiều bước lắm. Nào là: dặm ngõ, ngày đưa lá số, ngày ăn hỏi v.v...

Do hoàn cảnh hơi đặc biệt tôi cưới vợ thì không xem ngày, không xem số, bỏ qua tất cả các bước dặm ngõ, ăn hỏi... Tháng 2 năm 1962 tôi là lính xe tăng đang công tác ở chiến trường nước Lào, đi máy bay từ Cánh Đồng Chum xuống sân bay Gia Lâm, đi tàu hỏa, rồi đạp xe đạp về quê báo cáo với hai gia đình. Hai hôm sau thì tổ chức cưới ngay.

Nhà gái không lấy gì của nhà trai. Bố mẹ tôi đều mất cả, tôi ở với ông anh cả, nhà anh chỉ có 1 con lợn độ 30kg hơi khiêng cho nhà gái và mấy chục bò gạo, gọi là lễ, mặc dù nhà gái không yêu cầu. Hôm trước nhà gái tổ chức cưới, hai chúng tôi ở đấy. Hôm sau nhà trai cưới, chúng tôi lại về nhà trai không có ai phù dâu, phù rể, không ai đưa, không ai đón. Hai gia đình ở cách nhau 12km, chúng tôi lai nhau trên một chiếc xe đạp cũ kỹ. Cưới xong chúng tôi lại lai nhau trên chiếc xe đạp cũ kỹ ấy về cơ quan vợ tôi làm việc (Phòng Y tế huyện Đại Từ, Thái Nguyên), cách nhà tôi 25 cây số.

Vì thời gian nghỉ phép của tôi tất cả chỉ có 15 ngày, nên sau khi cưới chúng tôi chỉ còn được ở với nhau 10 ngày. Hết hạn nghỉ phép tôi trở lại trạm tiếp đón ở sân bay Gia Lâm để sang Lào. Ngày nào trạm cũng thông báo mây mù nhiều, máy bay không bay được. Tôi nhớ vợ quá lại trốn về, vài ngày lại xuống, vẫn chưa có máy bay, tôi lại trốn lần nữa. Tôi trốn lần thứ 2 thì anh Phùng Đức Nự quân hàm trung úy (lúc đó tôi mới chuẩn úy) là cán bộ tổ chức của Bộ Tư lệnh Miền Tây gọi tôi lên mắng cho một trận. Tôi không dám trốn nữa, mặc dù rất nhớ vợ.

Chờ mãi ở trạm vẫn không có máy bay, khoảng mười hôm sau thì cấp trên bố trí 3 chiếc Ô tô tải chở tất cả anh em đang chờ máy bay đi Lào, Ô tô theo quốc lộ số 7, loại xe mô-lô-tô-va của Liên Xô chỉ có 2 băng ghế ở hai bên, một số người được ngồi ghế, số còn lại ngồi bệt xuống sàn xe. Xe nào người cũng chật ních, đã thế đường số 7 làm từ thời Pháp thuộc, xe quân sự đi nhiều nên đường xấu lắm, người ngồi xóc từng lên như xóc ốc. Đường nhiều chỗ cong rất gấp, vô bên này, xô bên kia, giá như bây giờ thì không chịu nổi. Nhưng lúc đó tuổi còn trẻ, sức khỏe tốt.

Anh em tuy mỗi người một đơn vị, không ai biết ai, vì số anh em này hoặc là trả phép, hoặc đi công tác rồi trở lại Lào. Nhưng chỉ lên xe một lúc là quen nhau ngay. Nói chuyện suốt dọc đường nên cũng quên mệt. Mỗi xe được phát mấy khẩu súng để tự vệ. Sang đến đất Lào thì xe đi đầu tiên bị trúng mìn. Xe đó khá nhiều anh em bị hy sinh. Chúng tôi lại phải tạm dừng sau khi mai táng anh em, chúng tôi phải ăn ở nhờ đơn vị bảo vệ đường số 7.

Sau đó Bộ Tổng tư lệnh cử công binh đi trước để dò mìn, xe chúng tôi đi sau. Về đến đơn vị vài ngày, tôi được ban chỉ huy tiểu đoàn gọi lên hỏi thăm tình hình gia đình và bắt viết kiểm điểm. Sau đó tôi bị thi hành kỷ luật khiển trách. Tôi không biết tại sao Ban chỉ huy tiểu đoàn lại biết việc tôi bỏ trốn. Sau đó được biết là đồng chí Anh (người miền Nam) ở cùng tiểu đoàn, đi công tác về nước, đến trạm thì biết việc tôi bỏ trốn về với vợ mới cưới.

Các bạn chắc chưa thể hiểu vì sao tôi lại cưới vợ một cách “cấp tập” như pháo hỏa chuẩn trong một trận đánh như thế. Thế này các bạn ạ.

Tôi nhập ngũ ngày 27-3-1954 khi đó đang học lớp 7 (phổ thông cơ sở), lúc này tôi chưa yêu ai. Vào bộ đội tôi còn trẻ. lại nay đây mai đó nên cũng chưa

yêu ai. Năm 1955 thì được vào học trường Văn hóa Quân đội (gọi là D126 ở Kiến An). Thời gian học văn hóa là 2 năm, nhà trường ở vùng mới tiếp quản, lại ở trong doanh trại, không có điều kiện tiếp xúc với dân nên thời gian này tôi cũng chưa yêu ai. Năm 1957 đi sang Trung Quốc học xe tăng, đến đầu năm 1960 về nước.

Sau khi về nước chúng tôi được nghỉ phép một tháng. Anh em nào chưa có vợ thì được cấp trên cho một giấy giới thiệu với chính quyền địa phương giúp đỡ tìm vợ. Như thế là tôi đi bộ đội đã được 7 năm. Tuổi đời đã 27, thời đó 27 tuổi chưa lấy vợ đã thuộc loại muộn, tự tôi cũng hơi sốt ruột rồi. Lốp trẻ hiện nay đọc đến chỗ này thì chắc ngạc nhiên và buồn cười, vì bây giờ 27 tuổi chưa lấy vợ là chuyện bình thường. Quả thật, tôi về đến nhà thì lứa tuổi tôi đã có từ 1 đến 2 con, không còn ai chưa xây dựng gia đình.

Tôi biết có xuất trình tờ giấy giới thiệu này cũng không ăn nhằm gì. Nhưng vì sốt ruột nên cũng nuôi tia hy vọng nhỏ nhoi. Thế là đưa giấy giới thiệu đến ủy ban xã. Sau khi xem giấy, các bác ở ủy ban xã rất thông cảm, nhưng cũng bó tay. Có bạn đọc đoạn này chắc nghĩ là tôi phịa. Tại sao tìm hiểu yêu đương lại nhờ chính quyền được. Bây giờ nghe rất vô lý, ấy thế mà lại là chuyện thật trăm phần trăm. Cái ngày đó mọi việc như vậy phải được phép của cả tổ chức Đảng nữa.

Thời gian nghỉ phép, tôi đến cơ quan ủy ban huyện và Huyện ủy thăm một số anh em bạn bè thì được một số bạn bè giới thiệu tôi làm quen với nhà tôi bây giờ-Tình yêu phải có thời gian tiếp xúc lâu dài thì mới nảy sinh tình cảm. Vì mới quen biết, nên giữa hai chúng tôi chưa mặn mà gì. Vì vậy, mặc dù chưa hết phép tôi đã trở lại đơn vị.

Không biết có phải ông tơ bà nguyệt sắp đặt không mà đầu năm 1961 tôi và nhà tôi có dịp ở gần nhau một thời gian độ một tháng gì đó. Lúc đó nhà tôi đi

học xét nghiệm vi trùng sốt rét ở Viện Sốt rét Trung ương - số 5 - phố Quang Trung - Hà Nội. Thật may làm sao, đúng dịp tôi được cử đến Bộ Tư lệnh Pháo binh 351 (ở phố Lý Nam Đế - Hà Nội) để nhận một số anh em chiến sĩ pháo binh hết nghĩa vụ về học pháo xe tăng.

Qua thời gian gần gũi tuy ngắn ngủi này, nhưng hai đứa chúng tôi đã có cảm tình với nhau. Cuối năm 1961, tôi được cử sang Lào để chuyển một tiểu đoàn xe tăng lội nước PT-76 Cho lực lượng trung lập Koong-le, vừa huấn luyện cho họ trước khi bàn giao, vừa sẵn sàng chiến đấu. Tiểu đoàn do đồng chí Trần Nam làm tiểu đoàn trưởng. Nhờ phải ở Lào 2, 3 năm nữa thì việc lấy vợ chắc xa xăm lắm. Đặc biệt tôi và nhà tôi chỉ mới quen sơ sơ thôi, chưa hứa hẹn gì, làm sao bắt cô ấy chờ được. Thế là tôi mạnh dạn báo cáo cấp trên.

Đồng chí Tinh, chính trị viên tiểu đoàn nói với tôi: Cậu viết thư về hỏi thẳng cô ấy, nếu đồng ý lấy thì gửi lý lịch sang đây. Tôi làm đúng như lời đồng chí ấy. Một thời gian thì có thư trả lời, cô ấy đồng ý xây dựng gia đình với tôi và kèm theo một bản lý lịch có xác nhận của cơ quan. Việc tôi đặt thẳng vấn đề với nhà tôi hồi ấy thật là hơi liều mạng, vì chúng tôi đã biết nhau nhiều nhận gì đâu. Tôi không ngờ nhà tôi lúc đó lại...

Tôi đưa bức thư và lý lịch của cô ấy cho đồng chí chính trị viên tiểu đoàn. Tôi nghe nói sau khi bàn bạc Đảng ủy và tiểu đoàn nhất trí cho tôi được xây dựng với nhà tôi và cho phép tôi về nước cưới vợ. Do đó mới có cuộc cưới vợ kiểu “pháo bắn cấp tập” và phá cả lệ làng như vậy. Đúng là cái duyên cái số.

Vợ chồng chúng tôi sống với nhau rất hạnh phúc, năm nay tôi đã 71 tuổi, vợ tôi 65 tuổi chưa hề to tiếng với nhau bao giờ. Các con tôi đều ngoan và đã trưởng thành. Tôi thấy tự hào về vai trò đảm đang của nhà tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của một người vợ, vợ của một chiến sĩ quân đội, một người mẹ

hiền. Hiện nay cả hai chúng tôi tuy tuổi đã cao, vẫn là chỗ dựa của nhau.

Thành phố Thái Nguyên

30-4-2003

H.L

(ĐT. 0280. 85 7501)

CHIỀU 30 TẾT NĂM ẤY

Đại tá Đào Văn Xuân

Mùa xuân Mậu Thân (1968), lần đầu tiên xe tăng của quân đội ta xuất hiện trên chiến trường miền Nam. Trận đầu ra quân đã diệt gọn cứ điểm Làng Vây (7-2-1968). Làng Vây là một căn cứ phòng thủ mạnh, thuộc tập đoàn cứ điểm Khe Xanh, trong tuyến phòng thủ đường số 9. Căn cứ ở trên một - điểm cao, hướng bắc độ dốc lớn, lại có suối chạy dưới chân đồi. Căn cứ có 4 đại đội quân biệt kích ngụy Sài Gòn, khoảng 600 tên chiếm giữ, do 30 tên cố vấn Mỹ chỉ huy.

Đưa được vài chục chiến xe tăng từ nơi trú quân ở huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình vào được chiến trường đường số 9, trong hoàn cảnh đường sá còn nhiều khó khăn, không quân Mỹ ngày đêm điên cuồng đánh phá, lại giữ được bí mật tuyệt đối và bảo toàn được lực lượng, là bài toán rất “hóc búa” đòi hỏi trí tuệ Việt Nam phải có lời giải.

Để thực hiện ý định của Bộ Tổng Tư lệnh sau nhiều lần bàn bạc, cân nhắc các mặt về tính năng chiến thuật, kỹ thuật các chủng loại xe tăng ta có ngày đó, Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Tàng - Thiết giáp chúng tôi đi đến quyết định: Đưa tiểu đoàn xe tăng hạng nhẹ PT.76 vào chiến trường.

Loại tăng PT.76 tuy sức mạnh chiến đấu không cao, sức bảo vệ của vỏ thép mỏng, sườn xe độ dày có 18 - 19mm, hỏa lực yếu, cỡ pháo nhỏ: 76mm, song sức cơ động lại cao, có thể tự bơi qua sông, qua suối, leo đồi dốc tới 38 độ, vượt dốc có độ nghiêng tới 32 độ... Chính các tính năng kỹ thuật trên là một nhân tố quan trọng đảm bảo yêu cầu bí mật bất ngờ tới phút chót, khi xe tăng ta xông lên cứ điểm quân địch mới biết...

Vì vậy sau chiến thắng, để giữ bí mật và giành thế bất ngờ đón thời cơ mới, Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp quyết định tổ chức cho tiểu đoàn PT.76 ém quân tại chiến trường đường số 9.

Sau thất bại trong chiến dịch Khe Sanh, năm 1969, đế quốc Mỹ đã tiến hành nghiên cứu hàng trăm dự án về vũ khí và thiết bị điện tử bí mật (gọi tắt là STAN) để thực hiện tự động hóa cao các thủ đoạn đánh phá, giám sát và bắt các mục tiêu, quan sát và bắn phá ban đêm trên tuyến hành lang đường mòn Hồ Chí Minh. Dự án này đã cho ra đời hàng trăm loại mìn sát thương, bom điều khiển bằng laser, khí tài quan sát ban đêm, bom chùm, máy đánh hơi người, bom loại nhỏ cỡ khuy áo, máy ghi địa chấn để thu nhận tình hình phương tiện, xe pháo hành quân v.v...

Trong 2 năm 1969 - 1970, chúng đã thả hàng triệu tấn bom trên dọc đường mòn. Thôi thì đủ kiểu ném bom, nào là bom “tọa độ”- nào là bom “xăm hằm”, nào là những đợt ném bom mang các tên ký quái như: “Đốt cháy rừng”, “Sấm rền”, “Hổ thép” v.v....

Tình hình đánh phá ác liệt như vậy mà vẫn giấu quân an toàn và bí mật, để đến đầu năm 1971, trong chiến trường đường số 9 - Nam Lào, trong đội hình chiến đấu, xe tăng PT.76 mang số hiệu 555 trước đây “tả xung hữu đột” trong trận Làng Vây, nay lại làm nên bất ngờ: Xông vào trung tâm điểm cao 543, dùng xích sắt chà sát các khu thông tin, ụ súng và cuối cùng để lên hằm chỉ

huy của định, tạo điều kiện cho quân ta bắt sống Lữ trưởng Lữ dù số 3, Đại tá Nguyễn Văn Thọ, ngày 25-2-1971.

Kết quả đó là sự đấu trí và lòng dũng cảm của quân đội và nhân dân ta trong quá trình giấu quân trước sức, mạnh kỹ thuật và sắt thép của kẻ thù, tuy nhiên khó tránh khỏi mất mát hy sinh.

Khoảng đầu năm 1969, tôi được ủy nhiệm của Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh dẫn một số cán bộ các cơ quan: Tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật vào kiểm tra và nghiên cứu tình hình các mặt ở tiểu đoàn xe tăng PT76. Phiên hiệu của đơn vị là Tiểu đoàn 198.

Thật khó quên, ngày tôi đến, tiểu đoàn sau đợt hành quân dài ngày từ Vĩnh Yên vào tới chiến trường, khi đến gần tiểu đoàn bộ, trong khi chờ đợi giao liên đến đón, anh em ào ào nhảy xuống tắm, thôi thì cười nói, đùa giỡn ồn ào... .

Khi đại úy Nguyễn Văn Phùng, tham mưu trưởng tiểu đoàn ra đón tôi (nay anh Phùng là đại tá đã nghỉ hưu) sau câu chào hỏi, anh Phùng nói: “Chết rồi thủ trưởng ơi, các máy cảm ứng âm thanh và địa chấn Mỹ nó thả xuống rất nhiều, cái thì cắm sâu xuống đất, cái là dù treo lơ lửng trên ngọn cây. Anh em mới vào chưa đơm phổ biến, nay hò reo ầm ĩ như vậy, có thể sẽ bị bom đấy...”. Thế là kịp phân tán anh em về các hầm ở các đơn vị, còn tôi ở lại tiểu đoàn bộ.

Vâng, chẳng phải chờ đợi lâu, sáng hôm sau từng tốp máy bay Mỹ đến ném bom... chúng ném rất dài, hàng tiếng đồng hồ để xăm hầm. Tôi ngồi trong hầm chữ A rất chắc chắn, bom nổ quá gần nên chỉ thấy “ịch” một cái, hầm rung chuyển, đất đá tung lên rơi xuống nóc hầm rào rào, cây cối đổ gãy kêu răng rắc. Mặc dầu rất bình tĩnh song mỗi lần nghe tiếng “ịch” tôi cảm thấy

như có luồng hơi lạnh chạy dọc sống lưng lên óc. Mỗi lần bom nổ “ịch” và hầm chao đảo, tôi lại xem đồng hồ và nghĩ: “Ta chưa chết...”. Bình tĩnh ngồi chờ cái “chết” nếu bom rơi trúng hầm...

Trong quá trình trú quân và di chuyển gấp để tránh các đợt B52, nhiều cán bộ chiến sĩ xe tăng đã hy sinh, như đại úy Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Viễn, thượng úy đại đội trưởng Nguyễn Văn Thơ, chiến sĩ, cơ công Nguyễn Tiến Chén... Trú quân ở chiến trường cũng là những trận chiến đấu không kém phần ác liệt. ..

Khi ở Tiểu đoàn -198 ra, sau tết Canh Tuất, chúng tôi đến thăm gia đình liệt sĩ - đại úy Nguyễn Văn Viễn. Đến nhà thấy bố anh, tóc bạc phơ đang ngồi ở dưới dàn hoa thiên lý đan rối, tôi vô cùng xúc động... Vợ anh nghe tin chạy tới. Tất cả gia đình chưa nhận được tin về sự hy sinh của anh... Chúng tôi đã kịp giữ im lặng, chúc sức khỏe gia đình, biếu quà của Bộ Tư lệnh rồi ra về.

Lần này sau chiến dịch đường số 9 - Nam Lào, vào khoảng cuối năm 1971, tôi và thiếu tá Hoàng Đăng Huệ, trưởng ban cán bộ (nay anh là Thiếu tướng đã nghỉ hưu ở Hà Nội), và thiếu tá Nguyễn Công Phác, trưởng ban chính sách (nay anh là đại tá đã nghỉ hưu ở Phú Thọ). Chúng tôi đi thăm hỏi một số gia đình liệt sĩ. . Tôi nhớ mãi câu chuyện xảy ra vào chiều 30 Tết năm ấy.

Chiếc xe Uoát vừa dừng ở cổng làng, một tốp các cháu nhỏ xúng xính trong bộ quần áo mới chạy ủa tới vây quanh chúng tôi, mắt tròn xoe như dò hỏi... Anh Hoàng Đăng Huệ, vốn là con người thận trọng, kéo tôi ra xa nói nhỏ: Thủ trưởng tạm ở ngoài này, để tôi và anh Phác vào trước xem động tĩnh ra sao đã. Hai anh vào làng, lúc này chỉ còn mình tôi nên lữ trẻ lại gần rụt rè hỏi: “Chú bộ đội hỏi nhà ai thế?”.

Tôi chợt nhớ đến câu “đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ” nên nói: “Các cháu ơi, nhà chú Bùi Minh bộ đội xe tăng ấy mà, năm nay có lộc nhiều bánh chưng không?”.

Các cháu nhao nhao trả lời: Mẹ chú ấy gói nhiều, lộc một nồi “to đùng”, vợ chú ấy cũng mua cho con bộ áo mới đấy... Lại còn mua cả pháo để Tết đốt nữa... Thế là tôi đã hiểu một phần nào rồi, gia đình có thể chưa nhận được giấy báo tử...

Hai anh Huệ và Phác ra, các anh kéo tôi ra xa lù trẻ, nói khẽ: Gia đình chưa nhận được tin Bùi Minh hy sinh đâu. Thôi hương hoa và nến ta giấu lại trong xe, chỉ mang kẹo, bánh vào thôi, coi như là đi chúc Tết thông thường. May quá, nếu không vào thăm dò trước lại lù lù mang hương, hoa nến vào nhà đúng chiều 30 Tết thì chết ...

Vào tối ngỗ, vợ anh Bùi Minh chạy ra, mừng rỡ nói: “Mời các anh vào nhà”, rồi chị chạy vào trước reo to: “U ời các anh ở đơn vị đến chúc Tết...”. Tiếp chuyện tôi, chợt mẹ anh Bùi Minh hỏi: “Thế em nó có gửi thư về nhà không)” Tôi lạnh toát cả người vì vừa nói mình ở chiến trường ra, nhưng từ khi hỏi chuyện các cháu nhỏ ở đầu làng, tôi đã có chuẩn bị nên bình tĩnh đáp:

“Thưa bà, ở chiến trường bom đạn ác liệt lắm. Mỗi đơn vị phải ở cách xa nhau hàng hai ngày đường đi bộ, nên đơn vị đầu tiên cháu đến là đơn vị anh Minh nhà ta, sau đó đi vòng qua các đơn vị, cho tới lúc ra Bắc không có dịp trở lại. Khi ra cháu có nói điện thoại với anh Minh, anh chỉ nhắn bà, chị và cháu yên tâm. Nhìn nét mặt vợ Bùi Minh xịu xuống khi biết không có thư của chồng, tôi thấy lòng mình nặng trĩu...

Không khí trong nhà lúc này khó nói ra được, gia đình thì nửa vui, nửa buồn. Vui vì nghe tin chồng, con khỏe mạnh, buồn vì không có lấy một mẫu thư, dù chỉ vài dòng... Còn chúng tôi thấy đau đớn, xót xa vì biết đồng chí mình đã hy sinh mà không thể nói lên tấm lòng mình và thắp được nén nhang. Tôi nghĩ tới những vành khăn tang trên đầu người mẹ, người vợ trẻ và cháu bé kia... Còn ở góc bàn, đối diện với tôi, một bác trung niên tuổi độ trên 40, từ khi chúng tôi vào nhà, bác vẫn yên lặng không nói, đôi khi liếc nhìn chúng tôi như dò xét, sau đó lại nhìn ra vườn vẻ đăm chiêu.

May quá cháu nhỏ con anh Bùi Minh lon ton chạy đến cạnh tôi, thật là một cơ hội tốt, tôi bế cháu lên, ôm vào lòng, âu yếm hỏi: “Con bố Minh ở nhà có ngoan không? Bé thích quà gì để khi nào bố Minh về phép sẽ mang về cho?” Bé: “ừ ừ... cháu... cháu không lấy quà, cháu chỉ thích cục phấn cơ!”. ?. Sao lại thích cục phấn? - Tôi hỏi. Bà và mẹ cháu cùng cười nói: “ở nhà cháu thường lấy gạch vẽ nhì nhảnh xuống sân làm thầy giáo dạy chữ cho chó và mèo đấy. Cháu muốn có cục phấn để làm thầy giáo”.

May quá - Bé đã làm cho tất cả đều vui. Tôi liếc nhìn người đàn ông, vẫn thái độ dăm chiêu và im lặng. Tôi nghĩ có lẽ ông ta có bệnh nên không nghe và không nói được. Hai anh Phác và Huệ nhìn tôi, như muốn nhắc nên cáo từ. Tôi vội chúc Tết gia đình và xin phép ra về.

Lạ quá, người đàn ông đứng dậy đi theo chúng tôi, khi tôi sắp lên xe, ông đến nắm chặt tay tôi: nói trong nước mắt: “Tôi là bác của Bùi Minh, tôi là Thường vụ Đảng ủy xã, xã đã nhận được giấy báo tử rồi. Đảng ủy chúng tôi chủ trương giấu kín để gia đình họ hàng có cái Tết yên vui. Ra giêng mới làm lễ truy điệu. Xin cảm ơn các anh, đã mang lại cho gia đình tôi cái Tết yên vui” .

Tôi xúc động, lặng người đi run run đưa hai bàn tay nắm chặt tay ông, còn ông đứng yên, hai giọt nước mắt từ từ chảy dài trên má ...

Trên ba mươi mùa xuân đã trôi qua, một thời gian đủ để một thế hệ lớn lên và trưởng thành. Nhân Tết Nhâm Ngọ, ngồi viết những dòng này, trước mắt tôi như hiện lên ngôi nhà đơn sơ ở cái làng nhỏ bé thuộc tỉnh Hải Hưng ngày ấy, nay chắc đã khang trang hơn. Trước sân những cây cam nặng trĩu, quả chín đỏ mọng. Trong nhà, ở gian bếp một thanh niên còn trẻ trạc tuổi 30, quây quần bên anh, một tốp cháu nhỏ, có lẽ là học sinh đến chúc Tết thầy. Họ vui vẻ nói chuyện những ước mơ... gương mặt cả thầy và trò thật rạng rỡ. Ở gian nhà giữa, một phụ nữ trạc tuổi 50, những tóc đã chớm bạc, đang ôm đứa cháu vào lòng, chỉ tay lên bàn thờ nói: “ông đấy... ông đấy...”. Còn cháu nhỏ bi bô nói theo: “ông... ông...”.

Trên bàn thờ có tấm ảnh một anh bộ đội còn trẻ, trên ve áo nổi rõ phù hiệu xe tăng, sau làn khói nhang lung linh, huyền ảo, hình như anh bộ đội ấy đang mỉm cười ..

Tôi dừng bút, băng khuông nhìn ra sân mưa nhè nhẹ bay như rắc những hạt ánh sáng rực rỡ phủ khắp nơi.

Một mùa xuân lại đến.

Hà Nội, 1-2002

Đ-V-X

MÃNH HỒ ĐƯỜNG SỐ 9

Đại tá Nguyễn Đình Trìu

Nguyên Phó chủ nhiệm Kỹ thuật

BTL Tăng - Thiết giáp

Tiết trời năm nay thật lạ, hôm nay đúng ngày rằm Trung thu (15-8 Quý Mùi) mưa sục sùi suốt ngày, như là mưa ngẫu ấy. Trên ti vi đang chiếu cảnh các cháu thiếu nhi vui đón trăng rằm. Ngồi trong nhà, nhìn ra sân ướt át, lầy lội sao mà ngại thế. Tôi cầm cuốn “Theo vết xích xe tăng” Tập một mở một trang bất kỳ đọc cho vui, mở đúng trang 139 có bài: “niềm vui đi chiến dịch”, lại đúng chiến dịch tôi tham gia, đọc quên cả cảnh trời mưa...

Tôi quyết định mặc áo mưa, mang theo bản đề cương đang viết về chiếc xe tăng 555, đón xe buýt sang - nhà anh Đào Văn Xuân để trao đổi thêm về nội dung bài viết, tôi đi gặp anh không chỉ vì anh Xuân là Trưởng ban Biên tập cuốn Hồi ức chiến đấu -Theo vết xích xe tăng” tập hai, mà cái chính là cách đây 33 năm, anh dẫn đoàn cán bộ, chiến sĩ xe tăng chúng tôi vào Chiến trường B để thay cho số anh em đã chiến đấu ở trận Làng Vây, năm 1968.

Trước khi trở ra Bắc anh có căn dặn chúng tôi: “... Song song với việc giáo dục tư tưởng, luôn chú ý kiện toàn tổ chức, tiểu đoàn phải nhanh chóng dồn sức làm thật tốt công tác kỹ thuật, để phát huy truyền thống: Đã ra quân là đánh thắng”.

Ngày ấy tôi là Đoàn phó đoàn 198 phụ trách về công tác kỹ thuật, còn lần này, chiến dịch đường số 9 - Nam Lào, tôi được truyền đạt chỉ thị của anh, phải sửa chữa kỹ thuật cho cỗ xe tăng số hiệu 555, để đưa về Hà Nội...

Ngồi trên xe buýt chạy từ nhà tôi, Phủ Lỗ, huyện Sóc Sơn, sang nhà anh, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, tôi miên man nghĩ đến, các cơ quan thông tin đại chúng ngày đó đưa tin về trận chiến thắng và gọi chiếc xe tăng 555 với “tít” rất ấn tượng: “Mãnh hổ đường số 9”... Tôi nhớ đến cái ngày xe tăng 555 về tới Hà Nội, nhớ tới cảnh các cháu thiếu nhi chạy theo chiếc xe tăng vừa reo hò, vừa kêu to: “Mãnh hổ đường số 9”... “Mãnh hổ đường số 9”.

Cảm thấy lòng vui, tuy đã trên 30 năm, mà những sự kiện cũ như hiện ra trước mắt... :

Đầu năm 1971, ngày 8 tháng 3, quân Mỹ - ngụy chính quyền Sài Gòn, mở cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn 719” đánh ra đường số 9 - Nam Lào, hòng cắt đứt tuyến đường chi viện của miền Bắc xã hội chủ nghĩa với tiền tuyến lớn - miền Nam. Chúng huy động tới 550.000 quân, trong đó 15.000 là quân Mỹ, về phương tiện chiến tranh chúng tập trung cũng rất cao: 318 khẩu pháo, 578 xe tăng, xe bọc thép, 1.000 máy bay các loại trong đó có 50 chiếc chiến lược B52.

Trong chiến dịch phản công này, theo kế hoạch của trên, Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp đã bí mật đưa vào chiến trường đường số 9 tới 88 xe tăng các loại. Tuy nhiên so với số xe tăng quân Mỹ - ngụy đã đưa ra đường số 9, thì quá ít song thực tiễn chiến tranh đã chỉ ra một chân lý: không phải cứ có quân đông, súng lắm là thắng.

Ngày 25 tháng 2 năm 1971, xe tăng và bộ binh của ta nổ súng tiến công Cao điểm 543, mở màn cho chiến dịch phản công, mang tầm cỡ chiến lược ấy. Lực lượng chiếm đóng điểm cao 543 có: sở chỉ huy Lữ đoàn dù số 3, Tiểu đoàn dù số 3, một tiểu đoàn pháo binh (thiếu một đại đội) và một đại đội công binh. Sau 5 giờ chiến đấu, quân ta đã làm chủ trận địa. Điều đặc biệt là trong trận này, xe tăng mang số hiệu 555 đã phát huy cao độ sức mạnh, dùng xích sắt nghiền nát các ồ đề kháng của địch, và cuối cùng đè lên hầm chỉ huy, tạo điều kiện cho bộ binh ta bắt sống Lữ đoàn trưởng Lữ dù số 3 - đại tá Nguyễn Văn Thọ.

Gần cuối chiến dịch tôi được truyền đạt ý kiến của anh Đào Văn Xuân, giao nhiệm vụ khôi phục kỹ thuật cho xe tăng 555 để đưa về Hà Nội, tham gia triển lãm chiến thắng, sau đó đưa vào Bảo tàng Quân đội. Để thực hiện nhiệm vụ quang vinh ấy, tuy chỉ sửa chữa kỹ thuật cho một chiếc xe tăng thôi biết bao công việc đè nặng trên vai những cán bộ kỹ thuật và sửa chữa xe tăng chúng tôi.

Tiểu đoàn xe tăng lội nước PT76 đã phải hành quân bộ từ mảnh đất Hòa Bình vào chiến trường đường số 9 từ cuối năm 1967, lại qua trận đánh Làng Vây. Mùa xuân, Mậu Thân 1968, đặc biệt trong thời gian “ém quân” ở đường số 9 từ 1968, đã phải trải qua bao lần hành quân di chuyển địa điểm để tránh các đợt bom B52 để bảo vệ an toàn cho “đàn mãnh hổ đường số 9” ấy không ít cán bộ chiến sĩ đã hy sinh vì bom đạn. Còn bản thân “Mãnh hổ” - thì “xương cốt” cũng rêu rã chứ đâu còn nguyên vẹn, sung sức... .

Qua kiểm tra kỹ thuật cỗ xe tăng 555 mà lo. Giờ máy nổ của xe tăng PT76 chỉ có 400 giờ, nay giờ sử dụng đã hết. Phải có máy nổ mới thay thế. . Hành trình xe tăng được tính bằng số ki-lô-mét đường bộ, hành quân trên đường trung bình, không quá xấu là 3.500km - 4.500km phải trung tu, còn tới 6.000KM phải đại tu.

Thực tiễn qua hành quân, chiến đấu xe tăng 555 qua kiểm tra bộ phận hành động thì: 80% mảnh xích hồng nặng phải thay còn bánh đỡ nặng thì 50% đã bong hết lớp cao su, (yêu cầu về kỹ thuật thì - lớp cao su bong, không quá 1/10 chu vi bánh). Tóm lại không thể hành quân được.

Còn điện đài ư, do trú quân trong rừng lâu bị ẩm, mốc, đài bị lệch tần nghiêm trọng cũng phải sửa chữa. Thật là: “Một núi” khó khăn chúng tôi phải vượt qua. Khó khăn gay gắt nhất của chúng tôi ngày đó là lấy đâu ra máy nổ mới để thay, các xe tăng còn lại của tiểu đoàn 198 cũng không “khỏe” hơn gì xe 555.

Tục ngữ có câu: “cái khó bó cái khôn” nhưng cán bộ kỹ thuật và những người lính - thợ sửa chữa xe tăng chúng tôi, nhất quyết không để “cái khôn bị bó”. Chúng tôi bàn với nhau, với một hy vọng tuy mỏng manh nhưng tin là: Binh chủng thể nào cũng gửi các khí tài loại nặng ấy (máy nổ PT76 nặng 840kg) cho đơn vị theo tuyến vận chuyển 559. Thế là “Cái khó đã ló cái khôn”.

Sau nhiều lần lùng sục, chúng tôi đến một bãi kho khí tài xe xích kéo pháo, và bất ngờ quá, chúng tôi đã phát hiện ra một máy nổ xe tăng PT76 trong đó. Anh em reo to: -Rừng ơi! ta đã về đây... “ Còn tôi một cán bộ kỹ thuật, chịu trách nhiệm khôi phục xe tăng 555 ấy, đã tìm được cái chúng tôi đang cần, tôi không thể tả nổi cái vui lúc ấy...

Đưa được máy nổ về lại gặp phải trở ngại mới. Tiểu đoàn có 4 xe công trình thì 3 đã bị bom địch đánh hỏng, còn một cái duy nhất lại vừa bị bom nổ rất gần, tuy xe công trình chúng tôi đều có hầm đào “âm” xuống mặt đất, nhưng nghe tin khu vực đó bị bom, tim tôi muốn rụng ra. Không có xe công trình thì lấy gì mà cứu máy nổ ra khỏi xe tăng và đưa máy nổ vào v.v... Thật may, sau khi kiểm tra kỹ, xe công trình chỉ bị hư hại nhẹ.

Máy nổ là quả tim của xe tăng, sau khi đã thay mới xong, còn bánh chịu nặng và xích không còn là trở ngại nữa, vì khi vào chiến trường trên lưng mỗi xe tăng đều theo ít mảnh xích và bánh chịu nặng, nên tập chung cả tiểu đoàn lại đủ khôi phục cho xe 555. Sau một thời gian nỗ lực đã “cải lão hoàn đồng” cho -Mãnh hổ đường số 9” chuẩn bị lên đường ra Bắc. Vấn đề còn lại là chọn lái xe giỏi để đưa ra an toàn.

Ba mươi hai năm đã trôi qua các cháu thiếu nhi Hà Nội năm xưa nay chắc đã ở tuổi trung niên, nếu ai trong số các cháu ngày đó được đọc những dòng viết này, có lẽ cũng bồi hồi như chúng tôi, những cán bộ kỹ thuật và thợ sửa chữa xe tăng ngày ấy, bởi vì đưa được xe tăng 555 về Hà Nội, và có được tiếng reo hồn nhiên và đáng yêu của các cháu nhỏ: “Mãnh hổ đường số 9”, đã có biết bao mồ hôi, và cả xương máu đã đổ ra.

Phủ Lỗ - Sóc Sơn

5-10-2003

(ĐT: 04.8841778)

CHUYỆN VUI VỀ CON NGƯỜI VÀ CUỘC SỐNG

Ở TRUNG ĐOÀN XE TĂNG 202

Trung tá Trương Quang Sinh,

nguyên Phó ban Tổ chức

Binh chủng Tăng - Thiết giáp

Lâu lắm rồi, đã trên 40 năm những cán bộ-của trung đoàn xe tăng đầu tiên của Quân đội ta, mới có dịp tập hợp lại ở Hà Nội ngày 17-8-2003. Thật là cảm động và hạnh phúc.

Tôi bồi hồi nhớ lại cuộc đời Bộ đội của mình, mà một dấu ấn sâu sắc là thời kỳ tham gia xây dựng Trung đoàn xe tăng đầu tiên ấy. Tôi muốn kể lại vài chuyện vui bật ra trong tôi nhân ngày gặp mặt (tại cơ quan Bộ Tư lệnh Binh chủng. Toàn bộ chi phí cuộc họp mặt do gia đình Thiếu tướng Nguyễn Văn Phước tài trợ).

“Lính xe tăng Việt Nam ăn cỏ mà lái giỏi, bắn giỏi”:

Đó là lời khen của cố vấn Liên Xô ngày ấy (1960), khi đến thăm bữa ăn của một đơn vị xe tăng. Trên bàn ăn nổi bật hơn cả là rau muống luộc phủ cao ngọn ngọn xanh rờn. Bạn gọi món ăn đó là cỏ. Phải chăng bạn ăn thịt nhiều hơn ăn rau và xứ sở bạn không có thứ rau quý giá này?

Thịt chim rừng “gâu gâu”

Cái món “Mộc tồn” không phải chỉ có lính xe tăng ưa thích, mà nói chung người Việt đại đa số là ưa thích. Chả thế mà có câu nói vui: “Gọi trời bằng nó, gọi chó bằng anh”. Đại để thường vui miệng, gặp lúc mưa dầm, ngồi tán gẫu, thế là nảy ra câu tán: “Nó mưa dầm thế này mà có anh cày tơ và đánh chén thì thú nhỉ!”. Vì vậy có chén anh chén em thì phải có “Mộc tồn” mới linh đình.

Ngày ấy Trung đoàn có chuyên gia Liên Xô mọi người đều biết là “Tây” không quen ăn thịt chó, nhưng nảy ra ý định mời bạn thưởng thức nên đã bí mật chuẩn bị công phu. Nào là nhưa mặn, chả nướng, dồi v.v... Khi ăn (tất nhiên là mâm riêng với các thủ trưởng), một thủ trưởng nghiêm túc giới thiệu: “Chúng tôi mới săn được con chim rừng rất hiếm, thịt rất ngọt - hôm nay mời các đồng chí thưởng thức”. Trời, tuyệt vời, ăn món “nhưa mặn” bạn đã khen, đến món “dồi” bạn lại nói “tuyệt vời”.

Thế là đến các ngày lễ, bạn lại gợi ý: Có món chim rừng không? Đến một lần, lúc làm thịt con “chim rừng” ấy đang thui, khói mù mịt, bạn chạy đến xem thui -chim rừng”, thế là đồng chí phiên dịch phải giải thích. Đến bữa ăn, vì bạn đã ăn quen và thấy ngon nên chủ động nâng cốc chúc: “Cám ơn các bạn, thịt chim rừng kêu gâu gâu ngon lắm”.

Từ đấy trong “từ điển bách khoa” về các món ăn của Trung đoàn có tên một món ăn nổi tiếng: Món chim rừng kêu gâu gâu.

Những tài năng văn hóa xuất thân từ bộ đội Thiết giáp:

<http://tieulun.hopto.org>

Binh chủng Thiết giáp quân không đông, thế mà sản sinh được khá nhiều những bông hoa nghệ thuật tên tuổi, như: Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam Nguyễn Hữu Thịnh, Nghệ sĩ ưu tú Ma Bích Việt, Nghệ sĩ ưu tú Thanh Hùng; Tổng biên tập báo Thể thao Việt Nam Hoàng Dự; Giám đốc xưởng phim Hoạt hình Việt Nam Đặng Vũ Thảo; họa sĩ - giảng viên trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Lê Trí Dũng; nhà thơ Từ Ngàn Phố, nhà văn Nguyễn Thế Tường, nhạc sĩ Trần Vũ Trang; Trưởng phòng nghệ thuật Cung Văn hóa Hữu nghị Hà Nội: Trương Quốc Lập v.v... Hóa ra trên tháp pháo không những chỉ có “ngôi sao màu lửa” mà còn có cả bông hồng nghệ thuật nữa. Đó là nét đẹp hài hòa của Binh chủng thép vậy! Cây nào quả ấy phải thế chăng?

Trung đoàn Tăng - Thiết giáp 202 đầu tiên - cái nôi của Binh chủng Thiết giáp có 3 cấp thủ trưởng mang cùng họ:

Có 3 trung đội trưởng trong một đại đội cùng họ Bùi: Bùi Minh Can, Bùi Mạnh Thường và Bùi Văn Tráng. Cả 3 đều tham gia chiến đấu và trưởng thành, trong đó Bùi Minh Can đã anh dũng hy sinh. Có 3 đại đội trưởng trong một tiểu đoàn cùng họ Võ: Võ Bá Linh, Võ Bá Trác và Võ Ngọc Minh. Họ đều cầm quân chiến đấu xông xáo, đóng góp tích cực trong thành tích của Binh chủng.

.

Có 2 thủ trưởng trung đoàn (sau này là Bộ Tư lệnh Thiết giáp) cùng họ Đào: Trung đoàn trưởng Đào Huy Vũ và Chính ủy Đào Văn Xuân. Hai ông đã gắn bó với nhau từ trong kháng chiến chống Pháp đến chống Mỹ, từ buổi đầu xây dựng đơn vị cho đến trận cuối “Đại thắng mùa xuân”.

Núi Đanh sừng sững năm ấy (1964) được hai ông cho quân khắc lên mình

một khẩu hiệu cực lớn, mỗi một nét chữ to cao hơn một hình người nằm chìm vào lòng núi, trắng xóa màu vôi, từ xa hàng cây số nhìn thấy bóng núi là thấy hàng chữ “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Cái khẩu hiệu ấy bám theo người lính xe tăng mọi nơi, mọi lúc. Nó đã đi cùng năm tháng theo vết xích xe tăng từ hậu phương ra tiền tuyến lập công vang dội, xây nên truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng”

Hai ông lại cùng lăn lộn trên nhiều chiến trường và cuối cùng đã hành quân trong đội hình chiến đấu của Binh chủng tới chiến dịch Hồ Chí Minh giành toàn thắng, góp phần đưa Binh chủng trở thành Binh chủng Thiết giáp Anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam Anh hùng.

Đà Nẵng 8-2003

T.Q.S

(Đ T. 05 11 . 953971)

A7 XUNG TRẬN

Đại tá Võ Ngọc Hải

Nguyên Chính ủy Trung đoàn 202

Trung đoàn Bộ binh cơ giới đầu tiên (1965 - 1972)

Ngày 18 tháng 11 năm 1971, Bộ Quốc phòng quyết định chuyển Trung đoàn xe tăng 202 thành Trung đoàn bộ binh cơ giới đầu tiên của quân đội ta, đặt mật danh là A7. Trung tá Nguyễn Văn Lãng làm trung đoàn trưởng, tôi làm chính ủy. Ngoài lực lượng của bản thân, trung đoàn còn tiếp nhận tiểu đoàn bộ binh địa phương 244 của Quảng Ninh, Tiểu đoàn 66 của Nam Hà. Hàng ngàn chiến sĩ mới và cán bộ các nơi bổ sung.

Tôi đến Quân khu 3 và bộ chỉ huy quân sự các tỉnh nói trên để nhận quân và chỉ đạo hành quân về Trung đoàn đóng tại làng Cam Lâm xã Minh Quang, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phú. Chất lượng các tiểu đoàn địa phương không được cao như các đơn vị xe tăng, cán bộ chưa có kiến thức gì về xe tăng, thiết giáp, về bộ binh cơ giới.

Cùng một lúc tiếp nhận nhiều trang bị mới, ta cải tiến một số xe tăng lội nước PT-85 (do Trung Quốc sản xuất) thành xe phóng hỏa tiễn phá rào đặt tên là FR. Bỏ tháp pháo, lắp trên đó một khung sắt, đặt bộ phóng, tuy là một sáng kiến, nhưng rất cồng kềnh khó cho việc cơ động nhất là bơi sông, trong thực tế không sử dụng được. Tổ chức trạm phễu trên xe lưu động theo sát đội hình. Xây dựng các đơn vị hóa học thông tin cơ động vô tuyến điện thoại.

Có thể nói lúc bấy giờ Bộ Tổng tham mưu đã tập trung các trang bị tốt nhất của quân đội để một thời gian ngắn hiện đại hóa Trung đoàn. Cán bộ, chiến sĩ toàn Trung đoàn ngày đêm gắng sức tổ chức xây dựng, huấn luyện tác chiến theo phương thức tiến công trong hành tiến, tạo khả năng thọc sâu và có thể độc lập tác chiến trên một hướng.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh Binh chủng và các cơ quan của Bộ Quốc phòng, sau 79 ngày đêm tổ chức, huấn luyện không nghỉ, tiến hành diễn tập thực binh... chạy đua với thời gian, đến đầu tháng 3-1972 mọi công tác chuẩn bị đã xong.

Là một cán bộ đã được học tập về xe tăng tôi chưa thể bằng lòng với mức độ chuẩn bị, song do yêu cầu cấp bách của chiến trường cũng không thể làm nhiều hơn nữa trong một thời gian quá gấp như vậy. Tuy cán bộ đầy đủ, vật chất, trang bị khá dồi dào, nhưng quan trọng là cán bộ phân đội và chiến sĩ lái

xe tăng lội nước không được thực hiện huấn luyện lái dưới nước. Thợ sửa chữa chỉ được đào tạo và bổ túc từ 13 - 15 ngày. Cán bộ các phân đội bộ binh cơ giới sử dụng thông tin còn lúng túng. Tuy vậy khí thế hào hứng, sôi nổi, sẵn sàng lập công rất cao.

Lần đầu tiên lãnh đạo, chỉ huy cả một trung đoàn xe tăng - thiết giáp vào trận đánh lớn, chúng tôi cảm thấy trách nhiệm nặng nề. Trung tuần tháng 3-1972 toàn trung đoàn tạm biệt vùng đồi núi Tam Đảo tiến về nơi chiến trường vắng gọi.

Ngày 12/13-3-1972 đơn vị đầu tiên lên xe lửa xuất phát từ ga Vĩnh Yên. Sau 23 ngày hành quân liên tục, Trung đoàn đã tập kết ở bắc núi Thị Vệ, nông trường Quyết Thắng, Quảng Bình.

11 giờ 30 ngày 30-3- 1972 chiến dịch Trị Thiên nổ súng. Sau hai ngày, toàn bộ cụm vòng ngoài của địch đã bị tiêu diệt. Địch vội vã co về phòng thủ Đông Hà, Ái Tử, La Vang, Quảng Trị. Chúng tạo thành lớp vỏ thép dày với 3 thiết đoàn cơ cụm bảo vệ điểm Đông Hà, bố trí từng khu vực có chiều sâu quyết ngăn chặn ta.

Để tấn công vào Đông Hà, Trung đoàn được lệnh hành quân đến vị trí tập kết để chiến đấu. Hành quân suốt đêm 31-3 từ rừng cao su nông trường Quyết Thắng đến mờ sáng 1-4 đến Vĩnh Thạch - Vĩnh Linh, ăn qua loa vài miếng lương khô, bộ đội bắt tay ngay vào kiểm tra xe, tra dầu mỡ, sửa chữa nhỏ...

Trong chiến dịch Trị Thiên có hai đơn vị được giữ bí mật rất cao trước khi nổ súng: Đó là A7 và Sư đoàn bộ binh 308. Cán bộ chỉ huy, lãnh đạo phải đổi tên. Trung đoàn 202 được mệnh danh là Quang Trung. Tôi được mệnh danh

là Hóa. Bộ đặt nhiều hy vọng vào A7.

Tôi và anh Nguyễn Văn Lãng - đoàn trưởng đang bàn bạc công việc tại chỉ huy sở thì nhận được điện khẩn lúc 10 giờ ngày 1-4-1972 của Bộ chỉ huy chiến dịch: “4 giờ 2-4 pháo chuẩn bị, 5 giờ hiệp đồng với Sư đoàn 308 hành quân qua cầu Bến Hải, theo đường 1 vượt Dốc Miếu đánh thẳng vào Đông Hà”.

Thú thật nhận được điện tôi sửng sốt vì chiến trường chưa được nghiên cứu mà phải chiến đấu trong hành tiến theo bản đồ 1/100.000 in năm 1941 (!). Đơn vị bộ binh hiệp đồng không được gặp, không có đại diện của Mặt trận đến để bàn bạc kỹ kế hoạch. Tôi đã từng học ở Học viện xe tăng ở Liên Xô, những bài tập về hiệp đồng tác chiến trên bản đồ trong quá trình tiến quân cũng đã tập, song ở Việt Nam, địa hình phức tạp, quân đội ta chưa qua tác chiến như vậy, nên một mệnh lệnh như thế khó cho cấp dưới hoàn thành nổi nhiệm vụ. Nhưng “Quân lệnh như sơn” mà!

Chúng tôi bàn bạc nhanh, hội ý Thường vụ, không kịp họp Đảng ủy bằng mọi cách kiên quyết chấp hành mệnh lệnh. Phái một tổ trinh sát và cán bộ tham mưu xác minh đoạn đường từ cầu Hiền Lương đến Dốc Miếu. Đồng thời chuẩn bị đường vượt sông nếu đường bộ bị tắc. Chọn Tiểu đoàn 66, mạnh hơn so với Tiểu đoàn 244 đi trước. Các đơn vị trực thuộc nhất là thông tin, trạm phẩu lưu động khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị. Cử một bộ phận cơ quan cùng đồng chí trung đoàn phó đi với Tiểu đoàn 66. Tập trung thợ sửa chữa, cán bộ kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ một số xe, qua một đêm hành quân cho bộ đội nghỉ ít nhất một vài tiếng, chuẩn bị lương khô, nước uống trên xe.

Cấp tốc họp Chi bộ bất thường, xác định quyết tâm và bàn biện pháp lãnh đạo. Cơ quan chính trị dự thảo ngay chỉ thị công tác Đảng, công tác chính trị

đế 14 giờ chánh ủy thông qua phổ biến cho các đơn vị nhất là Tiểu đoàn 66. Cử một bộ phận cán bộ chính trị (gồm cán bộ của Trung đoàn và Bộ tăng cường) đi theo đội hình.

Anh Lãng trung đoàn trưởng thường trực tại chỉ huy sở nhận lệnh, chỉ đạo việc chuẩn bị. Tôi và anh Quỳnh chủ nhiệm kỹ thuật ra ngay Cửa Tùng để xem xét và hạ quyết tâm vượt sông khi cần. Cửa Tùng rộng mênh thông, ánh nắng chiều hè yếu ớt chiếu những tia nắng cuối cùng xuống dòng nước. Nước biển đang dâng vào sông. Không thể vượt sông ngay tại cửa mà phải lùi vào trong một ít, trên một đoạn hẹp hơn. Chúng tôi nhanh chóng trở về nơi trú quân mà lòng nặng trĩu.

Vẻ lo lắng của chủ nhiệm kỹ thuật Quỳnh lộ rõ trên nét mặt. Anh tốt nghiệp trường kỹ thuật xe tăng ở Trung Quốc. Thường ngày trong công tác là một cán bộ có trách nhiệm, cần cù. Vậy đứng trước tình hình trên sao khỏi băn khoăn. Về đến chỉ huy sở thì trời sụp tối. Uống một ngụm nước mát lạnh của giếng sâu Vĩnh Thạch làm dịu bớt cái nóng của chiều đầu hè. Anh Lãng hội ý lại là đoạn đường từ cầu Hiền Lương đến Dốc Miếu bị bom đánh nát nhừ, hai bên ruộng nước lầy... Pháo của địch liên hồi bắn vào khoảng trống đó. Không thể vài tiếng đồng hồ khắc phục nổi vật chướng ngại, hơn nữa xe tăng không theo hướng đó không đạt yếu tố bất ngờ.

Tôi và anh Lãng đứng trước 2 hướng: một là báo cáo về chỉ huy sở không thể thi hành mệnh lệnh, hai là vượt sông Bến Hải, hành quân, theo ven biển đến mục tiêu tiến công. Chúng tôi chọn cách thứ hai, mặc dầu nghĩ rằng có thể phải trả giá rất đắt.

Trời vừa sập tối, Tiểu đoàn 66 hành quân, tôi cùng anh Quỳnh, chủ nhiệm kỹ thuật và anh Khoái, chủ nhiệm chính trị ra tận bến chỉ huy vượt sông. Trung đoàn trưởng Lãng ở lại chỉ huy theo dõi chung, trực nhận lệnh, điều khiển

Tiểu đoàn 244 chuẩn bị sẵn sàng. Nuốt vội bát cơm để nguội từ lâu, chỉ thị cho phó chủ nhiệm chính trị Hùng về công tác Đảng, công tác chính trị, tôi lên xe đi trước để đến bến. Cho đến lúc bấy giờ vẫn chưa chọn được bến cụ thể.

Chúng tôi đi bộ một quãng, gặp các o du kích tại giao thông hào dọc bờ sông Bến Hải. Nhờ sự chỉ dẫn của các o du kích, bến vượt được chọn cách Cửa Tùng 200m. Du kích đảm nhiệm việc canh gác. Tiểu đoàn 66 có 23 xe tăng thiết giáp lội nước tiếp cận bờ sông. Từ đường đất đỏ đến bờ sông phải vượt qua bãi cỏ đầy hố bom, lái xe phải hết sức cẩn thận để không bị sa hố, không được bật đèn để giữ bí mật.

Hội ý ngay với cán bộ phân đội và cơ quan ngay tại bến, chúng tôi đề ra những chỉ thị cần thiết:

- Thời cơ vượt sông tốt nhất là từ 18 giờ 00 đến 0 giờ 00 vì nước lớn, làm giảm lưu tốc của dòng chảy. Nếu lưu tốc nước 1m/s thì xe bơi là tốt nhất, ở biển miền Trung theo chế độ bán nhật triều không đều. Từ 18 giờ 00 - 0 giờ 00 thủy triều lên, sau đó đến sáng mới rút, lưu tốc nước mạnh, các cồn cát sẽ phơi bày, cản trở xe bơi. Phải một tổ trinh sát, dùng ghe sang bờ Nam chiếm đầu cầu.

- Chọn một cán bộ tiểu đoàn đồng thời là trưởng xe đi ngay xe đầu dẫn đầu đội hình đảm bảo “đầu qua đuôi lọt.” Tôi đề cử anh Nguyễn Đức Bền chính trị viên Tiểu đoàn 66, người đã cùng học xe tăng tại Liên Xô với tôi-Anh Bền khỏe mạnh, có kiến thức tốt, lại tháo vát, biết kỹ thuật, đáng lẽ phải cử một số cán bộ chỉ huy đi trước nhưng tiếc là tiểu đoàn trưởng 66 lại không biết kỹ thuật xe tăng! Phải chăng đây cũng là một bài học về công tác cán bộ rất đáng quan tâm. Xe tăng đầu chỉ là “Xe xích trên chở khẩu pháo” như một thủ trưởng phụ trách công tác cán bộ của Tổng cục Chính trị đã nói.

- Tập trung ngay các lái xe tại bến để chủ nhiệm kỹ thuật Quỳnh và kỹ thuật viên Huy hướng dẫn về cách lái xuống bến và cách thao tác khi bơi. Oái oăm thay nhiều lái xe tăng lợi nước nhưng chỉ mới được học lái trên đò, đến giờ ra trận mới bổ túc tay lái nước tại chiến trường.

- Sang bờ Nam được trung đội nào hành quân ngay trung đội ấy.

- Đường hành quân theo ven biển sát mép nước, đất chắc, nếu đi dọc cồn cát sẽ bị lún cát). Đến đặng con sông lớn Cửa Việt - Thạch Hãn rẽ sang phải đến Mai Xá Thị, đến ngã tư Sông đường 1 hiệp đồng với Sư đoàn 308 thọc vào Đông Hà. Chỉ thị như vậy là theo bản đồ chứ bản thân tôi và các cán bộ khác cũng không ai biết địa hình.

- Tránh tác chiến dọc đường, khi trú quân phải ngụy trang kỹ, tổ chức phòng không.

- Xe nào bị hỏng dọc đường ở lại tự khắc phục và chờ đội hình phía sau lên.

- Xe quân y (trạm phẫu đặt trên xe thiết giáp) đi sau đội hình, xử lý vết thương ngay trên xe. Tử sĩ đưa về Vĩnh Linh.

Tuy ý định vượt sông vào thời điểm thuận lợi nhất nhưng biết bao vấn đề phát sinh trong thực tế nên loay hoay mãi đến 0 giờ 00 ngày 2-4, khi nước thủy triều bắt đầu xuống, xe đầu tiên mới bơi được sang sông. Chỉ còn 4 tiếng đồng hồ là đợt cấp tập đầu tiên của pháo vào Đông Hà (theo kế hoạch). Trong tình huống khẩn trương ấy phải cho các xe khác bơi chệch về phía thượng nguồn, bù cho sức đẩy của nước.

Bốn xe vượt qua trót lọt, theo kế hoạch, cắm cờ giải phóng tiến lên. Bốn xe tiếp theo lần lượt bị mắc cạn giữa dòng. Không thể bơi qua được nữa. Vừa lúc ấy bỗng xuất hiện một chiếc ghe từ bờ Nam chèo băng băng qua bờ Bắc. Trên ghe có một người mang súng, một người chèo. Điềm lành hay dữ? Vừa cập bờ Bắc, người dáng nhỏ nhắn, da men mét, mặt xương xương vội lên tiếng: “Các anh ơi không thể bơi theo đường cũ, sẽ mắc cạn hết, giữa dòng có một cồn cát”, các anh theo tôi đi đúng lạch. Tôi hỏi anh là ai? Người ấy không nói tên-mà bình thản giản dị nói: “Tôi là người dân yêu nước ở bờ Nam, theo dõi hành động của các anh từ chập tối hãy theo tôi”.

Tôi thực sự xúc động trước tấm lòng yêu nước của một người dân giấu tên ấy và ra lệnh tiếp tục vượt sông theo chiếc thuyền đó. Quả nhiên sang được thêm 9 chiếc nữa, cả thủy được 13/23 chiếc. Các xe bị mắc cạn ra sức khắc phục. Nhưng làm sao nâng được một khối thép trên chục tấn? Tôi bảo lấy hết súng đạn ra, chỉ để súng phòng không. Chặt cây ngụy trang như đóng chà giữa dòng, còn cho một người ở lại xe thường xuyên tát nước, trực phòng không, số còn lại lên bờ và bơi trở lại bờ Bắc. Sáng mai thủy triều lên sẽ nâng bưng xe lên và bơi trở lại bờ Bắc. (Khoảng một năm sau tôi từ Nam ra Bắc, lội bộ qua quãng sông này khi thủy triều rút, nước chỉ đến ngực).

13 xe theo mép nước tiến thẳng, trời mờ sáng, đến Cửa Việt sông Thạch Hãn. Quân ngụy bờ nam Thạch Hãn sững sờ hết hoảng. Súng lớn, súng nhỏ nã vào đội hình chúng tôi. Mặc kệ, đội hình A7 vẫn tiếp tục tiến.

Đến 5 giờ 50 ngày 2-4- 1972 đến Vinh Quang Thượng, cách Đông Hà 5km. Đã lỡ thời cơ hợp đồng đánh Đông Hà, các đơn vị khác đuổi đánh địch từ Quán Ngang đến Đông Hà bị chặn lại ở Bắc Cầu. Cầu bị phá, buộc dừng lại ở bờ Bắc. Ngày 9-4 cuộc tấn công tiếp vào Đông Hà không thành công. Phải đợi đến đợt 2 chiến dịch với cách đánh mới Đông Hà mới bị diệt (27-4-1972).

Đội hình 13 xe phải đành tạm trú quân dày đặc trên một gò đất cây lừa thừa phía bắc Vinh Quang Thượng. Lập tức pháo biển và máy bay Mỹ đến oanh tạc. Các chiến sĩ xe tăng dùng súng máy phòng không trên xe chiến đấu đánh trả quân địch suốt 5 giờ liền, bắn rơi một A37. 8 xe của ta bị hỏng, một số cán bộ chiến sĩ của ta hy sinh, trong đó có đại úy Nguyễn Văn Liêm, cán bộ Tuyên huấn của Phòng chính trị Binh chủng.

Đêm 4 rạng 5-4 đơn vị quay về Vĩnh Linh rút kinh nghiệm, củng cố, chuẩn bị cho đợt 2. Suốt đời tôi sẽ ghi nhớ mãi bài học xương máu: Nếu không chuẩn bị được đường sá, không hiểu biết địch tình, hiệp đồng chiến đấu quá sơ sài máu sẽ đổ nhiều và khó hoàn thành nhiệm vụ.

Mở đầu đợt 2 chiến dịch, Trung đoàn không trực tiếp đánh Đông Hà và thị xã Quảng Trị. Nhiệm vụ chính là bao vây chặn đường ra biển, hỗ trợ nhân dân 2 huyện Triệu Phong, Hải Lăng nổi dậy giành chính quyền. Lần này có điều kiện chuẩn bị đường sá, vượt sông chu đáo.

Đêm ngày 27-4-1972, Trung đoàn gồm Tiểu đoàn 66 và Tiểu đoàn 244 hình thành hai mũi vu hồi phía đông Quảng Trị. Từ đêm 27-4 khi thủy triều lên Trung đoàn bơi qua Cửa Tùng, sông Bến Hải, Cửa Việt sông Thạch Hãn. 3 giờ 00 ngày 28-4, đến khu vực điều chỉnh ở thôn Hà Tây (nam Cửa Việt), cùng với Trung đoàn bộ binh 27 tấn công địch ở quận lỵ Triệu Phong. Khi vượt sông Thạch Hãn có 1 xe bị hỏng, 1 xe bị nước chảy vào máy nổ.

Cuộc chiến đấu trong hành tiến bắt đầu từ 4 giờ 30 ngày 28-4. Sau 5 giờ chiến đấu, bộ binh và xe tăng đã quét sạch địch ở Triệu Phong, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn bộ binh địch, 1 chi đoàn thiết giáp, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần phải nói đến mũi tấn công thứ 4 khi đánh địch ở Ngô Xá Tây, một xe

thiết giáp của ta xông thẳng vào đội hình 6 chiếc M113 và M41 đang tháo chạy về đông Triệu Phong, bắt sống một M113. Điều đó cho thấy khi thời cơ cụ thể đã đến, khi kẻ địch hoang mang đến cực độ, ta có thể dùng ít đánh nhiều theo truyền thống của Binh chủng: “Một xe cũng tiến công” vẫn thu thắng lợi lớn.

Huyện Triệu Phong được giải phóng. Phía tây địch ở Đông Hà, Ái Tử, thị xã Quảng Trị tìm đường rút chạy ra biển và xuống phía nam theo đường 1 bị Sư đoàn 324 chặn đánh quyết hết nên chúng dồn lại Hải Lăng. Tiểu đoàn xe tăng 244 phát triển xuống Thượng Xá, Hải Lăng diệt trên 100 tên, bắt 11 tù binh, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng, buộc địch phải co về quận lỵ Hải Lăng. Đó là kết quả các ngày đánh địch căng thẳng từ tối 29-4 đến 2-5” 1972.

Trong đợt 2 chỉ huy sở Trung đoàn chỉ để bộ phận nhẹ ở Vĩnh Linh lo công tác hậu cần, tiếp nhận thương binh để điều trị. Toàn bộ đội hình vào chiến trường. Tiểu đoàn 66 và Tiểu đoàn 244 hoạt động phía đông, Tiểu đoàn 198 - phía tây. Trung đoàn trưởng đi cùng với đơn vị. Tôi cùng với bộ phận thông tin, một số cán bộ cơ quan đi tiếp sau.

Chúng tôi đi suốt đêm từ Vĩnh Linh đến Triệu Phong. Vì mang nặng và lần đầu tiên đi bộ xa, một số chiến sĩ thông tin (tân binh) rơi lại dọc đường. Với tuổi 42 tôi vẫn dẻo dai hành quân đến đích. Một cán bộ Trung đoàn đến đón tôi một quãng đường và đưa đến chỉ huy sở đóng cách thành cổ Quảng Trị khoảng 1 km đường chim bay.

Khi chuyển sang đánh vào quận lỵ Hải Lăng, chỉ huy sở nhẹ chuyển xuống Hải Lăng. Mật độ hỏa lực địch rất cao. Riêng về pháo, hàng ngày chúng dội vào thành cổ Quảng Trị và xung quanh khoảng 2, 3 nghìn quả pháo 203mm từ tàu biển. Có ngày khói mù mịt, đến ngạt thở vì khói của đạn pháo và hóa học.

Hầm của mỗi người trong Ban chỉ huy cách xa nhau, đi đến nhau bằng giao thông hào. Chỗ giao ban phải đào sâu xuống đất. Trong vòng một tháng địch 17 lần dùng B52 rải bom vào khu vực đóng quân. Có hôm cấp trên báo trước, nhưng không thể dời đi đâu được vì khắp nơi bị cày xới vì bom đạn. Và lại đến nơi mới phải đào công sự tốn thời gian. Các cây dương liễu dọc đường làng đã bị bom chặt bằng hết. Ván phải đem đi làm hầm.

Có một đêm tôi và chiến sĩ Cảnh liên lạc (nay anh đã là tiểu đoàn trưởng xe tăng) nằm dưới hầm ngay trong nhà bà mẹ 72 tuổi có con tập kết ngoài Bắc. Chúng tôi đào cho bà một hầm, nhưng trời nóng bà không xuống. Khoảng nửa đêm B52 đến dội bom vào chỉ huy sở ngay sát hầm tôi. Địch dùng bom phạt, sát thương trên mặt đất. Bom rơi hàng loạt trước sân và một phần nhà. Nhờ có rặng chuối rất dày nên hạn chế phần nào sức công phá. Chấn động của bom nổ làm sập một góc hầm. Đồng chí Cảnh nói như hét vào tai tôi “Coi chừng một loạt nữa là em và thủ trưởng bị chôn”. Tôi trấn an Cảnh “B52 thông thường ném 3 loạt, loạt 1 giội trúng hầm ta nhưng không sập hẳn, loạt 2 và 3 sẽ ném xa hơn”.

Trận ném bom đó diễn ra đúng như vậy. Chợt nghe tiếng kêu của bà chủ nhà. Bà bị thương đùi trái. Cảnh bò lên hầm kéo bà xuống hầm tôi. Chân thừa đứt hẳn, còn lắc lư, máu phụt ra, tôi làm garô, đợi dứt bom gọi quân y đến cấp cứu. Sau đó bà được đưa về Vĩnh Linh điều trị.

Vết thương quá nặng, chắc với cái tuổi cổ lai hy”, bà khó qua được, không kịp gặp con sau 18 năm chờ con, con dâu đi ở riêng, một mình, một bóng, trong túp lều tranh dột nát, nuôi hy vọng. Đến ngày đoàn tụ lại bị tai nạn chiến tranh.

Với tấm lòng người mẹ, bà thương yêu chúng tôi như con đẻ. Ở nhà có mấy con gà mái ghe cứ bảo chúng tôi giết thịt ăn, tôi nhất định không chịu. Có hôm bà nhờ cô gái láng giềng giết 2 con, nói là để cúng giỗ nhưng là cái cớ để cho tôi-Bà theo đạo Phật và tu tại gia. Đạo Phật có ngũ giới nên bà không sát sinh. Nơi đóng quân gần cảng Gia Đăng, bà gọi mua cá trích về kho trong om trong nồi đất, một lớp cá, một lớp ớt. Ở Triệu Phong hầu như nhà nào cũng trồng ớt để xuất khẩu, đợi lúc bộ đội ăn cơm bà đem niêu cá kho ớt ra chiêu đãi. Bộ đội Cụ Hồ ngoài bắc vào đến đâu cũng được dân yêu mến như thế cả, nói sao hết được tấm lòng yêu thương của nhân dân.

Để chỉ huy đơn vị đánh vào quận lỵ Hải Lăng, chỉ huy sở trung đoàn đóng giữa cánh đồng trồng trái trong một lùm cây vườn nhà dân, có gò đất cao. Địch rút kinh nghiệm phá hầm sâu của ta, thường dùng bom đào và đạn pháo đào. Có một đêm địch bắn hàng ngàn quả pháo vào chúng tôi. Hầm rung lên chao đảo, tường sập. Sáng ra thấy một lỗ sâu hun hút từ ngoài vào hầm tôi. Công binh đào lên thì đó là 1 quả pháo 203mm nổ chậm, đạn chui vào hầm tôi cách chừng 1m nhưng không nổ. Thật may mắn. Chiến tranh có biết bao cái ngẫu nhiên...

Cánh đồng Hải Lăng và Triệu Phong nhiều cá. Ở Triệu Phong dọc theo các con hói (con rạch nhỏ) trồng tre gai kín bít. Ếch lên nằm dưới gốc các bụi tre. Đồng bào không ăn thịt ếch vì theo đạo Phật. Thịt ếch là nguồn cải thiện bữa ăn của bộ đội. Đồng chí Cảnh liên lạc ra đồng dậm chân lên các chỗ có nước trũng là có thể bắt chỉ ít cũng 1/2kg cá về làm bữa tươi. Lúa đến mùa gặt nặng trĩu hạt. Hải Lăng và Triệu Phong là vừa lúa và cá của Quảng Trị.

Đánh quận lỵ Hải Lăng ta phải đột kích từ ngoài vào Tiểu đoàn 66 đã sử dụng 4 xe tăng - thiết giáp từ Phương Sơn tiến ra Cổ Lũy, cùng bộ binh thọc sâu vào quận lỵ. Đang hành tiến chợt phát hiện địch co cụm ở Mai Đăng. Lập tức xe 776 do đại đội trưởng Đại đội 3 Tiểu đoàn 66 Phạm Văn Giới điều khiển, một mình xông vào đội hình địch, bắn cháy liền 3 xe M113, quân với địch ngay ở bãi cát Gia Đăng. Qua vô tuyến điện, tôi nghe được giọng hốt

hoảng của tên trung tá ngụy chỉ huy.

Cả đội hình cùng xe 776 như một mũi nhọn thọc mạnh Diên Sanh. Địch phản kích. Tiểu đội trưởng bộ binh cơ giới Đinh Văn Hòe đã dùng B41 bắn cháy 1 xe tăng địch, dùng súng 14,5mm bắn cháy một máy bay. Đây là lần thứ hai anh lập công xuất sắc. Lần thứ nhất ở Triệu Phong, đã dùng súng máy trên xe M113 của địch bắn vào địch.

Viết những dòng này tôi ao ước có đôi cánh thần bay ngay đến xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An, tìm đến nhà mẹ anh cúi đầu biết ơn bà mẹ, người đã sinh ra và dạy dỗ anh thành một chàng trai tuyệt vời. Anh Hòe vào bộ đội khi học hết lớp 10, không chọn con đường vào đại học mà vào chiến trường. Trong chiến dịch Quảng Trị, anh Hòe đã hy sinh anh dũng và được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang vào ngày 23-9- 1973.

Thương tiếc khi anh ngã xuống, tôi tự trách mình vì đã chậm gửi quyết định điều anh về đào tạo sĩ quan. Lòng say mê chiến đấu không muốn xa đồng đội, anh ở lại vài ngày chiến đấu thêm vài trận, quyết định chưa triển khai thì anh đã hy sinh.

Nói đến anh Hòe không thể không nói đến anh Vũ Xuân Mô xạ thủ 14,5mm, bị thương lần thứ hai không rời vị trí chiến đấu. Nhờ đồng đội buộc chân bị dập nát và chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Tên tuổi hai anh mãi mãi ghi vào lịch sử của Tiểu đoàn 66, Trung đoàn bộ binh cơ giới 202, của Binh chủng Thiết giáp Anh hùng như những dấu son rực rỡ.

Chiến đấu ở đây giữa cái sống và cái chết cách nhau như sợi tóc. Biết bao gương anh hùng và không hiếm kẻ hoang mang tìm cách trốn về Bắc, phóng

đại mức độ ác liệt, phao tin người này chết, người khác bị thương. Chiến đấu sẽ có hy sinh. Biết có thể hy sinh nhưng người chiến sĩ chân chính vẫn bám trụ, không rời vị trí và tự nguyện làm một “viên gạch lót đường” để Tổ quốc đi đến nền độc lập tự do.

10 giờ 00 ngày 2-5- 1972, ta làm chủ quận lỵ Hải Lăng. Mất Hải Lăng và Triệu Phong địch ở La Vang, Quảng Trị hốt hoảng tháo chạy.

18 giờ 00 ngày 2-5-1972 ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị. Tiểu đoàn bộ binh cơ giới 66 được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất. Trung đoàn 202, đơn vị bộ binh cơ giới đầu tiên của quân đội đã ra đời đúng lúc và phát huy được tác dụng. Trung đoàn có 3 tiểu đoàn, hai Tiểu đoàn 66 và 244 đánh ở phía đông, Tiểu đoàn 198 chiến đấu ở phía tây. Cả hai cánh đều góp phần xứng đáng vào chiến công chung - giải phóng hoàn toàn thị xã Quảng Trị ngày 2-5-1972, kết thúc đợt 2 chiến dịch.

Phát huy kết quả đợt 2 ta phát triển tiến công địch ở bờ nam sông Mỹ Chánh trong khi địch đã điều lực lượng củng cố tuyến phòng thủ đó. Tướng ngựỵ Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân khu IV ra thay tướng Hoàng Xuân Lãm bị cách chức. Miền Bắc bị ném bom trở lại từ 6-4-1972. Hậu phương chiến dịch bị đánh phá ác liệt bằng phi, pháo làm khó khăn nhiều cho ta về công tác bảo đảm hậu cần, bổ sung quân số.

Cuộc tiến công mới của ta từ 20 đến 26-6-1972 không thành công. Trung đoàn tham gia tấn công vào bắc Thừa Thiên Huế theo hai hướng: Tiểu đoàn 66 và 244 tiếp tục hoạt động ở hướng Đông, Tiểu đoàn 198 phối thuộc cho Sư đoàn bộ binh 304 đánh hướng tây đường số 1. Trung đoàn đã tham gia giải phóng 3 xã huyện Phong Điền.

Tôi ghi lại vài nét về trận đánh vào Phong Điền của Tiểu đoàn 244. Lệnh cấp trên phải cho 1 đại đội chọc vào Phong Điền để đánh bọc sườn. Địa hình không biết, sông ngòi, rạch, đồng lầy là trở ngại lớn cho xe tăng. Trung đoàn phái một đại đội xe tăng lội nước, hành quân suốt đêm, bị nhiều lần sa lầy, cản trở khi bơi qua sông, một số xe bị kẹt lại. Đội hình mờ sáng mới đến vị trí. Chưa kịp triển khai tấn công bị máy bay và pháo địch bắn. Ta chống trả quyết liệt, nhưng đơn độc, bầu trời bị địch khống chế, mặt đất không ai phối hợp. Cuối cùng đại đội bị thương vong nặng, không hoàn thành nhiệm vụ.

Một thất bại đau đớn, gần giống vượt sông Bến Hải ngày 2-4-1972. Trong trận chiến đấu này để lại cho chúng tôi một bài học sâu sắc: là một người chỉ huy giỏi phải có mệnh lệnh chính xác sẽ tiết kiệm được xương máu của cấp dưới và là cơ sở vững chắc của sự thành công và ngược lại là đổ nhiều máu, là thất bại. Cái vĩ đại của người chiến sĩ là không hề tính toán, hễ có lệnh là đi là đánh, còn trách nhiệm người chỉ huy phải biết tính toán, chỉ huy bằng những quyết định khoa học.

Tiếp theo đợt 3 là cuộc chiến đấu 81 ngày đêm từ 28-6 đến 16-9 bảo vệ thành cổ và thị xã Quảng Trị. Địch mở cuộc hành quân Lam Sơn 72 phản công ta quyết liệt ưu thế của chúng là phi pháo. Về bộ binh, chúng tung ra 3 sư đoàn và nhiều lực lượng bảo an, dân vệ. Riêng chủ lực chúng có 60.000 tên. Ta cố sức giữ vùng giải phóng, đặc biệt là thành cổ. Nhưng tình trạng chung là bộ đội ta chưa được chuẩn bị kỹ về phòng ngự.

Trong đợt này, trung đoàn chuyển Tiểu đoàn 66 làm dự bị. Tiểu đoàn 244 và 198 phối hợp với đơn vị bạn chiến đấu ở đông, tây đường số 1. Tiểu đoàn 244 đánh một trận tốt ở Thanh Hương, thể hiện rõ tính năng động của anh em. Nhưng bị tiêu hao nặng và Tiểu đoàn 244 mất nhiều xe...

Quân số Trung đoàn thiếu hụt, cán bộ rất lo lắng, có một số ít có giao động.

Phải đưa một số cán bộ cơ quan bổ sung cho phân đội chiến đấu. Đồng chí phụ trách hành chính trung đoàn bộ ra làm trung đội phó. Đồng chí đã hy sinh ngay trong trận đánh đầu tiên. Trung đoàn vẫn bám trụ cùng bộ binh chiến đấu quyết liệt với địch để giữ vững vùng giải phóng.

Trước ngày Hiệp định Paris có hiệu lực (8 giờ 00 ngày 28-1-1973), quân ngụy vội vã phái Lữ đoàn 1 kỵ binh mở cuộc hành quân mang tên “Sóng thần” để đánh chiếm lại Cửa Việt. Cuộc hành quân Sóng thần của địch bắt đầu từ ngày 26-1 - 1973.

Lệnh của tên chỉ huy sư đoàn Thủy quân lục chiến ngụy: Dù còn một chiến xa hay một người lính cũng phải lên Cửa Việt để cắm lá cờ 3 sọc của ngụy quyền Sài Gòn. Chúng rất đau khi mất Cửa Việt là vị trí trọng yếu một cửa khẩu nối liền với vịnh Bắc Bộ qua sông Thạch Hãn, sông Bồ Điền với cảng sông Đông Hà. Chiếm Cửa Việt, kiểm soát sông Thạch Hãn làm một ranh giới thiên nhiên để tiếp tục chia cắt hai miền đất nước.

Mặt khác chúng cố giành thắng lợi để tạo thế lợi cho chúng ở Hội nghị Hòa đàm Pan. Chúng lao vào Cửa Việt như những con thiêu thân, kết thúc bằng sự thất bại thảm hại. Thiết đoàn 20 ngụy bị xóa sổ, thương vong lớn. Sau này, chính viên Chuẩn tướng chỉ huy trưởng thiết giáp binh ngụy quân đã phải thú nhận là công tác tham mưu của cấp trên rất bê bối, từ tuyến xuất phát đến các mục tiêu dài 10km không có một tuyến kiểm soát nào, không có lực lượng dự bị, không có kế hoạch bảo đảm nhiên liệu đạn dược, không có hải quân, không quân yểm trợ, tiến lên phía trước thì phía sau bị đánh... Từ ngày 20-1-1973 đến lúc kết thúc không có một phi vụ nào yểm trợ vì - không dám bay qua Cửa Việt, hải pháo chỉ có một khẩu bắn được. Thật là một kế hoạch phiêu lưu.

Điều đó chứng tỏ Mỹ rút thì ngụy quân giảm khả năng tác chiến. Tiểu đoàn 66 - Trung đoàn 202 đã tham gia trận phản công xuất sắc, diệt 16 xe tăng, thiết giáp, thu 3 xe M48, 3M41 và 5 xe M113. Đại đội 1 được tuyên dương Anh hùng ngày 23-9- 1973. Trận Cửa Việt ta chiếm được xe M48, đồng chí Vũ Văn Nhật lái xe đã dùng xe (địch trước đồng chí chưa sử dụng bao giờ) kéo 3 xe tăng và 2 xe thiết giáp địch về căn cứ an toàn giữa bom địch.

Chiến dịch Quảng Trị (kể cả đợt phản công của địch) kéo dài từ 30-3-1972 đến 31-1-1973 là chiến dịch Trung đoàn tham gia dài ngày nhất, thử thách gay go ác liệt nhất-lập nhiều chiến công xuất sắc, đồng thời cũng bị thiệt hại lớn so với các chiến dịch và đợt hoạt động trước đó. Nhưng “vàng 10 không sợ lửa” Trung đoàn đã nhanh chóng chinh đốn tổ chức và tiếp tục làm nhiệm

vụ mới.

Hướng Trị Thiên trên 10 tháng, kéo dài 308 ngày đêm trên không gian rộng, bên cạnh các sư đoàn và Binh chủng thiện chiến của Quân đội nhân dân Việt Nam, Trung đoàn 202 có nhiều trận đánh thắng nổi bật là trận thọc sâu vào Triệu Phong, Hải Lăng ngày 27-4 và chiến thắng Cửa Việt 31-1-1973, cũng có trận không thành công. Nhiều đồng chí đã ngã xuống. Tiểu đoàn 66 đã bị thiệt hại trên 60% xe trong đợt tiến quân ngày 2-4-1972 (tính số xe vượt qua sông Bến Hải).

Thất bại là mẹ thành công. Quyết định thắng lợi do lãnh đạo đúng đắn và chỉ huy giỏi của cấp trên, nhưng quyết định thắng lợi trong từng trận xét cho cùng là do cán bộ, chiến sĩ giáp mặt với kẻ thù làm nên. Trong đó vai trò cán bộ có tính quyết định. Cán bộ xe tăng không phải chỉ là người chỉ huy chung mà còn là người trực tiếp điều khiển chỉ huy xe mình, trực tiếp ra lệnh cho phân đội và thành viên của chính xe mình diệt địch, như tấm gương của đại đội trưởng Nguyễn Văn Giới. Đó là mẫu người chỉ huy phân đội tốt.

Chiến dịch đã tôi rèn Trung đoàn thành lực lượng bộ binh cơ giới vững chắc, làm cơ sở cho việc xây dựng các đơn vị bộ binh cơ giới sau này. Trung đoàn được tổ chức thành Lữ đoàn 202 (ngày 25-10-1973) và sau này nằm trong biên chế Quân đoàn 1. Lữ đoàn tham gia cuộc hành quân thần tốc giải phóng miền Nam mùa xuân 1975.

Sau chiến dịch Quảng Trị, tôi chính thức rời Trung đoàn, chuẩn bị vào B2 nhận nhiệm vụ mới. Là người Chính ủy Trung đoàn trong 8 năm (1965 - 1972), tôi đã chứng kiến sự lớn lên từng ngày và đặc biệt trưởng thành vượt bậc qua chiến dịch Trị Thiên.

Với những dòng này tôi bồi ngùi xúc động biết bao nhiêu khi nhớ lại tình đồng chí thân thiết, nếp kỷ luật chặt chẽ của một Binh chủng kỹ thuật. Điều tâm đắc nhất của công việc mình làm là cùng với tập thể tạo nên đội ngũ cán bộ mạnh từ xe trưởng trở lên và có một tổ chức Đảng mạnh từ cơ sở.

Thành phố Hồ Chí Minh

Mùa xuân Quý Mùi 2-2003

V N.H

VƯỢT ĐỘ CAO 1800M TIẾN VÀO SẢM THÔNG – LONG CHỆNG

Đại tá Nguyễn Tăng - Nguyên phó Chính ủy

Trung đoàn 202 trong chiến dịch

SảM Thông - Long Chặng là căn cứ địa của tướng phi Vàng Pao, nằm ở phía Tây - Bắc nước Lào. Tên tướng phi này đặt cho căn cứ cái tên là “Đất thánh”, là “Thủ đô của người Mẹo” - Hẳn lừa bịp những người Mẹo đi theo chúng, nào là: Đất thánh rất thiêng, người ngoài không ai có thể xâm phạm được, nào là người Mẹo ở “đất thánh” đạn bắn trúng không chết v.v...

Đứng về mặt quân sự mà xét, quả thật địa hình ở khu vực này rất hiểm trở, rừng núi điệp trùng, dốc núi đá lởm chởm, cheo leo. Nhân dân đa số là người Mẹo, sống rải rác trên các triền núi cao đó là những con người khỏe mạnh, chất phác nhưng dân trí thấp nên rất tin những lời lừa phỉnh bịp bợm của bọn phi...

Người Mỹ hết sức chú ý các đặc điểm trên, nên ra sức viện trợ và lôi kéo người Mẹo, lập nên đội quân người Mẹo, do tên Vàng Pao cầm đầu. Mỹ sử

dụng đội quân này để đánh phá lấn chiếm vùng giải phóng của lực lượng Cách mạng Lào. Chính quyền Ních - Xơn huy động quân phái hữu Lào, quân Thái Lan hợp sức cùng quân phi Vàng Pao dưới sự yểm trợ của pháo binh và không quân Mỹ để đánh chiếm cao nguyên cánh đồng Chum.

Sau đợt một và đợt hai chiến dịch từ 17-12-1971 đến 20-1-1972; Liên quân Việt - Lào đã giải phóng toàn bộ vùng Cánh Đồng Chum và vùng đệm đến sát khu vực Săm Thông - Long Chặng. Đợt hai B dự kiến sẽ tiếp tục tiến hành tiêu diệt sào huyệt cuối cùng của địch ở Săm Thông - Long Chặng.

Lực lượng tham gia chiến dịch có Sư đoàn bộ binh 312, Sư đoàn bộ binh 316 (thiếu) và Trung đoàn đặc công 866. Về binh khí, kỹ thuật có các tiểu đoàn pháo 130 - 122mm; Tiểu đoàn xe tăng - thiết giáp 195. Trong hội nghị phổ biến nhiệm vụ, các đồng chí Vũ Lập và Huỳnh Đắc Hương - Tư lệnh và Chính ủy Mặt trận 31 - đã nhấn mạnh: Bằng mọi cách phải đưa được xe tăng vào chiến đấu ở Săm Thông - Long Chặng.

Sau hội - nghị, đồng chí Đào Huy Vũ, Phó Tư lệnh Binh chủng nhắc nhở tôi thêm: Đồng chí Tuân trung đoàn phó về nước đi học, cậu phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy Tiểu đoàn tăng 195 hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu của đợt 2B chiến dịch, phải đưa bằng được xe tăng vào Săm Thông - Long Chặng.

Vâng, nhất định chúng tôi phải đưa được xe tăng vào Săm Thông - Long Chặng, song cái trở ngại lớn nhất là làm sao xe tăng có thể vượt qua được đỉnh cao 1800 mét có độ dốc lớn, có đoạn còn vượt quá khả năng vượt dốc của xe tăng về mặt tính năng kỹ thuật.

Tiểu đoàn Tăng - Thiết giáp 195 được trang bị hai loại xe. Xe thiết giáp K63

và xe tăng T34 là loại rất cũ, sản xuất từ đầu đại chiến thế giới lần thứ hai, lại hoạt động ở chiến trường lâu nên về kỹ thuật không còn tốt, mặt khác là loại “quá cổ” nên các mẫu xích bám đất cũng giản đơn không như loại xe tăng T54 hay T55, vì vậy độ leo dốc chỉ cao 300. Đây là nói về đường loại trung bình có độ bám là còn ở đây là đường quân sự làm gấp nên độ bám thấp hơn.

Viết đến đoạn này tôi phân vân và suy nghĩ để tự giải đáp: Vì sao Tư lệnh và Chính ủy Mặt trận lại nhấn mạnh đối với lính xe tăng chúng tôi? Phải bằng mọi cách đưa được xe tăng vào chiến đấu ở Sầm Thông - Long Chặng, còn Trung đoàn trưởng Trung đoàn 312, được giao nhiệm vụ đánh Sầm Thông - Long Chặng, khi anh đề nghị phối thuộc cho Trung đoàn một đại đội xe tăng, thì lại bị phê phán là “Vũ khí luận”.

Trong bài viết không phải là “Vũ khí luận” thiếu tướng Nguyễn Chuông - NXB Quân đội nhân dân 2002 - Sách dậm dài trên đất Triệu Voi - Trang 145 - 146). Anh Nguyễn Chuông báo cáo với Chính ủy Mặt trận Huỳnh Đắc Hương:

- Trung đoàn tổ chức ba đội đột kích, mỗi đội từ 40 đến 59 tay súng. Trên cho đại đội Tăng và Tiểu đoàn pháo 130 ly mới đảm bảo chắc tay, đánh nhất định thắng. Chính ủy Huỳnh Đắc Hương cắt ngang: Sao lại phải có tăng, pháo mới đánh được? Anh lại “Vũ khí luận” phải không?

Quả thật nhìn vào tình hình Trung đoàn 165 lúc đó đã đánh suốt từ trận mở đầu chiến dịch cho đến lúc đó đã hơn hai tháng. Bốn trận đánh tập trung cả Trung đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ và nhiều trận đánh ở cấp tiểu đoàn, cấp đại đội đều thắng lợi. “Khí thế Trung đoàn rất cao, song quân số hao hụt lớn, một số bị thương, hy sinh, ốm đau chưa được bổ sung nên mỗi đại đội chỉ còn mười lăm hai mươi tay súng” (Sđd - Trang 142). Như vậy theo tôi cần có xe tăng và pháo binh là yêu cầu chính đáng.

Ngày đó chúng tôi, những người lính xe tăng quyết vượt mọi trở ngại về địa hình tham gia đánh Sầm Thông - Long Chặng ngoài là một nhu cầu đòi hỏi của các đơn vị bộ binh, đó còn là sự đòi hỏi của chiến thắng, và hơn thế nữa xe tăng xuất hiện sẽ đập tan câu chuyện “Đất thánh bất khả xâm phạm” và quân phi Vàng Pao sẽ suy sụp tan rã ...

Từ ngày 1 đến ngày 4-3-1972 đồng chí Hàn - Tham mưu trưởng Sư đoàn 312, đồng chí Tháp - Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Công binh đã cùng với cán bộ xe tăng ra khu vực chân đỉnh cao để kiểm tra công tác của Tiểu đoàn 17 công binh chuẩn bị cho xe tăng vượt dốc.

Các đồng chí Khung - tiểu đoàn trưởng, Tuyên chính trị viên, Thúy - tiểu đoàn phó công binh báo cáo: Mọi công tác hạ độ dốc, cọc chuẩn, đường vòng tránh đã xong, như vậy công binh chiến dịch và Sư đoàn 312 đã mở đoạn đường gần 10km và khó khăn nhất là điểm cao 1800m đã chuẩn bị xong có thể tổ chức cho xe tăng vượt thử để rút kinh nghiệm.

Tôi 5-3-1972, hai xe tăng T34 số 451 và 456 của Đại đội xe tăng 9 được tổ chức vượt dốc đầu tiên. 20 giờ 30 phút xe tăng 451 khởi động bắt đầu vượt dốc, mọi người vẫn theo dõi, được 1/3 dốc do vấp phải một đoạn gỗ, xe khựng lại và trượt dài xuống phía sau, mọi người phải tránh dạt sang hai bên sườn dốc, xe 451 bị tụt xuống tận gần chân dốc, gặp chỗ ngoẹo, xe bị trượt nhanh nhưng không bị lật, cả trưởng xe, pháo thủ, lái xe đều bị thương, riêng đồng chí Đỗ Văn Chính lái xe bị thương nặng phải băng bó cấp cứu.

24 giờ xe tăng 456 tiếp tục khởi động vượt dốc sau khi đã rút kinh nghiệm của xe 451. Do độ dốc quá cao, độ dài của dốc khá lớn, nên quá trình vượt dốc xe phải luôn dừng tạm nghỉ và nhiều lần bị quay trượt. Lên được $\frac{3}{4}$ dốc

xe lại quay trượt tại chỗ. Thế là đến 4 giờ 30 phút ngày 6-3 cuộc vượt dốc lần đầu thành công.

Sáng 6-3 chúng tôi, cán bộ công binh, cán bộ tham mưu Sư đoàn 312 ra tận đỉnh cao 1800m để rút kinh nghiệm tìm biện pháp để tiếp tục đưa xe tăng vượt dốc. Các cán bộ cơ quan Sư đoàn 312 đều được huy động ra giúp xe tăng vượt dốc. Các anh mỗi người chặt hai cọc gỗ đường kính từ 5-10cm, mang ra chân dốc để công binh đóng cọc, đã đóng hàng nghìn cọc ở những đoạn dốc dễ bị quay trượt.

Còn các cán bộ chiến sĩ xe tăng chuẩn bị những đoạn gỗ lớn đẽo vạt thành hình tam giác cử hai người khiêng theo xe tăng để khi tạm dừng hoặc đuối lực thì chèn ngay để phòng trượt dốc, để tạm thời khắc phục, về phía xe tăng chúng tôi mang toàn bộ số đạn pháo 85mm ra ngoài để giảm bớt trọng lượng, trưởng xe, pháo thủ cũng không ngồi trên xe, chỉ để một lái xe điều khiển (lái xe mặc áo bông, đội mũ công tác quần thêm vải để để phòng xe trượt dốc không bị chấn thương nặng).

Đến 20 giờ ngày 6-3 là đêm thứ hai tổ chức vượt dốc chúng tôi cho các xe thiết giáp K-63 vượt trước để rút kinh nghiệm. Đến 24 giờ cả 3 xe K-63 đều lần lượt vượt dốc an toàn, sang tạm giấu ở bản Đào phía chân bên kia đỉnh 1800m.

1 giờ ngày 7-3 xe tăng T34 số 456 tiếp tục vượt dốc, khi xe vượt được $\frac{3}{4}$ dốc đến đoạn vòng khó khăn thứ 5 thì xe bị tụt rất nhanh xuống chân dốc. Lần thứ 3 vào 20 giờ ngày 7-3 chúng tôi tiếp tục tổ chức vượt đỉnh cao, lần này chúng tôi tổ chức cho xe dắt (xe kéo xe tăng) vượt trước dự kiến. Khi xe lên đỉnh dốc, xe dắt sẽ làm điểm tựa cố định, sau đó dùng dây cáp thả xuống một đoạn dài nhất định để dự phòng cứu kéo khi có xe bị sự cố.

Vào 21 giờ xe dắt đã vượt dốc an toàn nhưng đến 22 giờ xe tăng 424 bắt đầu vượt dốc mới được $\frac{1}{2}$ dốc thì bị máy bay địch đến bắn phá thả bom toàn bộ khu vực bom thả trúng đoạn dốc xe tăng đang vượt, xe bị tụt rất nhanh xuống chân dốc, đồng chí Vũ Trọng Phái lái xe bị thương nặng, nhưng xe không bị lật.

Thấy tình hình căng thẳng, khó có thể tiếp tục cho xe tăng vượt dốc, đồng chí Hàn, Tham mưu trưởng Sư đoàn 312 đã thống nhất với chúng tôi tạm ngừng tổ chức vượt đỉnh cao 1800m và xin chỉ thị của Bộ chỉ huy Mặt trận để có kế hoạch tiếp theo.

Như vậy sau 3 lần vượt dốc, xe tăng T34 không thể vượt qua được, chỉ vượt được 3 xe thiết giáp (K63) và một xe dắt (xe kéo xe tăng). Sức mạnh của xe tăng là sức mạnh tổng hợp của các yếu tố. Hỏa lực pháo, xích sắt và vỏ thép (sức nặng) nhưng xe tăng không vào được cứ điểm thì phải phát huy được một trong sức mạnh ấy. Vì thế, theo đề nghị của cán bộ xe tăng Bộ chỉ huy chiến dịch, cho sửa một quãng đường khác và đưa 3 xe tăng T34 vào Sa Nóc dùng hỏa lực pháo 85 ly bắn trực tiếp yểm hộ cho bộ binh tiến công các điểm cao: 1476, 1486.

Ngày 11-3, ba xe tăng T34 đã bắn 55 phát đại bác phá sập nhiều công sự của địch. Còn 3 thiết giáp và xe dắt đã cùng Trung đoàn Bộ binh 141 tiến công địch trên đồi vành khăn. Ngày 18-3 xe thiết giáp đã vượt lên trước bộ binh đột phá vào cổng chính. Địch phát hiện không có bộ binh đi cùng xe tăng thiết giáp nên chúng xông ra định bám lên xe thiết giáp lính thiết giáp đã mở nắp xe, dùng lựu đạn, tiểu liên diệt địch, và cũng là lúc bộ binh vào kịp, ta diệt gọn cứ điểm.

Điều đặc biệt làm những người lính xe tăng chúng tôi vô cùng phấn khởi đó là chiếc xe dắt cũng xông vào diệt giặc. Xe dắt là loại xe phần dưới giống như xe tăng, cũng có xích sắt và vỏ thép dày, nhưng trên không có tháp pháo và pháo. Xe này nhiệm vụ chính và công dụng của nó là đi trong đội hình xe tăng để cứu kéo các xe tăng bị sa lầy... Còn ở đây khi đánh mỏm số 3, xe dắt đã xung phong, để bẹp thép gai, dùng xích sắt chà sát các ổ đề kháng của địch và sử dụng súng 12,7 milimét bắn chi viện cho bộ binh đánh chiếm mỏm 3 và 4...

Các bạn Công binh, Bộ binh ạ, bao công sức của các bạn tạo cho lính xe tăng chúng tôi vượt độ dốc 1800m thật hào hùng và là một trang hiệp đồng oanh liệt.

Thái Bình

Tháng 10 năm 2003

(ĐT. 035. 781716)

VẾT THƯƠNG CÒN NHỨC NHỐI

Nguyễn Thế Tường

Nguyên chiến sĩ lái xe tăng Trung đoàn 202

Cường tuổi Thìn - Nhâm Thìn - nay kể cả tuổi mụ là 42, thật đang sức tráng niên. Vậy mà những lúc có chuyện bức mình Cường lại hay nghĩ lẫn thần như một ông già, thường hay nhớ lại những kỷ niệm thời chống Mỹ mà anh có tham gia để tự an ủi. Ở một bến xe hay bến tàu vô tình bắt gặp đám lưu manh ức hiếp người nhà lành Cường cũng nắm tay trợn mắt mà lầm bầm: “Cứ như còn ở đơn vị xe tăng, ông sẽ nghiền nát bọn mày.” Anh hay kể với vợ và bạn bè những mẩu chuyện bắt đầu bằng câu: “Cái hồi ở bộ đội...” Nói chung là dường như Cường có máu AQ, một kiểu “phép thẳng lợi tình thần”

đời mới.

Ở cái thị xã nhỏ bé này, Cường thuộc diện mất sức có phụ cấp thương binh hàng tháng, anh cũng có viết báo viết văn nhì nhăng, có đôi ba bài được để ý. Một lần chị cán bộ hội Phụ nữ phụ trách tuyên truyền vận động anh viết bài về vận động sinh đẻ có kế hoạch anh liền lòi ngay hai đứa con gái mà nói: Cái hồi tôi ở bộ đội quen nói thẳng, tôi mới có hai cháu gái, tôi và vợ tôi sẽ chiến đấu tiếp cho đến khi nào được một thằng “tăng con” mới thôi. Vậy tôi có thể lên giọng đạo đức mà rao giảng “Mỗi gia đình chỉ nên có một hoặc hai con” không?

Chị phụ nữ vẫn cười và khuyên anh viết. Chị nói: “Viết là viết về một đạo lý chung, còn cuộc đời thiếu gì nỗi éo le riêng biệt, tôi biết anh viết được, vốn sống đã dày lại đã qua thời bộ đội. Nghe đến “cái thời bộ đội” Cường giật nẩy mình” ừ nhỉ, cái thời tôi ở bộ đội ... có cái chuyện này tôi kể cho chị nghe, chị hay ai đó viết giùm, cũng có tác dụng tới việc đặt vòng, à quên, xin lỗi là cái công tác chiến lược kế hoạch hóa gia đình.”.

Cường nói một mạch, và chị phụ nữ ngồi lắng nghe, chị biết là đã điểm đúng huyết của anh chàng cựu binh hơi lẩn thẩn mà dễ mến. Trong phút chốc đôi mắt Cường dại đi như một thứ kỹ xảo mờ chông trên phim truyện? và ký ức hiện lên, những hình ảnh xa xăm của một thời trận mạc bỗng hiện về rõ rệt, gồ ghề đầy màu sắc và hình khối như thể giơ ra là sờ nắn ngay được... .

Hồi -ấy, sau khi tham gia chiến dịch Quảng Trị, chiến dịch mà đơn vị tôi được cấp trên đánh giá là “tham gia 6 trận thắng 4 thua 2” chúng tôi rút về miền Bắc bổ sung, đóng ở vùng đồi thuộc xã Xuân Nguyên, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa. Có lẽ nhờ hai trận “lãi ròng” trên đây mà Đại đội một của chúng tôi và cả Tiểu đoàn 66 xe tăng thiết giáp đều trở thành đơn vị anh hùng. Nói thật với chị, làm lính cựu binh ở một đơn vị thường thì còn được chiều

chuộng, thỉnh thoảng còn được thưởng máu công thần - chứ ở đơn vị anh hùng thì chua cay lắm, mọi cái đều phải gương mẫu. Đất Xuân Nguyên thì rắn như đá. Có cậu đã viết:

Xuân Nguyên ơi ta đã về đây

Đất như đá nuôi cây sim cây sế

Nước xói mòn chia bãi thành mô

Lại viết:

Đời lính nghèo chi đến là nghèo

Không đủ tiền mua cho người yêu một hào kẹo bột

- Ấy sao chị lại nhú mày thế, chị không muốn nghe thì thôi vậy ... Ý tôi là ...

- Không sao, không sao, anh cứ kể đi, tôi vẫn nghe đây tại tôi .

- Ấy là ý tôi muốn nói, cái hồi ở bộ đội, chuyện nó lâu quá rồi, bây giờ giờ lại lục tích phải có đầu có cuối, phải có gợi lại cảm hứng, nhưng thôi, tôi vào chuyện ngay đây, một câu chuyện sát với đề tài đặt vòng, à lại quên, chiến lược dân số của chị. Lúc này tôi kể đến đâu rồi nhỉ, đến đoạn bộ đội đi xin tre chưa? Chưa hả, à đây rồi, đơn vị đóng ở Tỉnh Gia là đơn vị anh hùng v.v... đây chuyện đây rồi... Giọng Cường trầm xuống vẻ bí hiểm làm chị cán bộ

phụ nữ cũng phải chùng người 1 nghiêng tai ...

Đó là vào mùa giáp hạt năm 1974. Mùa giáp hạt là của nông dân, chúng tôi lại vào mùa huấn luyện. Hình - như không chỉ riêng gì Thanh Hóa mà cả miền Bắc đều bị đói. Dân đói, cán bộ đói, lính cũng đói. Tiêu chuẩn lương thực của tụi tôi từ 8 lạng tụt xuống 6,5 lạng rồi 4 lạng mỗi ngày. Mỗi buổi sáng cả bọn nhăn mặt nhận cái bánh mỳ hấp to bằng cái nắp chuông xe đạp. Ngày hai bữa cơm sau hai buổi huấn luyện lính hăng hái xếp sáu hàng dọc, hau háu nhìn vào nhà ăn, ăn xong chúng tôi lao xuống bếp vợ chấy, có bữa sợ heo trong chuồng mất phần, anh nuôi đổ nước gạo vào nồi cơm cháy.

Anh hùng thì anh hùng nhưng lính xe tăng mà đói thì gay quá. Một lần không biết ông trợ lý nào đó nảy ra “sáng kiến” quá quắt là cắt bữa ăn sáng để dồn cho hai bữa chính để cho lính đỡ đói sau giờ huấn luyện. Sáng hôm ấy khoảng 8 giờ, sau khi đánh xe ra bãi chuẩn bị tập, đại đội trưởng tập hợp 55 chiến sĩ lại và hô: Khoa mục! Tất cả đứng nghiêm lại chuẩn bị nghe nội dung khoa mục sắp tập bỗng nghe “ụch” một cái. Cậu Tuân đứng cạnh tôi bỗng đổ nhào, sùi bọt mép. Cả đại đội nhốn nháo.

- Nghiêm! Đại đội trưởng hét, đồng chí Cường và đồng chí Huân khẩn trương khiêng đồng chí Tuân về quân y cấp cứu.

Hô khẩu hiệu như thế nhưng chỉ nửa phút sau cả đại đội đều nghỉ để đưa Tuân về. Có cấp cứu gì đâu, chỉ đổ cháo vào là Tuân khỏi. Tội nghiệp nó, là lái xe người to con, nhiều tỹ tế bào phải nuôi quá. Tôi cũng là lái xe, người cũng to, cũng đói lắm ... chúng tôi là cựu binh, đã qua chiến trường, đã có cái ranh ma của người từng trải qua trận mạc, phải nghĩ cách thoát khỏi cơn đói kinh niên này, chí ít cũng kéo tới mùa lúa chín. Rồi dịp may cũng đến. Đơn vị làm thêm “ga ra” xe cần một số vật liệu là tranh và tre.

Tranh thì phải đi cắt trên rừng. Tre thì vào xin đồng bào ở các xã lân cận. Không suy nghĩ lâu la gì, tôi xin ngay vào tổ xin tre. Lúc đầu không ai dám theo, cậu nào cũng ngán mục này. Riêng tôi mặt đã lỳ như thốt từ những ngày huấn luyện ở trường lái. Tôi rủ tai thêm hai thằng bạn thân nữa, chúng khoái quá giờ tay luôn. Đó chính là Tuân biệt hiệu là Tuân vẹt và thằng Hoán, tác giả của mấy câu thơ chị đã nghe ở trên.

Thế là cứ sáng sáng tổ tam tam chúng tôi sấn xuống bếp ép “thủ kho” xúc cho hai lon gạo đầy để ăn trưa với kế hoạch khoán hẳn ba lính sáu tre mỗi ngày. Cầm được hai lon gạo, ba chúng tôi lên đường vừa đi vừa đồng ca bài “Năm anh em trên một chiếc xe tăng, như năm bông hoa nở cùng một cội”. Thịnh thoảng gặp một gái làng xinh tươi, cái cậu Hoán lại hăng hái đọc thơ:

Tôi là người lính thiết binh cô ạ

Ba mươi ngày chỉ có năm đồng thôi

Thuốc bàn chải hết đồng rưỡi rồi

Cười làm chi cho thêm phiền tuổi trẻ

Thôi cô để tôi đi cô nhé

Một nụ cười hết cả nửa tháng lương.

Rồi cười rần rật với nhau.

Phải nói rằng việc xin tre với chúng tôi không khó nếu như trước đó một đơn vị bộ binh đóng ở phố Còng đã không “dợt” qua một lượt. Tuy nhiên được

cái Hoán là tay vui vẻ văn thơ, tôi lại có ý chí, còn Tuân Vịt thì thuộc loại “thánh” trong khoản này. Đến nơi có tre, Tuân vịt cất mũ từ ngoài sân, hơi khom lưng tiến vào và hát điệp khúc sau đây:

Thưa cụ (hoặc bà, hoặc bác, hoặc chị ... tùy lứa tuổi) sau chiến dịch đổ lửa ở Quảng Trị, Lữ đoàn xe tăng 202 chúng con cần phải làm gấp một số nhà xe, cần một số vật liệu và là tranh và tre. Tổ tam tam chúng con đến đây trước hết là để thăm sức khỏe của cụ (bà, bác, chị) sau nữa là...”

Những lúc hát bài ca này tất cả sự ranh mãnh biến mất, khuôn mặt và sắc diện cậu Tuân trở nên dễ thương vô hạn. Khó có một trái tim sắt đá nào có thể từ chối nó. Được một tuần như vậy, ngày nào chúng tôi cũng được một bữa trưa lưng bụng và sáu cây tre vác về nộp. Thế rồi đi lâu cũng có ngày gặp... thủ trưởng.

Sáng hôm ấy, khi chuẩn bị đóng gạo thì tay thủ kho giáp mặt đại đội trưởng, hăn đỏ tai cúi gằm mặt đổ vào đây của tôi một lon gạo gạt ngang miệng lon rồi dùng tay bốc thêm năm nữa coi như đủ khẩu phần ba đứa. Không cãi được chúng tôi đành lên đường. Thật “họa vô đơn chí” hôm ấy suốt cả buổi sáng ba đứa chúng tôi mới xin được một cây tre. Đã thất bại thì thường nản chí, chúng tôi không dám tìm vào nhà ngói sân gạch mà đi mãi đến gần 12 giờ trưa mới rẽ vào ngôi nhà tranh hơi có vẻ tồi tàn mượn xoong nồi nấu cơm.

Trong nhà tranh tối tranh sáng, một người đàn bà xanh xao đang nằm ở giường. Chị có vẻ lả lướt đói hơn là bệnh tật. Nghe chúng tôi trình bày, chị vội vàng ngồi dậy cao giọng gọi lên:

- Cái Thảo, cái Mấy, cái Chót, Chít, Chát ơi! Về mẹ biểu?

Loáng cái có chừng một tiểu đội con nít từ vườn sau chạy ra đứng trước mắt chúng tôi. Mắt đứa nào đứa nấy thao láo; Có đứa cầm quả cà pháo vừa hít mũi vừa nhai rồi phước cổ nuốt.

Chị chủ nhà phán tiếp:

- Mấy đứa bây vô lấy nồi ra nấu cơm cho các chú bộ đội. Bây trẻ a lên một tiếng táo tác chạy lấy nồi, đưa ra giếng múc nước sẵn. Không kịp suy nghĩ thêm, chúng tôi thở phào ném “bao gạo” ra sân cho lũ trẻ rồi ngồi nghỉ. Mãi nhiều năm về sau tôi mới phân tích được cái hoàn cảnh và tâm trạng lúc ấy của chị chủ nhà và bọn trẻ, tôi cứ bị ám ảnh mãi cái thoáng chốc bất chợt tia mắt của chúng sáng lên khi nghe mẹ nó phát âm ra từ “nấu cơm” nghe nghe như tiếng reo vui.

Quá 12 giờ trưa, mệt mỏi và đói meo, sau khi rửa ráy bằng nước giếng trong và mát, chúng tôi tự động lấy bát đũa từ trong chạn, gạt tro than trịnh trọng bưng nồi cơm lên. Lúc này lũ trẻ lại đứng tùm tùm cuối sân nhìn theo nồi cơm. Chị chủ nhà mệt mỏi ngồi gian dưới. Gian dưới lại cách gian trên một lớp cốt nan mỏng, nói thì nghe rõ nhưng không nhìn thấy nhau.

Chúng tôi mở vung cơm lên và ba cái đầu lập tức chụm vào như để ngửi mùi cơm. Sáu bàn tay quen cầm cần lái xe tăng bây giờ nắm chắc bát đũa. Bụng chúng tôi đều réo ùng ục, nhưng hạnh phúc thì đã ngay trước mặt trắng xóa, thơm lừng trong tầm tay. Thiếu chút nữa thì chúng tôi bỏng mồm vì cơm. Mỗi đứa đều vừa và cơm vừa phà hơi ra cho đỡ nóng, mắt long lanh vì sung sướng. Bỗng từ gian dưới vọng lên tiếng chị chủ nhà lúc này nghe rất rành

rọt:

- Kìa các con, vào ăn cơm với các chú bộ đội cho vui. Chúng tôi ngớ người, ừ nhỉ, cũng phải xới cho trẻ con chứ. Cậu Hoán vốn nhanh mồm nhanh miệng nuốt ực miếng cơm rồi buột miệng:

- Các cháu ơi?

- Kìa các con, các chú đã mời thì vào ăn với các chú.

Tôi nhìn xuống xoong cơm, chỉ còn lưng hai bát nữa chưa kể phần cháy, mà hình như nồi cơm nhỏ chưa đủ độ nóng để kết cháy đâu. Ngoài sân thì lũ nhỏ đến chục đứa con nít đang chuẩn bị kéo vào. Chúng tôi thì chưa hết hoa mắt vì đói. Bỗng Tuân, chính cái cậu Tuân vọt với điệp khúc xin tre muôn thừa đã giơ tay lên vẫy lũ trẻ. Hắn vẫy rất nhẹ nhưng lại nói rất to:

- Các - cháu - vào - đây - ăn - cơm - với - các - chú.

Tôi nhìn ra, lũ trẻ nháo nhác tiến vào mắt long lanh, trong khoảng khắc bỗng chúng đứng dừng cả lại ngơ ngác như một đàn gà con lạc mẹ. ánh mắt của chúng bị hút về phía Tuân. Bất ngờ tôi nhìn sang thấy cậu Tuân. Vâng, thưa chị, chính Tuân bạn tôi, một hạ sĩ lái xe tăng có hạng đã lập chiến công ở chiến trường - Quảng Trị, mắt hắn trợn ngược lên, bàn tay nắm thành quả đấm. Từ dưới bếp giọng chị chủ nhà như quát lên:

- Mấy cái Thảo, cái Thít dẫn em vào ăn cơm với các chú bộ đội, còn đứng đó chi nữa.

Một lần nữa lũ trẻ lại mạnh dạn bước vào nhưng vừa mới ngược lên đã bắt gặp ngay cặp mắt của Tuấn. Tội nghiệp chúng, như thế nhìn thấy ông thiện ông ác trong chùa, tiến lên một bước rồi dừng lại. Sau phút bàng hoàng, tôi cố tĩnh trí lại nhìn kỹ lũ trẻ. Chúng có vẻ xác xơ quá ốm nhách, ốm nheo như những cây sậy được treo móc vài mảnh vải mỏng màu đất. Một thằng cu chừng năm tuổi trần truồng, bụng ỏng dẹt beo một tay đút vào miệng, một tay nắm chặt gấu áo chị nó. Cái Thảo là con bé lớn nhất chừng 12 tuổi gầy tong teo, gương mặt đầy vẻ nhẫn nhục cam chịu nhần nhúm như một bà già. Nó, chính là con bé chị lớn nhất đám cao chừng 1m25 nặng không tới 25kg này là tâm điểm chịu toàn bộ sức nặng từ những tiếng quát tháo của người mẹ, từ mùi cơm bay ra từ chỗ chúng tôi ngồi và đôi mắt trợn ngược của Tuấn. Chừng 5 đến 6 phút, sau khi đã đứng sững lại, chính cái con bé lớn có tên Thảo này đã khóc òa lên, tức tưởi lừa lũ em ra vườn sau nhà. Tiếng nấc của người đàn bà khiến Cường dừng phắt câu chuyện.

- Dừng kể nữa, dừng kể nữa, tôi van anh, anh cũng có con mà tôi cũng có con mà anh.

Cường ngồi lặng đi một lúc rồi thì thào:

- Tôi đã nói trước ai bảo chị ép tôi. Chị biết không ngay sau đó thấy mình có lỗi, còn cái thằng Tuấn lúc ấy thì lúng búng trong mồm chào chủ nhà và chúng tôi đã lạng lẽ rút khỏi căn nhà ấy, để lại cả cây tre còi mới xin được hồi sáng. Còn Tuấn thì ân hận vì lỗi đùa tai quái và không đứng chỗ ấy. Tối hôm ấy, đại hội gọi cả ba chúng tôi lên chất vấn vì không hoàn thành nhiệm vụ. Tuấn Vịt ngồi cúi gằm mặt xuống một lúc rồi chạy ra sau đồi khóc. Tôi kể sự qua cho đại đội trưởng nghe chuyện hôm ấy. Ông im lặng, mặt đanh lại. Hôm

sau không thấy ông bảo chúng tôi đi xin tre nữa. Chuyện tôi kể có liên quan đến việc kế hoạch hóa gia đình, đẻ nhiều con mất mùa thì khổ. Chuyện thật 100% đấy, không tin thì chị gặp các cậu Hoán, Tuân ... à quên ... xin lỗi.

Sao lại xin lỗi, anh quên cái gì, hai người bạn của anh ở đâu?

- Chị đã nghe đến đây thì tôi cũng xin kể hết. Hai người bạn chí thân ấy của tôi đều không còn nữa. Hoán, cái thằng vui tính hay làm thơ ấy hy sinh ngay trận mở màn trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, còn thằng Tuân thì mãi đến Xuân Lộc vào tới cửa ngõ Sài Gòn xe hăn mới trúng đạn bốc cháy. Hăn cùng pháo thủ bắn hết cơ số đạn trong xe rồi nhảy ra bị hỏng hết mặt mày, lại hứng luôn một tràng AR15 quy xuống. Nhưng có điều lạ là nằm trong trạm giải phẫu tiền phương, cậu Tuân vệt ấy phều phào nhả tôi đến.

Mặt trận tạm yên ổn tôi giấu xe vào bãi rồi băng đến trạm. Hăn nằm, mắt mờ dại đi. Tôi cúi xuống và chợt nhận ra cái mặt vàng ửng như sáp ong và đôi mắt lơ lơ của nó chợt sáng lên. Bằng rất nhiều cố gắng đến tuyệt vọng, hăn nhấc tay chỉ vào túi áo ngực và phều phào hai âm tiết gì đó nghe không rõ. Tôi mở túi áo quân phục xe tăng của hăn lôi ra một nắm tiền giơ lên, hăn lại phều phào hai từ gì đó, đôi mắt có vẻ bằng lòng rồi tắt thở. Tôi cầm nắm tiền đứng ngẩn ngơ quên cả vuốt mắt cho đồng đội Tuân vệt! Thế là tôi mất luôn người bạn tri kỷ cuối cùng. Chị có hiểu không?

Mãi đến gần một tháng sau, trong một đêm đang ngủ rất ngon mắt giữa đô thành Sài Gòn mới giải phóng tôi như bị dựng dậy bởi một ý nghĩ vừa lóe lên: “tiềm thức và vô thức vừa hòa nhập giải mã cho tôi hai cái từ vô nghĩa phều phào giữa hai làn môi đã cứng lại của Tuân.

Ngày ra Bắc, tôi theo lời trăng trối của Tuấn, tôi mua một bao gạo trắng muốt loại tốt nhất của Nam Bộ vác về để chinh ình trên xe làm mọi người cười ầm bảo tôi hâm tử độ. Ngày đó, vâng, sau chiến thắng ngày 30-4-75, mọi người về quê, ai cũng đem theo bao thứ làm quà, còn tôi thì đèo bao gạo, có lẽ hâm thật chẳng?! Tôi nín nhịn. Đi ba ngày từ Sài Gòn đến Thanh Hóa, ngang qua phố Còng tôi lẳng lặng ném bao gạo xuống rồi nhảy xuống theo; lúc ấy mới hiểu là không còn nhớ đi về hướng nào.

- Anh không nhớ à?

- Không nhớ! Chị bảo làm sao tôi nhớ được một căn nhà tồi tàn vô tình ghé qua rồi ngậm tằm rút biển trong cả chục ngày đi xin tre lang thang khắp huyện Tĩnh Gia. Tôi ngồi trên bao gạo gần nửa buổi mới biết: mình bất lực hoàn toàn trong lúc các bà buôn thúng bán mẹt cứ xoắn suốt xung quanh đòi mua. Chao ôi! ước gì trong đám các bà các chị ấy hiện ra khuôn mặt xanh xao lá lướt ốm o của người đàn bà và lũ trẻ ấy-Chính hôm ấy tôi đã ngậm thề với thằng Tuấn sẽ giữ kín chuyện này mãi mãi. Vậy mà hôm nay tôi lại kể cho chị nghe, thế là tôi đã xóa đi lời thề đồng đội, cũng bởi nhiều chục năm trôi qua rồi, tôi đã đủ sức giở áo lên nhìn lại vết thương lòng. Đôi khi thời gian cũng là một vị thuốc phải không chị. Vả chẳng tôi cũng mong câu chuyện này được viết lên mặt báo như thể một kiểu nhắn tin, một lời cáo lỗi may ra nó đến tay được những đứa em năm xưa không biết bây giờ đã trưởng thành? Chúng nó đọc và có thể tha thứ cho chúng tôi được chút ít nào chẳng?

Đồng Hới

30-4-2003

N.T.T

(ĐT. 052. 824796)

NGỌT BÙI NHỚ LÚC “KHỞI ĐẦU NAN”

Đại tá Dương Đăng Giang

nguyên Hiệu trưởng đầu tiên

trường Sĩ quan Tăng – Thiết giáp (1973 - 1979)

Ngày 10 tháng 4 năm 2003, Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày truyền thống - ngày thành lập tại khu vực núi Đanh. Nơi đây đã gắn bó cuộc đời “lính xe tăng - của tôi trên một chặng đường dài (1959 - 1979).

Thăm lại trường, xem các khu sinh hoạt (nhà khách mới xây khá sang trọng), khu học tập 2 toà nhà 3 tầng gồm nhiều lớp học, các phòng nghiên cứu, thí nghiệm ... của một trường đại học, thật rộng rãi, khang trang; trong bầu không khí vui vẻ, tưng bừng của ngày lễ, khối sĩ quan lễ phục chỉnh tề, quân hàm huân chương sáng ngời. Khối sĩ quan tương lai trẻ măng; thêm nữa những tà áo dài đủ màu sắc” trong khối hạ sĩ quan, nhân viên phục vụ tung bay trong gió...

Tôi cảm thấy lòng vui trước sự trưởng thành của nhà trường. Tôi nhớ lại những năm tháng đầu tiên xây dựng nhà trường với bao kỷ niệm không thể nào quên, có những điều mà thế hệ cán bộ, giáo viên, học viên ngày nay không thể hình dung mà cả thế hệ đầu tiên ngày đó cũng ít người được biết.

Tôi nhớ đến câu ngạn ngữ “Vạn sự khởi đầu nan”, người xưa nói quả chẳng sai, mọi sự trên đời này, dù việc to hay nhỏ, cái thừa ban đầu bắt tay vào làm thật khó khăn, gian khổ, thuận lợi cũng có, song chỉ có vượt qua được bao khó khăn ở cái thừa ban đầu mới có thể chạm tay với được cái thuận lợi... Quả là mọi sự khó khăn của “sự khởi đầu nan”.

Ấy xin các bạn đừng cho tôi, người Hiệu trưởng đầu tiên ngày ấy kể công nhé, mà kể công thì được cái gì nhỉ? Khi đã ở cái-tuổi “cổ lai hi rồi”, tôi cũng như bao anh em khác chỉ muốn viết để cho thế hệ sau cùng suy ngẫm. Có phải thế không? Chỉ một việc nhỏ thế này cũng đủ để các bạn nghĩ đến cái ngày ấy: Lúc đó từ Tiểu đoàn 10, Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp củng cố lại “nâng cấp” lên thành Đoàn 10, với quyết tâm xây dựng thành một trường để đào tạo sĩ quan Tăng - Thiết giáp. Ngày đó, tôi đang giữ nhiệm vụ tham mưu trưởng, Đảng ủy viên Đảng ủy Binh chủng, nên tôi hiểu và tán thành quyết tâm ấy.

Nhưng Đoàn 10, thì vẫn là Đoàn 10, thế là tôi nhận Quyết định giữ chức Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp ngày 20-10-1972, nhưng sau nhiều lần bàn bạc, kiến nghị mãi đến 10-4-1973 mới có quyết định thành lập trường. Điều đó có nghĩa là tôi nhận nhiệm vụ Hiệu trưởng để xây dựng trường, nhưng ngân sách của trường thì không có, phải dựa vào sự san sẻ ngân sách của Binh chủng, và muôn vàn khó khăn cũng phát sinh ra từ đó...

Song phải nói là thuận lợi cũng rất lớn, đó là sự nhìn xa và quyết tâm xây dựng trường của Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Binh chủng... Với chức năng tham mưu cho Quân ủy và Bộ Quốc phòng về xây dựng và chiến đấu của Binh chủng Thiết giáp, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Binh chủng đã sớm nhận thấy nhu cầu mới, nên đã kiến nghị về thành lập trường Sĩ quan Thiết giáp sớm báo cáo lên Bộ Tổng tham mưu từ những năm 1971, sau chiến dịch đường số 9 - Nam Lào.

Tôi được biết anh Đào Văn Xuân - Phó chính ủy, phó Bí thư Đảng ủy Binh chủng đi họp trên Bộ đã gặp nhiều Thủ trưởng cấp trên trình bày về nhu cầu thành lập trường. Các đồng chí Đại tướng Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp, Thượng tướng Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng đều đồng ý, chẳng hiểu do một khâu nào đó ở Hội đồng nhà trường của Bộ chưa tán thành, nên chưa ra được quyết định. Lúc đó “trường” vẫn chỉ là Đoàn 10.

Anh Đào Văn Xuân, tôi biết, cũng rất bức xúc về chuyện này. Tôi được anh Xuân cho biết: khoảng đầu năm 1973, Đại tướng Võ Nguyên Giáp xuống thăm Binh chủng, anh Đào Văn Xuân báo cáo tình hình chậm ra quyết định thành lập trường, lúc đó Đại tướng nghiêm nét mặt nói với anh Tổng Thái - Cục trưởng Cục Quân lực: “Tôi cho phép anh ra quyết định về trường Sĩ quan Thiết giáp...”. Chúng tôi hiểu đó chỉ là lời nhắc nhở nghiêm túc của Tổng tư lệnh, Bí thư Quân ủy Trung ương... và thật may sau sự kiện đó ngày 10 tháng 4 năm 1973, Bộ có quyết định chính thức thành lập trường Sĩ quan Thiết giáp.

Trường Sĩ quan Thiết giáp mới thành lập, tiếp quản một cơ ngơi “quá rộng lớn” ngoài của Đoàn 10 còn có khu sơ tán của Bộ Tư lệnh. Hai cơ sở này ở rải rác tại nhiều thôn, xóm như: Gô, Láng, Đồng Bông, Lan Đình, Cao Sơn... thuộc 2 xã liền nhau là xã Kim Long, huyện Bình Xuyên và xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Toàn bộ nhà ở, lớp học... trừ hội trường bằng gỗ, lợp ngói, còn lại đều là tranh nửa là do bộ đội ta khai thác, tự làm, sử dụng đã nhiều năm, có nhà làm từ thời Tiểu đoàn 10 nên đã dột nát nhiều, khi trời mưa, anh em phải che nilông để học và để... ngủ, có nhà mái đã sụp, phải chống ở bên trong, anh em nói vui “nhà mái bằng”. Tuy vậy, có nhà còn tạm tạm, nép dưới lũy tre xanh, trước nhà có giàn thiên lý là nhà của Chính ủy Binh chủng sau là nhà Hiệu trưởng rất “thơ mộng” khi trăng thanh gió mát:

Nhà tôi tọa ở ven đồi

Có giàn hoa lý, thiếu người... tôi thương

Cơ sở “doanh trại” quá nghèo nàn, phân tán như vậy song nhà trường lại tiếp nhận được một “vốn quý” mà cái “vốn quý” đó là do tầm nhìn xa và quyết tâm của Thường vụ và Bộ Tư lệnh, điều động bổ sung về đó là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy và quản lý giáo dục đã qua công tác thực tiễn và ba năm như các anh nguyên là Đoàn trưởng (phó), chính ủy Đoàn 10: anh Lê Quang Phước được bổ nhiệm làm Phó chính ủy kiêm Phó bí thư Đảng ủy, anh Nguyễn Văn Lăng làm phó hiệu trưởng. Nhiều đồng chí đang công tác ở Đoàn 10 như các anh: Nguyễn Viết Thường, Trần Văn Hồng, Trần Hữu Đạt, Hà Văn Đa, Nguyễn Văn Sốc được bổ nhiệm phụ trách các phòng; đội ngũ giáo viên có các anh: Hà Cao Lộc Trần Quý Cầu, Phạm Toán, Lưu Kim Giao... được bổ nhiệm làm chủ nhiệm các khoa giáo viên.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên này là nòng cốt, với cán bộ, giáo viên mới bổ sung về cùng sát cánh vai nhau, hỗ trợ cho nhau để xây dựng nhà trường trong giai đoạn vạn sự khởi đầu nan” ấy.

Hàng loạt vấn đề là nhân tố quyết định đến chất lượng dạy và học của nhà trường được đặt ra cho Ban giám hiệu mới và toàn thể nhà trường phải giải quyết-đó là:

- Phải phấn đấu trong thời gian nhất định để có “Trường ra trường, lớp ra lớp” từ bán kiên cố đến kiên cố lâu dài.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ số lượng và chất lượng - phẩm chất đạo đức giỏi chuyên môn, phương pháp sư phạm, lúc đầu nhà trường chỉ có 58 giáo

viên các bộ môn và 10 giáo viên văn hóa, năm 1979 - 1980, nhà trường đã có trên 100 giáo viên theo yêu cầu nhiệm vụ giảng dạy.

- Phải tạo ra nhiều cơ sở vật chất, đồ dùng học tập, xóa bỏ tận gốc “giảng chay, học chay”.

- Cải thiện đời sống của bộ đội - quân số học viên theo quy định là 600 - 700. Trên thực tế thường xuyên là trên 1000 học viên, có lúc lên tới 1760 học viên. Việc lo ăn, cải thiện đời sống bộ đội là một cố gắng lớn của toàn nhà trường (có lần, gạo mậu dịch ở cây số 8 thiếu, nhà trường phải vay gạo nhà máy chè và nông trường).

Sang năm thứ hai (1974) các khu đất hoang hóa xung quanh khu vực đóng quân tiếp tục được khai phá, mở rộng các vườn rau đủ loại, liên hệ với địa phương cấy thêm hàng chục mẫu ruộng, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Toàn trường đã có đàn trâu bò trên 50 con, bình quân 10 người nuôi một con lợn và hàng trăm đàn gà, vịt, ngan ngỗng và đào ao thả cá. Kết hợp với vệ sinh phòng bệnh nên sức khỏe của bộ đội được nâng lên làm đà để phát triển cho những năm tiếp theo.

Vấn đề gay gắt nhất vẫn là trường lớp. Tình trạng nhà, lớp ở phân tán, dột nát. Tối, chủ yếu là đèn dầu (máy nổ chạy theo thời gian hạn chế) nên ảnh hưởng lớn đến chất lượng dạy và học cũng như rèn luyện nề nếp chính quy cho bộ đội, học viên, được nhà trường đặt lên hàng đầu.

Ngoài được sự chi viện của Bộ tư lệnh về tài chính, còn lại, nhà trường phải tự túc từ khoản tiền thu được trong hợp tác lao động với tỉnh Vĩnh Phú về khai thác vật liệu xây dựng và lưới điện cao thế. Nhà trường còn khai thác gỗ

để đóng bàn ghế, giường phản và đồ dùng học tập... Với sự phấn đấu liên tục trong vài năm, nhà trường đã đạt được bước tập trung toàn trường vào một khu vực, lấy trung tâm làm khu giảng đường, hiệu bộ. Bám xung quanh là khu nhà ở, lớp học bán kiên cố, vách tróc xi, mái lợp ngói, nền xi măng, riêng phòng họp kiêm phòng khách, nhà ở của Hiệu trưởng, Chính ủy thì xây bằng gạch lợp ngói, vì đây được coi là tiêu biểu của bộ mặt nhà trường. Có năm nhà trường đã tiếp đón gần 10 đoàn khách trong nước và quốc tế.

Điện đã được thắp sáng trong sinh hoạt và học tập. Tất cả những cái đó đã góp phần đẩy mạnh công tác trung tâm của nhà trường mà còn góp phần cho sinh hoạt của bà con lối xóm thêm vui. Quảng cảnh khang trang đó, tôi Hiệu trưởng bị “cái oan Thị Kính”. Đó là lần đồng chí Trung tướng Phùng Thế Tài - Phó Tổng tham mưu trưởng đi công tác, tạt qua trường thăm con trai là đồng chí Quảng, đang là giáo viên chiến thuật của trường. Đồng chí Tài nói: “Mình hỏi thăm qua Đào Huy Vũ, anh Vũ nói: Cứ đến xóm X, cái nhà nào đẹp nhất là nhà của Hiệu trưởng Đặng Giang!”, Chao ôi! Nghe câu nói đó, tôi thấy lòng mình nặng trĩu.

Không phải mọi việc đều suôn sẻ cả, mặc dù trên và dưới đều quyết tâm xây dựng trường. Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nhiều người cho rằng các cơ sở huấn luyện quân sự của quân đội ngụy được Mỹ xây dựng chắc là “ghê gớm lắm”, nên có ý kiến đưa trường Sĩ quan Thiết giáp vào tiếp quản trường sĩ quan ngụy ở Nước Trong. Đồng chí Tư lệnh Binh chủng cũng đồng tình - Tư lệnh ngày đó là anh Đào Huy Vũ. Song thực tế không phải như vậy.

Khi đồng chí Tư lệnh cùng cố vấn Tư lệnh (sĩ quan Liên Xô) và tôi Hiệu trưởng vào khảo sát, hóa ra đó chỉ là một trung tâm huấn luyện cho hạ sĩ quan và lính tăng. Ngoài một số thiết bị và bãi tập, nhà cửa thuộc loại cấp 4 gạch, ngói, xi măng xen kẽ nhà gỗ... và ý kiến này coi như bỏ. Khu đó sau này là cơ sở của Trường Hạ sĩ quan số 1 Binh chủng.

Tôi đề nghị một phương án “hơi bạo”: Bộ Tư lệnh chuyển về Hà Nội, giao khu vực doanh trại núi Đanh cho nhà trường. Kiến nghị này được nhiều đồng chí tán đồng trong đó có anh Đào Văn Xuân - Phó chính ủy và anh Lê Xuân Kiện - Phó tư lệnh. Song, đồng chí Tư lệnh và Chính ủy (ngày đó là anh Phạm Sinh) chưa tán thành, còn để nghiên cứu ... có đồng chí còn đưa ý kiến:

- Nhà trường cứ ở khu vực dã tập trung hiện nay-khu vực Đồng Bông, Bộ Tư lệnh sẽ đầu tư từng bước để tiến tới doanh trại “chính quy” lâu dài. Thật ra là không được vì khu vực đó chỉ được một mặt, trường vẫn xen với thôn xóm của dân, không có đất để xây dựng một doanh trại chính quy theo đúng nghĩa. Thí dụ còn phải xây dựng các cơ sở tập luyện khác theo yêu cầu của một nhà trường chỉ huy, kỹ thuật xe tăng và phải có một bãi bắn nhỏ.

Trước tình hình đó, với tinh thần dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của Binh chủng và Quân đội, tôi đành “vượt rào” báo cáo bên Bộ Tổng tham mưu, qua Cục Nhà trường. Và kiến nghị đó được đồng chí Trung tướng Cao Văn Khánh - Phó Tổng tham mưu trưởng phụ trách công tác nhà trường và huấn luyện chấp thuận. Một số cục có liên quan như Cục Nhà trường, Cục Quân huấn, Cục Tài vụ cũng ủng hộ ...

Doanh trại khu vực núi Đanh vốn là cơ sở của Trung đoàn xe tăng 202 một đơn vị chiến đấu, ngoài chỗ ăn ở cho 3 - 4 tiểu đoàn, 4 - 5 đại đội phục vụ và cơ quan ... còn có cơ sở phục vụ cho huấn luyện ngay trong doanh trại như bãi bắn nhỏ có giá rung điện để xe tập bắn trong “hành tiến”, có khối chắn tự nhiên là núi Đanh - nếu nhà trường không về khu núi Đanh thì cũng phải xây một bãi bắn nhỏ ở núi Đanh và hơn 20 lớp học - giảng đường, sân vận động có khán đài để bộ đội rèn luyện được thường xuyên qua lễ đài, như vậy ý định rời nhà trường về khu doanh trại ở núi Đanh đáp ứng được yêu cầu của một nhà trường chính quy và vẫn còn đất để mở rộng khi cần.

Sau này tôi - Hiệu trưởng được ủy nhiệm của Tư lệnh Binh chủng làm việc với Đoàn đại biểu Liên Xô (cũ) về thiết kế kỹ thuật (bao nhiêu lớp, trang bị cụ thể...) của trường sĩ quan mà Liên Xô chi viện cho ta thì mới rõ: Bạn chỉ giúp ta khu học tập và kỹ thuật, còn khu sinh hoạt toàn bộ là do Việt Nam tự đảm nhiệm, đồng thời Cục Tài vụ cũng báo cáo cho Bộ Tổng tham mưu rõ là “Phần kinh phí này chưa được dự liệu” vì hiểu nhầm là bạn giúp ta hoàn chỉnh một nhà trường.

Đây là một bước ngoặt cơ bản giúp cho Trường Sĩ quan nhiều thuận lợi, góp phần cùng với nhiều nhân tố khác để hoàn thành nhiệm vụ trung tâm của mình. Còn công trình mà Liên Xô giúp thì sau khi tôi rời khỏi nhà trường (1979), vài năm sau, Binh đoàn 11 của Bộ giúp xây dựng và chính cơ ngơi này đã làm bật “thế” của nhà trường trong tầm mắt mọi người.

Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp đã trải qua 30 năm xây dựng và trưởng thành có nhiều bước phát triển mới là một chặng đường hểch sử đầy gian nan và thử thách nhưng rất vẻ vang là niềm tự hào của nhà trường.

Hà Nội, 4-2003

D.Đ.G

THẦN TỐC, THẦN TỐC HƠN NỮA!

Đại tá: Võ Ngọc Hải

Nguyên Chánh ủy Tăng - Thiết giáp B2

Tôi đang làm nhiệm vụ phó chủ nhiệm Chính trị Binh chủng Tăng - Thiết giáp thì ngày 22-1-1975 được quyết định vào B2 nhận công tác mới. Theo lệnh của Bộ Tư lệnh Binh chủng tôi lên đường vào Lữ 215 đóng tại Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh để cùng tổ chức xe tăng vào B2.

Công việc chuẩn bị hành quân của Đoàn 215 hết sức khẩn trương. Chỉ trong 38 ngày Lữ đoàn vừa ổn định tổ chức, trang bị và huấn luyện bổ sung một số khoa mục cần thiết. Tôi làm việc cả ngày lẫn đêm với Ban chỉ huy Lữ đoàn 215 và đồng chí tham mưu trưởng Đoàn 26, chỉ đạo công tác kỹ thuật, trực tiếp chỉ đạo công tác Đảng, công tác chính trị cho các phân đội. Một số việc làm gần đến ngày hành quân.

Ngày 13-3-1975 kiểm tra Tiểu đoàn 2, quân số 174 đồng chí, có 26 đảng viên. Đảng ủy có 7 đồng chí, 4 chi bộ. Có 6 đồng chí quyết tâm chưa cao, ý thức kỷ luật còn yếu, trang bị 26 xe PT - 85 (loại xe tăng lội nước, của Trung Quốc sản xuất, cỡ pháo 85mm) 25 xe hoàn chỉnh và một xe đang chuẩn bị.

13 giờ 30 ngày 13-3-1975 bàn kế hoạch hành quân. Ngày 15-3- 1975 tôi phổ biến chỉ thị công tác Đảng công tác chính trị cho các chính trị viên tiểu đoàn. Nội dung gồm: Tiếp tục xây dựng, củng cố quyết tâm thật vững, càng hành quân càng củng cố (vì các đơn vị này vừa mới xây dựng). Thường xuyên quán triệt tư tưởng chỉ đạo hành quân, công tác chính trị bảo đảm kỹ thuật xe phải tốt. Tăng cường rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt trên đường đi “Biển đường hành quân thành thao trường luyện tập”. Phát huy sự lãnh đạo

của các tổ chức Đảng nhất là các chi bộ đại đội), rèn luyện đảng viên. Làm tốt công tác chính sách. Nắm chắc tình hình tư tưởng nội bộ, kịp thời phát huy ưu điểm, ngăn ngừa tiêu cực, làm tốt công tác chính trị trong một số hoàn cảnh hành quân. Phát động đợt thi đua từ 14-3 đến hết 30-4-1975 “Vì miền Nam ruột thịt”. Khẩu hiệu hành quân “Thần tốc”.

Ngày 14-3-1975, đúng 19 giờ 00 tôi làm việc với thủ trưởng Trung đoàn 206 để nhận một tiểu đoàn tăng cường cùng hành quân. Trung đoàn 206 mãi đến ngày 17-2-1975 mới nhận được nhiệm vụ. Như thế, Đoàn 275 gồm 2 tiểu đoàn của Lữ 215 và 1 tiểu đoàn của Trung đoàn -206 Quân khu 4, trang bị gồm xe tăng, xe thiết giáp và các xe bảo đảm.

Chúng tôi thông qua kế hoạch hành quân với tinh thần “đi thần tốc - kịp thời cơ”. Quãng đường hành quân dài 1.148 km từ Quảng Châu (Quảng Bình - đường 22) đến Bù Đốp (Sông Bé - đường 14). Chia làm 25 chặng, có 5 chặng trên đất Bắc: Quảng Châu, Sông Gianh, Ba Trại, Lệ Kỳ, Nam Long Đại. Nhập tuyến B tại Ngã tư Đất. 21 chặng đường Trường Sơn. Đến khi kết thúc cuộc chiến tranh đường hành quân có chiều dài 16.000 km với 5 tuyến dọc và 21 tuyến ngang.

Đơn vị hành quân theo 5 cung:

- Cung I: Quảng Châu - Lệ Kỳ: 157 km.

- Cung 2: Nam Long Đại - Bắc Sêvannong: 228 km.

- Cung 3: Canốt - Bắcvanong: 244km .

- Cung 4: Bắc San - Nam Sêrêpôc: 363km.

- Cung 5: Đắc Dam - Bù Đốp: 156km .

Đường Trường Sơn có ống dẫn dầu dài 3082 km, chia làm 12 trạm tiếp nhiên liệu: Sông Gianh, Nam Long Đại, Tân Lâm, Bắc Sêvanong, trạm giao liên 13, Bản Đam, Bắc San, Kô Bắc, Bản Phi, Jasups, Dăcdam, Công Tôn. Đoàn đến trạm Long Đại dừng 2 ngày để cố định bổ sung dầu, đạn...

Chặng 5 làm thủ tục nhập tuyến, bổ sung cho mỗi người hành quân 1 kg đường, ½ kg sữa bột. Chặng 8 nghỉ 1 ngày bổ sung lương thực. Chặng 13 nghỉ 3 ngày: 2 ngày cho bảo dưỡng cấp 2, 1 ngày rút kinh nghiệm. Từ chặng 16 trở đi bổ sung dầu vào ban đêm.

Kế hoạch hành quân rất tỉ mỉ và thực hiện cơ bản đúng. Đoàn hành quân thần tốc, diễn ra -khá quy củ, chính quy. Chúng tôi thừa hưởng những kinh nghiệm hành quân đường dài bằng xích sang Lào, vào B2, B3 trước đó. Thông thường ra chiến trường (xa nhất là B2) đi bằng nhiều phương tiện, chở bằng tàu hỏa, chở trên xe chở xe tăng (xe maz) nhưng phân nửa đường đi phải bằng xích. Đường dài từ 750km đến 2000km tận gần phân nửa giờ máy nổ. Công tác kỹ thuật phải đặc biệt chú trọng.

Kinh nghiệm cho thấy trên đường Trường Sơn trung bình 300km một đại đội T54 phải tiêu hao mất 10 - 12 tấn khí tài, việc tiêu hao nhiên liệu cũng lớn. Do đó việc bảo đảm nhiên liệu, khí tài nổi lên hàng đầu để cho xe đi đến đích. Về nhiên liệu Đoàn 559 đảm bảo đầy đủ. Đến trạm cứ đưa phiếu ra lãnh không bao giờ thiếu hụt. Cám ơn bộ đội xăng dầu 559. Chiến công của xe

tăng có phần đóng góp xứng đáng của các anh.

Ngày 15-3 Đoàn xuất phát. Tôi cùng bộ phận chỉ huy nhẹ trong đó có đồng chí Sửu - Tham mưu trưởng Đoàn M 26 Bộ Tư lệnh Thiết giáp (B2) đi trên một xe Vọt tiến (trung xa do Trung Quốc chế tạo) đi sau tiểu đoàn đầu. Hàng ngày các tiểu đoàn báo cáo bằng đài 15 W về cơ quan chỉ huy để xử trí.

Các đoàn đều có cán bộ kỹ thuật, trợ lý tác chiến tăng cường. Đi cuối đoàn có bộ phận thu dung, sửa chữa. Mỗi tiểu đoàn đều có khả năng sửa chữa thông thường. Có khi gặp trục trặc tôi phải quay lại xem xét và có biện pháp xử lý. Lượng thông tin hàng ngày đến phần nhiều là tình hình đường sá, cầu cống và kỹ thuật xe.

Mới đi một chặng mà Tiểu đoàn 1 có xe 955 ở bắc Thác Cóc vượt qua ngầm bị ngập nước. Cách Bản Đông 16 km xe 550 cháy cực bình điện. Xe 962 đến Lệ Kỳ sửa chữa xong nhưng thiếu dầu nhờn cho bộ máy ly hợp chuyển động. Xe 432 (của đại đội trưởng Đại đội 12) cách trạm 13 khoảng 33 km bị cháy ổ bi “ghita”, xe 442 xe của tiểu đoàn trưởng) bị cháy đai hãm lớn ở khu vực H5 cách sông Bạt 20km, xe 968 mất 4 ốc ly hợp chuyển hướng...

Tôi không thể ghi ra đây hết mọi trường hợp nhưng tình hình từng xe hư hỏng đều được báo cáo về Sở chỉ huy và cho ý kiến xử trí. Nhật ký của tôi ghi dày đặc những sự cố đó. Có trường hợp khi đến nam Bản Đông thì gặp một cái cầu gỗ xe phải dừng lại không dám đi, sợ sập. Có 2 ý kiến: cứ chặt cây làm cầu vệt tăng cường để qua, ý kiến khác, cho chắc ăn làm ngầm bên cạnh, tốn công nhưng bảo đảm. Sau khi được điện tôi đến tại chỗ, họp bàn với anh em công binh nghiên cứu tìm cách khắc phục.

Tôi chui xuống cầu cùng với đại đội trưởng công binh thấy mồm cầu có chỗ rạn, cầu mỏng manh làm sao chịu được trọng lượng chiến đấu 36 tấn của xe T54. Chúng tôi quyết định sơ tán đội hình theo đường và làm ngầm vượt qua. Sau 5 tiếng đồng hồ anh em công binh mới làm xong. Xe đi đầu qua còn khó khăn, lại phải bạt bớt cho dốc thoải hơn, kê đá và gỗ vào chỗ đất xộp thì cả đoàn mới qua chót lọt.

Công tác bảo đảm đường sá hết sức quan trọng. Luôn luôn phải có công binh bên cạnh xe tăng. Công binh phải am hiểu tính năng của các loại xe tăng, thiết giáp để có cách bảo đảm kết quả nhất. Có một lần xe đến trạm K5 bắc T73 thì được báo cáo của một tiểu đoàn không có phiếu lãnh dầu nhờn tại trạm bắc Sê Sụ.

Tôi cử một cán bộ kỹ thuật lấy xe tô “vọt tiến” quay lại để kiểm tra cụ thể vì sao không lãnh được dầu nhờn, đồng thời đem phiếu dự trữ để dùng khi cần thiết. Phải quay lại trạm K5 bắc ngã ba đường 8 - bắc Sê Sụ mất gần 100km, phải vượt qua đèo Ăng Bun ở km 7 - 13 đường 22. Lái xe tỏ ra ngại và báo cáo là xe tô đến thời kỳ bảo dưỡng 2, phải nghỉ tại trạm để điều chỉnh, thay dầu mỡ nên không đi được đi trở lại xe sẽ phải nằm lại dọc đường. Tôi nghi ngờ về tình hình đó vì xe mới lãnh tại sao lại nhanh đến mức bảo dưỡng 2? Xem đồng hồ km tôi báo lái xe là chưa đến thời kỳ bảo dưỡng 2 vì xe mới chạy được hơn 2000km, phải đến 2700 - 3000 km hành trình mới phải bảo dưỡng. Lái xe biết mình bị chỉ huy không được nên đành phải đi.

Câu chuyện thật nhỏ nhặt nhưng lại cho tôi một bài học không nhỏ trong cuộc đời người cán bộ làm công tác Đảng ở một Binh chủng chiến đấu bằng phương tiện kỹ thuật. Người chiến sĩ lái xe tô kia vì ngại gian khổ phải đi về trên đoạn đường Trường Sơn 100km, đã che giấu sự ngại gian khổ bằng lý do kỹ thuật. Nếu người cán bộ lãnh đạo chỉ huy không am hiểu kỹ thuật sẽ gặp khó khăn ra sao trong trường hợp cả đoàn xe chỉ có 1 xe tô để chỉ huy.

Không khí chiến thắng của chiến trường động viên, đoàn 275 nâng cao tốc độ, hành quân đi cả ban ngày trên một số chặng. Với tinh thần thần tốc, đoàn đến đích vượt kế hoạch thời gian với tỷ lệ 93% xe. Vừa đến nơi, đoàn lao vào chuẩn bị chiến đấu trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Sau 2 ngày giao nhận tại Bù Đốp, các tiểu đoàn hành quân tham gia chiến đấu ngay. Tiểu đoàn 1 hành quân theo đường Tráng Bom, Xuân Lộc. Tiểu đoàn 2 theo đường Hậu Nghĩa - miền Tây (232). Tiểu đoàn 3 tăng cường cho Quân đoàn 4. Sau khi đại bộ phận đến đích tôi đến ngay Đoàn M 26 (Bộ Tư lệnh Thiết giáp B2). Anh Mười Tân (tức Bùi Tân) phó Chánh ủy đoàn đưa tôi gặp anh Lương Văn Nho tham mưu phó B2 tại Bộ tham mưu vào tối 16-4-1975.

Ngày 17-4-1975 tôi đến Cục Chính trị gặp anh Nguyễn Văn Quảng (Năm Phòng) Cục phó Cục Chính trị Miền, báo cáo tình hình và trao đổi công việc. Tôi không có giấy tờ gì giới thiệu của Tổng cục Chính trị mà chỉ điện cho B2. B2 đang đợi tôi. Sau đó tôi được bổ nhiệm Chánh ủy Bộ Tư lệnh Thiết giáp B2 (Đoàn 26), được chỉ định là Bí thư Đảng ủy. Anh Mai Văn Phúc, ra Bắc chữa bệnh vừa vào làm Tư lệnh.

Chúng tôi họp Đảng ủy Đoàn và phân công anh Mai Văn Phúc - Tư lệnh đi cánh Đông (Quân đoàn 4), Tôi - Chánh ủy cùng anh Thọ - Phó chủ nhiệm chính trị đi cánh Tây. Trước đó anh Phạm Hà Hải - phó Tư lệnh đoàn cùng anh Lê Như Hòa, Tham mưu phó đoàn đã đi cánh 232. Tôi đuổi theo và gặp nhau trên đường tiến quân.

Thế là vừa đến nơi, tôi đi ngay chiến dịch. Tôi tranh thủ ghé qua Cục Hậu cần Miền gặp anh Hai Vĩnh cục phó Cục Hậu cần Miền, báo tin sức khỏe mẹ nhưng anh Hai Vĩnh đã đi với cánh Quân đoàn 4. Cơ quan chuẩn bị cho tôi một chiếc xe Jeep lấy ở Phước Long nhưng tình trạng kỹ thuật không đảm

bảo, tôi đã đổi cho anh Phùng ở Tây Nguyên vào một chiếc xe khác tốt hơn. Tôi và anh Thọ - Phó thủ nhiệm cùng đi Anh em đã chuẩn bị cho tôi cái võng 2 lớp để chống lại muỗi ở Đồng Tháp Mười.

Từ căn cứ Minh Hòa tôi sang Samát đến Lò Gò nghỉ đêm tại ven rừng Nhúm Tây Ninh. Hôm sau đến Tà Nết (rừng mỏ vẹt Campuchia). Chiều hôm đó có mấy người bạn Campuchia lấy nước thốt nốt tươi từ trên cây xuống cho chúng tôi giải khát. Bộ đội từ xa đến, bảy ngày phải đưa đơn vị đến vị trí tập kết chiến đấu trong khi đóng quân cách xe hàng trăm km. Tất bật chuẩn bị mọi mặt để kịp xuất phát.

Tôi và các anh Lê Như Hòa, Thọ đến một số phân đội để phổ biến kinh nghiệm. của số đơn vị xe tăng qua tấn công trong hành tiến từ Buôn Mê Thuộc vào. Đó là kinh nghiệm hành quân, chiến đấu rừng núi, còn đây là hành quân, tác chiến vùng đồng bằng nhưng dù sao cũng có nhiều bổ ích. Từng phân đội phải phát huy tính chủ động cao.

Hướng cánh quân 232 có 3 tiểu đoàn xe tăng và 1 đại đội độc lập. Tổng cộng 80 xe, phần nhiều là xe tăng bơi và Thiết giáp, chia làm 2 mũi: Một mũi cùng với Sư đoàn Bộ binh 3 đánh chiếm bàn đạp phía đông sông Vàm Cỏ Đông, giải phóng tỉnh Hậu Nghĩa và ngoại Ô Sài Gòn. Một mũi cùng Sư đoàn bộ binh 9 thọc sâu vào Sài Gòn đánh chiếm trạm ra đa Phú Lâm, trường đua Phú Thọ, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát và hợp điểm chiếm Dinh Tổng thống nguy quyền, Một đại đội phiêu thuộc cho Sư đoàn 5 vượt qua Đồng Tháp Mười cắt đường 4 không cho địch từ Sài Gòn về Mỹ Tho. Lần đầu đưa lực lượng lớn hành quân tác chiến vùng đồng bằng sông rạch, các đơn vị thiết giáp đã chủ động, đảm bảo kỹ thuật.

Đêm 27, rạng 28-4 bộ binh đánh địch ở An Hiệp trong 4 giờ liền không dứt điểm. Nhưng khi Đại đội 33 với 9 xe tăng, xe bọc thép M41 , M113, K63,

PT85 bơi qua sông Vàm Cỏ bước vào chiến đấu, sau 2 giờ chiếm được An Hiệp. Địch Xô nhau chạy về rừng Dầu Tân Mỹ, xe tăng đuổi theo diệt hơn 70 tên, bắt nhiều tù binh, 10 giờ 45 phút ngày 29-4- 1975, giải phóng hoàn toàn thị xã Hậu Nghĩa, sau đó tiến nhanh về Đức Hòa, cùng với đơn vị bạn giải phóng toàn tỉnh.

Đơn vị thọc sâu phối thuộc cho Sư đoàn 9 bí mật vượt qua sông Vàm Cỏ Đông, tiến theo đường 10, qua kênh Cầu Sáng đánh địch ở Tây Nam Sài Gòn. Chiếc xe tăng đi đầu của Đại đội 6 vừa tiến lên thì cầu sập, các xe tăng khác phải bơi qua sông chi viện cho bộ binh chiếm trạm ra đa Phú Lâm vào 8 giờ sáng ngày 30-4-1975, phát triển sang chiến trường đua Phú Thọ.

Đại đội 3 quay lại theo đường 9A vượt qua cầu Bông, chi viện Trung đoàn 2 bộ binh Sư đoàn 9 diệt và đánh tan rã 2 tiểu đoàn biệt động ở Vĩnh Lộc. Sau đó tiến vào ngã tư Bảy Hiền vào lúc 8 giờ 30 phút cùng với xe tăng của Quân đoàn 3 đánh địch.

Đại đội tăng 5, lúc 10 giờ 15 phút ngày 30-4-1975 cùng bộ binh chiếm Biệt khu Thủ đô (nay là cơ quan Bộ chỉ huy Quân sự thành phố). Đến 11 giờ 42 phút Đại đội 5 tiến vào dinh Tổng thống ngụy quyền và hợp điểm với xe tăng Quân đoàn 2 ở đây.

Trước đó khoảng một giờ, hồi 10 giờ 45 phút, chiếc xe tăng số hiệu 843 thuộc Lữ đoàn 203 do đại đội trưởng Bùi Quang Thận xông vào dinh Độc Lập và kéo lá cờ giải phóng lên đỉnh cột cờ. 12 giờ Đại đội 5 chiếm Tổng nha Cảnh sát ngụy.

Ở hướng Tây nam, ngày 28-4-1975 Đại đội 45 Tiểu đoàn Thiết giáp 23 thực

hiện cuộc hành quân vô cùng gian khổ và dũng cảm vượt qua Đồng Tháp Mười. Trong 4 ngày xe tăng sa lầy 49 lần. Bộ binh, công binh cùng với nhân dân tích cực bảo vệ cho xe cơ động. Muốn tìm một đoạn tre về đóng cọc chống lầy có khi phải đi xa 4-5km. Có đoạn đường 6km phải lót bằng cánh cửa, cột nhà để xe tăng đi qua. Đại đội xe tăng bơi trên 20km trên sông Vàm Cỏ Tây và ngày 30-4-1975 đã nổ súng đánh tan một giang đoàn địch bắn chìm một tàu, thu toàn bộ giang đoàn gồm 14 chiếc, bắt sống chỉ huy và trên 170 lính ngụy.

Đây là một trận thủy chiến có một không hai trong lịch sử Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Sau đó xe tăng hành quân tắt qua cánh đồng bất ngờ đánh chợ Thăng Yên, vượt kinh Ba Lèo, giải phóng Tân Hiệp, cùng trung đoàn bộ binh làm chủ Tân An - Bến Lức.

Các đơn vị biệt động Sài Gòn phối hợp với các đơn vị Thiết giáp, nhân dân chủ động làm công tác liệt sĩ. Ngày 30-4-1975 trong trận chiến đấu tại ngã tư Bảy Hiền, liệt sĩ được đưa vào cánh đồng Tân Bình chôn cất. Các mục tiêu phân công cho cánh Tây Nam đều thực hiện tốt. Chỉ tiếc là hành động chậm không kịp cầm cờ Dinh Tổng thống ngụy quyền.

Sau chiến dịch, ngày 6-7-1975 Đảng ủy và Bộ Tư lệnh cánh quân 232 nhận xét: “Trong chiến dịch Bến Cầu và chiến dịch Hồ Chí Minh... Đoàn 26 đã có quyết tâm cao, tinh thần tấn công tốt, ra sức khắc phục khó khăn. Tuy chưa có kinh nghiệm chiến đấu bằng xe tăng ở chiến trường đồng bằng sinh lầy, phải vượt sông sâu nhưng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy vai trò đột kích của xe tăng tấn công các mục tiêu quan trọng”.

Thế là sau 33 năm tôi trở lại Sài Gòn. Quang cảnh đã khác xưa, vùng ngã tư Bảy Hiền lúc bấy giờ còn trồng cao su. Vùng Tân Định đêm năm còn nghe tiếng ếch nhái kêu, nay đường sá rộng rãi, nhà cửa mọc lên san sát. Nhân dân

đổ ra đường, cờ Giải phóng rợp phố. Xe tôi lướt nhanh qua các đường phố. Đại thắng nhưng Sài Gòn vẫn giữ được nguyên vẹn, không bị tàn phá vì bom đạn.

Sài Gòn với Bến Nhà Rồng, nơi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước sẽ được xây dựng lại “Đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, xứng đáng với tên lịch sử “Thành phố Hồ Chí Minh”.

Nhân kỷ niệm ngày giải phóng miền Nam

Thành phố Hồ Chí Minh 30-4-2003.

V N.H

CHUYỆN VỀ MỘT CHIẾN SĨ LÁI XE TĂNG

Thiếu tá An Ngọc Phong

nguyên Phó chủ nhiệm chính trị

Trung đoàn xe tăng 206 - Quân khu 4

Mùa đông năm 1986, tôi có dịp vào thăm Thành phố Hồ Chí Minh, may mắn tôi gặp lại người chiến sĩ lái xe tăng của tiểu đoàn cũ, anh Lê Tuấn Khang. Năm ấy Khang đã là cán bộ của Trường Sĩ quan Hải quân. Năm 1999, về dự họp mặt nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày truyền thống Binh chủng Tăng Thiết giáp ở cái nôi: Núi Đanh, Khang vắng mặt.

Qua bạn của Khang tôi được biết Khang bận vì đã mang hàm đại tá trên cương vị mới. Tôi rất mừng và thầm chúc cho anh, người chiến sĩ lái xe tăng năm xưa hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Tôi hoàn toàn tin như thế và nhớ lại

câu chuyện người chiến sĩ lái xe tăng vô kỷ luật trên 30 năm về trước.

Năm 1972, tôi đang làm nhiệm vụ trợ lý Tuyên huấn ở Đoàn 10 (nay là Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp) thì nhận được quyết định về công tác ở Trung đoàn 207, đơn vị mới thành lập trung đoàn 207 nay là Trường đào tạo Hạ sĩ quan Tăng - Thiết giáp). Ngày đó trung đoàn 207 có hai Tiểu đoàn: Tiểu đoàn 10 và Tiểu đoàn 11, cả hai tiểu đoàn đều được trang bị cả xe tăng T54 và xe lội nước K63. Trung đoàn đóng quân ở Cam Lâm. Làng thuộc huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Tôi về nhận nhiệm vụ Chính trị viên tiểu đoàn 11, Tiểu đoàn chúng tôi trú quân ở làng Hương Ngọc, xã Hương Sơn.

Năm 1972, cuộc tấn công chiến lược của quân và dân ta đang thắng lợi lớn trên khắp các chiến trường, đặc biệt tin tức về thắng lợi của các trận đánh có xe tăng tham gia như: ở Quảng Trị, Đắc Tô, Tân Cảnh ở Tây Nguyên, trận Xa Mát, trận Lộc Ninh ở miền Đông Nam Bộ, trận Tiên Phước trên chiến trường khu V .v.v...

Các tin tức thắng trận của bộ đội xe tăng làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ chúng tôi. Mọi người hồi hả chuẩn bị xe, pháo, cả ngày lẫn đêm tiếng máy nổ xe tăng, tiếng búa đóng chốt xích chan chát như thôi thúc chúng tôi lên đường ra trận...

Trong không khí nhộn nhịp ấy, anh em đùa nhau:

- Thời cơ lên đường đến rồi, không mau chân thì khi vào tới nơi chỉ còn việc đi thu nhặt xe tăng của địch tháo chạy bỏ lại...

Một hôm đại tá Nguyễn Thế Lâm, Tư lệnh Binh chủng xuống kiểm tra tiểu đoàn. Đứng trước hàng quân đồng chí Tư lệnh hỏi:

- Đơn vị đã sẵn sàng nhận nhiệm vụ chưa?

Cả tiểu đoàn hô to:

- Tất cả đã sẵn sàng chờ lệnh!

Đồng chí đại tá Tư lệnh trao cho tôi một phong thư dán kín và dặn tôi phải trao tận tay cho anh Mai Văn Phúc. Ngày đó anh Mai Văn Phúc đã được giao nhiệm vụ chỉ huy trưởng lực lượng xe tăng Nam Bộ (B2).

Đối với tôi từ ngày tốt nghiệp Học viện xe tăng ở Trung Quốc về nước và công tác ở Trung đoàn xe tăng 202; đời anh Bộ đội cụ Hồ ai mà không mơ ước được đi chiến đấu, riêng tôi sao thấy mơ ước ấy nó xa vời thế, trên chục năm trời vẫn “hành quân” loanh quanh khu vực Núi Đanh với bao cái tên thân thương nhưng quá quen như: Thanh Lan, Trung Mậu, Đồng Oanh, Xóm Mới, Trường bắn Cam Lâm, Bãi Lái... Nay cầm bức thư, cùng tiểu đoàn xe tăng vào tận chiến trường Nam Bộ, thật còn gì sung sướng hơn, thật là tin vui như “mở cờ trong bụng”.

Tôi chưa biết “mở cờ trong bụng” nó ra sao, nhưng thời gian ấy tôi chỉ muốn đứng ở đỉnh núi Đanh mà hét thật to lên: thời cơ ra chiến trường đã đến rồi nằm trong tay rồi, trong tầm tay rồi...

Không khí lên đường thật nhộn nhịp, hào hùng... nhiều chiến sĩ mới được bổ sung, các lớp bồi dưỡng chuyển Binh chủng cho cán bộ do trên bổ sung về mở liên tục ở Đoàn 10.

Trong đợt bổ sung quân ngày đó, có một chiến sĩ đã được đào tạo thành chiến sĩ lái xe tăng cấp I, tên là Lê Tuấn Khang. Khang quê ở thị xã Thanh Hóa, là sinh viên Đại học Kiến trúc năm thứ 4, nhà có hai anh em. Khang là anh, em gái tên là Lê Thị Linh. Cả hai anh em đều xếp bút nghiên lên đường nhập ngũ. Khang là chiến sĩ lái xe tăng, còn Linh là chiến sĩ thông tin.

Sau những ngày chuẩn bị khẩn trương, sôi nổi, ngày 12-12-1972 làm lễ xuất phát. Trước ngày lên đường đồng chí tiểu đoàn trưởng đưa cho tôi bản danh sách các chiến sĩ lái xe tăng đã được cấp trên chuẩn y cho đi vào chiến trường dịp ấy. Trong danh sách lại không có tên lái xe Lê Tuấn Khang, vì lý do Khang là con trai độc nhất của gia đình, hơn nữa Khang đã học năm thứ 4 đại học, nên trên để lại vì chính sách...

Thật lòng tôi muốn để Khang đi, vì anh là một chiến sĩ lái xe tốt cả về kỹ thuật lẫn tư cách, lại tháo vát, thông minh, nhưng trên đã phê duyệt, tức là mệnh lệnh, biết làm sao được. Rồi công việc bận rộn đã hướng mọi chú ý của tôi vào việc hành quân.

Tối ngày 12-12-1972 Tiểu đoàn Tăng - Thiết giáp chúng tôi hành quân ra bến Phà Mía (sông Hồng). Phà Tự hành của công binh đã đón đợi. Thực ra xe K63 của tiểu đoàn hoàn toàn có thể tự bơi qua sông, vì để tiết kiệm giờ máy nổ của xe nên chúng tôi qua sông bằng phà.

Phà qua sông, tôi ngồi trên tháp pháo xe tăng, gió và hơi nước từ mặt sông

thối tới. Mặc dầu là mùa đông, tôi vẫn thấy mát dịu nhìn lên trời trắng tỏa một màu vàng dịu, mờ mờ, ảo ảo... Tôi thấy đẹp quá, và thầm hát: “Đường ra trận mùa này đẹp lắm, Trường Sơn Đông nớ Trường Sơn Tây...”

Lên Bến mía, chúng tôi hành quân vòng qua thị xã Sơn Tây lên Hòa Bình rồi vượt dốc Cun. Trên đường hành quân qua đồi núi chập chồng, dưới ánh trăng lúc mờ, lúc tỏ, những tia sáng đèn gầm của xe thiết giáp lúc sáng, lúc tắt... Một cảm giác yêu quê hương, đất nước tràn ngập trong lòng, tôi thấy Tổ quốc mình sao êm đềm, đẹp dễ thế... nhưng tại sao quân xâm lược Mỹ lại đến đây tàn phá, reo rắc đau thương trên đất nước thanh bình này...

Tôi vỗ mạnh tay lên xe tăng tưởng như đang quất mạnh vào hông con mãnh hổ, bắt nó tăng nhanh tốc độ, xốc tới chiến trường... Nơi đó bao bàn tay đang vẫy gọi, bao giọt nước mắt đang chờ mong... Trên đường hành quân, tiểu đoàn chúng tôi đã vượt qua bao địa danh, mà chiến tích đã đi vào các bản trường ca bất tử như: Đèo đá đẽo, bến phà Xuân Sơn, bến phà Long Đại, ngã ba Đồng Lộc... Đêm thứ 3 chúng tôi đã đến địa điểm tập kết là Nông trường cà phê Sông Hiếu.

Sáng sớm hôm sau đồng chí Chính trị viên Đại đội 1 đến gặp tôi, nhìn thái độ có vẻ lúng túng của anh nhất là qua lời báo cáo:

- Báo cáo Thủ trưởng lái xe Lê Tuấn Khang đã trốn trên xe K63, để theo đơn vị hành quân vào đây. Đồng chí ấy nhất định xin đi chiến đấu cùng đại đội. Tôi thấy hơi bức, tại sao một chiến sĩ đi theo đơn vị tới 3 ngày mới báo cáo. Trong tâm trí tôi lúc đó có hai lập luận giằng co, phản bác lẫn nhau: Ý thứ nhất. Lái xe Khang đã không chấp hành mệnh lệnh là hành vi “vô kỷ luật”, còn cán bộ mãi tới ba ngày mới báo cáo, là hành vi bao che. Một ý khác phản bác lại: Thông thường trốn ở lại hậu phương nay trốn hậu phương để ra tiền tuyến chiến đấu, sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc là việc làm rất đáng khen! Phải

chẳng đó là điều đáng trân trọng của những thanh mẫn có dũng khí, có lòng yêu nước?

Vâng, cái lý lẽ thứ 2 đã chiến thắng, tuy không chấp hành mệnh lệnh là có thiếu sót, song phải trân trọng lòng yêu nước cao cả ấy, nên tôi giữ vẻ bình thản nhìn Khang. Thấy Khang cầm cuộn giấy trên tay tôi nói: Thế nào đã làm bản tự kiểm điểm rồi à? Tôi cầm cuộn giấy ở tay Khang, một mẩu chì than ở tay Khang rơi xuống đất, tôi mở cuộn giấy ra và ngạc nhiên. Chẳng có dòng chữ nào cả, mà đó là một tập ký họa Khang vẽ, nào là cảnh: Đội hình xe thiết giáp hành quân dưới trăng, nào là cảnh vượt ngầm, sang phà, cảnh chiến sĩ xe tăng vui hát... Phía trên là cái tên: “Đường ra trận”. Tôi thấy yêu người chiến sĩ tài hoa ấy, nhìn vào mặt Khang thấy lấm lem dầu mỡ... Thấy tôi im lặng nhìn Khang, anh Huy - chính trị viên đại đội, đỡ lời cho Khang. Anh nói:

- Thừa thủ trưởng trong quá trình hành quân, đồng chí Khang vẫn làm nhiệm vụ lái chính đấy ạ!. Thế là rõ, toàn thể Đại đội 1, từ cán bộ đại đội đến chiến sĩ đều bảo vệ, bao che cho Khang hành quân cùng đại đội vào chiến trường.

Tôi thầm nghĩ, đơn vị có những cán bộ, những chiến sĩ như thế này chắc chắn nhiệm vụ nào cũng hoàn thành xuất sắc, song tôi vẫn cố giữ thái độ nghiêm, nhưng giọng nói đã dịu: “Thôi hai đồng chí hãy về đại đội tham gia bảo dưỡng xe, việc này Ban chỉ huy tiểu đoàn sẽ xem xét”.

Nhìn theo người chính trị viên đại đội ôm vai lái xe Khang đi về đại đội như đôi bạn, tôi thấy lòng mình ấm áp...

Do tình hình chiến trường có diễn biến mới nên nhiệm vụ của Tiểu đoàn cũng thay đổi. Chúng tôi nhận được lệnh: sáp nhập vào Trung đoàn xe tăng 206

của Quân khu IV mới thành lập.

Cũng từ ngày ấy vụ việc chiến sĩ lái xe tăng Lê Tuấn Khang trốn theo đơn vị, cũng để trôi theo thời gian, và thời gian chắc chắn là người phán xét công minh, chính xác. Tất cả chúng tôi đã gia nhập lực lượng: “ăn cơm bờ Bắc, đánh giặc bờ Nam”. Trong suốt thời gian ấy lái xe Khang vẫn là một chiến sĩ tốt, mọi nhiệm vụ được giao đều hoàn thành xuất sắc. Người chiến sĩ lái xe tăng “vô kỷ luật” ngày ấy, nay đã là đại tá lại nhận nhiệm vụ nặng nề: Chỉ huy trưởng một đơn vị Hải quân, có lẽ đó là điều cũng dễ hiểu phải không các bạn?

Tuyên Quang, ngày 2 tháng 9 năm 2003

A.N.P

(Thôn An Hoán, xã An Trường, huyện Yên Sơn , Tuyên Quang)

TÔI ĐI CÙNG LỮ ĐOÀN XE TĂNG 203

TRONG MÙA XUÂN TOÀN THẮNG

Đại tá Nguyễn Chí Tam –

nguyên phó Tư lệnh Kỹ thuật Quân đoàn 26

Phó tham mưu trưởng Binh chủng Tăng - Thiết giáp

Tháng 2-1975, đang làm hiệu phó trưởng Sĩ quan Tăng - Thiết giáp, tôi được gọi về Bộ Tư lệnh Thiết giáp giúp đỡ kiểm tra và chuẩn bị cho Lữ đoàn 215 đi làm nhiệm vụ. Sau ba tuần xuống Lữ đoàn, liên hệ với Quân khu 4, tỉnh Quảng Bình, Đoàn 559, một số binh trạm, quay lại Bộ Tư lệnh tôi xin phép nghỉ vài hôm.

Chiều về đến nhà, tôi đang chuẩn bị đi nằm thì nghe tiếng gọi ngoài cổng. Ra mở cổng, tưởng ai, hóa ra đồng chí Phí Văn Hải (thường gọi là Phi Hải, nay là Thiếu tướng nghỉ hưu ở Hà Nội), cán bộ đơn vị đến báo cáo cho biết phải về đơn vị ngay để cùng đi với Bộ Tư lệnh Binh chủng và một số cán bộ vào mặt trận Quảng Đà.

Chuẩn bị đồ đạc xong, tôi và đồng chí Phi Hải ra bờ sông. Đã qua nửa đêm phải nói khó với lái đò, ông mới vui vẻ chở chúng tôi qua sông. Xe Ô tô đã đợi ở bến đò, lên xe về đơn vị trời vẫn chưa sáng. Sáng ra gặp Tư lệnh Đào Huy Vũ nhận nhiệm vụ. Các anh em cùng đi đã chuẩn bị cho tôi mọi thứ như tăng, bạt, võng, quần áo, lương khô.

Đi chiến dịch lần này, đại diện Bộ Tư lệnh Binh chủng có hai anh Đào Huy Vũ, Tư lệnh ủy viên Thường vụ Đảng ủy và anh Đào Văn Xuân, Phó Chính ủy, phó Bí thư Đảng ủy và cán bộ 4 cơ quan: Tham mưu, chính trị, kỹ thuật, hậu cần. Đi cùng tôi có các đồng chí Cầu thông tin, Tính tác chiến, Chuyên cán bộ kỹ thuật, ngoài ra còn tổ cơ yếu, báo vụ.

Sáng 7 tháng 3, đoàn cán bộ lên đường, không ai nghĩ rằng đây là lần đi chiến trường cuối cùng trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Xe chạy cả ngày, nửa đêm 8 tháng 3 đến thung lũng A Lưới gặp Cơ quan Mặt trận đã ở đây. Sau khi giải phóng Huế, trước khi Lữ đoàn xe tăng 203 tấn công Phan Rang, tôi được Bộ Tư lệnh và Thường vụ Đảng ủy Binh chủng giao nhiệm vụ xuống làm trưởng phòng Tăng - Thiết giáp Quân đoàn 2, để làm tham mưu cho Bộ Tư lệnh Quân đoàn về sử dụng xe tăng trong chiến đấu.

Sau khi Lữ đoàn 203 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng Phan Rang và Phan Thiết, chiều 25 tháng 4 Lữ đoàn 203 nhận nhiệm vụ đánh tuyến phòng

thủ ngoài của địch, tiến vào thành phố Sài Gòn. Lữ đoàn sử dụng Tiểu đoàn 2, phối thuộc cho các đơn vị bộ binh: Sư đoàn bộ binh 3 đánh chiếm Bà Rịa - Vũng Tàu; Sư đoàn 325 đánh chiếm Long Thành, thọc vào Phước Thiên, Nhơn Trạch; Sư đoàn 304 đột phá tuyến Nước Trong. 17 giờ ngày 26 tháng 4, sau khi pháo bắn chuẩn bị một phân đội xe tăng cùng bộ binh đánh vào Trường Thiết giáp ngụy.

Thế là 17 giờ ngày 26 tháng 4, bộ đội xe tăng đã được vinh dự cùng bộ binh và các đơn vị tham gia trận đánh mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đêm 26 và ngày 27: Sư đoàn 325 giải quyết xong Long Thành bắt gần 300 tù binh. Sư đoàn 3 đã giải quyết xong Bà Rịa. Sư đoàn 304 chưa giải quyết khu Nước Trong, vì địch ở đây rất đông: Lính dù, lính thủy đánh bộ, học viên các trường lục quân, thiết giáp... Ta, địch giành nhiều lần một trận địa.

Sáng ngày 28 các hướng Sư 325 và Sư 3 tiếp tục phát triển - Sư 3 sẽ chiếm Vũng Tàu, Sư 325 sẽ tiến về Nhơn Trạch, Tuy Hạ, phà Cát Lái, Sư 304 phát triển chậm và Trung đoàn 9 chiếm được Nước Trong đang đánh tiếp địch ở Ngã Ba, Trung đoàn 24 cũng tiến chậm.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn chủ trương hướng Sư đoàn 325 sẽ dùng Trung đoàn 46 đánh, Trung đoàn 101 chiếm Tuy Hạ, Cát Lái. Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 giải quyết bằng được cụm địch trước mắt, sau đó phát triển ra hướng sông Bôi cùng với Trung đoàn 24 phát triển ra cầu Xa lộ.

Lữ đoàn xe tăng 203 có nhiệm vụ: bố trí đội hình hàng dọc, nếu Sư đoàn 304 giải quyết xong sông Bôi, thì Lữ đoàn 203 và Trung đoàn 66 đánh chiếm Xa lộ Thủ Đức. Gặp địch phải đánh mở đường tiến vào Sài Gòn.

Trung đoàn 66 bổ sung bộ binh ngồi trên xe tăng, mỗi xe 10 người cho Đại đội xe tăng 5, số còn lại hành quân bằng Ô tô đi sau Lữ đoàn xe tăng 203. Đội hình tiến quân của Lữ đoàn 203, Tiểu đoàn tăng 1 tiếp theo là Tiểu đoàn tăng 4, lữ bộ cùng các Tiểu đoàn pháo, Tiểu đoàn cao xạ, Tiểu đoàn công binh, Tiểu đoàn thiết giáp 5.

Sáng ngày 29 tháng 4 đến 10 giờ sáng, Trung đoàn 9 vẫn gặp khó khăn, Sư đoàn 24 giải quyết cũng không dứt điểm. Thiếu tướng Nguyễn Hữu An - Tư lệnh Quân đoàn ra lệnh cho tôi tổ chức ngay một bộ phận trinh sát tình hình phía trước. Chuẩn bị lên đường thì có lệnh dừng lại, Trung đoàn 9 và Đại đội xe tăng 5 đã diệt hết quân địch đang cản đường. Xe tăng ta đã bắn cháy bốn xe tăng M48 của ngụy bắt sống một xe M41. Tiến ra cầu sông Buông thì cầu đã bị địch phá sập.

23 giờ đêm ngày 29 tháng 4, cầu sông Buông chữa xong. Lữ đoàn xe tăng 203 tiến lên theo đường 15 về Sài Gòn. Đội trinh sát đến ngã ba Đông Nam khu Long Bình gặp địch, ta nổ súng, địch bỏ chạy vào căn cứ. Pháo binh địch bắn vào đội hình tiến công của Lữ đoàn. Xe thiết giáp đến ngã ba Sa lộ - đường 15 dùng B40, B41 (súng bắn xe tăng cầm tay) diệt một xe M41, một xe bọc thép M113.

24 giờ ngày 29 tháng 4 Lữ đoàn tiến đến cầu sông Đồng Nai. Địch dùng pháo, xe tăng từ phía tây cầu bắn vào đội hình. Trên cầu 4 xe M113 của ngụy dàn hàng ngang bắn chặn. Xe tăng của ta tiêu diệt hết, xe địch bốc cháy lửa lan trên mặt cầu. Lữ đoàn triển khai chiến đấu điện về Quân đoàn xin pháo binh chi viện. Tư lệnh Quân đoàn bảo tôi “Phải đốc các anh Tài (Lữ trưởng) và Tùng (Chính ủy lữ) tiến nhanh không chần chừ”, anh viết thư tay cho lữ đoàn kèm theo bản sao thư tay của Tư lệnh Quân đoàn 2 - Nguyễn Hữu An). Địch ngoan cố chống cự, đến 5 giờ toàn bộ lữ đoàn vượt qua.

Địch hai bên đường vẫn chống cự, ta diệt một xe chở đầy quân nguy. Phân đội đi trước đánh quân địch ngăn chặn ở ngã ba Thủ Dầu Một.

5 giờ 30 xe tăng đến Thủ Đức. Địch bắn vào đội hình xe tăng. Lữ đoàn dùng các loại hỏa lực, cả pháo phòng không 37mm, hạ thấp nòng trực tiếp bắn thẳng vào quân địch. Ta diệt đài quan sát pháo binh địch đặt trên tháp nước Trường Cảnh sát Thủ Đức. Một xe thiết giáp K63-85 của ta sau khi tiêu diệt nhiều địch bị súng chống tăng của chúng bắn cháy. Tôi lên đến nơi đã cùng anh em cứu chữa thương binh và nhờ đồng bào giúp giải quyết tiếp.

Tiểu đoàn xe tăng 1 đuổi sát quân địch rút chạy. Địch chạy dạt sang hai bên đường, các xe đi sau của lữ đoàn quay súng sang hai bên đường diệt nhiều địch. Đến gần cầu Rạch Chiếc ta diệt thêm một xe M48. Từng tốp địch vứt vũ khí trang bị ra hàng. Dọc đường ngổn ngang xe pháo địch.

Khoảng 7 giờ 30 tháng 4 phân đội đi trước đến cầu Sài Gòn. Địch cho cả xe tăng, pháo binh ngăn chặn quyết liệt Tiểu đoàn xe tăng triển khai chiến đấu, Tiểu đoàn trưởng Ngô Nhữ nhô người ra cửa tháp pháo quan sát và bị địch bắn, anh đã hy sinh. Bốn xe tăng của ta lần lượt bị trúng đạn, một số chiến sĩ bị thương và hy sinh. Ta tập trung hỏa lực bắn trả nhưng khó trúng vì cầu hình cong.

Khoảng 7 giờ 45 ta diệt nhiều ụ súng và bộ binh địch trên cầu. Trên sông Sài Gòn tàu chiến địch xuất hiện. Đại đội 3 và 4 triển khai bắn tàu địch, đến 9 giờ 30 Đại đội tăng 3 vượt cầu, Đại đội tăng 4 xen vào đội hình Đại đội tăng 3. Đến cầu Thị Nghè, hai xe tăng M41 của địch ra ngăn chặn, ta diệt ngay 1 chiếc.

Xe tăng ta tiếp tục tiến, Đại đội 4 đã vượt lên trước Đại đội 3, tiến đến dinh Tổng thống ngụy. Xe 843 của đại đội trưởng Bùi Quang Thận, đi trước không húc sập cửa và không dùng pháo xe tăng bắn, dừng lại trước cổng phụ vì đã nhìn thấy nhiều người lố nhố ở trong sân. Đại đội trưởng Đại đội xe tăng 4 Bùi Quang Thận rút cờ giải phóng ở trên xe 843 chạy thẳng vào dinh. Xe 390 của chính trị viên Vũ Đăng Toàn đi sau húc đổ cửa chính tiến vào sân, thấy Bùi Quang Thận chạy vào dinh, xe 390 dừng lại yểm hộ. Một số xe sau cũng lần lượt vào sân dinh Độc Lập.

Bùi Quang Thận được một người dẫn lên sân thượng, hạ cờ ngụy, kéo cờ giải phóng lên, lúc đó khoảng hơn 11 giờ.

Chính ủy Bùi Văn Tùng tiến vào chỗ Dương Văn Minh bị giữ, buộc Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và dẫn Minh ra Đài Phát thanh Sài Gòn tuyên bố đầu hàng. Anh Bùi Văn Tùng đã thay nặc Quân giải phóng tiếp nhận đầu hàng của Tổng thống Sài Gòn Dương Văn Minh.

Chiều 30 tháng 4 tôi vào dinh Tổng thống ngụy, vào chỗ văn phòng tôi nhặt một cặp lưu công văn đệ trình Tổng thống, cũng chẳng có thời gian xem những công văn gì, tôi bỏ công văn ở bàn lấy cái cặp làm vật lưu niệm. Lên chỗ phòng có lẽ là phòng khánh tiết, tôi nhìn thấy các Bộ trưởng, Thủ tướng của chính quyền ngụy ngồi nằm la liệt trong phòng.

Chiều 30 tháng 4 các xe tăng vào dinh Tổng thống đã rút ra ngay trước cửa dinh. Đồng bào đã vây quanh các xe tăng, bao nhiêu câu hỏi đồng bào đặt ra nào là miền Bắc có được tự do không? Có no không? Nào là phải lấy vợ chung à? Cưới chung à? Có được tự do lấy vợ không? Sao nói Quân giải phóng trên rừng khổ lắm, ăn không no, mặc không lành? Tôi ôn tồn giải

thích. Những người có mặt reo lên “Có thể chứ, có thể chứ...”.

Chúng tôi mỗi người nhận được một túi quà có một khăn mặt, một miếng xà phòng thơm, một bàn chải và một hộp thuốc đánh răng, kèm theo mảnh giấy đề “Thân tặng những chiến sĩ đầu tiên vào giải phóng Sài Gòn”. Chuyện trò không dứt, có một người đến nói nhỏ vào tai tôi: “Các bác, các chú cũng phải đề phòng địch đấy”. Tôi cảm ơn, nhắc cán bộ đơn vị chú ý.

Đồng bào vẫn vây chặt quanh xe, có lẽ cả đêm ấy quân, dân, đều không ngủ. Đêm đó, tôi cũng không ngủ, mà ngủ làm sao được, nghĩ mông lung, nghĩ đến những lần hành quân vào B, dọc đường gặp đồng bào thường hỏi: “Chú ơi, bao giờ miền Nam giải phóng”. Ngày đó tôi làm sao trả lời trước, nhưng các cụ, các ông, các bà, các cháu ơi! Hôm nay mọi người đã được câu trả rồi đó. Ngày 30 tháng 4 năm 1975 miền Nam thân yêu đã hoàn toàn giải phóng rồi!”.

Ngày 1 tháng 5, Lữ đoàn 203 rút về căn cứ Long Bình. Đoàn cán bộ tập trung trong sân bay Biên Hòa, ở đúng chỗ phái đoàn liên lạc của ta ở.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Bộ Tổng Tư lệnh đã sử dụng xe tăng với lực lượng lớn nhất ở tất cả các hướng chiến dịch. Tôi nhớ lại lời dặn của anh Nguyễn Hữu An, Tư lệnh Quân đoàn 2 khi tôi quay lại đón 2 tiểu đoàn xe tăng nằm lại ở Đà Nẵng: “Cố đưa xe tăng vào càng sâu càng tốt. Nó vào chậm, giờ nổ súng của Quân đoàn có thể bị chậm lại”.

Tôi viết bài này để nhớ tới anh, một người chỉ huy tài năng và những đồng đội dũng cảm của tôi - những người lính xe tăng, thiết giáp. Những con người đã góp phần xây dựng nên sáu chữ vàng chói lọi: “Đã ra quân là đánh thắng”.

Thị xã Sơn Tây

30-4-2003

(ĐT. 034. 836780)

ĐỔI MẶT VỚI XE TĂNG M48 CỦA ĐỊCH

Bùi Đức Thống,

nguyên trung đội trưởng Trung đội 1,

Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn xe tăng 273

Đầu năm 2003, tôi và anh Phong có dịp vào thăm thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đến Hoóc Môn, Củ Chi, nơi tiểu đoàn xe tăng chúng tôi đã chiến đấu trên trục đường 14, tiến vào đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu ngụy quyền Sài Gòn, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (4-1975).

Chúng tôi mắt nhắm lệ khi thắp hương cho các liệt sĩ của tiểu đoàn hy sinh trong chiến đấu ngày ấy. Đứng trước những nấm mộ nơi các anh yên nghỉ tôi nhớ đến từng anh. Anh Trường chính trị viên Đại đội 1. Anh Tự, Đại đội trưởng Đại đội 1. Anh Khoát lái xe tăng. Anh Thắng pháo thủ xe tăng. Các anh đã anh dũng hy sinh ngay trên đường phố Sài Gòn trước giờ toàn thắng, tôi bồi hồi nhớ lại những ngày chiến đấu cách đây gần 30 năm...

Tiểu đoàn xe tăng chúng tôi nguyên là Tiểu đoàn 297 thuộc Lữ đoàn xe tăng 203, Bộ Tư lệnh Tăng Thiết giáp, sau khi tham gia chiến dịch đường số 9 Nam Lào, cuối năm 1971, đơn vị được điều vào Mặt trận Tây Nguyên (B3) khi trung đoàn xe tăng Tây Nguyên được thành lập, mang tên: Trung đoàn 273, Tiểu đoàn 297 được đặt tên là Tiểu đoàn 1 nằm trong biên chế của trung đoàn.

Trên Mặt trận Tây Nguyên tiểu đoàn đã tham gia các trận đánh: Giải phóng Đắc Tô, Tân Cảnh trong chiến dịch xuân hè 1972. Các trận: Buôn Mê Thuộc, Cheo Reo, Phú Bổn, Tuy Hòa mùa xuân 1975.

Sau trận Tuy Hòa tiểu đoàn được lệnh tiến quân vào tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Lữ đoàn 273 nằm trong biên chế Quân đoàn 3 và vinh dự được đảm nhiệm mũi tiến công quan trọng: đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu quân ngụy Sài Gòn.

Vào hồi 4 giờ 30 phút ngày 29'4-1975 tiểu đoàn được lệnh xuất kích. Bầu trời như rực lửa. sau khi Đại đội xe tăng 9 đánh chiếm được Củ Chi - Cầu Bông, chiếm mặt đường 14 bỏ qua các mục tiêu khác trên đường tiến quân lao thẳng tới mục tiêu chủ yếu: Sân bay Tân Sơn Nhất.

Trên quãng đường 60km tiến quân, anh Nguyễn Xuân Trường, chính trị viên đại đội luôn nhắc chúng tôi bám sát đội hình, tăng tốc độ tiến quân. Đến 14 giờ Trung đội xe tăng 1 chúng tôi đến căn cứ Quang Trung. Căn cứ này có 13 nghìn tên. Tại đây địch chống cự rất quyết liệt.

Trời bỗng đổ mưa, nhưng chúng tôi vẫn thấy oi bức, cái nóng hừng hực của trận đánh, nhưng mưa nặng hạt đã hạn chế tầm nhìn qua kính chỉ huy, do đó các trưởng xe đều phải mở cửa chỉ huy, nhô người khỏi tháp pháo để quan sát... mũ công tác bị ướt đầm nên hệ thống thông tin qua mạng vô tuyến trong xe bị nhiễu, đội hình tiến công bị chậm lại.

Trước tình hình khó khăn ấy, chính trị viên đại đội Nguyễn Xuân Trường đã chỉ huy xe tăng của mình vọt lên dẫn đầu đội hình đại đội, anh mở cửa chỉ

huy, nhô mình ra ngoài tháp pháo vẫy tay ra hiệu cho Trung đội 1 chúng tôi khẩn trương tiến quân.

Thấy hành động của người lãnh đạo của Đảng như vậy (anh là Bí thư Chi bộ), chúng tôi thấy rõ việc phải làm vào cái thời điểm khó khăn và khẩn trương ấy, nhưng đúng lúc ấy anh Trường đã trúng đạn của quân thù. Người thanh niên quê lụa Hà Tây, dũng cảm tháo vát ấy đã anh dũng hy sinh. Anh vẫn đứng trên ghế chỉ huy và phần thân trên gục trên tháp pháo... Một “dáng đứng Việt Nam” thật oai hùng...

Cầm thù quân giặc và vô cùng xúc động về tấm gương dũng cảm của anh - người Bí thư Chi bộ Đảng. Qua máy nói xe tăng, tôi hét lên “Xe tăng lao lên! Hãy trả thù cho anh Trường”.

Tập trung hỏa lực tiêu diệt ổ đề kháng Quang Trung, xốc tới sân bay Tân Sơn Nhất. Trời vẫn đổ mưa rào, tầm nhìn vẫn bị hạn chế song không thể ngăn cản nổi sức tiến công của xe tăng, tiếng gầm rú của động cơ xe tăng vang lên, có lẽ các lái xe đã “đạp chân dầu hết cỡ”.

Phải chăng tiếng gầm rú của động cơ xe tăng và đạn pháo xe tăng nổ vang trời vào lúc đó là tiếng hét căm hờn đang dồn nén trong con tim chúng tôi đã bùng lên dữ dội. Căn cứ Quang Trung đã bị đập tan tành, quân địch hoảng loạn quăng súng đạn, mũ, áo, giày dép tháo chạy toán loạn.

Đến 1 giờ Đại đội xe tăng 1 chúng tôi đã đến gần sân bay Tân Sơn Nhất. Chúng tôi được lệnh “Tạm dừng, triển khai đội hình chiến đấu” mưa đã tạnh, trên bầu trời máy bay ngụy di tản, tiếng rền vang như kêu khóc, chúng tôi chờ đợi các trận đánh hôm sau: 30-4-1975.

Hồi 3 giờ 00 ngày 30-4-1975, tiểu đoàn triệu tập cán bộ Đại đội 1 chúng tôi, để giao nhiệm vụ và bàn phương án chiến đấu. Đại đội chúng tôi vẫn làm nhiệm vụ đi đầu đội hình chiến đấu của tiểu đoàn, còn trung đội 1 do tôi chỉ huy đi đầu đại đội.

Tuy được sự giúp đỡ chỉ đường của nữ chiến sĩ biệt động thành phố Nguyễn Thị Trung Kiên, song cách sử dụng xe tăng đánh trong thành phố vẫn còn là điều rất ngỡ ngàng đối với chúng tôi, do đó phương châm tác chiến là: Tiến chắc, đánh chắc”.

Trước mắt mục tiêu là đánh chiếm ngã tư Bảy Hiền, Lăng Cha Cả, đó là các điểm phải đột phá, để mở cửa tiến đánh sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu ngụy. 5 giờ 00 trung đội tôi được lệnh xuất kích. Trung đội có 4 xe tăng, đi theo đội hình chữ chi và cách xa nhau để có thể yểm trợ bằng tất cả các loại hỏa lực cho xe đi trước.

Đi đầu trung đội là xe Đại đội trưởng - anh Tư, tiếp sau là xe 985 do anh Hoat chỉ huy, thứ ba là xe 890 do tôi chỉ huy, xe cuối cùng do anh Thuận chỉ huy. Đường phố lạng ngật như ngạt thở, pháo binh của ta đang “cấp tập” từng đợt vào căn cứ địch. Thịnh thoảng có vài tên lính ngụy chạy, có lẽ đó là những tên lính trinh sát tình hình.

Đến 6 giờ 30 Đại đội 1 chúng tôi đã đến ngã tư Bảy Hiền. Chúng tôi tạm dừng xe quan sát. Chưa thấy gì khả nghi, xe của Đại đội trưởng Tư rẽ trái tiến về phía Lăng Cha Cả. Lúc này 2 xe tăng M48 ở các ngách mới nhô ra chặn đánh. Xe Đại đội trưởng Tư bị trúng đạn bốc cháy. Thế là ngày 29-4-1975 chính trị viên Đại đội 1 của chúng tôi hy sinh khi đánh căn cứ Quang Trung, còn ngày 30-4- 1975 đại đội trưởng Tư của chúng tôi lại hy sinh tại ngã tư Bảy Hiền.

Các xe tăng 985 và 890 triển khai bắn xe tăng M48 của địch. Anh Mai Văn Hoạt chỉ huy xe tăng 985 phán đoán: Địch phục kích ở khu vực bệnh viện Vì Dân (nay là bệnh viện Thống Nhất) nếu không diệt phân đội xe tăng M48 phục kích ở đó thì khó vượt được ngã tư Bảy Hiền. Anh Hoạt dùng máy nói trong xe báo cho tôi, yêu cầu bắn yểm trợ, rồi bất ngờ xe tăng 985 của anh rẽ phải, quả nhiên 2 xe tăng M48 của địch phục kích đã nhô ra và bắn trượt qua mũi xe tăng của anh. Tôi quan sát thấy 1 xe tăng M48 của địch nhô đầu ra khỏi góc phố. Đến đây có thể nhiều bạn đọc ngày nay chưa thể hình dung tình thế khẩn trương lúc xe tăng của ta “mặt đối mặt” với xe tăng địch ngày ấy.

M48 của Mỹ là loại xe tăng mạnh nhất ngày đó của ngụy quân. Trọng lượng chiến đấu là 45 tấn, cỡ pháo 90 milimét vỏ xe bằng thép dày từ 76 đến 100 milimét, tổng xe có 4 tên. Còn xe T54 của ta trọng lượng chiến đấu 36 tấn, cỡ pháo 100 milimét nếu dùng đạn xuyên thép thì có thể bắn mục tiêu cao 2m50 ở cự ly xa nhất là 1.000 mét.

Như vậy hoàn toàn có thể dùng đạn xuyên thép diệt xe tăng M48 của địch, song cự ly quá gần, hơn nữa chắc chắn xe tăng M48 phục kích xe tăng ta, nên chúng đã lắp sẵn đạn xuyên thép rồi. Vì vậy lúc đó, nếu ta ra tay chậm hơn kẻ địch chỉ 1 giây thôi thì sẽ bị địch bắn trúng và chắc chắn cả kíp xe khó tránh khỏi thương vong.

Trong giây phút đó, tài của người chỉ huy ở chỗ phải quyết đoán và ra tay thật nhanh trước khi địch kịp ra tay. Qua máy vô tuyến tôi chỉ nghe anh Hoạt hô to: Lái xe, tăng tốc lao thẳng vào xe tăng quân thù”.

Chiến sĩ lái xe tăng Phùng Văn Tính hiểu ý chỉ huy anh nhấn mạnh chân dầu,

gạt cần sang số điều khiển xe tăng T54 lao thẳng vào đầu xe tăng M48. Qua kính chỉ huy tôi quan sát thấy chiếc xe tăng T54 của ta như con mãnh hổ chồm lên mũi xe tăng M48. Còn xe tăng M48 của địch như bị con sư tử oai hùng vừa ngoạm cổ, vừa dùng móng vuốt tát một cái chí mạng. Rồi xe tăng M48 rung động mạnh và chạy lùi.

Quá hoảng loạn chiếc xe tăng M48 lùi vào mặt tiền của 1 căn nhà, căn nhà ụp xuống đổ cả đồng gạch, vữa của căn nhà đè lên xe tăng M48, những tên lính M48 vừa bắn trộm kia, đã vội chui qua cửa xe thoát hiểm ở gầm xe, chạy biến mất trong đồng gạch đổ nát.

Thừa thắng, toàn Trung đội 1 chúng tôi và các Trung đội 2, Trung đội 3 ào ào lao lên. Đến 10 giờ 30 đơn vị đánh chiếm Lăng Cha Cả, rồi tiến vào sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu ngụy. Sau những trận đánh tiếp đến 11 giờ 00 ngày 30-4-1975 quân ta đã làm chủ chiến trường. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng.

Gần 30 năm đã trôi qua, khi viết lại những dòng này, tôi chỉ muốn thả nhang cho đồng đội của mình đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Vũ Thư - Thái Bình

30-4-2003

HÁT VỀ ANH HÙNG HOÀNG THỌ MẠC

Nhạc và Lời : Vũ Trang

Đại tá phó chủ nhiệm chính trị BTL Lãng Bác Hồ,

nguyên chiến sĩ D66, E202

LỮ ĐOÀN XE TĂNG 203

ĐÁNH CHIẾM PHỦ TỔNG THỐNG NGUYỄN QUYỀN SÀI GÒN

Đại tá Nguyễn Tất Tài

nguyên Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn

xe tăng 203 - Phó tư lệnh Binh chủng

Lữ đoàn xe tăng 203 nằm trong đội hình chiến đấu của Quân đoàn 2, cùng với Quân đoàn tham gia cuộc tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Trung tuần tháng 3, đơn vị xe tăng phòng thủ Cửa Việt tham gia giải phóng hai huyện còn lại của tỉnh Quảng Trị. Tiếp đến lữ đoàn tham gia giải phóng tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế.

Những ngày cuối tháng 3, lữ đoàn tham gia tấn công giải phóng thành phố Đà Nẵng. Để nhanh chóng tiến quân dọc duyên hải miền Trung, Lữ đoàn chia thành 2 bộ phận. Bộ phận nhẹ dễ dàng vượt qua các chướng ngại vật sông ngòi gồm các loại xe tang lội nước, xe bọc thép tiến quân gấp rút vào tham gia giải phóng tuyến phòng thủ Phan Rang bảo vệ Sài Gòn và Nam Bộ của

địch, sau đó tiếp tục tham gia giải phóng ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, và Bình Tuy.

Bộ phận nặng gồm các đơn vị xe tăng, hậu cần và kỹ thuật với tinh thần “thần tốc và quyết thắng” hành quân gần như liên tục suốt ngày đêm. Lính xe tăng phân công nhau chỉ huy, lái xe và ăn ngủ luôn trên xe. Mỗi ngày đêm xe dừng lại vài ba lần là để tiếp dầu, tiếp nước làm kỹ thuật và chuẩn bị cơm nước.

Bắt đầu hành quân đội hình kéo dài vì từng chiếc xe tăng phải vượt qua bằng phà trên bốn con sông lớn ở Quảng Nam, cầu bị địch phá sập. Sau đó tiếp tục khắc phục những cầu có trọng lượng thấp trên suốt quốc lộ 1. Chỉ trong vòng mấy ngày bộ phận nặng của lữ đoàn đã vượt qua gần 1.000Km tiến về Sài Gòn và 10 giờ ngày 24 tháng 4 vào vị trí tập kết chiến dịch Hồ Chí Minh đúng thời gian quy định.

Lữ đoàn đã dùng tiểu đoàn 2 xe tăng phối thuộc cho 3 sư đoàn bộ binh đánh chiến tuyến phòng thủ Sài Gòn ở phía Đông kéo dài trên 80km từ Bà Rịa - Vũng Tàu, Long Thành, Cát Lái đến Nước trong, Long Bình. Từ đêm 26 đến trưa ngày 29 tháng 4, tuyến phòng thủ mới được giải phóng hoàn toàn.

Để tấn công vào Sài Gòn với thời gian ngắn nhất, Tư lệnh Quân đoàn phối thuộc cho lữ đoàn một số đơn vị bộ binh, pháo binh, cao xạ, công binh tổ chức thành lữ đoàn cơ giới thọc sâu theo trục lộ 15 và xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn. Với nhiệm vụ trước mắt đánh chiếm phủ Tổng thống ngay quyền và nhiệm vụ tiếp sau là tiến theo quốc lộ 4 tham gia giải phóng Cần Thơ do Bộ chỉ huy lữ đoàn trực tiếp chỉ huy.

Trên đường tiến quân bị trở ngại vì địch rút chạy phá sập cầu sông Buông, đánh địch ở Long Bình và ngã ba Vũng Tàu nên 4 giờ sáng ngày 30'4 lữ đoàn mới qua cầu sông Đồng Nai. Bộ đội đặc công Nam Bộ do đồng chí Tăng Viết Dương chỉ huy đang chiếm giữ cầu lên xe tăng cùng hiệp đồng chiến đấu.

Địch bắt đầu dùng pháo bắn chặn vào đội hình lữ đoàn dọc theo xa lộ. Một đơn vị của lữ đoàn đánh chiếm căn cứ Thủ Đức (trường Cây Mai), tại đây chiếc xe tăng 707 chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và hy sinh đến người chiến sĩ xe tăng cuối cùng.

Mệnh lệnh tấn công gấp rút vượt cầu Sài Gòn. Hai xe tăng dẫn đầu đội hình tăng tốc độ vượt cầu đều bị xe tăng địch đứng bên tây vòm cầu bắn cháy. Đội hình xe tăng liền triển khai phía đông bắn chi viện để lữ đoàn tiếp tục tổ chức vượt cầu. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn xe tăng dẫn đầu đội hình là Ngô Văn Nhữ đứng thẳng người ở vị trí chỉ huy trên xe tăng, vừa dùng điện đài, vừa dùng ký hiệu bằng tay ra lệnh vượt cầu.

Một loạt đạn bên tây cầu bắn sang, anh bị trúng đạn ngã gục hy sinh trên tháp pháo. Lữ đoàn phó Trần Công Minh lên chỉ huy vượt cầu. Địch còn bắn hỏng 2 xe tăng nữa ở phía đông cầu nhưng đại đội 4 xe tăng do Bùi Quang Thận đại đội trưởng và Vũ Đăng Toàn, chính trị viên, chỉ huy đã vượt qua chiếm cầu. Địch chạy về ngã tư Hàng Xanh, xe ta bám sát và bắn cháy một xe tăng địch tại đây.

Địch ngoan cố ngăn chặn tại cầu Thị Nghè, ta bắn cháy một xe tăng và một xe thiết giáp. Trong mệnh lệnh chiến đấu lữ đoàn đã phổ biến đến ngã tư Hàng Xanh quẹo trái tiến theo đường Hồng Thập Tự (nay là Xô viết Nghệ Tĩnh) đánh chiếm 7 ngã tư quẹo trái là đến Dinh Độc lập, nhưng nhờ có đặc công Nam Bộ ngồi trên xe và biệt động Sài Gòn liên tục chỉ đường nên Lữ

đoàn đánh chiếm Phủ Tổng thống ngay bằng hai hướng: Theo đường Hồng Thập Tự và đường Thống nhất (nay là Lê Duẩn) do 2 xe tăng 843 của Bùi Quang Thận và xe tăng 390 của Vũ Đăng Toàn dẫn đầu.

Dạn súng bộ binh nổ vang trên các đường phố. Cờ vàng ba sọc vẫn trên nóc dinh Độc Lập. Pháo thủ xe 843 đề nghị trưởng xe ngắm bắn trực tiếp vào dinh vì không có dấu hiệu địch đầu hàng. Bùi Quang Thận bình tĩnh quan sát, hô tạm dừng, ra lệnh lái xe tăng tốc độ cùng với xe 390 húc đổ cổng sắt và nhanh chóng tiến vào dinh bắt sống Dương Văn Minh cùng toàn bộ nội các của y.

Thận nhảy xuống xe tay cầm cờ theo cầu thang nhanh chóng chạy lên nóc dinh xé bỏ lá cờ vàng ba sọc và kéo lá cờ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, lá cờ sao vàng nửa đỏ, nửa xanh mà lữ đoàn trao cho các xe tăng trên xe mình làm ký hiệu chiến đấu và sẽ cắm ở mục tiêu chiếm lĩnh.

Trên đường tiến quân Lữ đoàn được trên thông báo cho biết các cánh quân tiến vào Sài Gòn đang đánh chiếm các mục tiêu quy định và tin cho biết ở miền Tây Nam Bộ, địch vẫn đang chống cự. Lữ đoàn trưởng Nguyễn Tất Tài, các lữ đoàn phó Trần Minh Công, Dương Xuân Tụ điều chỉnh đội hình bao vây quanh dinh để phòng địch phản kích, phái một đơn vị ra đánh chiếm cảng Sài Gòn. Chủ nhiệm chính trị Lê Minh chỉ huy công việc trông dinh.

Để quân đội và chính quyền ngay nhanh chóng tan rã, Chính ủy Lữ đoàn Bùi Văn Tùng bắt Dương Văn Minh ra Đài Phát thanh Sài Gòn đọc bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện do anh thảo ra và tuyên bố chấp nhận sự đầu hàng của tướng Dương Văn Minh. Tổng thống chính quyền Sài Gòn đã tuyên bố đầu hàng trên Đài Phát thanh Sài Gòn. công bố trong cả nước và thế giới lúc 13 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Các trận đánh kết thúc chiến tranh, ngoài các đơn vị phối thuộc cho bộ binh, Lữ đoàn đã tổ chức thành nũi thọc sâu của Quân đoàn được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong những trận chiến đấu quyết liệt cuối cùng này Lữ đoàn cũng đã bị thiệt hại và thương vong ở mức cao.

Sau đó vài ngày, Trung tướng Lê Trọng Tấn, Tư lệnh chỉ huy cánh Đông, đi kiểm tra các trận đánh, tại Cầu Sài Gòn đồng chí đã khen ngợi Tiểu đoàn 1 xe tăng chiến đấu dũng cảm nhanh chóng chiếm cầu và cảm xúc trước sự hy sinh anh dũng của tiểu đoàn trưởng Ngô Văn Nhữ vài giờ trước lúc kết thúc cuộc chiến tranh lâu dài này.

Trong cuộc họp quân chính cấp sư, lữ đoàn, Quân đoàn trưởng Thiếu tướng Tư lệnh Nguyễn Hữu An đã chuyển lời khen của các đồng chí chỉ huy chiến dịch đến Bùi Văn Tùng đã kịp thời thảo bản đầu hàng buộc Dương văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện và đồng đặc đọc lời chấp nhận đầu hàng của người chiến thắng.

Kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh, Lữ đoàn xe tăng 203 được tặng cờ đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Quốc hội tuyên dương đơn vị Anh hùng và thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất.

Hà Nội

30-4-1990

N.T.T

VẾT XÍCH XE TĂNG TRÊN ĐẤT NƯỚC CHÙA THÁP

CÒN IN ĐẬM TRONG TÔI

Thượng tá Nguyễn Tiến Thương

nguyên Phó chủ nhiệm Chính in

Lữ đoàn xe tăng 273

Sau khi được đào tạo thành cán bộ chỉ huy xe tăng cấp trung đội ở Đoàn 10 (Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp ngày nay), tôi được giao nhiệm vụ đội trưởng đội chiếu bóng của Binh chủng, đến tháng 7-1970 được nhận nhiệm vụ Phó Chính trị đại đội xe tăng 2, Tiểu đoàn xe tăng 1, Trung đoàn xe tăng 203. Tháng 7 năm 1970 tiểu đoàn được lệnh lên đường, chuẩn bị cho chiến dịch đường số 9 Nam Lào mang phiên hiệu mời Tiểu đoàn 297.

Đầu năm 1971, sau khi tham gia chiến dịch đường số 9 Nam Lào, Tiểu đoàn 297 được điều vào chiến trường Tây Nguyên (B3) và nằm trong biên chế của Trung đoàn Xe tăng Tây Nguyên, phiên hiệu là Trung đoàn 273. Bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Trung đoàn 273 được tăng cường lực lượng và tổ chức thành Lữ đoàn 273 và nằm trong đội hình Quân đoàn 3.

Trong quá trình chiến đấu ở Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh, Lữ đoàn xe tăng 273 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân lần thứ nhất ngày 3 tháng 6 năm 1976. Nhiều cán bộ, chiến sĩ được khen thưởng huân chương, v.v. Một số được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang như các anh: Bùi Đình Đột, đại đội trưởng Đại đội xe tăng 7, Đoàn Sinh Hưởng, đại

đội trưởng Đại đội 9, Trần Hùng Vách, trung đội trưởng thuộc Đại đội xe tăng 6. Anh hùng Đoàn Sinh Hưởng sau này được đảm nhiệm cương vị Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp (1993 - 12-2003).

Tổ quốc Việt Nam ta vừa giành được hòa bình độc lập và thống nhất, thì vào năm 1977, bè lũ diệt chủng Pôn Pốt đã từ Campuchia vượt qua biên giới, thâm nhập vào lãnh thổ nước ta, chúng đã gây ra vụ thảm sát đẫm máu ở Sa Mát (tỉnh Tây Ninh) từ đây những dải xích xe tăng của Lữ đoàn 273 cùng nhiều đơn vị xe tăng B2 (M26), lại chuyển động trên con đường bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc Việt Nam.

Với tinh thần quốc tế cao cả, cán bộ chiến sĩ xe tăng cùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, sát cánh, kề vai cùng lực lượng yêu nước của nhân dân Campuchia anh em tiến hành cuộc chiến đấu nhằm tiêu diệt tận gốc bè lũ khát máu Pôn Pốt để giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn “diệt chủng”. Vết xích xe tăng lại trải dài trên đất nước Chùa Tháp anh em.

Đầu năm 1979, quân tình nguyện Việt Nam, hợp đồng cùng lực lượng vũ trang yêu nước Campuchia, mở cuộc tiến công vào sào huyệt nơi cơ quan đầu não bọn diệt chủng đang chiếm đóng: Thủ đô Phnôm Pênh. Thời gian này tôi đảm nhiệm chức vụ: Phó chủ nhiệm Chính trị Lữ đoàn xe tăng 273. Tôi đi cùng đội hình thê đội 2 của Lữ đoàn.

Sau khi xe tăng vượt sông Kông Pông Chàm, tiến tới ngã ba Scun, thì được tin Phnôm Pênh đã được giải phóng, đại tá Nguyễn Quốc Thước - Phó Tư lệnh Quân đoàn 3 lệnh cho tôi và anh Nguyễn Văn Thiều, cán bộ phòng Tác chiến: đưa xe tăng phối thuộc cho Sư đoàn bộ binh 10, nhanh chóng chuyển hướng chiến đấu, phát triển theo quốc lộ 6, đánh chiếm tỉnh Kông Pông Thơm, Xiêm Riệt, truy kích bọn đầu sỏ Pôn Pốt cùng bộ phận cố vấn của chúng đang tháo chạy sang hướng Thái Lan.

Tất cả rầm rập lên đường truy kích địch. Quân ta tiến công như thế “chè tre”. Ngày 10-1 truy đuổi địch trên 100km giải phóng thị xã Xiêm Riết, khi đánh chiếm khu khách sạn 5 tầng lớn nhất, bọn địch hoảng loạn, không kịp thu dọn, chăn màn, quần áo vứt ngổn ngang, trên các bàn ăn, các món ăn sang trọng còn đang bày la liệt, trên các bếp vẫn còn nghi ngút khói.

Trước cảnh lộn xộn đó, tôi liên hệ đến bao cảnh tàn ác đau thương chúng đã đổ lên đầu nhân dân Campuchia và các chiến sĩ yêu nước, tôi chợt hiểu ra: Chúng tàn ác, khát máu, man rợ, khi trong tay chúng đầy vũ khí, trước những người dân không một tấc sắt trong tay, còn khi sắt thép đổ ập lên đầu chúng thì chúng chạy trốn, hoảng loạn như những con chuột cống sợ ánh sáng ban ngày...

Đang truy lùng tàn quân địch trong thành phố, chúng tôi được lệnh khẩn trương tiếp tục truy kích đoàn xe Ô tô của bọn đầu sỏ Pôn Pốt cùng cố vấn đang chạy về biên giới Thái Lan. Đại đội xe tăng 8 phối hợp với Trung đoàn bộ binh 28, của Sư đoàn bộ binh 10. Bộ binh ngồi trên xe vận tải bám sát đội hình xe tăng trên hướng đường truy kích địch.

Đến cầu Poi Pét, chúng đã phá cầu đoàn xe tăng truy kích không thể vượt sông. Quân ta thu được 12 xe du lịch loại sang trọng, nhãn hiệu “Mét-xe-đét”, trong một xe, chúng chạy quá vội, còn bỏ lại hộ chiếu mang tên một thủ lĩnh “Khơme Đỏ”: Yêng Xa Ry và nhiều tài liệu.

Thừa thắng lực lượng xe tăng cùng Sư đoàn bộ binh 10 tấn công đánh chiếm thị xã Bát Tam Bông. Ngày 13 - 3-1979 ta tiếp tục phát triển tiến công theo quốc lộ 5 đánh chiếm thị xã Pu Sát. Ngày 15-3-1979 ta làm chủ thị xã Pu Sát.

Sau đó chúng tôi được lệnh quay trở lại thị xã Bát Tam Bang để làm nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng của nhân dân; đồng thời truy quét tàn quân của bè lũ Pôn Pốt khát máu. Chỉ huy sở tiền phương của Lữ đoàn xe tăng 273, đóng trong tòa nhà lãnh sự của ngụy quyền Sài Gòn cũ. Lúc này nhân dân Campuchia chạy trốn bọn Pôn Pốt, cũng như số nhân dân bị chúng lừa đi theo đã thoát nạn lục tục kéo về thị xã Bát Tam Băng.

Nhìn những nét mặt, tuy còn đầy nét lo âu, sợ hãi nhưng đã rạng rỡ niềm vui. Quân tình nguyện Việt Nam đã làm hết sức mình để giúp bà con mau chóng trở lại quê hương, nói chuyện để bà con hiểu về Chính quyền Cách mạng và cuộc sống mới đang chờ bà con... Đối với đồng bào ở gần, chúng tôi cấp giấy chứng nhận để bà con đi thuận lợi. Đối với số ở quá xa, chúng tôi huy động xe Ô tô vận tải quân sự của quân tình nguyện giúp bà con hồi hương nhanh chóng.

Trên các nẻo đường, từng đoàn người tuy ăn mặc còn tiêu tụy, mặt mũi hốc hác đang hồi hả trở về, tốp thì ngồi trên xe có bò kéo, tốp thì xe đạp thồ, tốp thì gồng gánh, bồng bế trẻ thơ, Một cuộc hồi sinh đang trở lại với nhân dân và đất nước Campuchia anh em.

Đến cuối tháng 3-1979, chúng tôi được giao nhiệm vụ xây dựng chính quyền mới ở mấy “Phum” quanh thị xã Bát Tam Băng. Hàng ngày chúng tôi tổ chức các đội vũ trang đi bảo vệ lực lượng dân quân địa phương (dân quân, tự vệ được trang bị súng AR 15) cùng họ lần theo trục đường 10, đi sâu vào các cánh rừng để thu hồi thóc, lúa của dân bị bọn Pôn Pốt cướp, trước khi chúng tháo chạy, thu gom lại thành từng kho. Có ngày ta thu được tới 200 đến 300 bao thóc.

Số thóc thu được rất nhiều, chất đầy mấy ngôi nhà lớn. Số thóc thu được Ban công tác chúng tôi chia làm 3 phần: 30% bồi dưỡng cho lực lượng dân quân và người địa phương tham gia thu gom thóc, 20% dành lại để làm giống cho nhân dân sử dụng vào mùa sản xuất tới, còn 50% giao cho chính quyền “Phum” quản lý, dùng để trợ cấp cho các gia đình mới trở về còn khó khăn không có lương ăn, đặc biệt ưu tiên cho người già và trẻ nhỏ. Việc làm này được nhân dân Campuchia hoan nghênh và qua những công việc thiết thực như vậy bà con càng hiểu và tin yêu quân tình nguyện Việt Nam.

Chính quyền của “Phum” đã có, lực lượng “dân quân”, “tự vệ” người địa phương có vũ trang bảo vệ Phum làng. Qua những việc làm thiết thực cho cuộc sống của nhân dân, nên chúng ta đã tạo ra được lòng tin cậy giữa nhân dân với chính quyền và giữa nhân dân địa phương với quân tình nguyện Việt Nam. Nhân dân đã từng bước đứng lên làm chủ cuộc sống của mình.

Có vài lần, tàn quân Pôn Pốt lén lút trở về nhằm mục đích phá hoại, nhân dân đã kịp thời phát hiện và vây bắt chúng nộp cho chính quyền mới. Trong thời gian tham gia xây dựng chính quyền mới ở địa phương. Đoàn công tác của Lữ đoàn xe tăng chúng tôi đã gặp được bà “Má” người ở tỉnh An Giang (Việt Nam).

Má đã sang Campuchia làm ăn, sinh sống từ năm 1944. Má giúp chúng tôi rất đắc lực trong công việc phiên dịch. Má là cầu nối giữa chúng tôi và nhân dân địa phương. Chúng tôi rất quý mến Má, gọi má bằng cái tên rất chung và cũng rất riêng: “Má An Giang”.

Má không phải chỉ có phiên dịch, mà “Má An Giang” còn là một “tuyên truyền viên” đắc lực trong việc giải thích đường lối, chính sách của Đảng nhân dân Cách mạng Campuchia và sứ mệnh lịch sử của Quân tình nguyện Việt Nam trên đất Chùa Tháp. Chúng tôi biết ơn Má, vì chúng tôi làm tốt

công việc là có sự đóng góp của Má.

Viết đến đây, tôi bâng khuâng tự hỏi: “Má An Giang nay còn hay đã khuất, Má ở đâu? còn mạnh khỏe không?”. Những người lính tình nguyện, thuộc Lữ đoàn xe tăng 273 chúng tôi luôn nhớ đến Má.

Một chuyện nữa, chúng tôi không bao giờ quên, chuyện đó cũng giống như “vết xích xe tăng” trên đất Chùa Tháp, còn hằn sâu ở trong ký ức chúng tôi. Ở Bát Tam Bạng có rất nhiều chùa cổ, chúng tôi không rõ chùa đã xây dựng từ thế kỷ nào, trong chùa có nhiều tượng. Bà con Campuchia rất tôn sùng đạo Phật. Qua “Má An Giang” chúng tôi biết các ông, bà lớn tuổi trong “Phum” muốn được lên thị xã, vào chùa lễ Phật nhưng từ “Phum” lên chùa rất xa, khoảng 4 - 5 ki-lô-mét, tình hình an ninh chưa đảm bảo, chúng tôi lo đến tính mạng của nhân dân, nhất là bà con đã chịu bao đau khổ, tang tóc dưới thời Khmer Đỏ. Suy nghĩ như vậy tôi đã hỏi bà con, nhất là các cụ trong “Phum” xem có thể lễ Phật tại “Phum” được không?. Các cụ bảo được, nhưng không có Tượng Phật. Tôi đưa ra ý kiến với các cụ là “sẽ rước Phật ở chùa về ‘Phum’ để các cụ lễ”. Các cụ vui vẻ và chờ đợi ngày rước Phật về.

Tôi bàn với anh em, và được sự giúp ý kiến của “Má An Giang” chúng tôi đã chọn được một tượng Bồ Tát rất đẹp rước về một ngôi nhà to ở “Phum”. Má An Giang đã giúp chúng tôi mời các cụ đến lễ Phật. Khi các cụ đến tôi thay mặt đội công tác của Quân tình nguyện Việt Nam nói đôi lời văn tắt “Thế theo nguyện vọng các cụ, do đường lên chùa xa xôi, mà tàn quân Pôn Pốt còn lén lút phá hoại, chúng con xin rước Phật về “Phum” để các cụ đến lễ cho gần”. Tôi đến gần pho tượng mở tấm vải đỏ phủ lên tượng.

Mới giải phóng ở Campuchia không thể tìm đâu ra mảnh vải đỏ, mọi thứ đều bị bọn Pôn Pốt phá hết, do đó tôi đành lấy lá cờ Tổ quốc, lá cờ đỏ sao vàng thay vải đỏ phủ lên Tượng. Khi mở lá cờ phủ Tượng Bồ Tát ra, một sự ngẫu

nhiên rất kỳ lạ: ánh sáng từ ngoài sân hắt vào làm căn nhà bừng sáng, và ở chính ngay pho tượng hình như cũng có ánh hào quang tỏa sáng ra chung quanh. Các cụ đang quỳ, đều cúi rạp xuống vái lạy và râm râm, cầu khẩn.

Từ buổi đó, tối nào các cụ cũng đến lễ Phật, các cụ còn hỏi tên, tuổi, vợ con từng anh em trong đoàn công tác chúng tôi để cầu Phật “phù hộ, độ trì” cho. Sau các buổi lễ các cụ không bao giờ quên “chia lộc của Phật” cho chúng tôi. Riêng tôi các cụ gọi là “Lục Thum” - tức là ông lớn, các cụ dành cho tôi nhiều “lộc” hơn. Các cụ còn hỏi nơi đóng quân của bộ đội Tình nguyện Việt Nam để đến thăm, nhưng tình hình lúc đó còn phức tạp tàn quân Pôn Pốt còn lén về quấy rối nên tôi đành nói dối, các cụ là đơn vị ở xa lắm. Nói dối vì sự đảm bảo an toàn cho các cụ và nhân dân Campuchia.

Sau khi chính quyền cơ sở Bát Tam Băng đã ổn định, ngày 17 tháng 4 năm 1979 Lữ đoàn xe tăng 273 được lệnh cử một đơn vị phối thuộc cho Trung đoàn 866 thuộc Sư đoàn 31 đi truy quét tàn quân địch còn bám ở căn cứ Tà Sanh, sào huyệt cuối cùng của bè lũ Pôn Pốt trên đất Campuchia, giáp biên giới Thái Lan.

Thời điểm này đã sang tháng 5 dương lịch, ở Campuchia là cuối mùa khô, nắng như đổ lửa, không khí ngột ngạt nóng như “rang”, gió rất hiếm, nếu có gió thì là gió “Tây” như quạt lửa vào mặt. Nhìn cỏ cây chung quanh như nhuốm màu vàng úa, nhìn những “trảng” trống không có cây cối, không khí như bị nung nóng lên, trông như có những làn khói cuồn cuộn từ mặt đất bốc lên... Thật là ngột ngạt khó thở.

Có những thời gian truy quét địch liên tục hai ba ngày không gặp nguồn nước. Xe tăng vượt qua những cánh rừng “khôộc”, lá rụng khô khốc phủ kín mặt đất, xe tăng đi qua như đè lên những chiếc bánh đa đã nướng chín, tiếng lá nổ “rộp... rộp”. Mỗi mét đất xích xe tăng lăn qua là những phút lo lắng, nhưng may mắn không có xe nào chạm phải mìn chống tăng của địch...

Tuy là tàn quân, song là những căn cứ cuối cùng của chúng, nên chúng chống cự rất quyết liệt. Chúng có xe tăng T.59 (loại xe tăng sản xuất ở Trung Quốc). Lợi dụng địa hình hiểm trở, chúng bố trí nhiều cụm phòng thủ từ xa.

Trên đường tiến quân đến căn cứ Tà Sanh, phải vượt qua khu vực “đập nước”, đây là điểm “quyết chiến” rất ác liệt. Địch lợi dụng thế ở trên cao của bờ đập nước có xe tăng làm các ụ pháo cố thủ. Các xe thiết giáp của ta dùng súng ĐK 106mm bắn từng mục tiêu địch cố thủ để chi viện cho bộ binh ta tiếp cận tiêu diệt địch một cách vững chắc.

Căn cứ Tà Sanh địch phòng thủ khá mạnh, rất nhiều hầm có nắp chắc chắn che đỡ. Trên đường chúng rải rất nhiều mìn chống tăng. Ta phải tiến đánh từng “ụ phòng thủ”, có ụ ta phải chiến đấu tới hai tiếng mới diệt được...

Trước sức mạnh tiến công của ta, địch tháo chạy tán loạn. Ngày 17 tháng 5 năm 1979 ta làm chủ căn cứ Tà Sanh.

Tổng kết cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, Lữ đoàn xe tăng 273 được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang lần thứ II ngày 20 tháng 12 năm 1979.

Thời gian “thăm thoát thoi đưa”, mới ngày nào mà nay đã 25 năm trôi qua, tôi ghi lại những dòng này như là một nén nhang thành kính dâng lên các đồng đội của tôi đã anh dũng hy sinh vì non sông đất nước, vì sứ mệnh quốc tế cao cả, những đồng đội của tôi, những người lính xe tăng Anh hùng của Binh chủng Tăng - Thiết giáp Anh hùng.

Sơn Tây, tháng 7 năm 2003

(ĐT. 034. 832611)

NHỮNG MẢNH RỜI KỶ NIỆM

Lê Trí Dũng - Họa sĩ

Nguyên trợ lý Tuyên huấn

Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp

Thuở nhỏ, tôi lớn lên giữa một tủ sách. Đơn giản là mẹ tôi làm nghề bán sách báo. Học bài xong, tôi phải trông hàng giúp mẹ và lúc vắng khách, tôi ngốn hết các loại sách từ truyện thiếu nhi, tiểu thuyết dã sử Trung Quốc đến các loại nho, y, lý, số... tạp nham.

Trong số khách hàng quen của nhà tôi, có một chú bộ đội cao lớn, trán cao, cánh mũi nở, cặp môi cong hiền từ với giọng miền trong chân thật. So tuổi thì mẹ tôi như chị cả còn chú như em út. Chú thường nhờ mẹ tìm hộ những sách hiếm. Lần ấy trong lúc chờ chú đến lấy sách, tôi tò mò đọc: Sử nước Nam. Tập ấy là Kỷ nhà Trần, tôi thích nhất đoạn 1306 Trần Anh Tông nhân chuyến du chơi xứ Chiêm Thành, vui miệng hứa gả con gái là Huyền Trân công chúa cho vua Chiêm là Chế Mân, nào ngờ Chế Mân thích quá, đem 2 châu Ô, Lý làm lễ vật cưới hỏi... Tôi có ngờ đâu, cái “Ô châu ác địa” (tức Quảng Trị ngày nay) và chú bộ đội rất yêu văn học ấy chỉ mấy năm sau lại gắn sâu vào kỷ niệm đời lính của tôi.

Vào Do Linh: Hè năm ấy là một mùa hè đáng nhớ. Quảng Trị hình thành thế da báo, những trận đánh chống lấn chiếm ngày càng ác liệt. Hội nghị Paris vẫn giằng co. Tôi cùng người dưới cuộn tranh cổ động mang từ ngoài Bắc vào. Dưới cổ là cái máy ảnh và chiếc cặp vẽ. Lặng lẽ theo giao liên vòng

vo tránh bãi mìn, vào Lữ đoàn xe tăng 203. Hút tầm mắt là những bụi cây lúp xúp thẳng nào hơi cao là bị trái phá phạt cụt ngọn.

Lữ đoàn bộ tọa trên một quả đồi nhỏ ven rừng, tất cả đều chìm trong các nhà hầm sâu dưới đất. Hai người ra đón tôi: Hồng Chi và anh Tú. Chi, trẻ hơn tuổi rất nhiều với chiếc đài bán dẫn bên sườn, chiếc răng khểnh, hỏi luôn miệng đủ chuyện. Còn anh Tú, to lớn, chậm rãi (vừa từ Hải quân sang) thì lẳng lặng chỉ cho tôi chỗ nghỉ. Rồi hai người dẫn tôi đi tắm.

Giữa đất cằn Quảng Trị, ven đồi lại có một cái giếng lạ lùng. Gọi nó là một hốc nước thì đúng hơn, nó chỉ sâu khoảng 50cm, lính ta đã be bờ lên độ một gang tay, miệng giếng chỉ bằng cái nong, ấy thế mà nước trong vắt và không biết từ đâu đùn lên không ngừng.

Chúng tôi ở trần và kỳ cọ bằng đế dép cao su làm bằng lốp xe hơi cũ. Tôi nhớ mãi buổi tắm hôm ấy vì một chi tiết: Từ cái đài bán dẫn của Hồng Chi treo trên bụi sim gần đó đột nhiên phát một bản tin giật mình (ít nhất đối với tôi): “Ngày... tháng... năm 1973. Nhân loại đã mất đi một thiên tài, họa sĩ Pi-cat-sô đã từ trần...”.

Tôi ngẩng nhìn trời, một thẳng OV10 lướt qua, văng ra cái giọng lê nhè quen thuộc kêu gọi hồi chánh. Giữa cánh rừng đầy bom đạn những người lính tăng vẫn kiên cường, bình thản. Thế giới vẫn kỷ niệm ngày mất của Pi-cat-sô... Chi bảo tôi, chốc nữa lên gặp thủ trưởng Bùi Tùng, báo cáo tình hình và nghe kế hoạch...

Nhà hầm lữ bộ đẹp hơn các nhà hầm khác bởi bụi chuối rừng đang trổ hoa, dưới mái nhà hầm, một giò phong lan lung lẳng, chứng tỏ chủ nhân rất yêu

văn nghệ. Tôi ngẩng lên: Một người cao lớn, tươi cười, miệng hơi cong, cánh mũi nở và sau khi nghe lời hỏi thăm với giọng miền trong chân thật, tôi khẳng định ngay đó chính là người lính mê sách năm nào của mẹ.

Sau hồi báo cáo công tác là cuộc chuyện trò thân mật. Tôi ngó quanh, trên bàn đầy sách báo, dưới chân giường bằng tre là một cái hòm pháo cỡ lớn, đầy ắp sách, tôi liếc nhìn: “Chiến tranh và hòa bình”, “Bất khuất”, “Người mẹ cầm súng”, “Bông hồng vàng”... và kìa, “Sử nước Nam” mà ngày nào tôi đã từng nghiền ngẫm...

Lòng tôi trào lên một cảm giác khó tả; chúng ta đã đi vào cuộc chiến tranh này không phải chỉ bằng sức mạnh quân sự, gan dạ, hy sinh xương máu, mà còn bằng cả tri thức, văn hóa, trí thông minh, tâm hồn nghệ sĩ và kiến thức khoa học, bao nhiêu thầy giáo, kỹ sư, sinh viên đại học, và nhiều người trong số ấy đã hy sinh trước cửa ngõ Sài Gòn vào những ngày cuối cùng của chiến tranh...

Và tôi cũng không thể ngờ rằng: Người lính xe tăng yêu văn học ấy chính là Chính ủy Lữ đoàn xe tăng 203 Bùi Văn Tùng, người đang cùng đồng đội của mình đứng nơi đầu sóng ngọn gió Quảng Trị này lại là người mà 3 năm sau cùng đoàn quân giải phóng xông thẳng vào dinh Độc Lập - dinh lũy cuối cùng của kẻ thù - tiếp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của chúng, kết thúc cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ.

Ra Cửa Việt: Một người cao gầy, mặt dài, trán dô, vẻ gan góc với chiếc răng vàng hàm trên ra đón tôi. Một người nông dân mặc áo lính, gần anh, ta có cái cảm giác yên lòng giống như mỗi khi gần những người thiện tâm nhưng đầy nghị lực. Ngô Văn Nhỡ - Tiểu đoàn trưởng xe tăng là một người như thế. Tôi đã gặp bao nhiêu người như thế trên các nẻo đường chiến tranh?... Kiên cường, gan góc, bình dị... những điều đó làm kẻ thù rất khó nhằn, bất lực -

giống như bao người nông dân khác trên dải đất này - anh rất ít nói.

Sau khi trao đổi công tác là hỏi thăm các cụ nhà tôi rồi anh đưa tôi xuống từng xe và bảo: từ nay, cần gì ông cứ bảo anh em... và tôi cũng không thể ngờ rằng: Sáng 30-4-1975, ba năm sau lần gặp ấy, giữa lúc muôn phần khó khăn ở chân cầu Sài Gòn, chỉ còn vài giờ nữa thôi là chiến tranh kết thúc... Một tràng tiểu liên cực nhanh của một tên lính ngụy vô danh đã bắn trúng ngực anh trên tháp pháo xe tăng khi anh đang cùng đồng đội tìm cách vượt qua cầu.

Đêm đến, tháp pháo xe tăng là chỗ mọc một đầu vồng, đầu kia là những gốc phi lao cụt ngọn. Từ trên nhìn xuống, xe tăng giống như một bông hoa năm cánh mà nụ của nó là tháp pháo. Tôi lại nhớ đến bài hát truyền thống Bình chủng của Vũ Hữu (Hữu Thịnh).

Ban ngày, giữa những cồn cát bóng gan bàn chân của cái thôn Phó Hội này, đây đó nổi lên những công sự đắp cao bằng những bao cát của quân ngụy xếp làm chiến hào, xe tăng nằm sâu trong đó, có mái che, sẵn sàng chờ lệnh. Lính chúng tôi, lại dưới gầm xe tăng nữa, ôn luyện kỹ chiến thuật, đánh cờ tướng... ngêu ngao chờ đợi. Rất xa, con hào chống chiến xa rộng chừng 3m làm ranh giới hai bên ta - địch mà bên này cắm cờ nửa xanh nửa đỏ có ngôi sao vàng, còn bên kia là cờ vàng 3 sọc.

Lần đầu tiên trong chiến tranh, lính chiến hai bên tận mắt ngắm nhìn nhau mà... không làm gì cả! Chỉ đến đêm (thường về đêm) cuộc lấn chiếm mới xảy ra. Và khi ấy người ta mới thực bụng đả nhau bằng súng đạn. Sáng hôm sau, tôi chân trần chạy trên cát nóng sang bên kia chiến hào... Một con hình nhân khỏa thân vút chông chơ, vài tập Lây boi rách mướp, xa xa ngoài biển xanh mấy cái tháp pháo M41 nhô trên sóng nước, lũ trẻ hồn nhiên như không hề biết đến chiến tranh, trần truồng nhào lộn trên sóng... rừng phi lao ven bờ

cát hầu như hoàn toàn cụt ngọn, chỉ còn những khóm xương rồng là vẫn nở hoa vàng...

Tôi vẽ lại cánh rừng phi lao, chụp lại bãi xe địch, và ngoái nhìn biển xa: Nếu ta cứ đi mãi bằng thuyền ra khơi, ra mãi... ngày nào đó ta sẽ tới bờ bên kia: đó là Ca-li-phoóc-ni-a, là Săng-phrăng-xit-cô là Lốt-ăng-giơ-lét... là đất của những kẻ đang gieo rắc đau thương lên mảnh đất này, có thể ngày nào đó, tôi sẽ đến đó chẳng? Có thể lắm chứ? nhưng chắc chắn tôi sẽ đến với những bức tranh, chứ không phải là súng đạn.

Lên A Sầu: Rồi Triệu Phong, tôi còn lên A Sầu, A Lưới... Còn chứng kiến bao điều lạ từ những cánh rừng thiêng, những đỉnh đèo huyền thoại ở Trường Sơn, nơi vách núi trập trùng, vực sâu thăm thẳm, nơi những người lính tăng ở có bao chuyện lạ lùng: Con đường độc đạo chỉ vừa một thân xe, hai xe trước đi qua không việc gì, xe thứ ba trúng mìn... Tôi ngồi lại, lấy bút chì và sổ tay ghi lại vách núi ấy, vách núi mà một năm sau đã đi vào bức sơn mài “vượt trọng điểm” của tôi, và nhận ra trên bản đồ đã chiến trong sổ tay đường vĩ tuyến A Sầu đã thấp hơn ở Huế, chỉ còn cách Quảng Nam vài cây số đường rừng. Nơi đây đồng bào Pakôh sống là chủ yếu.

Tiềm thức xa xôi qua cát truyện cổ tích của Tây Nguyên trong tôi là nhà Rông, là Chiêng, Ché, là khăn, khố, rượu cần, là những đêm lễ hội... Nhưng không, tôi chui vào một “nhà sàn”, gọi là nhà sàn thì quá, là một túp lều thì đúng hơn... cầu thang đeo tay dẫn lên một sàn nhà chỉ cao chừng 80cm, nền đất lũng bống phân, bùn. Ba hòn đá làm bếp, tròng teng vài quả bầu, vài túm ngô trên gác bếp, trong góc nhà, dăm ba cái quần áo cũ, lẫn lóc mấy cái guì... Mùi hôi khẳm xông lên không thể nào chịu nổi... cách vài trăm mét mới có một nhà khác, còn lụp sụp hơn. Tối thui. Trong góc nhà, vài đứa trẻ gầy quắt, mắt thao láo... Tôi nghiêng chặt hàm răng, cuộc sống như bầy Xà-niên 1 thế này, sao lòng dân lại xả hết cho cách mạng như thế...?

Từ đây, nếu lấy thước kẻ đặt một đường ngang sang bên phải, là Đà Nẵng đang ầm ầm thác loạn của nhịp sống đô thị, xa chút nữa là bán đảo Sơn Trà dưới gót giày quân Mỹ... Bao giờ các em bé kia được ăn no, được mặc? Chứ chưa dám nghĩ đến học, đến ánh sáng điện đèn... Tôi cởi thiếc áo lính đã cũ và để lại số lương khô mang theo... một em bé gái chạy theo tôi, nói líu lo điều gì đó, và dúi vào tay tôi một cây đàn bằng gỗ nhỏ, cần đàn có phím gắn bằng đũa-ra máy bay Mỹ, dây đàn là bốn sợi dây cước trong suốt hộp đàn được khoét bằng tay... Một cây đàn Ta-lơ nhỏ bé của một cô gái Pakoh tặng tôi...

Đằng sau em, trong ánh chiều tà của dãy Trường Sơn, ráng chiều A Sầu ấy là những khuôn mặt gầy quắt vì đói ăn, mắt mở to của đám trẻ Pakoh ấy, những ấn tượng ấy đã rung động tới đáy trái tim tôi và trong suốt quãng đời sau này tôi chẳng thể nào quên! ánh mắt long lanh, kỳ lạ ấy đã ký gửi vào những người lính tăng chúng tôi, những người đang ẩn mình chờ đợi để đến 30-4-1975... chính trị viên Vũ Đăng Toàn chỉ huy xe tăng số 390 húc tung cánh cổng gan lì, và đại đội trưởng Bùi Quang Thận tháo lá cờ trên xe tăng 843 và lao lên cắm cờ trên nóc dinh Độc Lập... và có thể, tôi sẽ còn đi nữa sẽ đến những miền xa xôi, bất cứ nơi nào có vết xích xe tăng thân yêu mà tôi từng gắn bó... cuộc đời của những người lính xe tăng lang bạt theo năm tháng chiến tranh, theo những nẻo đường bất ngờ của nhiệm vụ mà có khi không bao giờ trở lại... nó đẩy ập những kỷ niệm mà sau khi nghe những kỷ niệm khác rung động lòng người của đồng đội; lại thấy kỷ niệm của mình sao nó nhạt nhẽo, và vô hồn...

Rồi năm tháng cứ qua đi, qua đi những mảnh rời kỷ niệm ấy bay lơ lửng chỉ còn để điểm xuyết cho những câu chuyện phiếm mỗi chiều bên cốc bia nhạt hoét... Để đến một ngày chúng ta phải cảm ơn những người lính tăng cũ, những cựu binh mà gần cả đời gắn bó, xây dựng Binh chủng này: Thủ trưởng Đào Văn Xuân, thủ trưởng Lê Xuân Kiện, thủ trưởng Phùng Minh... và đội ngũ biên tập, những người đã có công tập hợp chúng ta lại, xiết chặt đội ngũ sau chiến tranh, gom những mảnh rời kỷ niệm ấy lại. Tập hợp thành một cuốn sử thi xe tăng, mà nếu không có họ những mảnh rời kỷ niệm của chúng ta sẽ mãi mãi chỉ là những mảnh rời rạc và chúng sẽ bị chôn vùi dưới lớp bụi thời

gian...

Tôi đi dọc nghĩa trang Trường Sơn, hơn 30 năm rồi còn gì... bên này là cánh rừng cao su dầy đặc, bên kia, những chiếc xe lu, xe tải đang mãi miết làm con đường xuyên Việt: Đường Hồ Chí Minh rải nhựa. Tôi căng tầm mắt tìm chiến trường xưa. Động ông Do mây mù giăng kín. Ngó xuống chân thung lũng nhỏ gần đó, một gò đất cao chừng gang tay, miệng tròn như cái nong, nước tràn lên trong suốt, không ngừng, những bụi cây lúp xúp vẫn còn... nhưng những tán cây cao đã âm thầm chen phủ. Hơn 30 năm rồi còn gì, đã hơn 30 mùa thay lá đổi để chôn vùi bao nhiêu Mảnh - Rời - Kỷ - Niệm, cùng bao ký ức sâu thẳm của đời người.

Hà Nội, mùa thu 2003

L.T.D

(ĐT. 04.8522717)

1. Xà niên: Một loại người rừng sống mông muội, lạc hậu rất ít gặp ở những cánh rừng già Tây Nguyên.

CÁN BỘ, CHIẾN SĨ TRUNG ĐOÀN XE TĂNG 202 HÔM NAY,
QUYẾT XÚNG ĐÁNG VỚI LỚP CHA, ANH NGÀY TRƯỚC

Thượng tá Đỗ Thế Vượng

Phó Trung đoàn trưởng chính trị,

Trung đoàn xe tăng 202,

Đơn vị Hai lần Anh hùng

Sau nhiều năm công tác ở Lữ đoàn cao xạ 241, rồi làm trợ lý ở cục chính trị Quân đoàn I, đầu năm 1999 tôi được điều về làm chủ nhiệm chính trị, rồi Phó trung đoàn trưởng chính trị, Trung đoàn xe tăng 202, một trung đoàn có bề dày lịch sử và truyền thống của Binh chủng Tăng - Thiết giáp Anh hùng.

Nỗi lo của tôi là chưa được học chuyển Binh chủng để có khả năng cần thiết cùng với cấp ủy, chỉ huy các cấp lãnh đạo chỉ huy đơn vị, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, thực sự xứng đáng với tầm vóc của một đơn vị Anh hùng cả trong thời kỳ chiến tranh cũng như trong thời kỳ xây dựng đất nước hiện nay.

Hiểu được tâm tư tình cảm của tôi, đồng chí phó Tư lệnh về chính trị thay mặt Đảng ủy, Bộ tư lệnh Quân đoàn đã động viên khi giao nhiệm vụ: Đồng chí tuy chưa được học về xe tăng, nhưng đã có kinh nghiệm tham gia xây dựng nhiều năm ở bộ đội cao xạ, cũng là một đơn vị Binh chủng chiến đấu có trang bị kỹ thuật cao, đồng chí có thể phát huy những kinh nghiệm đã có vào nhiệm vụ mới.

Nhưng xe tăng vẫn là lực lượng đột kích mạnh, còn cao xạ là hỏa lực để chi viện và tiêu diệt các mục tiêu ở trên không. Cả hai đều là lực lượng xung kích, cùng hiệp đồng chiến đấu với bộ binh và cả hai đều có thể độc lập chiến đấu như ta vẫn sử dụng trong chiến tranh, nhưng vẫn có cái riêng cần biết để làm việc. Tôi thấy chỉ có một con đường là biết lắng nghe anh em và “vừa làm vừa học”, học trong thực tiễn, học anh em.

Tôi tản mạn nghĩ những ngày sắp đến, khi cán bộ chiến sĩ toàn Trung đoàn đang nô nức thi đua lập nhiều thành tích xuất sắc tiến tới kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Trung đoàn và cũng là ngày thành lập Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Điều mà tôi lấy làm tin tưởng và vững vàng khi bắt tay vào nhiệm vụ mới là các đồng chí trong Đảng ủy, chỉ huy Trung đoàn đều có rất nhiều

bề dày kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ huy Trung đoàn, nhiều năm vinh dự được làm người lính xe tăng.

Cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng trong Trung đoàn là con em ở nhiều miền quê về xây dựng Trung đoàn đều có chung một tiếng nói đoàn kết một lòng, yêu mến đơn vị, luôn tự hào với truyền thống vinh quang, tự hào là người chiến sĩ xe tăng anh hùng, trẻ tuổi mà lập nhiều chiến công đúng như lời của Chủ tịch Tôn Đức Thắng huấn thị, Trung đoàn lại được đứng chân trên mảnh đất của chiến khu Quỳnh Lưu, là cái nôi cách mạng ở những năm đầu tiên khởi nghĩa, được nhân dân đùm bọc, che chở, tạo điều kiện thuận lợi cho Trung đoàn lập được hết thành tích này đến thành tích khác trong xây dựng trưởng thành từ khi đơn vị về đóng quân trên mảnh đất này.

Thấm thoát đã hơn 5 năm trôi qua, trong biết bao bề bộn công việc tôi vẫn nhớ mãi lời tâm sự của đồng chí Trung đoàn trưởng thượng tá Trần Tuyến khi tôi về nhận nhiệm vụ: “Điều mà tôi rất tâm đắc khi được làm cán bộ Trung đoàn là phải tạo được mạch nguồn của Trung đoàn, mà điều đầu tiên là chúng ta phải tạo cho chiến sĩ nếp sống chính quy ngay từ những ngày đầu vào đơn vị. Cán bộ các cấp phải hiểu được hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ, tính cách từng người lính, phát huy cao độ truyền thống của đơn vị Anh hùng, đề cao tinh thần dân chủ. Thời chiến tranh và trước các trận đánh, chiến dịch bộ đội đều được học tập bàn bạc theo nhiệm vụ của mình. Khi bước vào xây dựng đơn vị trong thời kỳ mới cũng vậy mọi chủ trương đều đưa ra bộ đội thảo luận, đó là chìa khóa của mọi thành công”.

Thật quả là lời tâm sự chí lý, chí tình của đồng chí Trung đoàn trưởng. ‘Người chiến sĩ trẻ, là trưởng xe chuyên nghiệp tôi thường gặp ở phòng Hồ Chí Minh, Tiểu đoàn xe tăng 66 Anh hùng tên là Nguyễn Văn Hoàng. Anh có dáng người thấp đậm, mắt sáng, ham mê thể thao, đọc sách lịch sử và hồi ký, giọng anh nói như suy nghĩ, chặt lọc từng tiếng, từng từ...

- Quê em ở Nho Quan, có chiến khu Quỳnh Lưu là cái nôi của cách mạng, đặc tính của dân quê em là rất mê sử, nói chuyện gì cũng viện dẫn sử ra chứng minh. Tốt nghiệp phổ thông trung học em thi vào khoa sử Đại học sư phạm I Hà Nội, nhưng vì thí sinh đông, kiến thức lại có hạn nên em không đậu. Đến đầu năm 1995 em tình nguyện vào bộ đội và thiết tha được làm bộ đội 1 xe tăng và em cũng tự xác định tư tưởng cho mình, đây là thời gian làm nghĩa vụ quân sự đối với đất nước, và để chuẩn bị hành trang bước vào đời.

Hành trang bước vào đời, theo Hoàng là bản lĩnh và ý chí. Người đàn ông ở thời nào cũng vậy cần phải có phẩm chất ấy mới tồn tại được và mới có cơ sở để toại nguyện được ước mơ hoài bão của bản thân, sau này khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự nếu được đơn vị, quân đội tuyển dụng làm quân nhân chuyên nghiệp, phục vụ quân đội lâu dài góp phần nhỏ bé xây dựng Trung đoàn ngày càng lớn mạnh. Để trở thành quân nhân chuyên nghiệp xe tăng là “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” rồi trong tay có một nghề thật sự ỉa chưởng bao giờ hổ thẹn với tổ tiên, dòng họ. Chứ mảnh bằng đại học đâu có khó, ôn luyện miệt mài rồi thi cũng đậu thôi đã lọt vào cổng trường đại học là có bằng. Còn trở thành một “Anh bộ đội Cụ Hồ” có trình độ chuyên môn giỏi, có phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, được phục vụ quân đội lâu dài trong Trung đoàn xe tăng 202 có bề dày truyền thống là một môi trường cực kỳ thuận lợi nhưng bản thân phải phấn đấu để có thể phát triển toàn diện. Cần phải có ý chí, nghị lực, và cần phải có trình độ chuyên môn giỏi - Hoàng nói vậy.

Trong khi trò chuyện, tôi ngắm anh, lúc đó Hoàng mới 21 tuổi nhưng suy nghĩ thật là sâu sắc, già dặn. Vùng quê giàu truyền thống nơi anh lớn lên làm cho con người ta sớm chín chắn hơn chăng? Hoàng cho biết sang năm (1999) Trung đoàn 202 vừa tròn 40 tuổi, anh thuộc vào một trong thế hệ chiến sĩ được chuyển quân nhân chuyên nghiệp sớm ở đơn vị Anh hùng.

Hoàng nói tiếp: Chúng em càng phải thấm thía hơn, nỗ lực học tập, rèn luyện nhiều hơn nữa để xứng đáng với thế hệ cán bộ chiến sĩ đầu tiên của Trung đoàn, nhiều người đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu như Anh hùng Hoàng Thọ Mạc, Đinh Văn Hòe... nhiều người là cán bộ cấp cao trong quân đội nay đã nghỉ hưu như các bác: Đào Huy Vũ, Đặng Quang Long, Lê Xuân Kiện, Đào Văn Xuân, Nguyễn Văn Lăng, Lê Quang Phước, Võ Ngọc Hải, Hoàng Khoái, Ngô Văn Ny, Nguyễn Văn Bất... những người còn lại hôm nay đang giữ trọng trách cao trong quân đội như các đồng chí: Đại tá Hà Chính, Đại tá Đỗ Thanh Long làm giảng viên học viện cấp cao, đồng chí Đại tá Nguyễn Đức Khiển phó Cục trưởng Cục Tổ chức Tổng cục Chính trị, đồng chí Đại tá Nguyễn Thiện Chất phó sư đoàn chính trị Sư đoàn 312 Quân đoàn I, đồng chí

Đại tá Hồ Xuân Tiến phó sư đoàn trưởng, tham mưu trưởng Sư đoàn 308 Quân đoàn 1...

Càng đi sâu vào tìm tòi nghiên cứu và thực tiễn công tác trong mấy năm qua tôi lại càng thấm thía khi mỗi lần trao đổi bàn bạc với các đồng chí trong Đảng ủy chỉ huy Trung đoàn vạch ra chủ trương lãnh đạo và chỉ đạo đơn vị. cần phải chú trọng xây dựng cấp cơ sở phải mạnh. Mỗi một đơn vị cơ sở là một tế bào sống khỏe mạnh, mỗi một cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp phải là một tế bào khỏe mạnh, thì trung đoàn mới thực sự là một cơ thể cường tráng, đây cũng chính là truyền thống của Trung đoàn từ ngay những ngày đầu mới được thành lập đến nay luôn hướng về cơ sở.

Hồi các anh Đặng Quang Long, Đào Văn Xuân đảm nhiệm chức vụ chính ủy Trung đoàn rồi sau này là anh Nguyễn Đức Khiển, Nguyễn Thiện Chất... phó Trung đoàn trưởng chính trị đã chỉ đạo xây dựng đơn vị cấp trung đội, đại đội mạnh, cơ quan Trung đoàn bộ sắc bén, toàn Trung đoàn là một khối thống nhất về ý chí và hành động để hoàn thành mọi nhiệm vụ. Một điểm nữa mà ở mỗi kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ Trung đoàn đều thống nhất đó là phải tạo cho bộ đội một không gian sống thật tốt, bộ đội có môi trường sống văn hóa, cấp trên, cấp dưới thân tình, mỗi dịp xe là một mái ấm gia đình, trong đại gia đình lớn thân tình đầm ấm đã tác động trực tiếp đến chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của toàn Trung đoàn, đặc biệt là chất lượng huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, bảo quản bảo dưỡng xe máy, vũ khí trang bị kỹ thuật, tăng gia chăn nuôi xây dựng quỹ vốn cải thiện đời sống bộ đội.

Quán triệt sâu sắc truyền thống quý báu đó và những chủ trương hoạch định của các kỳ Đại hội, trong những năm qua Trung đoàn luôn hướng về cơ sở, ưu tiên xây dựng đơn vị cơ sở: Doanh trại xây dựng từ đại đội tiểu đoàn trước, những chiếc máy thu thanh, truyền hình tốt nhất cũng dành cho các đại đội. Đến nay bộ đội đã được ăn ở trong những ngôi nhà khang trang, từng phòng có quạt điện, có bể nước sạch dùng.

Mấy năm gần đây Trung đoàn xe tăng 202 luôn là lá cờ đầu trong khôi thi đua trung, lũ đoàn trực thuộc Quân đoàn, luôn huấn luyện đạt loại giỏi bộ đội sống trong thời bình nhưng luôn khẩn trương tập luyện, vết xích xe tăng vẫn trải dài trên các triền đồi miền Trung du phía đông Bắc Bộ; hàng năm hết huấn luyện giai đoạn 1 là đưa quân xây dựng cơ sở chính trị địa phương, giúp đồng bào xóa đói giảm nghèo, xây dựng tu sửa cơ sở hạ tầng (đường sá, mương máng, bệnh xá, trường học...) rồi sang giai đoạn 2 huấn luyện, coi trọng huấn luyện ban đêm, chuyên sâu và đồng bộ, thời gian hoạt động của bộ đội hàng tháng, hàng tuần được lên lịch sát sao.

Do lập được nhiều thành tích trong huấn luyện chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và bảo quản bảo dưỡng vũ khí trang bị kỹ thuật năm 2002 Trung đoàn đã giành giải cao trong hội thi vũ khí trang bị kỹ thuật Tăng - Thiết giáp toàn quân do Cục kỹ thuật - Tổng cục Kỹ thuật tổ chức, được Bộ Quốc phòng tặng cờ đơn vị huấn luyện giỏi và đặc biệt năm 2000 được Đảng, Chính phủ tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới.

Mỗi lần đến đơn vị nào đó trong Trung đoàn tôi lại tìm hiểu thêm về cuộc sống của từng cán bộ chiến sĩ, bởi làm cán bộ chỉ huy lãnh đạo ở các đơn vị bao giờ cũng vất vả hơn ở cơ quan. Cán bộ ở Trung đoàn phần lớn là được đào tạo cơ bản qua trường của Bộ và hầu hết là được bố trí sắp xếp đúng chuyên ngành, đây là vốn quý, điều quý hơn là có nhiều đồng chí cán bộ cấp đại đội đã từng giữ chức gần 10 năm, thậm chí hơn 10 năm vẫn luôn xác định tốt tư tưởng, năng nổ nhiệt tình trong công tác, gương mẫu trong sinh hoạt thực sự là cây đa, cây đề, là chỗ dựa vững chắc cho cán bộ trẻ và chiến sĩ noi theo học tập kinh nghiệm trau dồi tri thức.

Theo tiểu đoàn trưởng Trung tá Hà Văn Song thì kinh nghiệm chiến đấu, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu ở Trung đoàn từ trước đến nay được lưu truyền trong đơn vị. Chiến lệ các trận đánh quan trọng vẫn đưa vào các buổi

tập. Cán bộ già phải kèm cặp truyền thụ kinh nghiệm huấn luyện, cách đánh cho cán bộ trẻ và bộ đội đã trở thành như cơm ăn nước uống hàng ngày, đây là phương pháp tốt nhất để mỗi đơn vị phát huy truyền thống.

Đội ngũ cán bộ, quân nhân chuyên nghiệp của Trung đoàn 202 phần lớn quê ở Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Thanh Hóa, đây là điều kiện thuận lợi cho công tác huấn luyện và quản lý đơn vị. Mấy năm gần đây nhiều cán bộ trong Trung đoàn đã được cấp đất làm nhà ở gần vành đai đơn vị đứng chân, có nhiều đồng chí được Trung đoàn tạo điều kiện cho mượn một căn phòng ở nhà khách Trung đoàn (gần doanh trại) làm nhà ở khi mới xây dựng gia đình, gia đình vợ con gần đơn vị nhưng hàng ngày cán bộ vẫn phải sống, học tập công tác trong doanh trại cùng anh em chiến sĩ, mặc dù vậy họ vẫn hăng say công tác.

Qua trao đổi tôi còn được nhiều đồng chí cán bộ, trong đó có đồng chí Trần Đại Nghĩa (nay là phó tiểu đoàn trưởng chính trị Tiểu đoàn 2) là tổ trưởng tổ công tác phòng Hồ Chí Minh, Tiểu đoàn xe tăng 66 Anh hùng cho biết, chiến sĩ Trung đoàn 202 rất ham đọc sách là vì các thế hệ cán bộ chính trị từ trước đến nay đều rất thích đọc và đã hướng dẫn cho chiến sĩ cách đọc. Muốn tiếp nhận được tác phẩm hay sách văn học, hay sách khoa học, quân sự... Cũng cần phải có phương pháp đọc, tôi được biết có nhiều nước có hẳn bộ môn khoa học gọi là đọc văn chương. Đâu phải cứ biết chữ là đọc được văn, phải không anh? Nghĩa nói, anh cho biết thêm khi xây dựng doanh trại không hiểu sao, những người thiết kế đã quên dành phòng đọc sách báo. Nhưng trước yêu cầu của bộ đội, Trung đoàn đã phải xây dựng cho mỗi tiểu đoàn một phòng Hồ Chí Minh, thành lập tổ công tác hoạt động thường xuyên.

Chiến sĩ quê ở các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hóa tính tình thật phóng khoáng, cởi mở họ trò chuyện một lát là đã thổ lộ hết tâm tư của mình; trò chuyện thẳng thắn, ghét sự nói vòng vo, dùng lời ngọt ngào để che đậy sự thật là đặc tính của người lính xuất thân từ quê hương Đình Bộ Lĩnh và quê hương Bà Triệu.

Một buổi sáng tôi ra thao trường gặp các chiến sĩ ở đại đội mang tên người Anh hùng liệt sĩ Đinh Văn Hòe, đó là Đại đội xe tăng 1, Tiểu đoàn 66, đại đội rất vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương đơn vị Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân. Đang giờ nghỉ giải lao, tôi hỏi một chiến sĩ pháo thủ số hai:

- Tập luyện súng 12,7mm trên xe tăng thế này chắc nhàn hơn bộ binh?

Người chiến sĩ cười nhỏ:

- Không đâu Thủ trưởng ạ! Đã là người chiến sĩ cho dù là lính bộ binh hay xe tăng luyện tập gì để đạt loại giỏi cũng khó như nhau, lính xe tăng chúng em không phải lăn lê bò toại nhiều, không phải mang vác súng đạn như lính bộ binh, nhưng chúng em phải tiếp cận và sử dụng toàn các loại vũ khí hiện đại, loại vũ khí tập thể, phải có tính hiệp đồng tập thể, như em đã là thành viên nạp đạn trên xe tăng lại phải thuần thục sử dụng máy ổn định trên xe, nạp đạn chính xác, em còn phải sử dụng thành thạo khẩu súng 12,7mm này để sẵn sàng tiêu diệt máy bay bay thấp và cả bộ binh địch ở mặt đất nữa, muốn vậy cũng phải tính được bảng bắn thật chính xác, phải xây dựng cho mình một bản lĩnh chính trị vững vàng nữa Thủ trưởng ạ.

Tôi bày tỏ niềm vui ra mặt. Từ người chiến sĩ được tôi trò chuyện quê ở Gia Minh - Gia Viễn - Ninh Bình nhập ngũ năm 2001, Tùng phấn chấn nói:

- Quê em trước kia bùn đồng nước phèn nhưng từ năm 1995 lại đây thay đổi hẳn đã có đường bê tông, đê ngăn lũ, máng nối bê tông, thóc gạo dờ thừa: là dân làm ruộng như gia đình em cũng đã xây dựng được nhà hai tầng, lên học

phổ thông trung học là em có phòng học riêng, thôi thì chẳng thiếu gì, ti vi, máy nghe nhạc, lên lớp 12, được trang bị máy vi tính, hàng ngày đi học về là chui vào phòng riêng, em cũng có đi làm ruộng nhưng chỉ phụ giúp trong mùa gặt, gia đình em rất hy vọng em lên thành phố học đại học. Thi xong tốt nghiệp phổ thông trung học em lo luyện thi đại học, dạo bài đến 2 tháng lý thuyết học thuộc lòng như cháo chảy, các loại đề thi toán, lý, hóa khó nhất cũng đã giải được tuốt, học đến độ nằm ngủ cũng mê thấy giải bài, lòng đã thầm nghĩ đường tới giảng đường đại học với mình chẳng bao xa nữa, chỉ còn là thời gian. Nhưng sự đời đâu có chiều theo ý mình, năm ấy em trượt đại học, xấu hổ đến độ không dám ra khỏi nhà, buồn nhất là thua cả bạn gái mà em vẫn giải bài tập giùm, vậy mà trúng tuyển vào Đại học Sư phạm II Xuân Hòa. Bố mẹ và anh chị em trong gia đình trách cứ, bản thân thì hận mình, hận đời. Nhưng rồi một người bác là cựu chiến binh đến động viên, khuyên em nên vào bộ đội để rèn luyện, nếu là bộ đội xe tăng càng tốt, sau này sẽ thi vào trường nào đó mới 19 tuổi, đời còn dư thời gian Thủ trưởng ạ! Và em đã nhập ngũ và được về Trung đoàn mình anh ạ.

Tùng còn thổ lộ, ngày ở nhà Tùng chỉ biết có mình, làm gì cũng vì mình:

- Vào bộ đội là phải sống trong nếp sống chung, ngay đến ăn, uống, ngủ nghỉ cũng vậy. Lúc ở nhà theo tập quán của người nông dân đồng chiêm trũng cơm nấu một nồi to, cá kho nồi đất đầy để đầy ai muốn ăn lúc nào thuận tiện thì ăn, nay ở bộ đội ăn uống ngủ nghỉ có giờ giấc. Thành ra lúc đầu em rất khó chịu, lúc nào cũng thèm ăn, đầu hôm đã ăn no nhưng nửa đêm lại thức dậy vì đói, đã tính mua hũn một thùng mì tôm để đầu giường, lúc nào lửng bụng thì pha ăn, nhưng lại nghĩ đồng đội sẽ nhìn mình ra cái gì, phải chịu đựng thôi, thế rồi dạ quen dần, giờ thì em rất ghét thói ăn vặt, làm việc tùy tiện. Làm trai mà “ăn không nên đợi, nói không nên lời” thì làm nên trò trống chi, có phải không Thủ trưởng?

Lòng tự trọng của tôi được bồi đắp khi được các cán bộ chỉ huy kể cho nghe những chuyện thời chiến tranh của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ trước kia của

Trung đoàn, như trong trận Cửa Việt tháng 1 năm 1973 Tiểu đoàn 66 lập công xuất sắc: Trung đoàn đột kích trên hướng Bắc Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử tại cầu Vĩnh Bình trong trận giao tranh một mất một còn giữa quân ta và quân địch đã xuất hiện tấm gương chiến đấu hy sinh quên mình đó là người đại đội trưởng, Đại đội tăng 3 Hoàng Thọ Mạc lấy thân mình che chở cho đồng đội, chỉ huy bộ đội chiến đấu đánh hất địch ra khỏi khu vực vật cản tạo điều kiện thuận lợi cho quân ta thọc sâu đánh thẳng vào Bộ Tổng tham mưu ngụy quyền Sài Gòn, anh đã hy sinh trước giờ toàn thắng.

Những chuyện chân thực ấy đã cho tôi quan niệm sống, phải sống vì mọi người, nghe vậy tưởng như cũ ai chả biết, nhưng thật tình với tôi, phải qua gần 2 năm sông trong môi trường Trung đoàn có bề dày truyền thống mới có được nhận thức đúng ấy. Đất Nho Quan - Ninh Bình đâu đâu cũng mang đậm truyền thống cách mạng, kháng chiến. Mỗi lần bộ đội đi dã ngoại, làm công tác dân vận là một dịp học thêm truyền thống, cũng là dịp để phát huy phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”.

Thật xứng đáng với lời khen ngợi của Chủ tịch Tôn Đức Thắng “... Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, bộ đội thiết giáp đã trưởng thành nhanh chóng, hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh và các binh chủng khác đã ra quân là đánh thắng, lập nhiều thành tích vẻ vang...”. Càng phấn khởi tự hào với những chiến công, thành tích và bước trưởng thành trong 44 năm qua, cán bộ chiến sĩ Trung đoàn xe tăng 202 càng ghi nhớ công lao giáo dục và rèn luyện của Đảng và Bác Hồ kính yêu, sự phấn đấu không mệt mỏi của lớp lớp cán bộ chiến sĩ, đóng góp của những đồng chí đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ Quốc tế cao cả và hôm nay đang miệt mài luyện tập, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, phải chăng lời khen ngợi của Chủ tịch Tôn Đức Thắng còn nóng hổi tính thời sự cho tất cả chúng ta.

Nhân ngày truyền thông Binh chủng.

Nho Quan 5-10-2003

TỰ HÀO NGƯỜI LÍNH XE TĂNG

Nhạc và lời: Vũ Mão

(Cán bộ cao cấp Quốc hội khóa XI)

XE TĂNG VƯỢT ĐÀM LẦY TIẾN VÀO

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Trung tá: Lê Cát Lợi

Nguyên chủ nhiệm Bộ môn Tăng - Thiết giáp trường Quân sự Quân khu 7, nguyên nhân viên kỹ thuật Tiểu đoàn Bộ binh cơ giới 23 thuộc BTL Tăng -

Thiết giáp B2 đi cùng Đại đội 45 trong chiến dịch Hồ Chí Minh

Ngày 12 tháng 8 năm 1974, tại khu rừng Cần Đăng thuộc huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh, tiểu đoàn bộ binh cơ giới được thành lập. Đồng chí Lê Như Hòa tham mưu phó Đoàn M26 đọc quyết định điều động và giao nhiệm vụ cho 3 đại đội xe BTR 60 PB (C42, C43, C44) gồm 22 xe và 1 đại đội Tăng - Thiết giáp bơi nước hỗn hợp gồm: 3 xe K63-85mm, 2 xe BTR 50PK - 23mm và BTR-50PK-14,5mm, 1 xe BTR - 50PK - 7,62mm. Đồng chí Nguyễn Văn Thước sư đoàn phó Sư đoàn 5 Bộ binh đọc quyết định điều động và giao nhiệm vụ cho tiểu đoàn bộ binh cùng với các đơn vị Tăng - Thiết giáp thành lập một tiểu đoàn bộ binh cơ giới, trực thuộc sự chỉ huy của Sư đoàn 5 gồm 425 cán bộ chiến sĩ. Đồng chí Trần Minh Sơn được giao nhiệm vụ tiểu đoàn trưởng. Đồng chí Lê Quang Khải làm chính trị viên trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Két làm chính trị viên phó. Đồng chí Hoàng Như Phương làm tiểu đoàn phó, tham mưu trưởng, đồng chí Phan Đức Kiệm làm tiểu đoàn phó phụ trách kỹ thuật.

Sau lễ thành lập, chúng tôi khẩn trương củng cố doanh trại, ổn định nơi ăn chốn ở, bảo dưỡng trang bị kỹ thuật, ngụy trang xe máy và bước vào huấn luyện. Bên địch đánh hơi thấy, liên tục trong nhiều ngày, pháo địch từ Mỏ Công, Bên Sỏi thi nhau bắn vào rừng. Máy bay C130 quần thảo, thả bom xăng, rừng cháy, cây cối xơ xác. Nhưng thằng địch có mắt như mù, không bom pháo nào trúng vào đơn vị. Hành động của địch càng nhắc nhở chúng tôi phải khẩn trương huấn luyện và ngụy trang, che giấu kỹ trang bị để sẵn sàng chiến đấu.

Sau hơn 3 tháng huấn luyện và điều nghiên làm đường,... 17 giờ 30 ngày 26 tháng 11 đơn vị hành quân ra phía trước. Chiếc BTR 50 PK số 646 đi đầu đội hình, những cây lớn đã cưa hết, những cây vừa vừa cưa một nửa, những cây nhỏ để nguyên. Rừng cây trông vẫn bình thường, xe tiến giữa 2 hàng cọc tiêu, cây ào ào đổ rạp xuống tạo thành con đường thẳng tắp luồn dưới tán cây qua chỗ cây thưa mới nhìn thấy thấp thoáng trời xanh trên đầu. Đoàn xe nhẩn ga lao tới, chúng tôi leo lên nóc xe ngồi, gió thổi ào ào qua tai mát rượi, lòng mọi người phơi phới, nét mặt ai cũng tỏ ra vui sướng, hân hoan. Xe luồn qua rừng rậm, vượt qua bãi trống, gió vi vu như tiếng quân reo. Những nhánh cây mềm mại đùa qua vành mũ như những bàn tay vẫy chào. Ai đó mở radio, tiếng phát thanh viên Hà Nội ngọt ngào càng làm phấn chấn lòng người chiến sĩ. Đêm dần buông xuống, trăng tỏa ánh sáng dịu xuống cánh rừng rộng mênh mông tưởng như hôm nay đã là ngày chiến thắng.

Đoàn xe cứ tiến mãi về phương Nam, lúc qua rừng rậm, lúc qua trảng trống, có lúc đường gồ ghề, xe chạy bồng bênh như thuyền đi trên sông. Có lúc gặp đoạn đường khô bụi bay mù mịt. Đường đi chiến đấu đâu phải đường đi du lịch, đoạn đường thơ mộng qua mau. Suốt mấy tháng trời chuẩn bị làm hàng chục km đường gỗ thế mà xe vẫn bị lầy. Xe lầy lại tìm cách kéo xe lên. Nhưng đến bây giờ thì không thể đi được nữa, chiếc xe rú ga như muốn đứt hơi, bánh xe quay tít, bụng xe ép xuống bùn, chiếc chúi mũi xuống, chiếc ngẩng đầu lên. Những cây gỗ ven đường không chịu nổi sức kéo của xe, cây thì gãy gục, cây thì tróc rễ, những cây to lớn thì trầy da, tróc vỏ và cuối cùng

đứt cáp, 1 sợi cáp đứt, lồng đôi sợi chắt tời gãy. Thế là đành nằm lại.

Chúng tôi chui vào gầm xe đào đất, vào rừng chặt gỗ lát đường, chờ xe xích về kéo (loại thiết giáp chạy bằng xích như xe tăng). Đã 2 giờ sáng ngày 27-11 mà vẫn chưa giải quyết được gì xe xích đã đi xa. Nếu không làm kịp sẽ bị máy bay địch oanh tạc. Suốt đêm tiếng súng đì đùng, tiếng pháo rít qua đầu, tiếng máy bay ì ầm đầu đó. Rồi tiếng bom nổ, tiếng đạn 20 ly sùng sục.

Vì lo lắng nên tất cả cán bộ, chiến sĩ đều tập trung tranh thủ cứu xe. Mấy bát cơm chiều qua đã hết, bụng đói cơm, mắt đói ngủ, muỗi vẫn bu lại như ong, mặc kệ cứ làm. Đến 4 giờ sáng thì mọi việc chuẩn bị đã xong, chúng tôi ngụy trang xe rồi nghỉ chờ xe xích về kéo. Trời sáng dần, xa xa thấp thoáng ánh đèn, hóa ra đây gần một Phum của người Campuchia. Chúng tôi bảo nhau mang gạo, mang nồi vào nấu cơm nhờ. Tiếng không biết, chúng tôi “nói bằng tay”, nhưng nhân dân cũng hiểu và giúp đỡ rất tận tình.

8 giờ sáng, cơm nước xong thì xe 646 quay về, mọi người hăm hở móc cáp kéo xe, chiếc xe xích chỉ rùng mình” một cái thế mà chiếc BT 60 (loại xe thiết giáp bánh lốp nên khả năng vượt lầy bị hạn chế) đã ngoan ngoãn bò theo. Một chiếc, hai chiếc, ba chiếc... lần lượt được kéo lên. Đường thông, chúng tôi tranh thủ sửa đường, cho xe vào rừng ngụy trang, củng cố kỹ thuật chờ tối hành quân tiếp.

Thế là đoàn xe chúng tôi đã hành quân được một ngày và vượt qua một bãi lầy. Rút kinh nghiệm hôm qua, chúng tôi ăn cơm rồi hành quân sớm. 4 giờ 30 xuất phát, qua hết cánh rừng thì đến một trảng cỏ tranh lớn. Đoạn này nhờ chuẩn bị tốt chúng tôi đã lát gần 1km đường toàn bằng gỗ lớn nên xe dễ dàng vượt qua.

Đoàn xe qua một khu rừng nữa rồi lại đến một trảng cỏ tranh lớn hơn. Trảng này là Trảng Bà Điếc. Cỏ tranh vàng rực mênh mông, những chiếc xe đi đầu vẽ lên thảm cỏ những vết song song thẳng tắp. Chúng tôi tạm dừng, cán bộ, chiến sĩ xuống thăm đường. Sau vài phút hội ý, đơn vị hạ quyết tâm vượt trảng. Đoàn xe dàn thành đội hình hàng ngang, tiếng máy nổ dồn băng băng trên cỏ trông giống như đoàn xe đang tiến công một đơn vị địch. Bỗng “hự... hự...” hết chiếc này đến ‘ chiếc khác, chiếc chúi mũi, chiếc xệ đuôi, tiếng máy gầm rú, bánh xe quay tít mà xe không nhúc nhích được tí nào. Chúng tôi nhảy xuống thì thấy bùn đã ngập đến bụng xe. Tôi có cảm tưởng như đoàn quân của Napolêông bị Cuturốp lừa vào bãi lầy vậy.

Chiếc 646 lại xông xáo ngang dọc, một lúc sau, nó đã kéo được 2 xe qua trảng. Nhưng rồi chính nó cũng bị lầy chúng tôi lại tập trung cứu nó. Gay quá, xe nằm rải rác khắp trảng, làm sao mà lát gỗ đến từng xe được, đã thế đêm lại buông xuống, muỗi vẫn tranh thủ tấn công. Chúng tôi phải lấy bùn trát kín hết những chỗ quần áo không che hết. May quá, giữa lúc đang bí thì Đại đội 45 cũng hành quân đến kịp. Thế là một xe xích móc kéo một xe BT 60 (bánh lốp) lúc này xe 646 cũng đã được kéo lên lại tham gia vào cứu xe khác. Nhưng cũng chỉ được vài xe rồi xe xích cũng bị lầy cả.

Trảng tranh đất cát đã nổi nước. Bánh xe lún sâu xuống bùn, một xe xích kéo một xe BT60 không nổi, phải móc 2 xe. Rồi xe xích cũng bị lầy, lại tháo cáp kéo xe xích, may mà xe xích có khả năng tự kéo nên công việc cũng đỡ. Vạt rừng xung quanh đã bị chặt quang, cây ném vào trảng không biết bao nhiêu mà kể, thế mà vẫn không cứu được xe. Đêm nay trảng lại không sáng, muỗi vẫn thả sức tấn công.

Đến 4 giờ sáng, vẫn còn 4 chiếc, mọi người đều mệt, tiểu đoàn cho phép tạm dừng để nghỉ lấy sức. Bụng đói cồn cào mà làm gì có cái gì để ăn. Chui vào xe tìm bị đông tu một hơi rồi lăn ra ngủ, quần áo đầy bùn, hơi xăng nồng nặc nên đám muỗi vẫn đành chạy xa. Tôi đánh một giấc ngon lành. Khi mở mắt ra thì trời hửng sáng, lại một ngày mới bắt đầu, ngày 28-11.

Tôi chui ra khỏi xe, dụi mắt tưởng đang còn mơ ngủ: Hôm qua nơi đây là một tràng cỏ tranh vàng óng đẹp như một tấm thảm, qua một đêm chống lầy, bức tranh đã biến mất. Trước mắt tôi là một cái hồ lớn, bùn đất nát bét, sền sệt như thể đêm qua vừa xảy ra một cuộc chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh vậy.

Chúng tôi cử người đi nấu cơm, số còn lại tập trung chặt cây lát đường. Ban ngày làm công việc này có nhanh hơn. Gần trưa thì đoàn xe được kéo lên hết. Chúng tôi vào nhà dân rửa mặt, ăn cơm tranh thủ nghỉ một chút rồi quay ra chuẩn bị xe để tôi hành quân tiếp.

Chiều buông xuống, đoàn xe lại hăm hở lên đường. Tiếng máy reo vang, bụi bay mù mịt, chúng tôi tưởng như sắp đến đích và không bao giờ bị lầy nữa. Vậy mà mới được vài km đã gặp tràng cỏ tranh. Con đường nhỏ chạy vắt ngang, 2 bên chỉ chít hố bom. Cọc tiêu của công binh cắm trắng xóa, không dám hăng hái như hôm qua nữa. Chúng tôi dừng xe xuống nghiên cứu đường. Chỗ này ít cây đoạn đường cần lát dài đến 400m nên việc lát khá vất vả. Nhưng không còn cách nào khác nên mọi người lại bắt tay vào làm việc.

Đến 2 giờ sáng ngày 29-11 đường lát xong. Chúng tôi tiếp tục hành quân, một xe, hai xe... đoàn xe đã qua gần hết. Xe tôi đi sau cùng, đường đã lún sâu, thành ra mới qua được 1/3 đường thì xe cũng bị lầy. Máy chiếc đi trước gần tới bìa rừng bên kia cũng bị lầy. Chiếc xe xích 646 đã kéo lên gần hết, chỉ còn một mình xe tôi, thì xe 646 cũng bị lầy nốt. Thế là đành nghỉ chờ trời sáng, vì lúc này anh em gần như kiệt sức cả. Đầu đau như búa bổ, chân tay rã rời, người run lập cập như là mùa Đông miền Bắc vậy.

Tôi chui vào xe, ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy thì thấy anh em đã nấu cơm xong, anh em bảo thấy tôi mệt quá nên cứ để cho nghỉ không gọi. Ôi sao cảm

động quá, cơn mệt như tiêu tan hết. Ăn cơm xong lại làm đường kéo xe, đến 9 giờ thì kéo được xe lên. Đoàn xe tập kết vào khu rừng trước mặt. Khu rừng này đất sỏi khô cứng nên mọc toàn gai góc, nắng hanh thiêu đốt, không tìm đâu ra một bóng cây mát, chúng tôi phải chui gầm xe, và lấy lá nguyệt trang xe. Vấn đề gay gắt xảy ra là nước, nước dự trữ mang theo đã hết, chúng tôi tỏa ra rừng tìm nước. Cuối cùng cũng tìm được mấy hố bom, nước trong xanh như nước giếng khơi. Thích quá chúng tôi gọi chúng là giếng Hoa Kỳ và vực uống no nê.

4 giờ chiều, chiếc 646 lại dẫn đầu đội hình băng rừng ra đường. Một con đường đất đỏ tươi, khô cong, từ đây tới bến sông tôi nghĩ chắc không lầy nữa. Chúng tôi dừng xe kiểm tra tình hình kỹ thuật. Sắp xếp đội hình để chuẩn bị vượt sông. Những chiếc BT 60 đa số còn mới nên hệ thống bơi còn tương đối tốt, thành xe tương đối kín. Những chiếc xe xích, hệ thống lót trục cân bằng đa số bị mòn, chúng tôi phải dùng giẻ xé nhỏ tẩm mỡ chịu nước, nhét chặt vào các khe hở, dùng tre trẻ nhỏ chêm vào, khi xe chạy đến sát mép nước thì phải kiểm tra lại.

5 giờ 30 chiều, đoàn xe bắt đầu chuyển bánh. Những chiếc KB3 - 85 (xe tăng lội nước, pháo 85 mm) hùng dũng dẫn đầu, nòng pháo ngạo nghễ hướng về phía trước. Tiếp theo là chiếc BTR 50 PK (xe thiết giáp bánh xích) với nòng 23mm và 14,5m vươn cao. Tiếp sau là đoàn BTR - 60 PB (xe thiết giáp bánh hơi) với nòng đại liên 14,5mm đen bóng. Chúng tôi ngồi lên lưng xe, hân hoan vẫy tay, vẫy mũ chào nhân dân, bộ đội đứng chặt cứng hai bên đường. Ra đến lộ 13, con lộ càng rộng, đoàn xe chạy càng bon, bụi bay mù mịt, con lộ chạy thẳng về hướng đông nam. Qua khu vực Đồi Thơm Xóm Giữa thì trời mờ tối, chiếc xe cuối cùng đã đến bờ sông Vàm Cỏ Đông.

Trăng 16 tỏa sáng, bến sông Lồ Cồ càng thêm lung linh, sóng sánh. Lòng sông ở đây mở rộng để đón nhánh sông từ đất Campuchia chảy sang. Hai bên bờ cây cối xanh tốt mọc sát mép nước. Xen lẫn ánh trăng bàng bạc là bóng những ngọn đèn dầu của dân chúng hai bên bờ hắt xuống, dòng sông càng

thêm huyền ảo, thơ mộng. Mọi vật đều như im ả, tĩnh mịch nghe ngóng, chờ đợi một sự kỳ lạ sắp xảy ra. Thật vậy, từ bao năm nay có bao giờ dòng sông được chứng kiến cảnh này: Những con hổ thép đang chạy âm âm trên bờ, đột nhiên lao mình xuống nước, sau vài giây hụp đầu xuống sông, nước bắn tung tóe, chúng ngóc đầu lên, hai mắt sáng quắc dọi sang đến bờ bên kia, chúng từ từ rẽ nước bơi sang. Nhân dân, bộ đội cũng nô nức kéo ra xem đông như xem hội đua thuyền.

Để cho đỡ nặng, chúng tôi rời xe xuống thuyền, thuyền ở đây được gọi là ghe. Ghe tôi đi có một cô du kích mặc áo bà ba đen cầm lái. Tôi bắt chuyện làm quen. Cô hỏi tôi có biết chèo ghe không, tôi nói là có và xin cô cho chèo thử. Mái chèo khua trong nước, con thuyền rẽ sóng sang sông. Tôi có cảm tưởng mình đang đi du lịch, dạo mát chứ không phải đang đi chiến đấu. Tôi yêu cầu cô gái hát và thật bất ngờ như thể đã chuẩn bị từ trước giọng cô gái cất lên thật dịu dàng và thật du dương:

“Ở tận sông Hồng, anh có biết, quê hương em cũng có dòng sông. Em vẫn gọi với lòng tha thiết: Vàm Cỏ Đông, hỡi Vàm Cỏ Đông...”.

Chúng tôi không ai bảo ai đồng loạt hát theo, chỉ có điều xin anh Trương Quang Lục bỏ qua cho o du kích đã sửa lại cánh xừng hô cho hợp cảnh, hợp tình.

Sang bên bờ bên kia đơn vị tập kết, ổn định đội hình, kiểm tra kỹ thuật rồi hành quân tiếp. Nguyệt thực toàn phần, bầu trời tối om, ở đây gần địch không được bật đèn. Đoàn xe nối đuôi nhau chạy trên con đường nhỏ phẳng lỳ, bằng ngang cánh đồng lúa mênh mông. Chúng tôi xa dần đất Việt, tiến sâu vào vùng đất thuộc tỉnh Soài Riêng. Mặt đường chỉ cao hơn mặt ruộng một chút, sức nặng của đoàn xe đã làm cho nhiều chỗ bị lún.

Phía trước đã có mấy xe bị lầy, xe 646 đi sau không có lối lên cứu, đoàn xe bị nghẽn lại giữa con đường độc đạo trống trải. Xe tôi đi sau chạy băng băng, hình như lái xe ngủ gật, chiếc xe lao đầu xuống đường, suýt đổ Chúng tôi nhảy cả xuống xe, xúm vào chống lầy ở rùng còn có gỗ, có cây, ở đây lấy đâu ra đành phải quăng bàn ghế, giường phản xuống lót, xong xe vẫn muốn đổ, phải xả hết hơi lốp một bên xe mới có thể đứng yên.

Trời gần sáng, lại sắp sửa một ngày mới. Ngày 30-11, trăng dần dần sáng trở lại, xa xa có những dãy cây chúng tôi băng ruộng ra trăng, nhưng không có lối nào bắt buộc phải kéo qua ruộng lúa. Sương xuống dày, lại lội ruộng, áo quần ướt sũng rét run cầm cập. Phương đông đã ửng hồng, nếu đoàn xe cứ nằm phoir trên lộ thể này thì rất nguy hiểm. Tiểu đoàn quyết định điều xe 646 lội ruộng vượt lên, lúa đổ rạp dưới bụng xe, hai xích cán thành 2 vết sâu hoắm như hai vết roi lằn sâu vào da thịt - ruộng lúa đang chín.

Nhưng nhờ sự kiên quyết đó đoàn xe đã vào được phum trước khi trời sáng. Nhân dân ra xem xe, chào đón bộ đội. Hai bên không biết tiếng nhau, nhưng nhìn cử chỉ rất thân thiện và rất thông cảm. Chúng tôi ngụy trang xe, tranh thủ nấu cơm rồi lại hành quân tiếp. Con đường mở rộng, đất khô ráo, đoàn xe băng băng qua Sóc, qua ruộng qua vườn. Hai bên đường nhân dân Campuchia hớn hờ vẫy chào các anh bộ đội Việt Nam.

3 giờ chiều chúng tôi đến Năm Căn, căn cứ mới của đơn vị. Hoàn thành chặng đường đầu tiên trên con đường tiến lên phía trước. Năm Căn là một phum nhỏ, dân ở thưa thớt, đó đây nhiều vườn bỏ hoang và bụi tre gai. Khánh - trinh sát của tiểu đoàn, người đi tiền trạm, chỉ một bụi tre gai bảo tôi: “Nhà của anh đó”. Tôi mang đồ đạc vào, bụi tre toàn gai, gốc tre phủ dày một lớp lá, trông rất bẩn thỉu. Tôi chột nhór lại hồi nhỏ, mẹ mắng: Không rửa chân tay thì ra gốc tre mà ngủ. Mẹ ơi, hôm nay thì con ngủ dưới gốc tre thật. Bụi tre cũng giống bụi tre ở nhà, nhưng con thì không còn bé, và không cố tình ở bẩn

mặc dù hôm nay con bắn thật. 4-5 ngày nay dầm mình dưới bùn, lại lên phơi nắng mồ hôi trộn đất cát trở thành thứ mùi vừa khét vừa chua. Đời lính thế đấy mẹ ạ. Nhưng con lại rất vui vì được đem sức trai ra phụng sự cho Tổ quốc.

Năm Căn chật chội, trống trải không thuận lợi cho việc trú quân và luyện tập bộ đội. Chúng tôi chuyển cứ về Bến Cầu, rồi về Tà Nông. Nơi này là cánh rừng thưa ven nhánh sông Vàm Cỏ, rộng rãi thuận lợi cho việc đóng quân và đi lại. Tiểu đoàn ra lệnh làm nhà cửa, kho tàng. Chúng tôi không vui vì thấy xây dựng căn cứ đàng hoàng thế này thì chắc là ở lâu, biết bao giờ mới được tham gia chiến đấu. Mặc dù chúng tôi đều biết rằng, mới đầu mùa khô, mặt đất phía trên thì khô nhưng phía dưới vẫn ẩm ướt. Nhất là vùng Kiến Phong, Kiến Tường, Long An nên xe bánh lốp không thể hoạt động được.

Nóng lòng ra trận thì lo vậ thôi, chứ chúng tôi không phải chờ lâu. Ngày 7-3 có tin ta vừa giải phóng Phước Long tối hôm qua. Đây là tỉnh ly đầu tiên hoàn toàn giải phóng. Địch không còn khả năng tái chiếm nên Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho toàn Việt Nam cộng hòa để tang Phước Long 3 ngày. Thật là nực cười. Chúng tôi lại phấn khởi được biết chính lực lượng xe tăng của Tiểu đoàn 20 và Tiểu đoàn 21 thuộc bộ đội Tăng Thiết giáp B2 đã phối hợp với bộ binh làm nên chiến thắng này.

17 giờ chiều, Đại đội 43 và Đại đội 45 được lệnh xuất phát. Lưu luyến tiễn đưa bạn và hẹn ngày gặp nhau ở phía trước. Vì có sự chuẩn bị kỹ càng nên cuộc vượt sông Tà Nông rất thuận lợi, nhanh gọn. Chúng tôi đứng bên này nhìn theo vẫy tay mãi cho đến khi đoàn xe khuất trong đám bụi...

*

* *

Sau tết Giáp Dần, chúng tôi được lệnh ra phía trước. Không có đường bộ, chúng tôi đi theo vết xe của đơn vị bạn men theo hành lang biên giới mà đi. Đất Campuchia rộng mênh mông và nắng cháy da, có những cánh đồng bát ngát màu cỏ úa xa tít tận chân trời, lác đác mới có mấy bụi le, mấy bụi thốt nốt.

Tới Chiphu chúng tôi đi lên quốc lộ 1. Tại đây thấy cột số ghi: Sài Gòn 93 km. Sài Gòn gần thế mà chúng tôi lại đi ngược về hướng thị xã Soài Riêng. Đường của bạn cũng thực hiện tiêu khổ kháng chiến nên rất khó đi: Cứ cách vài mét lại xẻ 1 rãnh ngang đường, rãnh này so le với rãnh kia nên cứ phải chuyển hướng liên tục. Gần tới Soài Riêng, chúng tôi quẹo trái vào đường đất xuống huyện Công Pông Rồ.

Chúng tôi gặp Đại đội 45 và tiền phương Tiểu đoàn ở Thum Tà - Lốt. Đồng chí Nguyễn Đắc Liên về thay đồng chí Trần Minh Sơn làm tiểu đoàn trưởng. Thời gian này Đại đội 45 và Đại đội 33 liên tục phối hợp với bộ binh tiến đánh các đồn bốt dọc biên giới: Long Khôi, Giảng Boong Boong, Thành Trị, Thái Trị, Mộc Bài, Bến Cầu, Trà Cao... đánh đến đâu địch bị tiêu diệt hoặc tháo chạy đến đó. Một tuyến biên giới dài mấy chục km từ Bến Cầu, Tây Ninh đến Kiến Phong, Kiến Tường được giải phóng.

Đường xuống đồng bằng đã mở rộng, chỉ chờ lệnh của trên. Tin chiến thắng dồn dập, ngày nay khác ngày qua. Mới ngày 10-3 ta đánh đồn điểm huyết, giải phóng Buôn Mê Thuộc, địch hốt hoảng rút chạy khỏi Tây Nguyên. Ta thừa thắng xốc tới giải phóng các tỉnh duyên hải miền Trung mà đến hết tháng 3 ta đã giải phóng một nửa miền Nam. Đà Nẵng một căn cứ liên hợp với hàng chục vạn tên địch cũng bị ta tiêu diệt. Tiếp đến Xuân Lộc cánh cửa thép án ngữ phía đông của địch cũng bị ta tiến công.

Ngày 14-4 Bộ Chính trị cho mở chiến dịch: Giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Chiến dịch mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh. Rảnh giờ nào chúng tôi xúm vào nghe đài lúc ấy, nghe cả đài ta và nghe cả đài địch. Địch hoang mang cực độ, thấy không thể cự lại sức tiến công của ta, ngày 21-4 Thiệu từ chức, chuồn ra nước ngoài...

Chúng tôi đang vô cùng nôn nóng và phấn khởi thì ngày 22-4 tiểu đoàn triệu tập cuộc họp chỉ huy các đơn vị và các cán bộ đầu ngành để giao nhiệm vụ. Tấm bản đồ được treo lên, các mũi tiến lớn đã cho thấy năm cánh quân của ta đã áp sát Sài Gòn, chỉ còn chờ giờ nổ súng.

Binh đoàn 232 đảm nhiệm mũi tiến công theo hướng Tây Nam. Binh đoàn tiến đánh 2 hướng: Hướng chính gồm phần lớn lực lượng của binh đoàn đánh qua Đức Hòa, Đức Huệ, đánh qua Quang Trung, Phú Lâm, đánh vào Sài Gòn.

Hướng phụ bỏ qua Tuyên Nhơn, Mộc Hóa, tiến dọc sông Vàm Cỏ Tây đánh vào Long An, cắt đứt lộ 4, không cho địch ở Sài Gòn và Cần Thơ ứng cứu nhau. Các đơn vị được phân công chiếm Dinh Độc Lập, Bộ Tổng Tham mưu, Biệt khu Thủ đô và Tổng nha Cảnh sát.

Đại đội 45 nhận nhiệm vụ vượt cánh đồng lầy cùng Sư đoàn 5 Bộ binh tiến dọc sông Vàm Cỏ tiến đánh Long An và chốt chặt lộ 4.

Đại đội 45 được tăng cường thêm 2 xe tăng lội nước K63-85mm, nâng tổng số đầu xe lên 10 chiếc. Đồng chí Nguyễn Đắc Liên trực tiếp đi cùng Ban chỉ huy đại đội. Đại đội trưởng là đồng chí Bùi Văn Ngự, chính trị viên là đồng chí Nguyễn Văn Ký.

Chúng tôi khẩn trương làm công tác chuẩn bị lương thực, thực phẩm ăn trong 10 ngày. Điều quan trọng nhất là nước uống và gỗ chống lầy, chúng tôi mua can trữ nước và xin dân cây làm gỗ tự cứu, còn các thứ khác như gạo, muối, dao, xẻng đã có sẵn trên xe.

Chiều ngày 26-4 đại đội xuất phát. Hai xe tăng cường chưa đến kịp, tiểu đoàn giao nhiệm vụ cho tôi và đồng chí Nguyễn Văn Ty ở lại nhận xe rồi tổ chức hành quân theo sau. Đồng chí Nguyễn Văn Kết là chỉ huy chung. Tôi chỉ huy xe 072, xe này có đồng chí Phòng Trọng Lục là trưởng xe, đồng chí Sơn lái xe và đồng chí Tháp pháo thủ. Đồng chí Ty chỉ huy xe 071, xe này có đồng chí Hợp trưởng xe, đồng chí Khải lái xe và đồng chí Bàn pháo thủ.

Chúng tôi xác định đường đi trên bản đồ: Từ phum Tà - lốt thẳng tới góc biên giới hình mỏ vẹt chừng 20km gặp kinh Xàng. Đây là một phần Đồng Tháp Mười, sẽ rất lầy lội. Từ bờ kinh Xàng thẳng xuống phía Tuyên Nhơn chừng 5-6km đến rạch Ba Thẳng Minh. Từ đây xe xuống rạch bơi ra thôn Trà Cú rồi bơi dọc sông Vàm Cỏ Tây chừng 54km thì đến Long An.

Đường hành quân như vậy sẽ xảy ra nhiều tình huống bất ngờ, chúng tôi không thể lường trước được nhưng xác định sẽ rất khó khăn vất vả nên chúng tôi chuẩn bị khá chu đáo nhất là công tác chống lầy mỗi xe chuẩn bị 2 cây gỗ tự cứu và nhiều nước ngọt. Vì đi sau nên xe chúng tôi phải chờ hết số anh em công binh, thông tin, trinh sát, hậu cần... còn kẹt lại. Riêng xe tôi không kể thành viên xe, số người ngồi trên xe đã lên đến số 20. Mặc dù lo lắng nhưng ai nấy đều rất phấn khởi, nôn nóng.

16 giờ chúng tôi xuất phát. Nhân dân Campuchia lưu luyến tiễn đưa, mấy bà, mấy chị rơm rớm nước mắt và chúc chúng tôi chiến thắng. Xe qua hết mấy

phum, sóc hết mấy rặng thốt nốt thì tới cánh đồng. Ngồi trên lưng xe dùng ống nhòm nhìn hết tầm mắt cũng không thấy một xóm làng nào cả. Chỉ thỉnh thoảng có vài bụi tràm thưa thớt, còn lại toàn cỏ lác, cỏ năn.

Chúng tôi cứ theo vết xe trước mà đi, càng đi cỏ càng tốt, có chỗ cỏ ngang tháp pháp, lực cản lớn, tốc độ xe càng lúc càng chậm lại. Đồng rộng như vậy nhưng không phải chỗ nào cũng đi được, trinh sát kỹ thật đã điều nghiêm đánh dấu đường nên chúng tôi không dám đi ra ngoài phạm vi quy định. Các xe đi trước đã cày nát đường, chúng tôi gặp nhiều chỗ được lát bằng cây chàm nhưng xe qua đã làm gãy ngổn ngang, có lúc phải dừng xe để sửa chữa đường xong mới qua được.

Màn đêm buông xuống, trăng 16 lấp ló phía chân trời trước mặt. Tiếng súng nổ đi đùng vọng lại, quanh chân trời chỗ nào cũng thấy pháo sáng. Dịch theo hướng tay phải về hướng Đông Nam có quầng sáng lớn nhất, chúng tôi đoán đó là căn cứ Tuyên Nhơn của địch. Trăng lên cao, chúng tôi đến một khu lầy lội, phải dừng lại xác định lối đi. Những vết xe sâu hoắm, ngổn ngang cây tràm, không kém bãi lầy ở Trảng Bà Diếc, anh em xuống lát đường. Được chừng một trăm mét thì xe Ty lầy. Tôi cho xe 072 lách sang một bên, đi được một đoạn thì xe tôi cũng bị lầy.

Nhìn bãi lầy chúng tôi biết các xe đi trước cũng từng bị lầy ở đây rồi. Nhảy xuống cứu xe, có người hăng hái cởi cả áo nhưng được một lúc phải vội mặc áo vào, vì không thể chịu được với muối. Những con muối vắn to bằng đầu tăm chích đau như kim chích. Chân tay toàn bần không thể đập muối được, anh em sáng kiến lấy đầu ma dút, lấy mỡ xe bôi lên mặt người.

Chúng tôi đem gỗ tự cứu ra đặt trước đầu xe rồi dùng cáp cố định gỗ vào cho bằng 2 băng xích, đóng cọc đánh dấu chỗ cây gỗ nằm rồi chỉ huy cho xe tiến lên. Cây gỗ bị đè, chìm sâu xuống đất, chiếc xe chồm lên, khi bánh xe cuối

cùng vừa qua khỏi cọc đánh dấu, lập tức dừng xe vì nếu không dừng kịp thời, cáp quần vào bánh chủ động thì không gỡ ra được và có thể đứt xích thì nguy.

Bài học tự cứu nay được đem ra dùng. Xe tiến lên được một thân xe, bây giờ lấy cây gỗ lên mới là chuyện gian nan. Bùn đặc quánh trộn với cây lác, cây năn, quần vào cây gỗ. Dùng cuốc xẻng không chặt được cỏ, dùng dao không chặt được bùn. Cây gỗ ngập sâu 50-60 cm, phải mất cả giờ đồng hồ mới moi lên được. Bây giờ cây gỗ đã nặng hơn trước 2-3 lần và trơn tuồn tuột. Cả chục người xúm lại mới khiêng được cây gỗ ra mũi xe. Công việc lại lặp lại như ban đầu, nhưng lần này lấy được cây gỗ lên còn vất vả hơn vì không chỉ có cỏ quần vào cây gỗ, mà cả những cây tràm khi xe đi qua bị gậy nằm ngang nằm dọc và bùn thì ngập gần tới sát mép trên của gờ chắn bùn. Lấy được cây gỗ lên thì trăng đã về tây. Chúng tôi quyết định nghỉ để lấy sức sáng mai ban ngày để quan sát để chỉ huy.

Sáng ra chúng tôi tổ chức lát gỗ, ghim xuống đường thật chắc. Ngay trước đầu xe, chúng tôi lát lớp dọc rồi lát lớp ngang để khi xe lên được thì không bị lầy trở lại. Quả thật lần này xe không lầy nữa, chúng tôi thu dọn đồ nghề, cố định lên xe và hành quân tiếp. Tôi ngồi ngay trên mũi xe cạnh cửa lái xe để tiện hợp đồng với lái xe, lại quan sát được xa hơn. Tôi xác định chỗ nào cỏ màu vàng là chỗ đất cứng hơn chỗ cỏ xanh. Và rút kinh nghiệm là nếu xe chạy số cao, guồng xích quay nhanh làm xe dễ lún hơn. Nếu chạy số thấp, sức nặng của xe làm xe không lướt đi được, xe cũng dễ lầy. Tôi thống nhất với lái xe cứ đi số 2, chân ga giữ đều, khi. cảm thấy xe sắp lầy thì tăng ga cho xe lướt qua.

Trước khi khởi xe, chúng tôi đi thăm đường trước vài trăm mét. Làm như vậy quả thật xe đỡ bị lầy hơn. Tôi quan sát khắp chung quanh, chân trời như chiếc bát úp, tuyệt nhiên không thấy bóng một làng nào, trừ vài bụi tràm. Như vậy là chúng tôi đang ở giữa đồng lầy. Như vậy là những chiếc xe đi đầu đã đi khá xa, không thấy bóng dáng chiếc nào ngoại trừ những vệt bùn đen sì bị

xích xe cuốc lên, nổi bật trên thảm cỏ.

Tôi bất giác suy nghĩ: nếu kẻ địch dùng máy bay đánh thì chúng tôi chỉ còn một cách là dùng 12,7 mm đánh trả để bảo vệ mình, chứ không thể nguy trang xe được... Xe lại bị lấy, chúng tôi khắc phục rồi lại đi tiếp. Lúc đầu còn nhớ ngày hôm nay xe lấy mấy lần. Còn bây giờ thì không thể nhớ nữa, không hơi sức đâu mà nhớ, mà nghĩ đến nó. Bây giờ chỉ còn nghĩ làm sao cho xe đi được là mừng, làm sao đuổi kịp đơn vị để mà chiến đấu. Thậm chí chúng tôi không còn thời gian để nghỉ, để nghe radio nữa...

Đêm lại buông xuống, chúng tôi lại chiến đấu với bùn, chiến đấu với muỗi... người muốn lả đi. Sáng ra chúng tôi đi điều nghiên đường rồi quyết định: Dù đi ra ngoài vệt xe cũ có thể dễ bị lấy hơn nhưng khi lấy tổ chức tự cứu còn dễ hơn đi vào vệt xe cũ. Chỗ nào lấy quá thì lấy cây ở vệt xe cũ lát sang, làm như vậy quả là đỡ lấy hơn nhiều.

Càng đi càng thấy dấu vết các xe đi trước lấy nhiều hơn. Đã là ngày thứ 3 mà chúng tôi vẫn ngoi ngóp giữa đồng. Tôi ngồi trên mũi xe, theo dõi chiếc xe hoạt động. Tôi thấy chiếc xe đang bon bon bỗng chạy chậm lại, mặc dù lái xe tăng chân ga. Nhưng xe vẫn tự dừng. Nhảy xuống đã thấy bùn ngập hết xích xe. Tôi nghĩ những lúc xe chạy chậm lại như thế nếu có thêm một lực đẩy phụ nào liệu xe có vượt qua được chỗ lấy này không? Và tôi quyết định làm cái việc mà không ai làm bao giờ: Đẩy xe tăng! Tôi đem ra bàn, anh em cười ồ, không ai nghe. Tôi nói: Phương ngôn có câu “con ruồi bâu nặng đồng cân”, ở đây chúng ta có hơn 20 người ngồi trên xe, tức là cái xe phải chở thêm hơn 1 tấn. Trên đường khô với trọng lượng như vậy chẳng ăn thua gì với nó. Còn trên bãi lấy này trọng lượng ấy là cả một vấn đề. Hơn nữa anh em hầu hết là lính bộ binh, đâu biết nhiều về kỹ thuật lực kéo ở bánh xe chủ động chỉ có 130 kgm. Nếu cả 20 người nhảy xuống hết thì xe nhẹ được một tấn. Nếu mỗi người đều xúm vào đẩy thêm vào xe một lực 10kg thì xe sẽ thêm một lực đẩy 200kg. Tất nhiên đây không phải ngẫu lực như ở bánh xe chủ động nhưng làm như vậy tốt hơn là ta cứ ngồi trên xe chờ lấy rồi lấy cây

tự cứu xe!

Có nhiều anh em nghe ra, nhưng vẫn có người phản đối, tôi giải thích thêm: Khi chiếc xe bò bị lầy, con bò khỏe thế mà ta quất roi nó cũng không kéo được cái xe lên. Nhưng nếu ta lấy tay vằn bánh xe phụ nó thì lập tức xe lên được. Hoặc chiếc Ô tô lầy nổ máy, cài số xe không lên được, nhưng cho maniven vào, cài số 2, anh em tài xế ra sức quay, chiếc xe từ từ lên được. Tất nhiên phải làm thêm các động tác như ta vẫn làm: Vét bùn đất trước bánh xe, lát cây, chèn đất cứng vào...

Vẫn còn anh em phản đối cho làm tôi lảm lý sự. Tôi kiên quyết: Tôi chỉ huy xe này, là xe chiến đấu, chứ không phải xe chở khách. Anh em nếu không ủng hộ thì mời xuống lợi bộ, để ba lô tôi chở cho. Không khí có vẻ căng thẳng, tôi quay ra năn nỉ: Đây là tôi suy nghĩ và quyết định như vậy, nếu anh em phản đối thì tôi phiền anh em chiều tôi một lần thử xem. Nếu kết quả tốt thì làm tiếp còn không thì thôi, có mất cái gì đâu. Cái khó nó ló cái khôn mà. Nếu cái khó nó ló cái ngu thì tôi xin chịu phạt. Anh em vui vẻ hưởng ứng.

Cứu xong xe lần này, tôi quyết tâm thực hiện ý định ấy. Tôi lại ngồi trước mũi xe quan sát, khi chiếc xe chạy chậm chậm lại, tôi hô to: Tất cả nhảy xuống đẩy xe. Anh em đồng loạt làm theo, chiếc xe ạch một lúc rồi vượt qua khỏi, tôi cho xe chạy lên chỗ đất cứng dừng lại đón anh em, anh em chạy theo cười nói vui vẻ: Hoan hô Gia Cát. Từ bây giờ chúng tôi cứ làm theo cách ấy, quả thật xe đỡ lầy hơn...

Đã là ngày 29-4 mà chúng tôi vẫn loay hoay giữa đồng lầy. Cái “sáng kiến” của tôi cũng không thể áp dụng được nữa. Mới sáng ra xe đã mắc lầy. Một bãi lầy mênh mông, không có lối nào mà tránh. Chắc chắn lúc đơn vị qua đây cũng vất vả lắm. Chúng tôi lại giở bài bản cũ ra làm. Sức đã kiệt, nước ngọt đã hết, cá khô cũng đã hết, chỉ còn gạo với muối. Tôi phân công anh em tập trung lát đường, lấp và tháo gỗ tự cứu, một vài anh em thì đi bắt cá, nấu cơm.

Anh em phát hiện ra một cái rãnh sâu khoảng đến đầu gối, dài chừng 20m ở gần bãi lầy. Hai người cầm hai cái thùng xuống mò từ hai đầu lại. Chỉ một loáng được lưng thùng toàn cá lóc, cá trê, cá rô. Anh em xúm lại xem đúng là cá Đồng Tháp Mười nay mới được tận mắt chứng kiến. Còn nước thì chỉ cần lấy cái xẻng xắn vài nhát vào chỗ đất mềm, chừng 5-10 phút sau, nước rỉ ra đầy hố trong vắt. Chúng tôi thi nhau cầm bát sắt vục uống. Nhưng ọe... ọe không sao uống được, nước vừa chua, vừa tanh lợm cả cổ. Chúng tôi nghi nấu chín chắc chắn đỡ hơn. Nhưng càng bất ngờ hơn khi nồi eom mở ra, gạo Campuchia trắng vậy mà cơm biến thành màu tím ngắt ăn cũng không được. May mà có nồi cá to ăn trừ bữa. Ăn xong lại vào cứu xe.

Có anh trinh sát đơn vị cử về tìm chúng tôi, anh bạn động viên: ráng lên chỉ còn hơn một km nữa là đến kinh Xàng rồi. Tôi cử người ra kinh tìm thuyền dân xin nước ngọt, còn anh em vẫn tiếp tục cứu xe, điều nghiên đường, tôi thấy qua được chỗ này là ổn. Phía trước đất cứng, vệt xe rất nông, không thấy dấu vết lầy nữa.

Điều mà tôi lo lắng, suy nghĩ đã xảy ra: Phía chân trời trước mặt xuất hiện một tốp máy bay và bom nổ. Rồi lại một tốp khác, chúng tôi lấy cò phủ lên thân xe. Đây là phản ứng tự nhiên thôi, chứ trên trời nhìn xuống chắc chắn là kẻ địch thấy rõ chúng tôi mồn mọt. Bom lại nổ, nhưng cách xa chúng tôi. Lạ quá, trình độ ném bom của chúng sao mà xoàng thế. Tôi để ý thấy chúng bay rất cao và cứ thế ném bom chứ không nhào xuống như máy bay Mỹ ném bom miền Bắc. Ném xong chúng bay thẳng chứ không quay lại. hay là chúng bỏ chạy sang Thái Lan, ném bom đi cho nhẹ, chứ không còn tinh thần chiến đấu nữa. Mặc kệ nó, việc nó nó làm, việc chúng tôi chúng tôi làm, không nghĩ đến nó nữa.

Trời sập tối chúng tôi qua khỏi được bãi lầy. Như vậy cả ngày hôm nay chúng tôi chỉ đi được hơn 30m, một kỷ lục thế giới về tốc độ tiến quân của xe tăng. Chả là xe lầy chúng tôi cứu xe 5 lần, mỗi lần xe tiến được một thân xe, các bạn tính xem, có phải là hơn 30m không. Nói vậy thôi chứ chiều nay, anh

em thoải mái ăn một bữa cơm cá kho muối thật ngon. Đang bữa ăn, đồng chí Két bảo tôi: Sáng mai cậu bảo anh em ngụy trang xe, điều nghiên đường rồi cho xe vượt kinh Xàng trước. Sang bên kia kinh nghỉ ngơi, chờ xe cậu Ty. Tôi chấp hành vui vẻ.

Xe Ty không làm theo “sáng kiến” của tôi nên bị lầy cách xe tôi chừng gần một km, tức là cách bờ kinh gấp 2 lần xe tôi. Sáng ra đồng chí Két chạy sang chỗ xe Ty, tôi cùng anh em cho xe vượt kinh. Gỗ chống lầy của xe Ty đã gãy, anh em sang lấy gỗ của xe tôi, lại gãy nốt. Không biết xe lầy nặng đến đâu vì tôi không ra chỗ đấy. Đồng chí Phạm Hùng Tấn, trợ lý kỹ thuật được tiểu đoàn cử về đón. Đồng chí cho ghe vào gần Tuyên Nhơn cửa được một cây cột điện gỗ dầu to tướng mang ra. Tôi bảo: Không được đâu anh Tấn ơi, cây này to quá, đứt xích thì mệt lắm đấy, nhưng anh Tấn bảo lấy đâu ra gỗ bây giờ, cứ làm thôi. Y như rằng, một lúc sau có anh em a bảo tôi: xe anh Ty đứt xích rồi.

Thủ trưởng Két ra lệnh cho anh đưa xe lại kéo. Tôi bực mình vì nói không nghe nên chần chừ chưa muốn đi và bảo: Ông về nói anh em ra lát đường đi, lát dài chừng 30m, lát xong tôi cho xe sang, bây giờ tôi sang dừng ở đâu, lại lầy nữa thì khổ. Vậy là tôi và chính trị viên phó nảy sinh mâu thuẫn. Bây giờ nhắc lại cho vui chứ những chuyện như vậy xảy ra lúc đói, lúc mệt là chuyện bình thường.

Khi xe anh Ty qua kinh xong, chúng tôi bảo nhau, rửa xe đi cho nhẹ, và lại cho oai một tý. Đồng thời chúng tôi thay quần áo mới mặc cho đẹp, nhưng có điều phèn dính tay chân như nhựa chuối, rửa cách mấy cũng không sạch. Sau này về Sài Gòn cả tháng sau các vết phèn mới hết.

Bờ kinh thẳng tắp, rộng hơn 10m, trải đất đỏ phẳng lỳ. Đã 4 ngày lặn ngụp với bùn, nay lên lộ như được cởi trói, không ai bảo ai mà đều chung ý nghĩ

chạy lẹ lẹ tý cho sướng. Xa xa trước mặt, giữa đường đất đỏ, nổi lên mấy đám cỏ. Xe Ty chạy trước lách sang trái, lách sang phải. Tôi thắc mắc chưa kịp phản ứng gì thì chiếc xe tôi đã lướt tới ngay trước mặt cách mấy mét là một hố bom rộng chừng 4 mét cỏ mọc xung quanh. Nếu thắng lại thì *theo quán tính xe sẽ chúi mũi xuống hố bom thì chỉ còn cách dùng “cần cầu bay”* mới đem được xe lên. Theo phản xạ tự nhiên tôi làm động tác tăng ga và miệng hét to “”Tăng ga, Tăng ga?...” Rất may, Sơn cũng có phản xạ như tôi, chiếc xe nghiêng hẳn sang trái, đổ đạc trong xe đổ loảng xoảng, nhưng xe qua được.

Tôi cho xe dừng lại, cả 4 anh em đều nhảy xuống xe, quay lại xem (lúc này số anh em theo xe đã lên xuống đi trước). Vết xích bên phải bám chừng 1/3 vào thành hố bom. Vết xích bên trái hoàn toàn lướt trên mặt nước. Tôi bảo Lục tháo ăng ten xuống đo thử độ sâu, không thấy đáy hố, thật hú vía. Chúng tôi lên xe đi tiếp. Đến rạch Ba Thằng Minh dừng lại làm công tác chuẩn bị bơi. Chúng tôi kiểm tra và sửa lại chỗ nhét giẻ. Tôi cho tháo hết sàn xe dựng lên để có gì thì dễ xử lý. Xe xuống rạch, nước rì vào từng tia bằng ngón tay. Chúng tôi, một mặt lấy cây lấy giẻ chèn lại, một mặt mở cả hai máy hút nước sàn xe.

Mới đầu thì lo lắng, lo làm sao bơi liên tục được 40-50 km, nhưng lâu quen dần. Hóa ra xe xuống nước rất vững chúng tôi thoải mái đi lại trong xe xe không hề tròn trành. Nước chỉ cách nóc xe chừng 20cm nhưng không sao, chỉ khi nào bơm nước phía sau bơm ra dòng nước mạnh, tức là nước trong xe đã nhiều, chúng tôi mới mở bơm nước phía trước. Chả mấy chốc chúng tôi đã ra đến ngã ba sông. Chỗ này là thôn Trà Cú, cách Tuyên Nhơn chừng 5-6km. Chúng tôi xuôi dòng đuổi theo đơn vị.

Chúng tôi, những người lính xe tăng B2, không ai có thể ngờ rằng chỉ vài chục phút nữa chúng tôi gặp hai Giang thuyền của địch cũng đang xuôi theo dòng sông vàm Cỏ Tây tháo chạy. Về mặt chiến thuật đánh địch đang trong hoàn cảnh hành quân, và gặp địch bất ngờ, ta thường gọi là “Trận tao Ngô

chiến”, nhưng nhiều anh em lại rất thích cái tên: “Trận thủy chiến”. Vì xe tăng. Thiết giáp là xe chiến đấu sử dụng đánh địch trên mặt đất còn ở đây lại bơi trên sông và đánh địch cũng ở trên sông. Hơn nữa đối với Binh chủng Tăng - Thiết giáp trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ, đã tham gia 15 chiến dịch lớn đánh 211 trận, thì trận đánh địch trên sông Vàm Cỏ Tây lần ấy cũng là trận đánh độc nhất, nên anh em còn gọi một cái tên nữa cũng hay hay: “Trận thủy chiến không tiền, khoáng hậu của Binh chủng xe Tăng Việt Nam.”

Màn đêm buông xuống, dòng sông mênh mang, ghe thuyền ngược xuôi. Nhân dân qua lại nhìn xe tăng bơi trên sông đều tỏ ra ngạc nhiên, nhiều chiếc ghe chạy sát lại gần chúng tôi xem xe tăng và chào bộ đội. Trăng hôm nay lên muộn, dòng sông mờ mờ ảo ảo. Bỗng chúng tôi thấy nhiều chiếc ca nô to, cao, hình thù giống nhau, chạy song song với chúng tôi xuống phía hạ lưu. Chiếc nào cũng phủ bạt kín mít, tắt đèn tối om. Nhân dân ghé vào bảo: “Các chú ơi, địch đấy, sao không bắn!”. Chúng tôi hỏi: “Địch đâu?” Nhân dân trả lời: “Những chiếc tàu to phủ bạt, không đèn là địch, các chú đừng bắn nhầm ghe của dân: “Như vậy đội hình của địch lẫn vào đội hình của ta.

Tiểu đoàn ra lệnh cho những xe đi đầu phát tín hiệu cho các “ca nô” dừng. Bọn địch lơ lơ như không biết, tăng tốc chạy xuôi. Tiểu đoàn ra lệnh nổ súng bắn chỉ thiên, chúng càng chạy nhanh. Không thể để chúng chạy thoát. Những xe đi đầu được lệnh dùng 12,7 bắn tàu địch. Bọn địch cũng dùng đại liên và M79 bắn trả. Tiểu đoàn ra lệnh dùng súng phòng không 23mm và 14,5mm nhằm vào chiếc đi đầu. Từng loạt đạn đỏ lờ găm vào tàu địch. Đội hình địch rối loạn, trước sau đều thấy xe tăng ta. Chiếc tàu trúng đạn từ từ chìm xuống lòng sông. Lực lượng địa phương của ta cũng dùng ghe ập tới, buộc địch đầu hàng.

Ta hướng dẫn cho số ca nô còn lại ghé vào mạn phải sông Vàm Cỏ Tây thuộc địa bàn ấp Tân Đông, áp giải bọn chúng lên bờ. Chúng khai nhận đây là 2 giang đoàn thủy quân của chúng đóng tại Tuyên Nhơn, lợi dụng trời tối định

chuồn ra biển. Chúng đâu có ngờ gặp đoàn xe tăng của ta đang bơi trên sông. Toàn bộ những tên trên chiếc tàu bị bắn chìm đã bị tiêu diệt, trong đó có một tên thiếu tá. Bắt sống 170 tên, cũng có một tên thiếu tá. Thu toàn bộ 19 ca nô chiến đấu. Bên ta hy sinh một chiến sĩ. Đến giờ toàn thắng mà máu chiến sĩ xe tăng vẫn đỏ... Tiểu đoàn giao cho bộ đội địa phương giải quyết số tù binh và chiến lợi phẩm.

Chúng tôi lại xuống sông tiếp tục hành quân. Bình minh đã tỏa sáng chân trời trước mặt. Nhìn đoàn xe tăng - thiết giáp bơi giữa dòng, chiếc nọ cách chiếc kia 200-300m, nòng súng vươn cao, cờ Mặt trận Giải phóng phấp phới trên cột ăng ten trông vừa kiêu hãnh vừa ngộ nghĩnh. Quang cảnh ấy không chỉ những người lính xe tăng chúng tôi, mà tôi tin nhân dân hai bên bờ sông đều sung sướng và tự hào.

Chúng tôi đổ bộ lên phía trái chân cầu Long An, Thành phố Sài Gòn-Gia Định đã giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng. Xe cộ tấp nập trên cầu không khí hân hoan náo nhiệt. Mười con mãnh hổ sau bốn ngày dầm dưới bùn lầy và một ngày vùng vẫy trên sông, nay xếp thành một dãy dưới chân cầu, nòng súng vươn cao vẫy chào nhân dân đang đứng đông nghìn nghịt hai bờ sông.

Chúng tôi lên đường, ngắm nhìn thành phố đỏ rợp cờ hoa, ngắm nhìn xe cộ Nhân dân tràn ra đường chào đón bộ đội, ngắm nhìn xe tăng. Một bác chừng 70 tuổi, tóc bạc, dáng người chắt phắc thấy tôi và Túng (cơ yếu) đeo súng K54 đứng ở vệ đường, bác lại chào và nói: Các chú Cách mạng giỏi lắm, các chú đã làm được những điều kỳ diệu, các chú đã đưa xe tăng từ Bắc vào Nam, các chú đã đi hàng ngàn cây số, các chú đã đánh thắng cả Pháp cả Mỹ... Các chú có thể cho phép tôi chiêm ngưỡng đôi dép cao su của các chú được không. Nói xong bác ngồi sụp xuống trước mặt, tôi vội vàng ngồi bệt xuống đường, tháo dép cho bác xem. Bác nói: “Đôi dép cao su, đôi dép Bác Hồ, đôi dép Bình Trị Thiên khóí lúa, đôi dép Cách Mạng, đôi dép chiến thắng...”. Tôi đỡ lời bác: “Thưa bác chúng cháu chỉ là lớp người cầm súng đi

bảo vệ thành quả Cách mạng của nhân dân thôi ạ...”.

Mới đó mà đã gần 30 năm trôi qua, bạn hữu của tôi đa số đã trở về sống đời thường. Các anh nay ở đâu, nếu có dịp hãy cùng ôn lại những phút giây hào hùng đã in đậm trong trí óc chúng ta như những dấu son không bao giờ phai nhạt. Nếu trong cuộc sống có lúc nào gặp khó khăn, mong các anh đừng nản lòng và hãy nghĩ lại những giây phút hào hùng đó.

TP Hồ Chí Minh 30-4-2003

L.C.L

(ĐT. 08.8916787)

KỶ NIỆM VỚI NGƯỜI VỀ “XE TĂNG VƯỢT TRỌNG ĐIỂM”

Lê Đức Tuân

Trợ lý Bản tin Binh chủng 1972

Năm 1972 sau chiến dịch giải phóng Quảng Trị tôi nhận lệnh về Bộ Tư lệnh Thiết giáp làm trợ lý bản tin. Để lại xe pháo cho đồng đội, dặn nhau “Oánh tiếp, oánh đến cái tróc của Mỹ ngụy”

Ngồi trên xe tô phủ bạt chở chiến lợi phẩm làm bảo tàng và di vật của liệt sĩ, 5 giờ chiều một ngày tôi về đến sân kho hợp tác làng Gô, xã Kim Long, huyện Tam Dương, Vĩnh Phú, nơi cơ quan Chính trị Bộ Tư lệnh sơ tán.

Vừa xuống xe nhiều người quen cũ chạy đến, Hoàng Ngọc Quý giới thiệu Lê

Trí Dũng, hai bạn chưa phân thắng bại trong séc bóng bàn cùng trao vợt cho tôi, “ưu tiên” không cần xếp hàng.

Hồi đó chúng tôi đều chưa có vợ, lại đồng hương, cùng ban, cùng phòng nên chóng thân nhau. Tôi biết Lê Trí Dũng là một trong quân số hàng đại đội sinh viên, giáo viên đại học, nhiều người học ở Liên Xô, Trung Quốc, Hunggari, Triều Tiên... vừa vào Binh chủng. Rồi Mỹ buộc phải ngưng ném bom phá hoại miền Bắc chúng tôi về ở doanh trại.

Để động viên sĩ khí “Đã ra quân là đánh thắng” Bộ Tư lệnh chỉ thị phải có một áp phích cỡ lớn ở cổng Bộ Tư lệnh (km 6 đường lên Tam Đảo nay là trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp), Lê Trí Dũng phải thực hiện mọi khâu từ phác thảo, thể hiện đến lắp ráp...Tôi thương Dũng quá, cứ đi công tác về lại ra giữ thang cho Dũng leo trèo đo đạc, suy tính.

Thời đó, để tăng chất lượng bữa ăn mỗi sĩ quan ở cơ quan phải đảm bảo chỉ tiêu mỗi tháng 10kg rau xanh tự trồng gia, 10kg củ cành. Lo công viên của mình tối ngày, hễ được nghỉ lại phải tính đi rừng, cuốc đất, phân tro. Tuổi còn trẻ “đói kinh niên”. Dũng nhanh trí đề xuất ‘bịa’ ra các khoản phải nộp hết 5kg bột mì Liên Xô loại I cho bức tranh dài 6m, cao hơn 2m. Chờ đúng dịp nhiều bạn thân ở nhà, đói thì tán ăn, Dũng “mật báo” cho chúng tôi rồi bỏ ra 2kg bột nấu cháo cá. Chúng tôi xì xụp nửa đêm đông, dưới một nhà tầng không mái (ngôi mái nhà đã dỡ đi làm mái nhà che xe tăng sơ tán ở ngoài đồi), nhìn đi ngó lại toàn những sĩ quan chọn, đứng ngồi “ăn hồ thợt vẽ” mà cười đến giờ.

Hết chiến tranh, người thì “ba sao không bằng một sào ruộng khoán”, tôi thay sắc áo, Dũng về cày trên giảng đường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp. Rồi Dũng “có riêng” một cô kỹ sư hóa làm ở nhà máy da Thụy Khuê có một cháu trai ở hồi tầng hai nhà B1 Kim Liên, tôi đến thăm biết Dũng vẫn cần mẫn, tìm

mặt đời vẽ tranh. Tranh nhiều lắm nó “nằm vùng” trên gác xép, nóc trạn.

Đùng một cái Dũng thả ngàn ngựa ra thế giới người. Tôi mừng như việc của mình đến khoe với Dũng những báo, những chí viết về Dũng, bất ngờ nghe Dũng bảo:

- Đọc để soi sửa mình, để sống như thời vẽ “ngựa sắt vượt cổng trời” thôi anh ạ!

Cận tết Nhâm Ngọ (2002) tôi nhận được bài viết “Đường đến dinh Độc Lập” của thượng tá Nguyễn Khắc Nguyệt, cán bộ phòng huấn luyện Binh chủng Tăng - Thiết giáp thấy được quá. Trong bài ấy có một chi tiết tôi ngờ ngợ, buộc phải hỏi lại Nguyệt: Liệt sĩ Duyệt có phải là sinh viên năm thứ hai Đại học Nông nghiệp I, người Hà Nội. Hồi ở Quảng Trị có tham gia lớp của Lê Trí Dũng không?

Tôi điện cho Dũng đề nghị “truy tìm” trong “bảo tàng” ảnh chụp và vẽ của riêng Dũng thời 1973 ở Cửa Việt, Quảng Trị. Dũng sốt sắng mò mẫm cả đêm. Đến với tôi hai đĩa chụp đầu chỉ chỗ, nhớ lại, Dũng khẳng định một bức ảnh bé tí (ảnh mẫu ma kết) có người chiến sĩ trẻ măng ngồi ở tiền cảnh trên tháp pháo xe tăng, rất ấn tượng... lại Dũng phải xuất xe vài lần, mỗi lần hàng chục km tìm Nguyệt để xác minh nhân vật ảnh trong bề bộn các hợp đồng bằng điện thoại vẽ bìa báo tết, vẽ minh họa.

28-4-2002 ngày giỗ lần thứ 27 của trung sĩ Nguyễn Kim Duyệt (chiến sĩ đại đội xe tăng đầu tiên vào chiếm dinh Độc Lập ngụy) có họa sĩ Lê Trí Dũng (cùng binh nhì hôm 30-4-1975) Nguyễn Khắc Nguyệt đến nhà Duyệt (32 đường Đại La, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) mang theo “tấm ảnh quý nhất”

như gia đình Duyệt nói. Song gia đình chưa biết bức ảnh đó do Dũng chụp và lại chính Dũng cúp, tách phóng to đến cỡ 18 x 24 ở một hiệu vi tính.

Ngày giỗ Duyệt năm ấy làm ấm lòng người mẹ đẻ ra Duyệt đã trên 80 tuổi, bà ôm tấm ảnh Duyệt đang giờ bút đo đất, ngắm trời để lấy tỉ lệ cho bức vẽ tập thực hành sau một trận đánh chống tái chiếm của ngụy. Lớp học ấy là một trong nhiều lớp bồi dưỡng năng khiếu, tạo nguồn sau chiến tranh của thầy giáo, thượng sĩ Lê Trí Dũng!

L.Đ.T

(ĐT. 04. 8583556)

NHỮNG KỶ NIỆM TRONG MỘT CHUYẾN ĐI

Âu Gia Huyến

Nguyên trợ lý Tuyên huấn -

Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp

Hôm ấy, 26 tháng 2 năm 1974, tôi được anh Lê Lộng trưởng ban Tuyên huấn Bộ Tư lệnh Thiết giáp cho đi cùng đoàn của Bộ Tư lệnh vào nắm tình hình mọi mặt các đơn vị xe tăng ở chiến trường. Tôi được giao nắm tình hình hoạt động tuyên huấn và thu thập những hình ảnh, những hiện vật ở chiến trường của Binh chủng về cung cấp cho Bảo tàng. Đồng chí Lê Quang Độ tham mưu Phó binh chủng làm Trưởng đoàn có đại diện của các cơ quan Tham mưu, Chính trị, Kỹ thuật của Binh chủng.

Vừa ra khỏi chiến tranh phá hoại dọc đường đi từ Hà Nội đến Quảng Bình qua các trọng điểm nổi tiếng là ác liệt: Ngã ba Đồng Lộc; phà Long Đại mà

anh em thường gọi là Phà long đầu: Cổng trời... đoàn đều dừng lại xem xét tình hình rút kinh nghiệm. Đoàn đi một mạch từ Quảng Trị đến Lộc Ninh (B2) làm việc xong mới quay ngược ra các đơn vị 133 và B4.

Từ Quảng Trị vào mùa khô, ngồi trên xe Ô tô rất mệt và bụi làm nghẹt thở. Xe trước cách xe sau khoảng 10m đã không thấy nhau. Chúng tôi phải đeo khẩu trang bên ngoài phủ thêm một khăn mặt để thỉnh thoảng hé ra thở rồi lại bịt vào. Đoạn nào ít bụi đã cảm thấy sướng. Xe qua ngã ba Đông Dương, đoàn dừng lại nghiên cứu. Đây là tọa độ lửa. Năm 1972 đoàn xe tăng vào B2 đến đây còn phải dừng lại tạo thêm cho đường mòn một lối đi mới.

Khi vào tới B2 đến cơ quan chỉ huy xe tăng là Bù Đốp - một khu vực vừa được giải phóng. Đến nơi tôi sang cơ quan tuyên huấn, tuy mới thành lập nhưng đã có tờ tin nội bộ. Ngắn gọn nhưng phản ánh được tình hình đơn vị. Tối hôm sau tôi cùng đoàn ra xem phim. Hôm ấy lại chiếu phim về xe tăng. Đang xem một đồng chí lái xe đơn vị hét toáng lên: “Vợ tở! Vợ tở”.

Mọi người ngơ ngác nhìn về phía đồng chí lái xe đang chỉ lên phim cười nói vui vẻ. Thì ra hai vợ chồng trước đây cùng ở cơ quan Bộ Tư lệnh, cưới nhau chưa được bao lâu anh đi chiến trường. Chị ở lại cơ quan. Đoàn làm phim đến yêu cầu đơn vị cử một số bộ đội cả nam và nữ đóng giả dân quân, chặt cây lát đường, chống lầy cho xe tăng. Mấy năm chưa gặp mặt vợ giờ ở chiến trường nhìn thấy vợ trên phim thật hả hê sung sướng.

Mấy hôm sau chúng tôi đi thăm căn cứ Lộc Ninh. Hàng rào và mìn vẫn còn nguyên. Vào đồn, súng đạn, xe cộ của địch hỏng còn ngổn ngang. Tôi và đồng chí Bùi Duy Hưng qua một cái bể khoảng 3m² không có nắp, không có nước, thấy hai xác người, một nam, một nữ vẫn còn nguyên bộ xương cạnh nhau. Đến B2 chúng tôi tìm được: 1 khẩu 12, 1 ly trên xe tăng đã bắn rơi máy bay Mỹ: Một kẹp sắt mạ và bơm tiêm của đồng chí Trần Văn Huân y tá của

Trạm quân y xe tăng cứu sống một thương binh nặng...; Chiếc tông đơ của một đơn vị xe tăng đã cắt tóc cho cả một Buôn từ cụ già đến em nhỏ tóc tài bù xù chưa cắt bao giờ nay bộ đội đến cắt tóc cho trông khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên. Cả bản ai cũng khen.

Đến B3 (chiến trường Tây Nguyên) giấy ở đây khó khăn hơn nhưng anh em cũng ra được những bản tin phản ánh được tình hình đơn vị. Ở đây có một câu chuyện thật cảm động quân y xe tăng, cứu sống cháu A Hoàng 6 tuổi. Khi gia đình cháu đưa cháu đến trạm xá của bộ đội xe tăng, gia đình đã đem theo cả vải liệm. Vì cho rằng ít có khả năng sống. Sau khi khám mới biết cháu bị xuất huyết não, gần một tháng điều trị cháu đã khỏi. Hôm đồng chí Sảo quân y sĩ đưa tôi đến thăm cháu, cháu đã ra chào chúng tôi. Tuy tiếng Kinh cháu chưa nói rõ nhưng tiếng chào vẫn đủ cho tôi hiểu, gia đình vô cùng cảm ơn.

Khi đoàn thăm các đơn vị phía trước, xuống một đại đội chỉ cách địch 15km đường chim bay. Đại đội chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho anh em rất tốt. Hàng tuần có tổ chức văn nghệ. Từng xe thì đưa tặng gia bảo đảm rau xanh. Có xe còn nuôi được cả gà. Đại đội còn có một cối xay bột làm bánh cuốn. Hình như vùng này bánh cuốn là món ăn phổ biến. Ngay ở thị trấn Tân Cảnh lúc đó cũng có rất nhiều hàng bánh cuốn. Một hôm chúng tôi vào một hàng bánh cuốn (vùng mới giải phóng đã tiêu tiền Bắc). Không biết vì chúng tôi ở Bắc mới vào nên gia đình chiêu đãi hay sao mà bánh cuốn vừa rẻ, vừa ngon.

Có một chuyện cũng khó quên: khi đoàn ở Tây Trường Sơn xuống Đông Trường Sơn phải qua dốc đá. Gọi là dốc đá vì dốc cao, đi lại lâu ngày thành đường đá tự nhiên, nhẵn thín gặp trời mưa rất trơn lái xe chưa có kinh nghiệm, xe từ từ xuống dốc, càng xuống càng lao nhanh, phanh không ăn, mọi người nín thở.

Một đồng chí nói: Đưa xe giáp vào vách núi để giảm độ trơn. Lái xe thức tỉnh đưa xe sát vách núi. Cũng may đã gần hết dốc, độ cua rộng lại có một vế đường đá đỡ trơn. Thế mà xe phải chạy hơn 100m mới dừng lại được, anh em hú vía, đến mừng lái xe và dừng lại nghỉ hơn một tiếng đồng hồ.

Từ B3 ra qua Tân Cảnh có một đoạn chúng tôi phải đi vào ban đêm, anh em ở đây nói là đi đêm cho an toàn. Vì ở đây có một đồn địch nằm trên đỉnh núi cao, ở sâu trong vùng giải phóng, cách đường khoảng 2 km theo đường chim bay, địch nhìn rất rõ. Mấy hôm trước một xe tô của ta đi ban ngày bị chúng bắn mấy phát pháo. Nhưng may không việc gì. Đi qua nơi đó ban đêm còn trông rõ ánh điện. Địch tiếp tế cho đồn này toàn bằng máy bay lên thẳng.

Khi chúng tôi tiến qua khu vực này thì gặp một đơn vị xe tăng của ta tiến vào, diệt vị trí này. Anh em nói là đáng lẽ không phải dùng xe tăng nhưng đơn vị mới ở Bắc vào muộn tham gia để rút kinh nghiệm, mặt khác cũng đỡ thương vong cho bộ binh. Sau này được biết đơn vị tham gia diệt đồn đó như đi diễn tập. Đại đội lên vị trí triển khai nã pháo vào đồn khi xe tăng xông vào địch chống cự yếu ớt rồi xin hàng.

Đoàn ra đến gần Asô - A lưới gặp đại đội xe tăng của Lê Văn Phượng (người thị xã Sơn Tây) lúc đó Phượng là đại đội phó kỹ thuật. (Ngày giải phóng Sài Gòn xe của Phượng là xe đầu tiên vào húc cổng Dinh Độc Lập). Lúc ấy Phượng đang cùng anh em bảo dưỡng xe. Phượng tâm sự:

- Đại đội hành quân xa vào đến đây bộ phận hành động của bị hỏng nhiều quá không biết nay mai giải phóng Sài Gòn xe có tham gia được không. Câu nói rất tự nhiên tưởng như tếu lại thành hiện thực, toát lên sự ước muốn lo lắng.

Đến Làng Vây đoàn dừng lại vào thăm chiến trường xưa. Lúc này cỏ đã mọc cao, những dấu tích lô cốt và hầm hào của địch vẫn còn. Con sông Sê Pôn chảy qua làng Trài cách cứ điểm Làng Vây gần 2km nơi mà Đại đội 9 xe tăng đã làm nên bất ngờ khi tham gia đánh Làng Vây làm cho địch hoảng sợ.

Rời Làng Vây chúng tôi ra Đông Hà mảnh đất vừa được giải phóng năm 1972. Những nơi xung yếu Lữ đoàn Tăng 203 đã có mặt sẵn sàng nhận lệnh chiến đấu. Đến thăm tiểu đoàn Ngô Văn Nhở người đã ngã xuống khi đang chỉ huy tiểu đoàn vượt cầu Sài Gòn vào chiếm Dinh Độc Lập). Trông anh cao ráo lại có chiếc răng bít vàng nên cười càng tươi. Khi trước ở Trung đoàn 202 xe tăng đầu tiên (1959 - 1965) anh là trung đội phó phụ trách bí thư chi đoàn, tôi là trợ lý thanh niên Trung đoàn lấy chi đoàn anh xây dựng điểm hình.

Lâu ngày gặp nhau tay bắt mặt mừng: anh em em rất vui. Anh kể nhiều chuyện chiến đấu năm 1972 của đơn vị kể cả chuyện anh được về thăm nhà mới vào, bây giờ tiểu đoàn chuẩn bị đợt huấn luyện nâng cao trình độ cho các thành viên trong xe. Sẵn sàng chiến đấu cao nhưng trên vẫn sắp xếp cho một số cán bộ, chiến sĩ về nghỉ phép. Trừ số anh em mới vào.

Một hôm, khoảng 10 giờ tôi đến một đại đội, ngạc nhiên thấy một giải hoa 10 giờ đỏ rực chạy dài trước cửa đại đội bộ, hỏi ra mới biết anh em đem tận ngoài Bắc vào chỉ sau mấy tháng mà đã có hoa đẹp như thế. Các đại đội ở đây đều xây dựng nếp sống như ở ngoài Bắc.

Ở Trung đoàn 203 tôi còn được nghe câu chuyện về Chính ủy Bùi Văn Tùng người “áp tải” Dương Văn Minh đến Đài Phát thanh Sài Gòn đọc lời đầu hàng Quân giải phóng (ngày 30 tháng 4 năm 1975), năm 1971 là chính trị viên Tiểu đoàn 177 đóng quân ở Quảng Trị. Vợ anh vào chơi thăm anh. Vừa vào đến nơi thì tiểu đoàn được lệnh vào sâu. Không lẽ lại để chị ra. Cán bộ Bộ Tư lệnh cùng đi với tiểu đoàn cho ý kiến: Thôi cứ để chị đi theo đơn vị.

Khi nào thấy không thể đi sâu hơn được nữa thì gửi chị ra. Bấy giờ xe ra dễ hơn xe vào. Lúc đầu chị cũng hơi ngại nhưng được các đồng chí trong đơn vị đồng viên sau chị cũng vui lòng. Sau đó chị về sinh cho anh được một cháu gái, cả đơn vị mừng cho anh chị.

Đoàn chúng tôi đến thăm khu căn cứ quân sự Cồn Tiên. Đây là khu quân sự điển hình của Mỹ nguy gần giới tuyến quân sự tạm thời. Lô cốt và hào giao thông ở đây phần lớn là bằng bê tông hàng rào kẽm gai tầng tầng lớp lớp, các loại mìn ken dày đặc, tưởng con chuột cũng không lọt qua được. Mở màn chiến dịch Quảng Trị năm 1972 Pháo binh ta đã trút bão lửa xuống đồn này làm chúng hoảng sợ buộc phải rút chạy.

Cán bộ đưa đoàn chúng tôi đi luôn nhắc nhở mọi người phải đi theo đúng đường mòn đã quy định, nếu muốn giải quyết việc riêng phải quay lại theo đường mòn ấy. Vì các căn cứ quân sự ở đây gài rất nhiều mìn, hầu như ngày nào cũng có tiếng mìn nổ. Ngay ngày hôm trước trên con đường đất ô tô chạy đi chạy lại nhiều lần mà một xe tô vẫn vấp phải mìn làm hỏng xe.

Rời Quảng Trị đoàn trở về Bình chủng, chuyến đi ấy là Kỷ niệm không thể quên của tôi. Nhân kỷ niệm 45 năm truyền thống Bình chủng tôi ghi lại một vài chuyện sinh hoạt và chiến đấu của cán bộ chiến sĩ Bình chủng Thiết giáp những ngày còn chiến tranh.

Â.G.H

(ĐT. 04.8732559)

ĐỒNG ĐỘI TÔI Ở ĐẠI ĐỘI SỬA CHỮA XE TĂNG

Ma Vân (Ma Thị Bích Việt - Nghệ sĩ ưu tú)

Nguyên thợ sửa chữa xe tăng

Trường sĩ quan Tăng – Thiết giáp

C11 (đại đội sửa chữa) Đoàn 600 (tiền thân của trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp), Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp nằm dưới chân núi Tam Đảo. Dưới những ngọn đồi như bát úp, xa xa là làng Gô và làng Quế. Những ngày đầu nhập ngũ sao mà nhớ quê đến thế. Tôi nhớ làng Do Nghĩa, Sơn Vi nhớ cây đa bến nước, sân đình nơi tuổi thơ chơi chốn tìm rồi chơi đánh trận giả, quân xanh quân đỏ, cánh con gái chúng tôi ở quê hương cũng leo trèo thoăn thoắt chẳng kém gì bọn con trai. Có hôm chơi xong rủ nhau đi trèo ổi, thằng bạn tôi rơi tôm xuống chuồng lợn còn bị lợn “hôn” cả lên mặt, liếm cả vào mồm, bọn tôi được một trận cười hả hê...

Keng, keng, keng tôi giật mình vì tiếng keng báo thức. Lồm cồm dậy mắt tất cả phòng tân binh nữ như một cái lò xo ai cũng vội vã hối hả gấp chăn màn đúng quy định để chạy ra sân tập thể dục. Điểm danh, tôi còn đỡ vì dù sao ở nhà cũng quen lao động. Mẹ mất sớm bố đi công tác biên biệt chị em tự làm nuôi nhau. Chứ còn như Thúy cô bạn tôi thì khổ quá, nhà ở trên phố huyện từ bé đến lớn chỉ biết cắp sách đến trường, việc nhà đã có chị và mẹ, bây giờ nó cứ cuống cả lên, gấp chăn thì thò lòi ra ngoài, chăn không bao giờ vuông được đi giày thì vội quá cứ chân phải đi nhầm chân trái, dây giày chưa chạy đã tuột hết cả ra. Được cái tính nết hiền lành dịu dàng nên ai cũng thương.

Tôi hồi đó người nhỏ vào loại nhất của đơn vị, mãi cuối năm mới được nhường chức đó cho một bạn ở thành phố Việt Trì tên là Tuyết.

Ba tháng luyện quân cuối cùng cũng qua đi Ngày bắn đạn thật tôi không dám hỏi xem mình được bao nhiêu điểm vì yếu lĩnh thì thuộc lâu lâu nào là: tỳ vai, áp má, nín thở, bóp cò. ấy thế nhưng khí vừa nằm xuống bệ, tỳ vai, áp má thì tim cứ đập như trống làng. Thành thử 1 trong 3 đi tìm hươu, còn 2 viên thì lại đổ ở vòng ngoài. Chán quá kiểu này mà vào chiến trường là “đứt”, loanh

quanh thế nào chúng tôi được phân về C11 toàn là lính thợ. Tôi được học cơ công, sau học thêm tiện còn Thành, Thảo được học điện, Đông học nguội, Thanh, Ngân và một số làm chị nuôi...

Hồi đấy nhớ nhất trung đội trưởng Nhen. Ông là người dân tộc ở tỉnh Cao Bằng, nghe đâu lấy vợ lâu rồi cứ đi suốt nên 40 tuổi vẫn chưa có con được. Ông thương cánh lính mới chúng tôi lắm, có hôm làm tiện trên xe công trình ở tận bên kia quả đồi. Giờ giải lao mãi chơi đánh Ô ăn quan, ăn gian cãi nhau cả giờ, về bị trung đội trưởng vác roi ra tận nơi, dượt đuổi cả anh Vui thầy giáo của bọn tôi sợ một sợ trật hút chết. Chúng tôi sợ quá chỉ sợ bị kỷ luật. May mà ông chỉ nhắc nhở ở trung đội. Thế là thoát chỉ bị một tuần đi lấy phân lợn về tưới rau.

Hồi đó ở trung đội tôi có một anh bạn làm ở đội thợ gầm tức là chuyên sửa chữa hỏng hóc ở gầm xe tăng thích đi chiến trường quá, anh này tên là Hùng người cũng ở Cao Bằng, da trắng như da con gái Hà Nội, môi: đỏ người cao trông rất thư sinh, học hết 10 thì đi bộ đội nghe nói anh trai còn dạy ở một trường đại học danh tiếng ở Hà Nội.

Ồi giờ, cái chiêu chốn đi chiến trường của anh mới gây xôn xao và tức cười làm sao. Anh hẹn với bạn là lính lái xe tăng bên Đại đội 6: Khi nào mày hành quân đến chỗ quẹo gần núi Đình thì dừng lại giả vờ sửa lá ngụy trang để tao có thời gian chạy tới và lao lên thành xe bám vào đó mày đập bặt vào là xong. Ai ngờ, đáng lẽ hành quân 10 giờ đêm thì để giữ bí mật lùi lại 3 tiếng đến 1 giờ sáng đoàn xe mới bí mật hành quân. Đợi mãi không thấy đoàn “ngựa sắt” đâu cả, anh chàng ngủ thiếp đi lúc nào không biết, đến lúc tỉnh dậy thì một toán lính đi lao động bắt gập đưa về, thế là làm bản kiểm điểm kỷ luật cho xuống nhà bếp nấu cơm. Các bạn thử tưởng tượng xem một chàng thợ sinh trắng trẻo đẹp trai như thế, bắn đạn thật đạt 29, 30 điểm vào loại nhất nhì thời đấy ấy thế mà phải xuống bếp nấu cơm thì đau khổ quá.

Đã thế cánh con gái lại hay trêu, Anh Hùng ới cho chúng em xin thêm miếng cháy nào, hay là “còn cái.bánh chịu nặng” nào không? Hồi ấy chuyên phải ăn bánh gối, cái bánh tròn tròn cứng như cái bánh xe tăng nên chúng tôi gọi là bánh chịu nặng, bánh làm bằng bột mì đen, không có bột nở., lúc ấy mặt, anh chàng cứ đỏ lựng lên trông rất tội nghiệp và cũng thật đáng mến.

Đùng một cái lại nghe tin dữ, anh chàng lại chôn đi chiến trường lần 2 mà đợt này anh chàng lại hẹn bạn ở tận dốc Láp, Vĩnh Yên cơ, chưa lên được xe thì tổ Kiểm soát quân nhân của đơn vị đã “xúc” về đơn vị, lần này thì chết hẳn. Anh chàng bị đưa ra phân tích phê phán trước cả đại đội xoay quanh ý thức tổ chức kỷ luật. Thấy vậy tôi suy nghĩ, một con người có trình độ văn hóa, bắn giỏi, có ý muốn được trực tiếp cầm súng ra mặt trận, điều đó đáng trân trọng vô cùng. Tại sao lại không được coi là người tốt.

Tôi liền mình đứng dậy xin có ý kiến, mọi người ai cũng ngạc nhiên. Một cô lính mới biết gì mà nói. Thế nhưng tôi đã nói một lèo những suy nghĩ của mình để bênh vực anh. Tôi đã mang danh “nhà hùng biện” từ đấy (chuyện cãi thủ trưởng) nói động cơ chôn đi chiến trường của đồng chí Hùng là không sai, đồng chí Hùng chính là một người lính dũng cảm, muốn được đương đầu, được thử sức ngoài mặt trận trong khi ở địa phương tôi thấy còn có những kẻ đào ngũ, sợ chết. Vì sao mà anh Hùng phải chôn đi, vì đơn vị của chúng ta là đơn vị sửa chữa khi cử người đi mặt trận thường cử những người lớn tuổi có kinh nghiệm. Còn anh Hùng rất trẻ chỉ vì nôn nóng nên đã hành động sai xin hãy xử lý kỷ luật đồng chí Hùng bằng lao động, không ghi vào lý lịch.

Không ngờ tôi cũng đã nói được những điều cần nói, có nhiều tiếng bàn tán dì dầm tán thưởng. Một tiếng thở phào của đại đội trưởng ông hứa sẽ báo cáo lên cấp trên xét thêm ý kiến của tôi, không ngờ cấp trên thông cảm, sau đó xét nguyện vọng chính đáng của anh Hùng và đã đưa anh Hùng sang một đơn vị khác học lái xe tăng để tăng cường cho chiến dịch khi cần thiết.

Bây giờ sau 30 năm gặp lại anh Hùng thấy anh đeo quân hàm đại tá trong lòng tôi lại dâng lên một cảm xúc về một người chiến sĩ xe Tăng - Thiết giáp dũng cảm của C11 chúng tôi xưa kia. Anh đã dám làm dám vượt trở ngại thực hiện điều anh mơ được đi chiến đấu trên xe tăng.

M.T.B.V

(ĐT. 04. 8236830)

MỘT TRẬN ĐÁNH ĐỘC ĐÁO

Bùi Xuân Vinh

Nguyên lái xe C33 và C35

Đoàn M26 - Thiết giáp Đông Nam Bộ

Tôi có may mắn được gặp lại Thiếu tướng Mai Văn Phúc, nguyên Tư lệnh Đoàn M26 Tăng Thiết giáp Quân giải phóng miền Đông Nam Bộ B2 (1971-1975). Sự hội ngộ thật tình cờ mà như có sự sắp đặt của trời đất sau 26 năm tôi rời Bình chủng.

Đó là dịp cuối tháng 8 năm 2003, Thiếu tướng cùng với một số cựu chiến binh vốn là cán bộ Tăng - Thiết giáp B2 (mặt trận miền Đông Nam Bộ) đã “chống gậy” lần về thăm anh em cựu chiến binh tăng thiết giáp B2 tại nhà anh Đào Xuân Tá, nơi đã thành điểm hẹn của anh em đoàn M26 thiết giáp B2 đang sinh sống tại Hà Nội.

Người Tư lệnh tuổi đã 78, gặp lại anh em trong sự xúc động ông nói: “Cuốn sử về Tăng - Thiết giáp B2 còn dang dở, anh em có tài liệu gì còn lưu lại được, những sự kiện mà mình đã tham gia chứng kiến xin bổ xung cho Ban

liên lạc”.

Mấy hôm sau tôi nhận được thư mời của ông với nội dung: “Mong Vinh thu xếp vào thăm lại chiến trường xưa và giúp cho Ban liên lạc biên soạn cuốn sử truyền thống lực lượng Tăng thiết giáp Quân giải phóng miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước”.

Được Tổng biên tập Tạp chí Công Nghiệp (nơi tôi đang công tác) tạo điều kiện, tôi vào Thành phố Hồ Chí Minh theo lời mời của ông. Sau ba ngày dự hội thảo với Ban biên soạn và Ban liên lạc, tôi đã nhập vào đoàn cưu chiến binh Tăng - Thiết giáp B2 gồm: Đại tá Lê Như Hòa, đại tá Nguyễn Duy Tôn, đại tá Võ Văn Thọ, thượng tá Phạm Văn Cán (anh hùng LLVTND), trung tá Huỳnh Cừ, trung tá Nguyễn Văn Lợi... đã “ngang dọc” miền Đông, tìm về những địa danh đã đi vào lịch sử như: Bà Chiêm, Gò Đậu, Long Nguyên, Cà Tum, Sa Mát, Thủ Đức, Phước Vĩnh, Tác Ních, Đồng Soài, Bà Đen, Dầu Tiếng, Lộc Ninh, An Lộc, Phước Long, Bù Bông, Kiến Đức, Xuân Lộc, Hậu Nghĩa, Biên Hòa và dinh Độc Lập (nay đổi thành dinh Thống Nhất).

Có thể nói đó là chuyến đi “lần theo vết xích xe tăng” gần 30 năm về trước. Nguồn tư liệu thực tế (địa danh và nhân chứng) đã giúp cho tôi rất nhiều trong công tác biên soạn. Về tới Ban liên lạc, tôi đã hoàn thành bản thảo cuốn sử với sự bổ cứu của các anh Năm Hùng, Ba Tôn, Hai Hòa và trực tiếp của Thiếu tướng Mai Văn Phúc.

Trong chiến công của lực lượng Tăng - Thiết giáp Nam Bộ, tôi xin kể đến chiến công trận Sa Mát.

Đầu năm 1972 cục diện chiến trường miền Đông Nam Bộ đã có sự thay đổi.

Sau khi chuốc lấy thất bại nặng nề của cuộc càn “Lam Sơn 719” đánh ra vùng đường 9 Nam Lào (tháng 3-1971) và cuộc càn “Toàn thắng I-71” đánh lên vùng biên giới Việt Nam - Campuchia (tháng 5-1971) thì Mỹ đã phải rút 40 vạn quân ra khỏi miền Nam. Nhưng thực chất là Mỹ vẫn duy trì một bộ phận lực lượng chỉ huy kèm với sự chi viện tối đa của không quân cho quân ngụy Sài Gòn. Mặt khác, quân Sài Gòn đồn quân bắt lính, thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đưa ra chủ trương: “Tranh thủ thời cơ phát triển thế chiến lược tiến công mới trên toàn chiến trường miền Nam và chiến trường ba nước Đông Dương bằng cuộc tấn công chiến lược mới, dự kiến vào mùa xuân 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử Tổng thống ở Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua” (trích “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam” trang 109 và 110)

Thực hiện chủ trương đó của Bộ Chính trị, quân và dân ta đã tích cực chuẩn bị lực lượng tiến công trên ba hướng chính: Hướng thứ nhất, mặt trận Quảng Trị - Thừa Thiên. Hướng thứ hai, mặt trận Tây Nguyên. Hướng thứ ba, mặt trận miền Đông Nam Bộ. Cũng như hai mặt trận Trị - Thiên và Tây Nguyên, mặt trận Đông Nam Bộ là địa bàn chiến lược nên địch dồn quân phòng ngự kiên cố, lúc nào cũng thường trực 3 sư đoàn bộ binh mạnh (Sư 5, Sư 18, Sư 25) với hàng chục chiến đoàn, lữ đoàn dù, thiết đoàn tăng thiết giáp v.v... dưới sự yểm trợ tối đa của không quân Mỹ.

Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định tình hình địch trên chiến trường miền Đông Nam Bộ vẫn còn khá mạnh về quân số và vũ khí. Tuy địch rút vào thế co cụm trong các cứ điểm phòng ngự vững chắc, nhưng được hỏa lực không quân Mỹ chi viện, nên rất khó đánh và cuộc chiến rất ác liệt.

Tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ xuân 1972, Đoàn M26 có hai lực lượng:

Lực lượng xe Tăng - Thiết giáp chiến lợi phẩm gồm một đại đội, đó là Đại đội 33, tham gia đánh mở màn chiến dịch theo hướng nghi binh, đánh vào cứ điểm Sa Mát (1-4-1972); Lực lượng Tăng - Thiết giáp của ta từ miền Bắc vào, gồm một tiểu đoàn, đó là Tiểu đoàn 20, đánh trên hướng chính của chiến dịch là trận đánh vào Chi khu Lộc Ninh (6-4-1972) và sau đó phát triển theo quốc lộ 13 xuống An Lộc vào Sài Gòn. Trên hướng chính với chiến thắng Lộc Ninh (6-4-1972) là trận thắng giòn giã, đã được nhiều nhà nghiên cứu lịch sử quân sự tổng kết và đánh giá cao (xem cuốn Một số trận đánh của bộ đội Tăng - Thiết giáp Việt Nam” Nxb QĐND - HN 1998). Tôi muốn kể về trận Sa Mát, hướng phụ.

Sa Mát là một cứ điểm đồn trú của quân ngụy Sài Gòn nằm trên lộ 22 cách biên giới Việt Nam - Campuchia chưa đầy 2km. Cứ điểm này địch bố trí một tiểu đoàn thiếu, có công sự phòng ngự kiên cố. Cứ điểm Sa Mát chỉ cách Chi khu Thiện Ngôn khoảng 5km. Bởi vậy Sa Mát trở thành cứ điểm án ngữ sự xâm nhập của lực lượng chủ lực ta đối với Chi khu Thiện Ngôn và cả hệ thống phòng ngự dọc lộ 22 bảo vệ tỉnh lỵ Tây Ninh. Đại đội Tăng - Thiết giáp 33 có nhiệm vụ phối thuộc với một bộ phận của Sư đoàn bộ binh số 5 chủ lực Miền đánh vào Sa Mát, mở màn chiến dịch Nguyễn Huệ.

Đây là lần đầu tiên, Đại đội 33 đại diện cho lực lượng Tăng - Thiết giáp Nam Bộ xuất xe đánh trận đầu tiên. Đối với Đại đội 33 thì trận đánh này có ý nghĩa hết sức quan trọng: Là lần đầu tiên ở mặt trận miền Đông Nam Bộ, ta dùng xe địch đánh địch. Bởi vậy cán bộ chiến sĩ Đại đội 33 hạ quyết tâm phải: “Đánh thắng ngay trận đầu ra quân”. Thế nhưng thực trạng của bốn chiếc xe tăng - thiết giáp lấy được của địch rất tồi tệ.

Chiếc xe tăng M41 - 1A Đại đội 33 thu được của địch trong trận chống càn “Toàn thắng 1-71” khi chúng đánh lên biên giới Campuchia (tại Đầm Be). Chiếc xe này pháo không có kính ngắm, muốn bắn phải ngắm trực tiếp qua nòng pháo.

Chiếc xe tăng M24 thì pháo không có kim hỏa, nên không sử dụng được pháo, chỉ sử dụng được súng đại liên 12,7 ly gắn trên nóc xe. Còn chiếc xe tăng M51 thì pháo lại không có khóa nòng, nên chỉ sử dụng được súng 7,62 ly. Chiếc xe bọc thép bánh hơi AM8 thì hỏng lốp.

Trong bốn chiếc xe này thì ba chiếc M24, M51, AM8 do Pháp chế tạo từ những năm trước chiến tranh thế giới thứ II, còn chiếc M41-AL do Mỹ chế tạo. Ba chiếc M24, M51, AM8 Đại đội 33 thu được trong trận chống càn Chen-la 2 giữa năm 1971. Thông tin liên lạc (đài vô tuyến, hữu tuyến điện) của 4 xe đều bị hỏng. Riêng tình trạng kỹ thuật máy thì chiếc xe tăng M24 chạy được khoảng hơn 30 phút là máy nóng, nằm ì, phải dừng xe chờ cho máy nguội mới đi được. Thực trạng này là phổ biến với xe chiến lợi phẩm, vì khi tháo chạy, địch đã tìm mọi cách phá xe, biết ta có lấy được cũng khó sử dụng.

Cái khó nữa là cán bộ chiến sĩ ta chưa quen kỹ thuật xe địch. Nhưng không phải khó khăn như vậy mà Đại đội 33 chùn bước. Nhận được lệnh chiến đấu, toàn đại đội đã bí mật tổ chức hành quân từ căn cứ Tà Pao xuống Ka Rết dài hơn 100km. Từ Ka Rết “bò” dần về Phun Chi Mon, cách Sa Mát độ 3km. Đây là cuộc hành quân lịch sử, đưa “xe tăng địch đánh địch” trên chặng đường dài hơn 100 kém trong điều kiện kỹ thuật xe rất tệ hại. Đại đội 33 vừa đi vừa phải “lôi” nhau, vì chiếc xe M24 chạy được một đoạn lại giở chứng nằm ì. Chiếc xe bọc thép bánh lốp AM8 chạy được nửa đường thì lốp hỏng hoàn toàn, gục nghiêng xuống bờ ruộng. Đại đội cho người ngụy trang và canh giữ xe, Còn 3 chiếc vẫn tiếp tục lên đường, trong hoàn cảnh đi đêm, theo đường bí mật, vừa đi vừa xóa vết xích, cứ vậy nhích dần về điểm ếm quân là Phun Chi Mon.

Để đảm bảo yếu tố bí mật tuyệt đối, cung cấp xăng dầu kịp thời, đơn vị hậu cần tiếp liệu đã bí mật dùng xe bò chở xăng dầu bằng can nhựa, đi ban đêm,

đặt sẵn thành trạm ém chờ, khi xe tới là có xăng dầu bổ sung kịp thời. Sau những đêm bí mật hành quân theo tuyến đường cắt rừng do công binh và trinh sát dẫn lối, Đại đội 33 đã “ém” quân tại vị trí xuất phát cách Sa Mát 3 cây số, địch vẫn không hay biết gì.

Đến giờ hiệp đồng nổ súng, cả ba chiếc xe của Đại đội 33 đồng loạt lao thẳng vào cứ điểm Sa Mát. Cả ba chiếc xe đã tiến công địch với khí thế dũng mãnh, bất ngờ, đánh địch bằng mọi thứ vũ khí có trên xe. Chiếc xe M41-LA không có kính ngắm thì pháo thủ ngắm trực tiếp bắn bất kể loại đạn nào, dù đạn xuyên hay đạn nổ. Chiếc xe M24 pháo không có kim hỏa, không sử dụng pháo được thì bắn bằng đại liên 12,7 ly gắn trên nóc xe và kết hợp găm rú uy hiếp địch. Chiếc xe M51 pháo không có khóa nòng thì bắn bằng đại liên kẹp nòng 7,62 ly. Riêng chiếc M51 là loại xe gắn 2 máy nổ, anh em đã nghĩ cách là đạp hết ga cho tiếng nổ thật to, tạo thêm uy lực để uy hiếp địch.

Cả ba xe không có thông tin liên lạc thì quy ước: Xe M41 đi đầu lao vào là ba xe cùng lao, áp sát uy hiếp địch. Còn trong từng xe, các thành viên quy ước với nhau rằng “thúc” vào lưng là cho xe “tiến”, “vỗ” vào vai phải là cho xe “sang phải”, “vỗ” vào trái cho xe “sang trái”, vỗ đỉnh đầu là cho xe “dừng lại”.

Do lối đánh táo bạo và dũng mãnh, đưa sát xe vào mục tiêu trong khoảng cách 70 đến 80 mét để bắn trực tiếp. Đây là một trận đánh có một không hai của Đại đội 33 của Binh chủng Tăng - Thiết giáp Việt Nam. Được bộ binh Sư đoàn 5 hợp đồng chặt chẽ, nên quân địch ở cứ điểm Sa Mát chống trả không được bao lâu, nhất là khi xe tăng xuất hiện, xông thẳng, bắn trực tiếp vào những lô cốt đề kháng. Chỉ huy trưởng cứ điểm Sa Mát vội điện kêu cứu Chi khu Thiện Ngôn là: “Có xe tăng Việt.cộng, xin chỉ thị thương cấp.”.

Tên chỉ huy trưởng Chi khu Thiện Ngôn hạ lệnh cho cấp dưới “Có xe tăng

Việt cộng thì được thực hiện phương án 2, còn không phải vậy thì mai mơi ông ra Tòa án binh”. Từ đài kỹ thuật của sở chỉ huy trận đánh, ta đã bắt được tín hiệu ấy. Lực lượng bộ binh Sư đoàn 5 và Đại đội tăng thiết giáp 33 thừa cơ dứt điểm, làm chủ trận địa. Địch sống sót tháo chạy về Chi khu Thiện Ngôn, hoang mang lo sợ và tung tin. “Quân giải phóng đã có xe tăng, mà lại là xe của Mỹ của Pháp.”.

Trận đánh Sa Mát đã gây tiếng vang lớn, đặc biệt là Đại đội 33 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ “Ra quân trận đầu đánh thắng”. Một chiến công độc đáo, đầy sáng tạo của Tăng - Thiết giáp miền Đông Nam Bộ trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn. Trong hoàn cảnh ấy, nếu như thiếu quyết tâm đánh địch và thắng địch, thì những chiếc xe “năm cha ba mẹ” kia không làm nên trận Sa Mát táo bạo, độc đáo, với lối đánh “giáp lá cà” chưa từng có trong lý luận cũng như trong lịch sử của Binh chủng Tăng - Thiết giáp Việt Nam “lấy xe địch đánh địch”.

Chỉ huy trận đánh là Đại đội trưởng Nguyễn Đức Thuận. Thành viên của ba xe gồm 11 đồng chí: Nguyễn Khắc Đồn (trưởng xe M41-LA), Nguyễn Văn Quý (Trưởng xe M24), Phạm Thanh Cải trưởng xe (M51) và 8 thành viên lái xe pháo thủ: Dương Văn Hòe, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn Bình, Chu Minh Xuyên, Phạm Văn Hé, Phạm Văn Sĩ, Đặng Quang Minh, Nguyễn Văn Tính.

Chiến thắng, Đại đội 33 được tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba. Trong trận đánh này, xe M41-LA (có số xe 026M số xe đầu tiên mang phiên hiệu Đoàn M26) được tặng Bằng khen. Chiếc xe này bị súng chống tăng M72 của địch bắn thủng vỏ thép mặt vát phía trước, lái xe Chu Minh Xuyên bị thương. Toàn Đại đội 33 rút về căn cứ an toàn. Riêng hai chiếc xe M51 và M24 bị hư hỏng nặng, không thể khôi phục được trong điều kiện chiến trường lúc đó, nên đơn vị đã hủy xe trước khi rút khỏi trận địa. Hai chiếc xe chiến lợi phẩm M51 và M24 đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của nó.

Với trận đánh Sa Mát đã chứng minh truyền thống của Tăng - Thiết giáp miền Đông Nam Bộ là đi từ “Không đến có, lấy xe địch đánh địch, dùng mãnh tiến công, trận đầu đánh thắng”.

Miền đông Nam Bộ, tháng 10-2003

B.X.V

(ĐT. 04. 7611926)

CHIẾN SĨ XE TĂNG VỀ ĐỜI THƯỜNG

Thiếu tướng: Lê Xuân Kiện

Tháng 4 năm 1990, Thượng tướng Đoàn Khuê, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng gặp mặt mười tướng phổ biến quyết định của Nhà nước cho nghỉ hưu. Sau khi Cục phó Cục Cán bộ đọc quyết định nghỉ hưu của mười tướng, trong đó có tên tôi, Anh Đoàn Khuê hỏi, ai có ý kiến nguyện vọng thì phát biểu. Tôi xin nói: Sau khi nhận quyết định nghỉ hưu, đề nghị Bộ cho tôi đi miền Nam thăm quê ngoại và chuẩn bị làm kinh tế trở về cuộc sống đời thường.

Được anh Đoàn Khuê đồng ý cho tôi đi thăm gia đình ở miền Trung và miền Nam. Ngày 20 tháng 4 năm 1990, tôi và nhà tôi đi Nghệ An thăm quê nội và đi Quảng Ngãi, Thành phố Hồ Chí Minh thăm quê ngoại với ý định là nếu điều kiện thuận lợi, tôi sẽ chuyển gia đình từ Hà Nội vào miền Nam sinh sống.

Để có đất làm kinh tế lâu dài, tôi đã đi một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

và các tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Biên Hòa. Gần một tháng đi miền Nam tìm đất cắm chân, tôi gặp anh Tiến người bạn ở Thành phố Hồ Chí Minh nói rõ ý định tìm đất làm kinh tế và chuyển gia đình vào Nam sinh sống. Anh Tiến rất nhiệt tình giúp đỡ và nói với tôi là anh ấy có thể xin cho tôi hai hecta đất đỏ Bazan chưa khai phá ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai để tôi làm kinh tế.

Sau khi tôi và anh Tiến đi xem đất, chúng tôi sơ bộ tính toán, đất đỏ bazan chưa khai phá, nếu trồng cà phê, hồ tiêu thì phát triển tốt, nhưng phải san ủi, khai phá. Chi phí cho san ủi đất, thuê máy ủi, máy cày, ô tô, máy phun nước, giống cà phê, hồ tiêu cần vốn 15 - 18 triệu đồng. Tôi nói với anh bạn: Vốn bỏ ra lớn tôi không có khả năng. Anh Tiến bạn tôi nói: Tôi biết, người lính trở về cuộc sống đời thường có nhiều khó khăn, vất vả, vốn liếng không có, anh phân vân suy nghĩ là đúng. Tôi có thể giúp anh vay bạn bè được 10 triệu, còn 8 - 10 triệu anh phải lo. Tôi nói với anh Tiến: Cảm ơn nhiệt tình giúp đỡ của anh, để tôi suy nghĩ, tính toán sẽ trả lời anh sau.

Ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi vào thăm các anh trong cơ quan tiền phương Bộ Quốc phòng. Trông thấy tôi Thượng tướng phó Tổng tham mưu trưởng - anh Hiền gọi tôi đến, bắt tay rất thân tình, cười và nói luôn: “Tướng các Tư lệnh Binh nhung đã nghỉ hưu rồi, cậu chưa nghỉ à?”

Tôi cười và nói: “Hôm nay tôi đến nhà rồng” trước hết tôi thăm các anh và các anh trong cơ quan tiền phương của Bộ. Anh Hiền chỉ ghế cho tôi ngồi và mời tôi uống nước, hút thuốc lá. Khoảng mười phút sau, tôi báo cáo với anh Hiền, tôi đã nhận quyết định nghỉ hưu, bàn giao xong, tôi sẽ nghỉ. Đề nghị anh giúp cho tôi một suất đất ở đường Cộng hòa, hoặc cho tôi một biệt thự gần đường để tôi chuyển gia đình vào miền Nam sinh sống - anh Hiền vui vẻ cười và bảo tôi sang làm việc cụ thể với chánh phó văn phòng của Bộ.

Tạm biệt anh Hiền, tôi đến gặp đồng chí phó văn phòng tiền phương của Bộ

và đề nghị giúp đỡ cho tôi một suất đất, hoặc một biệt thự ở Tân Sơn Nhất để tôi có thể chuyển gia đình vào Thành phố Hồ Chí Minh. Anh phó văn phòng bắt tay tôi và nói: Sao ngày 30 tháng 4 năm 1975 và những năm sau này, tôi vẫn gặp anh ở Tiền phương Bộ, bây giờ anh mới xin đất, xin nhà, muộn lắm rồi, trâu chậm uống nước đục rồi ông ơi? Đất ở đường Cộng Hòa đã cấp hết cho cán bộ, chỉ còn vài biệt thự, nhưng bị hư hỏng. Nếu anh cần nhà ở, tôi sẽ báo cáo Bộ cấp cho anh một biệt thự, anh phải bỏ tiền ra sửa chữa mới ở được. Tôi cùng trợ lý doanh trại của văn phòng Bộ đi xem nhà thì thấy biệt thự 2 tầng rộng rãi đã hỏng mái và cách xa đường cái hơn một km.

Nhẩm tính số tiền sửa chữa lớn mà tôi không có khả năng tài chính, tôi đành cảm ơn văn phòng và không nhận biệt thự đã hỏng. Do khó khăn về tài chính để khai phá đất ở Xuân Lộc - Đồng Nai và sửa chữa biệt thự đã hư hỏng ở Tân Sơn Nhất, tôi phải bỏ ý định chuyển gia đình vào Nam và nói với bà xã nhà tôi và cậu lái xe là từ nay, mỗi buổi sáng tập thể dục, tôi phải hô khẩu hiệu “Mai Dịch, Từ Liêm - Hà Nội muôn năm?”.

Kết thúc chuyến đi vào miền Nam tìm đất cắm chân để phát triển kinh tế không đạt kết quả, tôi đã viết mấy câu thơ với tiêu đề:

Tâm sự một chuyến đi.

Đến thời không thể phải lo

Tìm nơi cắm đất vẫn chưa có gì!

cuộc đời binh nghiệp trường kỳ

Đời thường mới hiểu những gì khó khăn.

Lòng ta cảm thấy bản khoăn

Xa Binh chùng thép mà lòng vẫn vương...

Về Hà Nội nghỉ ngơi một tháng, tôi bàn với nhà tôi và các con là ba, mẹ sẽ làm kinh tế để tăng nguồn thu nhập cho gia đình. Vì bệnh tật đã chớm thấy, vì còn nhiều cháu nhỏ và nhiều khoản chi không có tên khác. Dựa vào mảnh vườn phía sau nhà ở đã trồng cây ăn quả trước khi nghỉ hưu, tôi tích cực chăm bón vườn táo, na, ổi, roi và bốn con lợn thịt. Phát triển chăn nuôi thêm 30 con gà công nghiệp, 25 con gà ri (gà ta), mua trước tết cổ truyền dân tộc, mỗi con gà trống giò 0,5 - 0 6kg một con, nuôi đến ngày 29 - 30 tháng Chạp (âm lịch) đem ra chợ bán sẽ thu lãi mỗi con 20 - 25 nghìn đồng. Hai năm đầu, mỗi lứa lợn thịt 4 con, mỗi con lãi 60 - 80.000 đồng sau tám tháng nuôi; Gà công nghiệp sau bốn tháng xuất chuồng, mỗi lứa lãi được 70.000 đồng; đặc biệt gà ta nuôi ba tháng trước tết âm lịch, mỗi con lãi 20.000 đồng.

Rất không may, cuối năm 1991, bà xã nhà tôi mua gà chợ về thịt, cả đàn gà công nghiệp, gà ta đều lây bệnh, năm bảy con đã bỏ ăn, buộc tôi phải thịt hết tất cả bỏ tủ lạnh để bán dần. Tôi dặn nhà tôi: “Gà mới chớm lây, bà thịt đừng vứt bỏ tim, gan, mề, mà mổ rửa sạch, xát muối, luộc kỹ”. Nhà tôi nói: ông ăn gà lây tôi không ăn. Tôi lại bảo: Mỗi bữa bà dành cho tôi một đĩa lòng nhắm với rượu thuốc thì tuyệt vời. Mỗi ngày nhắm lòng gà với rượu, tôi sẽ hô cuộc sống đời thường của lính xe tăng muôn năm.

Nghe tin cơ quan Bộ Tư lệnh Binh chủng tổng kết cuối năm, tôi đạp xe vào cơ quan Hậu cần Binh chủng, gặp anh Lưu, Cục trưởng hậu cần và anh trợ lý quân nhu đề nghị giúp đỡ tôi mua số gà thịt để phục vụ hội nghị. Anh trợ lý quân nhu hỏi bác định giá mỗi kg bao nhiêu? Theo giá chợ mà tiếp phẩm hậu cần mua, mỗi kg tôi giảm cho anh 2.000 đồng. Trợ lý quân nhu đồng ý và chiều hôm đó, cho xe ra nhà tôi mua 45 con, còn khoảng 15 con, các bà nội trợ khu tập thể quân đội mua giúp mỗi người một coi. Bán hết đàn gà vừa mới bị lây, tôi và bà xã nhà tôi thở phào nhẹ nhõm.

Nghỉ nuôi gà, trong chuồng lợn nhà tôi thường xuyên nuôi 4 con. Nhà tôi gọi người quen đến bán lợn. Bán đợt lợn thịt Móng Cái được vài hôm, tôi dự định nghỉ chăn nuôi một thời gian, chuyển hướng sản xuất loại khác.

Đầu tháng 3 năm 1992, tôi lên Nông trường Tam Đảo thăm anh Huỳnh Tòng bạn cũ là kỹ sư chăn nuôi, giám đốc Trung tâm Lợn giống thuộc Bộ Nông nghiệp ở Tam Đảo. Qua chuyện trò thăm hỏi, anh Tòng bảo tôi, năm nay anh còn chăn nuôi lợn, gà nữa không?. Tôi trả lời: Gà công nghiệp, gà ta vừa bị lây, tôi đã nghỉ nuôi gà vài tháng nay, còn lợn vẫn nuôi 4 con, vừa bán cách đây một tuần.

Anh Tòng lại nói ở Trung tâm Lợn giống chúng tôi, năm nay có loại giống khá tốt, giống của Canada viện trợ cho Cuba và ta được nước bạn Cuba viện trợ cho loại giống này. Mỗi tháng một con tăng trọng 35 - 40 kg hơi, anh có nuôi, tôi bảo anh chị em bắt cho vài con về nuôi thử. Tôi nói: Bạn bè lâu ngày không gặp nhau, tôi lên thăm anh nên không mang tiền, nếu Trung tâm cho nợ thì anh giúp cho hai con tôi đem về nuôi thử.

Anh Tòng cười và nói, chỗ anh chị và tôi là bạn bè, tiền thanh toán sau cũng được. Sau bữa cơm trưa ở nhà anh Tòng, tôi bảo cậu lái xe: Cháu ra trại chăn nuôi mua cho hai bác con lợn. Mỗi con cân nặng 40kg. Tôi bắt tay tạm biệt

anh Tòng và chào anh chị em ở Trung tâm lợn giống về Hà Nội. Về nhà, thả lợn vào chuồng, hai con ăn rất tốt. Sau hai tháng cân thử một con tăng trọng 60kg. Như vậy là mỗi con nặng khoảng một tạ. Nhưng sau khi bắt lợn, anh Tòng dặn tôi là Trung tâm giống nuôi mỗi con 2,5 tạ mới bán, anh nuôi khoảng 5 tháng hãy bán.

Sau hai tháng, thấy lợn lớn nhanh tăng trọng tốt, tôi bảo với bà lão nhà tôi, mình nên tiêm phòng cho lợn để phòng lợn bị ốm hoặc dịch, nhà tôi nói: Lợn của Trung tâm giống, khi đẻ ra đã được tiêm phòng rồi. Tôi nói: Từ khi lợn đẻ cho đến bây giờ đã bốn tháng, thuốc tiêm phòng chỉ có tác dụng 3 - 4 tháng thôi. Quá trình nuôi, ta phải tiếp tục tiêm - cẩn tắc vô áy náy. Thật vậy, mười ngày sau, một con lợn bỏ cám, nằm không ăn. Nhà tôi mua thuốc về tiêm và hái lá cúc tần nấu lên xát vùng bụng, vùng lưng cho lợn. Hai ngày nữa, con lợn ốm vẫn không khỏi, tôi bảo với bà xã nhà tôi là còn một loại thuốc “thần dược” nữa bà chưa dùng. nhà tôi hỏi loại thuốc gì, ông nói để tôi đi mua. Tôi bảo đó là loại thuốc “thần dược suôn phát đờ dao, đờ thớt”, cả nhà đều cười. Nhà tôi lại nói: Lợn ốm đang bối rồi, ông còn đùa. Sáng ngày thứ ba, lợn vẫn ốm không ăn, nhà tôi phải gọi người mua lợn vào cân và giết cả hai con. con lợn khỏe cân được 105kg, con lợn ốm cân được 90kg, nhưng anh giết lợn chỉ mua con lợn khỏe, con lợn ốm nhà tôi đem ra chợ bán, còn mỡ rán để dành ăn dần.

Mang lợn ra chợ Đồng Xa bán cũng rất vất vả. Nhà tôi ngồi góc chợ nào cũng bị các cô bán thịt lợn đuổi như đuổi tà. Cuối cùng phải đem thịt ra hè phố bán với giá rẻ hơn giá chợ 2000đ mới bán hết.

Nghỉ chăn nuôi lợn khoảng 10 ngày, con gái tôi giới thiệu em trai một anh sĩ quan không quân tên là Hiến có nghề làm giò chả, đề nghị tôi cho cậu Hiến ở nhờ và hợp tác với nhà tôi làm giò chả để bán ở chợ Đồng Xa, thị trấn Mai Dịch. Tôi đồng ý và bảo con gái tôi nhắc cậu Hiến mang dụng cụ làm giò chả đến nhà tôi và mua thịt về làm giò chả. Năm ngày đầu, giò chả làm ra bán rất chạy và có lãi. Nhưng sau một tuần, cậu Hiến đem giò chả ra chợ Đồng Xa

bán thì bị một chị bán giò chả ở chợ đổ hết xuống bờ mương, hai bên chửi nhau và Hiến đánh chị ta. Hôm sau chị ta thuê bọn đầu gấu đến nhà tôi để hành hung cậu Hiến. Tôi mở cổng nói: Đây là nhà của tôi, không phải nhà cậu Hiến. Các cháu muốn đánh nhau thì ngày mai tôi bảo cậu Hiến ra chợ Đồng Xa, vì hôm qua Hiến và vợ đã về Đan Phượng ở Hà Tây, có thể là gọi bà con họ hàng đến chợ Đồng Xa để tiếp các anh. Tôi sẽ điện cho công an thị trấn Mai Dịch đến chứng kiến cuộc ẩu đả của các anh với họ hàng cậu Hiến. Bọn đầu gấu thấy thái độ cương quyết của tôi. nên nháy nhau chuồn vội.

Bọn đầu gấu đi rồi, tôi gọi cậu Hiến ở tầng II xuống, phân tích cho Hiến thấy phải trái, nên và không nên. Tôi nói rõ: Đây là khu tập thể cán bộ quân đội nghỉ hưu, việc giữ gìn trật tự phải làm gương cho các khu dân cư khác. Khuyến vợ chồng Hiến hết sức bình tĩnh, một sự nhịn chín sự lành, không bị kích động, không sĩ diện cá nhân, không tổ chức gọi người thân đến đánh nhau và ngay tối ấy tôi yêu cầu vợ chồng Hiến dọn dụng cụ làm giò chả và rút khỏi nhà tôi.

Nghỉ chăn nuôi gà và sản xuất giò chả. Tôi nghĩ thua keo này, bày keo khác, dự định sản xuất bánh mì, tôi điện cho người em quen biết ở Thành phố Hồ Chí Minh mang thiết kế lò và kỹ thuật giúp tôi sản xuất bánh mì theo sản phẩm bánh mì Sài Gòn. Từ Thành phố Hồ Chí Minh bay ra Hà Nội, sau một ngày nghỉ ngơi, chú Lê Tấn trình bày bản thiết kế lò bánh mì và nguyên liệu phụ gia làm bánh. Ngày hôm sau, hai anh em đạp xe ra phố đề La Thành xem phế liệu sắt thép để mua đem về nhà thuê thợ hàn khung lò nhưng thấy giá sắt và công hàn lò quá đắt, nhẩm tính hai hộp lò khoảng gần ba triệu, khuôn dụng cụ làm bánh hết một triệu. Để có vốn làm lò bánh mì, tôi phải đem 3 chiếc áo bay Liên Xô, ba bàn là, một đồng hồ đeo tay, một bộ quần phục vải Gabadin mùa đông Liên Xô cũ và 2 chỉ vàng ra chợ Ngã Tư Sở bán được hơn một triệu đồng. Trong chuồng còn nuôi hai con lợn thịt, mỗi con 80 - 90kg cũng có thể bán để tập trung vốn làm lò và sản xuất bánh mì.

Đầu tháng 4 năm 1991, sau khi trao đổi với chú Lê Tấn, tôi quyết định hai

anh em đến nhà máy sửa chữa xe tăng, xích Z153 thuộc Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Đến cổng nhà máy gặp trực ban, tôi đề nghị cho gặp giám đốc. Sau 15 phút, tôi gặp anh An Trình, đại tá giám đốc nhà máy Zi53, với tình cảm bình chủng, anh An Trình rất vui vẻ, thân tình giúp tôi. Sau khi nghe tôi trình bày ý định sản xuất bánh mì và bản thiết kế lò bánh mì, anh An Trình đồng ý giúp đỡ hàn lò. Làm việc với anh kỹ sư về thiết kế lò xong, tôi ngồi chờ ý kiến tập thể của Ban Giám đốc Nhà máy Z153. Vì Ban giám đốc bận họp, đến 11 giờ, anh An Trình gặp tôi và nói: “Ban giám đốc nhà máy đồng ý giúp bác làm lò bánh mì đúng thiết kế và sau 5 ngày bác cử người đến nhận lò.

Tạm biệt anh An Trình, tôi lại gặp anh kỹ sư hỏi giá nguyên vật liệu và công hàn hết bao nhiêu tiền? Anh kỹ sư trả lời: Nếu tính nguyên vật liệu và công hàn, gò thì hết khoảng 2,2 đến 2,3 triệu đồng, nhưng cháu tin là nhà máy chỉ thanh toán tiền nguyên vật liệu, giá khoảng 1,5 - 1,6 triệu đồng. Vui mừng trước kết quả bước đầu, cảm ơn anh kỹ sư, tôi và chú em ra về với niềm vui vô hạn.

Năm ngày sau, hai con lợn trong chuồng đã bán, tôi tập trung tiền có khoảng hơn hai triệu đồng. Đúng hẹn, tôi và chú em đến nhà máy Z153 để nhận lò. Tuy tổ thợ phải tranh thủ làm cả ngày chủ nhật, nhưng vẫn còn một số chi tiết chưa xong. Gặp anh An Trình, tôi đề nghị cho nhận lò và thanh toán tiền, về nhà tôi sẽ thuê thợ hàn hàn tiếp. Đề nghị Giám đốc thông báo cho tài vụ đến thanh toán tiền. Anh An Trình nói: Thường vụ Đảng ủy và Ban giám đốc nhà máy đã trao đổi thống nhất thấy bác về hưu khó khăn, nên tặng bác cái khung lò bánh mì. Tôi gửi lại một số tiền bồi dưỡng cho anh thợ gò, hàn, nhưng tài vụ nhà máy không nhận. Tôi rất xúc động, cảm ơn, bắt tay tạm biệt anh An Trình, nhờ chuyển lời thăm anh Thủy, Bí thư Đảng ủy nhà máy anh chị em cán bộ, công nhân nhà máy.

Ngày hôm sau, tôi thuê thợ hàn đến hàn tiếp một số chi tiết và thuê người ra ruộng lấy đất sét về đắp lò. Chờ bốn ngày cho khung lò khô để đặt hai khung

sắt lên. Sau đó tôi đạp xe ra Láng Hạ mua ba tạ bột mì của Pháp, Canada và một tạ bột mì Bình Đông của Việt Nam. Hôm sau nữa tôi lại đạp xe ra chợ Đồng Xuân, phố Hàng Đào tìm mua men của Pháp, loại men này làm bột mì nở rất tốt và bánh mì thơm, ngon.

Theo hướng dẫn của chú em. Hàng đêm lúc 24 giờ, tôi thức dậy pha men nhào bột và đến 2 giờ đánh thức bà xã và chú em dậy làm bánh. Tôi nhóm lửa đốt lò. Khoảng 3 giờ 30 phút thì chuyển bánh mì vào lò để nướng. Mẻ bánh mì đầu tiên ra lò, chú em và tôi lấy một bánh ăn thử, chú em tấm tắc khen bánh thơm ngon, vì chúng tôi làm bánh mì theo công thức bánh mì Sài Gòn, ngoài ba loại bột mì Pháp, Việt, Canada nhào với men Pháp có thêm Vitamin C, lòng đỏ trứng gà và tỷ lệ đường thích hợp.

Ngày đầu sản xuất 500 bánh mì. bán từ 6 giờ đến 7 giờ 30 phút hết bánh. Ngày thứ hai, thứ ba, sản xuất 600 cái bánh cũng bán hết. Nhưng ngày thứ tư sản xuất 800 bánh không bán hết phải đem ra chợ Đồng Xa để bán cũng không hết. Tôi nói với bà xã và chú em là nếu bánh mì hàng ngày không bán hết thì giải quyết theo nguyên tắc ưu tiên cho “động vật cao cấp” trước, vì chú và tôi có thể ăn bánh mì thay cơm, nếu người nhà không ăn hết thì dành cho động vật thấp cấp, đó là hai con lợn Móng Cái trong chuồng. Cả nhà đều cười.

Điều mà tôi và chú em quan tâm là làm sao mỗi ngày sản xuất 800 - 1000 chiếc bánh trở lên và bán hết mới có lãi, nếu mỗi ngày chỉ sản xuất 500 - 600 bánh thì công suất của lò không phát huy hết và lãi ít. Nửa tháng sản xuất bánh mì bán ở khu tập thể quân đội và chợ Đồng Xa, mỗi ngày chỉ được 600 - 700 bánh. Số bánh thừa thì người nhà ăn. Hai con lợn chưa được hưởng ưu tiên số 2, mà mới được hưởng những mẫu bánh mì thừa, bột mì dính chấu và khuôn.

Để có thể sản xuất mỗi ngày trên 1.000 bánh, tôi suy nghĩ là phải mở rộng thị trường tiêu thụ. Tôi đem mười chiếc bánh mì đạp xe ra đường phố Giảng Võ, Hà Nội. đến các quầy hàng bán bánh mì ba tê giới thiệu bánh mì nhà tôi và biếu luôn mỗi quầy 2 cái, mời các cô nếm thử. Các cô bán bánh mì vừa ăn vừa bảo nhau, bánh mì của nhà bác thơm ngon, nếu buổi sáng bán cho khách ăn với ba tê thì tuyệt. Tôi nói: Bánh mì nhà tôi thuê thợ kỹ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh ra hướng dẫn kỹ thuật làm theo “công thức bánh mì Sài Gòn” bột mì ngoại của Pháp, Canada có thêm lòng đỏ trứng gà, vitamin C và tỉ lệ đường thích hợp, có thể ăn không có ba tê vẫn ngon”. Các cháu mua bánh mì nhà bác, chỉ cần ký hợp đồng, mỗi ngày các cháu mua bao nhiêu bánh, bác thuê xe xích lô mang tới, cuối ngày bác thanh toán tiền với các cháu.

Suy nghĩ một lúc, một cô nói: Bác ơi, bánh nhà bác ngon và thơm thật, giá như chúng cháu không ký hợp đồng với nhà máy bánh mì Nghĩa Đô và đặt cọc tiền một năm. Bây giờ mua bánh mì nhà bác thì phải cắt hợp đồng với nhà máy họ sẽ phạt, bác thông cảm cho. Tạm biệt các cô ở hai quầy hàng bán bánh mì, ba tê. Từ Giảng Võ đạp xe về nhà, tôi thấy khách sạn Hà Nội mới xây 11 tầng khang trang, to đẹp, tôi nghĩ khách sạn to đẹp này ắt có nhiều du khách ở và có thể hàng ngày cần một lượng bánh mì phục vụ khách, nên tôi đánh liều vào khách sạn. Đến khu để xe khóa xe đạp, bước vào thêm tầng I, gặp cô bảo vệ cô hỏi: Bác ơi, bác cần gặp ai, hay thuê phòng ngủ? Tôi trả lời: Giám đốc khách sạn mời bác đến chơi có tý việc, không báo cho cháu biết à? Rồi tôi đưa chứng minh thư quân đội cho cô bảo vệ xem và nói: Cháu chỉ hộ phòng làm việc của giám đốc. Cô bảo vệ mời tôi lên tầng II, rẽ phải đến phòng số 4.

Tôi gõ cửa, một thanh niên trạc 35 - 37 tuổi, mở cửa. Tôi tự giới thiệu mình và đưa chứng minh thư cấp tướng cho anh giám đốc khách sạn xem (vì tôi chưa có chứng minh thư nhân dân). Tôi nói luôn, tôi đã nghỉ hưu ở thị trấn Mai Dịch, huyện Từ Liêm, Hà Nội, nhà tôi sản xuất bánh mì theo công thức bánh mì Sài Gòn, ăn thơm ngon. Đi qua, tôi trông thấy khách sạn của anh có nhiều tầng, khang trang, thoáng đẹp, có thể có nhiều du khách nghỉ tại khách sạn nên tôi ghé vào thăm và có nhã ý chào hàng. Dứt lời tôi đưa biếu giám đốc khách sạn ba bánh mì và mời nếm thử. Anh giám đốc khách sạn lấy

thuốc lá ba số và pha cà phê hòa tan mời tôi.

Nâng cốc cà phê nhấp một ngụm, tôi vui vẻ nói ngay: Nếu khách sạn anh hàng ngày cần bánh mì phục vụ khách, chúng ta ký hợp đồng với nhau. Hàng ngày khoảng 6 giờ sáng, tôi thuê xe xích lô mang bánh mì đến khách sạn, cuối tuần, chúng ta thanh toán tiền cũng được. Giám đốc khách sạn cười và nói: Bác ơi, khách sạn của Nhà nước mới xây xong đã khánh thành và mở cửa cho du khách thuê, nhưng hôm nay, khách sạn chỉ có 6 - 7 khách. Sáng họ không ăn điểm tâm, trưa không ăn cơm, có thể họ ăn ở ngoài phố. Vài ngày nay, nhân viên khách sạn ngồi chơi tán gẫu bác ạ. Tôi lại hỏi giám đốc khách sạn, giá ăn nghỉ ở khách sạn một ngày là bao nhiêu? Giám đốc trả lời: Nếu du kích nghỉ cả ngày đêm là 80.000 đồng/người; ăn điểm tâm một bát phở 5.000 đồng; một cốc cà phê 3.000 đồng; ăn cơm trưa và tối một bữa 15 - 18.000 đồng.

Tạm biệt khách sạn Hà Nội, tôi đạp xe về nhà và hàng ngày vẫn tiếp tục sản xuất 700 chiếc. Ba ngày sau, tôi lại đem bánh mì lên khách sạn Hoàng Long ở đầu cầu Thăng Long. Dắt xe đạp vào cổng, anh bảo vệ hỏi: Bố ơi, bố đi tắm hơi hay mát sa. Tôi trả lời: Tôi đến gặp giám đốc khách sạn, chứ có mát xa, mát gân gì đâu. Anh bảo vệ nói: Giám đốc đi họp từ sáng chưa về. Tôi nói: Cho tôi gặp phó giám đốc hoặc anh cán bộ phụ trách cũng được. Anh ta nhanh nhẩu bảo: Vâng, phó giám đốc chúng cháu có nhà. Bác cho cháu xem chứng minh thư. Tôi đưa chứng minh thư. Anh bảo vệ xem và gọi điện rồi mời tôi vào phòng làm việc của phó giám đốc.

Sau khi xem chứng minh thư, phó giám đốc khách sạn tiếp tôi rất niềm nở. Tôi giới thiệu: sản phẩm bánh mì và mở túi lấy hai chiếc đưa cho phó giám đốc xem, mời ăn thử. Cầm bánh mì, phó giám đốc ngửi và nếm, khen bánh thơm và ngon. Tôi nói: Mỗi ngày chúng tôi có thể sản xuất vài ngàn bánh, khách sạn cần bao nhiêu, hàng ngày chúng tôi cung cấp ngần ấy tại khách sạn, hôm sau thanh toán tiền cũng được Phó giám đốc mời thuốc lá, rót nước rồi nói: Bác ạ, khách sạn Hoàng Long có 50 giường, hiện nay có 7 khách

quen cũ thuê phòng nghỉ, còn lại là “phòng không”. Lâu nay, chúng cháu đã ký hợp đồng với một anh thiếu tá nghỉ hưu mua bánh mì của anh ấy, vì vậy, cháu không thể ký hợp đồng mua bánh mì của bác, mong bác thông cảm.

Tạm biệt khách sạn Hoàng Long, trên đường đạp xe về nhà, tôi quan sát hai bên đường cao tốc, các quán bán nước, thuốc lá có treo túi bánh mì đang bung đưa theo chiều gió. Tôi dừng xe vào quán, mặc dầu không khát, tôi cũng gọi một chén nước chè, một điếu thuốc lá. Ngồi nhấm nháp, tôi hỏi chủ quán: Bánh mì, cháu mua ở đâu và mỗi ngày bán được mấy chiếc? Cô chủ quán trả lời: Bánh mì, cháu mua ở nhà máy Nghĩa Đô mỗi ngày 20 chiếc, có ngày bán hết. nhưng hôm nay công nhân bảo dưỡng đường nghỉ, nên ế. Tôi lại hỏi: Bánh mì, cô không bán hết, cô cho người nhà ăn, hay ưu tiên cho lợn? Cô ta nói: Hàng ngày bánh mì không bán hết, nếu ăn thì vốn đâu mà bù vào. Những bánh không bán hết, cháu đem đến nhà máy đổi lấy bánh mới, họ có kỹ thuật làm bánh cũ giống như bánh mới mà khách mua không phân biệt được.

Về nhà, tối hôm đó, ngồi uống nước, tôi nói với chú em: Anh cảm ơn chú đã nhiệt tình giúp đỡ anh chị làm thành công lò bánh mì, bà con khu tập thể quân đội khen bánh mì của chúng ta thơm ngon. Song, còn kỹ thuật làm bánh cũ giống như bánh mì mới, chú chưa hướng dẫn cho anh chị. Chú em cười và nói: Hàng ngày bánh mì chị bán không hết, anh và em ăn hết, không thừa bánh nào. Ngày mai, anh để lại năm chiếc, để hôm sau em hướng dẫn kỹ thuật làm bánh mì cũ giống bánh mì mới. Đúng thật, tôi để lại 5 bánh của ngày hôm trước, chú em hướng dẫn tôi cho vào lò nướng, lấy ra ăn vẫn thơm ngon như bánh mì mới.

Hai tháng sản xuất bánh mì, ba tạ bột mì cũng sắp hết, tôi trao đổi với chú em và nhà tôi là hàng ngày công suất lò mới phát huy được 25% mà bánh mì cũng chỉ bán ở khu tập thể quân đội được 500 bánh, còn 100 bánh phải bán ở chợ. Nếu mỗi ngày sản xuất 800 - 1000 sẽ không bán hết, chi bằng tạm thời nghỉ sản xuất bánh mì để nghiên cứu sản xuất loại khác.

Năm ngày sau, tôi đi chợ Đồng Xa, thấy vài quầy bán táo khô của Trung Quốc. Tôi mua một kg táo hết 15.000 đồng, đem về nhà ăn và trao đổi với chú em: lò bánh mì của ta chuyển sang sản xuất táo khô có được không? Chú em trả lời: Lò bánh mì của anh chị có thể sản xuất táo khô giả táo Trung Quốc) được. Anh cũng biết làm ăn đấy! chú em nói tiếp, táo tươi mua về rửa sạch, ngâm nước vôi trắng đường, đun sôi, vớt ra, cho vào lò bánh mì sấy khô, có thể táo khô của ta ngon hơn Táo Trung Quốc.

Hôm sau nhà tôi đi chợ Bưởi, mua 10kg táo tươi đem về làm thử. Vì táo đầu mùa nên giá táo đắt mỗi ký 2.200 đồng. Táo tươi của ta làm giả táo khô Trung Quốc đem ra ăn thử rất ngon. Thấy kết quả tốt nhà tôi lại đi chợ mua táo tươi, nhưng giá táo vẫn còn cao 2.100 đồng một kg. Tính giá thành mỗi kg táo khô làm ra hết 8.000 đồng. Tuy táo khô của Việt Nam làm bằng đường mía, ngon, ngọt, hơn táo Trung Quốc làm bằng đường củ cải, nhưng người mua vẫn thích hàng ngoại hơn. Giá táo khô của Trung Quốc một kg 15.000 đồng, giá táo khô nhà tôi bán mỗi kg 10.000 đồng vẫn không đắt khách.

Đến tháng chạp năm Nhâm Thân (1992), trong nhà tôi đã có trên năm tạ táo khô. Nhà tôi đem táo khô ra chợ bán chỉ được một tạ. Tôi đạp xe vào Cục Hậu cần Binh chủng Tăng - Thiết giáp, gặp anh Lưu cục trưởng tâm sự về việc sản xuất giả táo Tàu (táo khô Trung Quốc), và nhờ anh giúp tôi tiêu thụ cho vài tạ. Bởi nghĩ sắp đến tết cổ truyền dân tộc, nhiều cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên sẽ được về ăn Tết với gia đình. Anh lưu hỏi tôi định giá. Tôi trả lời: Giá nguyên liệu sản xuất mỗi kg táo khô là 8.000 đồng, đề nghị căng tin mua cho mỗi kg 10.000 đồng. Anh Lưu đồng ý và may quá căng tin Binh chủng tiêu thụ cho 200kg. Số táo khô còn khoảng 3 tạ, nhà tôi mang ra các cửa hàng bán thuốc tây các quán bán nước chè, gửi mỗi cửa hàng, mỗi quán 20kg, giá táo trước Tết cổ truyền Nhâm Thân (1992) là 10.000 đồng một kg, sau tết tôi hạ giá xuống 7 - 8.000 đồng kg. Có quầy hàng bán được 25%, có quầy không bán được. Số táo khô gửi ở các cửa hàng không bán hết nhà tôi phải thu về sấy lại.

Tết năm ấy tôi cứ luẩn quẩn nghĩ, làm thế nào để bán hết số táo khô còn lại? Sau nghĩ ra mỗi thang thuốc bổ thường có 8 - 15 quả táo khô, tôi cân 20kg táo chở bằng xe đạp đến các cửa hàng thuốc bắc Hà Nội chào hàng. Mong manh nghĩ may ra thì số táo khô còn lại sẽ bán hết. Đến cửa hiệu thuốc bắc, tôi giới thiệu táo khô nhà tôi ngon hơn táo Tàu. Chị bán hàng xem và ăn thử, xong thì nói: “Táo nhà bác ngọt hơn táo hợp tác xã bán cho cháu”. “Nhà tôi còn 200kg táo khô, chị mua hết, tôi sẽ hoa hồng” cho chị 8 - 10%”. Chị cửa hiệu thuốc bắc nói: Trong năm, cháu đã ký hợp đồng mua của hợp tác xã. Trông bác cháu thấy là người tử tế, bác đã đạp xe mang hàng đến, cháu chỉ mua số táo này thôi. Số táo ở nhà, bác thử đem ra chợ Đồng Xuân có thể bán được không. Bán 20kg táo, mỗi kg 6.000 đồng. Tôi lại đạp xe ra chợ Đồng Xuân và đến các cửa hàng bán tạp phẩm chào hàng và mời họ mua táo khô nhà tôi và đưa táo cho họ nếm thử. ăn táo, các cô bán hàng tạp phẩm khen ngon, sấy khô, nhưng họ chỉ trả mỗi kg 3 - 4.000 đồng.

Thấy các cô bán hàng tạp phẩm chợ Đồng Xuân ép giá và việc bán hơn hai tạ táo khô còn lại là rất khó khăn. Tôi nghĩ nên chẳng, mang táo khô về quê, nhờ các cháu đem ra cửa hiệu thuốc bắc bán. Rất may là, chiều thứ bảy, ở chợ Đồng Xuân về. tôi đang băn khoăn tìm cách tiêu thụ số táo khô còn lại. Cả đêm tôi suy nghĩ và ngủ không ngon giấc. Sáng chủ nhật, Nguyễn Trung Tính, con rể tôi về thăm bố mẹ, trông thấy tôi đang cân lại táo và thay bao tải mới. Tính hỏi: Ba đưa bao tải ra làm gì thế này? Tôi trả lời: Hơn 2 tháng sản xuất táo khô, cả ngày sấy táo, đau lưng, mỏi gối, đạp xe đi bán táo vẫn không bán hết, lưng càng đau, thời oanh đã hết, sang thời liệt rồi con ạ!

Tôi hỏi con rể: Tính ơi, nhà còn hơn hai tạ táo khô chưa bán được, con có quen ai bán hàng tạp phẩm ở chợ Đồng Xuân không? Nếu có, con nhờ họ tiêu thụ cho ba. Trung Tính nói: Con quen một bà bán tạp phẩm ở chợ Đồng Xuân để con nhờ bà ta bán giúp. Ba xem giá mỗi kg bao nhiêu. Tôi nói: giá thành làm ra, giá bán trước tết âm lịch, giờ phải chịu lỗ để thu vốn về, bán giá 6.000 đồng một kg. Tiện có xe máy, Tính mang táo ra chợ Đồng Xuân nhờ bà quen bán giúp. Trung Tính rất nhiệt tình, hăng hái chở hơn hai tạ táo khô ra chợ Đồng Xuân và được bà bán hàng tạp phẩm nhận hết số táo khô để bán. Tôi, bà xã nhà tôi chú em thở phào nhẹ nhõm.

Gần hai năm nghỉ hưu, trở về cuộc sống đời thường, tôi và nhà tôi rất tích cực tăng gia sản xuất: làm kinh tế gia đình, từ việc trồng cây ăn quả, chăn nuôi lợn gà đến việc sản xuất bánh mì, sản xuất táo khô, để tăng thu nhập cho gia đình, có thu được một số lãi như gà công nghiệp, gà trống ta, và lợn thịt... còn bánh mì và táo khô thì hòa vốn, công sức bỏ ra nhiều.

Điều đáng quý rút ra từ lao động sản xuất của người lính xe tăng trong cuộc sống đời thường là bản thân và gia đình tôi đã học được kỹ thuật xây lò, sản xuất bánh mì thơm ngon, kỹ thuật sản xuất táo tươi thành táo khô, kinh nghiệm chăn nuôi gà ta, gà công nghiệp và lợn thịt tăng trọng cao mong giải quyết một phần khó khăn cho cuộc sống đời thường. Đời thường thật không bình lặng.

NHỮNG TẤM LÒNG VÀNG

Ban biên tập “Theo vết xích xe tăng” Tập 2 trân trọng cảm ơn những tấm lòng vàng đã tài trợ để ra được cuốn sách này:

- Ban liên lạc CCB xe tăng thành phố Đà Nẵng: 1.500.000đ.

- Trung đoàn xe tăng: 202: 1.000.000đ.

- Đồng chí Hữu Thịnh, Tổng biên tập báo Văn nghệ: 2.000.000đ.

- Đồng chí Hoàng Dự, Tổng biên tập báo Thể thao Việt Nam: 2.000.000đ.

- Bà Lê Thị Ngọc Bích, độc giả tích cực cuốn “Theo vết xích xe tăng” tập 1, nguyên Hiệu trưởng trường Phổ thông cấp 1 Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội địa chỉ 8/B4 tập thể quân đội Mai Dịch (ĐT: 04.8371510) 1.000.000đ.

- Đồng chí Nguyễn Kháng Chiến, Giám đốc công ty TNHH An Thịnh. ĐT: 0912709709. (172 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội - nguyên chiến sĩ Trung đoàn 202): 5.000.000đ

- Đồng chí Nguyễn Ngọc Hải, Giám đốc Công ty cổ phần Dầu Trung tu động cơ Halotec (164A Đội Cấn, quận Ba Đình Hà Nội - nguyên chiến sĩ Tiểu đoàn 66 Anh hùng): ĐT: 0913382188: 5.000.000đ

- Bà Đào Thị Mai Hoa, Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và phát triển (COHED-127 phố Lò Đúc, Hà Nội - nguyên học trò nhà trẻ Trung đoàn 202 - 1965/1968 ĐT: 0913057979): 2.000.000đ -

- Đồng chí Lê Đức Tuân nguyên trợ lý Bản tin Thiết Giáp. ĐT: 04.8583556: 300.000đ

THEO VẾT XÍCH XE TĂNG

(Tập hồi ức của nhiều tác giả)

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 - Nguyễn Du – Hà Nội

Tel & Fax: 8222135

E-mail: nxbhoinhavan@hanoi.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Biên tập: TẠ DUY ANH

Vẽ bìa: LÊ TRÍ DŨNG

Sửa bản in: LÊ ĐỨC TUÂN

In 1.000 cuốn, Khổ 13x19 tại Nhà máy in Quân Đội. Giấy đăng ký KHXB: 03/584/XB-QLXB, ngày 13-5-2004. In xong và nộp lưu chiểu: Tháng 9-2004.

- HẾT TẬP II-